

Giải Nghĩa Sách

TIN-LÀNH MÁC

AN EXPOSITION

THE GOSPEL OF MARK

Giải Nghĩa Sách

TIN-LÀNH MÁC

Nguyên-tác của
CHARLES R. ERDMAN

AN EXPOSITION

THE GOSPEL OF MARK

THE WESTMINSTER PRESS
PHILADELPHIA

An Exposition the Gospel of Mark

Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: www.VM1.global

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed “Attention: Permission Coordinator,” at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

Lời nói đầu

MÁ C là sách Tin-lành cho tuổi trẻ; sách này rất gọn-gàng rất linh-động, rất hào-hú�ng và rất mạnh-mẽ ; bao nhiêu đặc-tính ấy làm cho truyện-tích sách rất thích-ứng với tinh-thần hoạt-động không nghỉ và cường-tráng của thế-giới ngày nay.

Sách này trình-bày Chúa chúng ta là Con Đức Chúa Trời toàn-năng đã làm các việc diệu-kỳ, và như vậy, sách này đã mang một sứ-điệp đặc-biệt cho một thời-đại đang cần một lời có quyền-phép thiên-thượng và một hình-ảnh mới-mẻ về quyền-năng cứu-chuộc vô-hạn hiện nay của Đấng Christ.

Sách này là một truyện-tích về sự hầu việc ; nó hòa nhịp với lòng anh-dũng xả thân đang soi sáng những năm đen-tối đầy đau-khò tàn-bạo này, vì nó phác-họa cho ta chân-dung của Tội-tử Đức Chúa Trời đã đến « không phải để người ta phục-sự, bèn để phục-sự người ta và phó mạng sống mình làm giá chuộc nhiều người. »

Những bài nghiên-cứu đại-cương tiếp theo đây nhằm mục-đích giúp chúng ta tập-trung tư-tưởng vào những hoạt-cảnh biến-chuyên nhanh chóng kế tiếp nhau trong truyện để khơi dậy tấm lòng kính mộ sâu-xa hơn đối với Thầy và để gây hứng-khởi cho sự hầu việc trong danh Ngài một cách rộng-rãi hơn.

NHẬP ĐỀ

SÁCH Mác là một trong bốn sách Tin-lành thường ít được người ta đọc đến hay thán-phục. Điều ấy ít nhứt đã đúng vào những thế-kỷ đầu-tiên khi mà sách này chỉ được xem là một bản văn ngắn gọn chép theo sách Ma-thi-ơ hoặc Lu-ca. Tuy-nhiên trong những năm về sau, sách Tin-lành này đã được đánh giá lại và đó là một sự rất thông-thường khi sách Mác được sắp vào hàng đầu, không thua kém bất cứ sách nào khác về phương-diện thời-gian trước-tác và về sinh-lực, sức mạnh và linh-động của văn-thê. Thật ra, hầu hết tài-liệu trong sách này có thể tìm thấy ở các bản ký-thuật khác ; có lẽ không quá năm mươi câu có thể cho là đặc-biệt trong bản văn về truyện-tích Tin-lành này. Dù vậy, có một bầu khí và màu sắc được thêm vào những cảnh-tượng quen-thuộc nhất, và có rất nhiều đường nét riêng biệt và đặc-tính độc-đáo đến nỗi các sự việc xảy ra đều mang một tính-chất mới-mẻ, và hình-ảnh Đấng Christ sinh-động trước mắt chúng ta với một vẻ oai-nghi và hồn-nhiên vô-song.

Nhiều người đã và đang thử cắt nghĩa về những đặc-điểm trác-tuyệt của sách Tin-lành này ; lời cắt nghĩa phổ-thông nhất là lời khẩu-truyền rằng sách này « được viết cho người Rô-ma » ; ý-tưởng có lẽ đúng hơn cho rằng các đặc-điểm của sách này do nơi cá-tính và kinh-nghiệm riêng của trước-giả mà các thế-kỷ đầu-tiên cho rằng đã viết sách Tin-lành này.

Giảng, vốn người Do-Thái, còn biệt-danh La-mã là Mạt-kốt (Marcus) hay Mác, cư-ngụ ở Giê-ru-sa-lem là nơi Ma-ri, mẹ người, một phụ-nữ giàu-có đáng kể, đã chiếm

một địa-vị cao-cả và thế-lực giữa vòng Cơ-đốc-nhân đầu-tiên. Nhờ đó, chính bản-thân Mác rất quen-thuộc với những cảnh - tượng và hoàn - cảnh về chức - vụ của Chúa chúng ta và cũng đã có thể chứng - kiến luôn cả một sự việc về chức-vụ ấy, vì truyền-thuyết cho người vốn là gã thanh - niên mặc áo vải — mà chẳng trước-giả nào khác nói đến — đã chạy trốn khi Chúa bị bắt. Dĩ-nhiên, người đã hưởng-thụ các lợi-ích của văn-hóa và sự học-tập về tôn-giáo, và luôn cả những đặc-ân lớn-lao do sự quen thân với các bậc cầm đầu Hội-thánh, là những vị khách thường vãng-lai nhà thân-mẫu người. Ba-na-ba, một người Lê-vi giàu-có và hào-hiệp ở đảo Chíp-rơ, là anh em họ của người. Phi-e-rơ gọi người là « con trai ta », điều này khiến ta có thể suy ra rằng nhờ sứ-đồ này mà người được đưa đến làm môn-đồ Đấng Christ ; Phao-lô có quen biết người khi viếng Giê-ru-sa-lem với Ba-na-ba và có mời người cùng về thành An-ti-ốt đề lo công-việc quan-trọng của họ ở đó. Khi Ba-na-ba và Phao-lô bắt đầu cuộc hành-trình truyền-giáo thì họ có đem Mác theo đề làm « thừa sai » hay « tôi-tớ. » Chính việc mà chữ « tôi-tớ » có thể diễn-tả không rõ-rệt lắm; có lẽ Mác lo sắp-đặt các chi-tiết về cuộc du-hành, các chỗ ăn uống nghỉ-ngoi và phương-tiện xê-dịch với tư-cách « người giúp việc » hoặc đốc-sự. Mác đi với các sứ-đồ đến đảo Chíp-rơ và từ đó vượt biển đến Bệ-t-ga; nhưng từ nơi đây người đã quay về, làm cho Phao-lô hết sức ngã lòng. Tuy nhiên, chuyện gì đã ảnh-hưởng đến hành-động này chỉ có thể ức-đoán mà thôi; thiết tưởng khó mà chứng-minh được rằng cơ-tích ấy là hoàn-toàn đáng khen, vì khi khởi sự chuyển lưu-hành truyền đạo thứ hai, Phao-lô đã từ-chối không cho Mác theo, bởi cơ người cho rằng Mác đã bỏ trốn về lần trước, mặc dù Ba-na-ba mạnh-dạn binh-vực trường-hợp của Mác. Sự bất đồng ý-kiến này rất nghiêm-trọng đến nỗi kết-cuộc Phao lô và Ba-na-ba phải chia rẽ nhau, Phao-lô đã đem Si-la theo làm bạn đồng-hành, còn Ba-na-ba với Mác gióng buồm về

đảo Chip-rơ. Dù Mác bị gán cho lỗi đã có hành-động làm cho Phao-lô phản-đối, ta vẫn thấy rõ Mác hoàn-toàn giữ được lòng tin-cậy của Ba-na-ba và nhờ đó đã ăn-ở cách nào để chiếm lại lòng tin yêu của Phao-lô ; vì sau đó, người ta thấy Mác ở La-mã chia-xẻ cảnh tù-đày với Phao-lô và được Phao-lô yêu-mến gửi-gắm cho Hội-thánh Cô-lô-se ở xa. Mác cũng trở nên bạn đồng-hành của Phi-e-rơ trong những hành-trình truyền-đạo lâu dài ; và kinh-nghiệm ấy cũng như từng-trải về tình thâm-giao buồi đầu với sứ-đồ này rất là tối-trọng vì làm cho Mác thích-ứng với công-việc của nhà chép sách Tin-lành. Không lâu trước khi Phao-lô qua đời, một lá thư đặc-biệt đã được gửi cho Mác qua Ti-mô-thê, gọi người tới La-mã vì người là kẻ mà Phao-lô nhờ-cậy đặc-biệt. Do đó, thi-si Keble đã viết :

Bạn các thánh ! Chính người đã nếm

Giọt bình-an thiên-thượng ấy,

Khi người đại chiến-sĩ của Chúa người

Gọi người đề tiễn đưa lần cuối cùng

Và dạy Hội-thánh vui-mừng thuật lại

Câu chuyện về tình yêu đã được phục-hồi của người.

Cũng có lẽ đây là truyện-tích về một cuộc đời được phục-hưng. Hình như nó thuật lại sự thất-bại đầu-tiên trong chức-vụ hầu việc Chúa, chỉ có thể cứu-vãn được nhờ lòng tận-tâm về sau ; và nó cũng thuật lại cho chúng ta về một người cuối-cùng đã biểu cho đời một bài ký thuật bất-hủ về chức-vụ của Đấng Christ.

Có lẽ chính đây là một sứ-diệp của những ai ngày nay đang đọc truyện-tích Tin-lành này : Lỗi-lầm và sự bất-trung trong quá-khứ có thể đáng được thương-xót, nhưng cũng có thể được đền chuộc lại, chuyển bại thành thắng, và họ cũng có thể trở nên chứng-nhân về đời sống và quyền-năng của Chúa

chúng ta. Hơn nữa, các kinh-nghiệm của Mác có thể làm sáng tỏ tính-cách độc-đáo của sách Tin-lành do người viết.

Mác là một nhà du-hành. Người đã theo các sứ-đồ trong các cuộc viễn-hành khắp bốn phương đế-quốc La-mã và người đã có lần tiếp-tục ở trọ với Phao-lô tại thành La-mã. Do đó, người đã viết, không phải riêng cho người La-mã thôi mà còn cho các độc-giả Cơ-đốc ở mọi nước. Sự-kiện trên đây cho ta hiểu rõ việc người đã dùng từ-ngữ La-mã, đã dịch các từ-ngữ A-ra-ma-ic, đã cần-thận giảng-giải về các tục-lệ Do-thái, và đã tham-khảo rất ít Kinh-thánh Cựu-trước, trừ khi chép lại những đoạn đã được Chúa Jêsus trưng-dẫn.

Mác cũng là một thiết-hữu và bạn đồng-hành của sứ-đồ Phi-e-rơ. Theo truyền-thuyết, người là «thông-ngôn» của Phi-e-rơ và đã «tiếp-nhận Tin-lành» từ Phi-e-rơ. Nhờ sự tương-thân này mà bản văn kỹ-thuật của Mác được linh-động đặc-biệt và sống thực. Ta có thể tưởng-tượng dễ-dàng rằng đã có nhiều phen, những giờ hành-trình dài-dặc của họ đã được vui nhẹ nhiều nhờ những truyện-tích cảm-động mà Phi-e-rơ đã được yêu-cầu kể đi kể lại cho người bạn đồng-hành trẻ tuổi sốt-sắng là Mác cho đến chừng người có thể nhìn thấy rõ những cảnh sống thực mà người vẽ lại sau này trong sách Tin-lành của người. Không phải là việc lạ khi Mác đã viết với tất cả đường nét rõ-ràng, linh-động mà người đã được chứng-kiến và có thể cung-cấp đầy-đủ chi-tiết về thời-giờ, nơi chốn và hoàn-cảnh. Nếu bạn muốn được chỉ-dẫn đầy-đủ và rõ-ràng về những việc xảy ra có liên-quan đến Tin-lành thì hãy hỏi Mác. Người sẽ cung-cấp cho bạn tên tuổi, thời-giờ, vị-trí, con số, màu sắc thật đúng; người sẽ giúp bạn họa lại những bức tranh; người sẽ vẽ cho bạn ngay cả cái nhìn, cử-chỉ và thái-độ của Đấng Christ. Chỉ có Mác mới có thể thuật lại cho bạn cảnh đoàn dân đông sấp được nuôi ăn đang ngồi từng tốp «trên cỏ xanh» như những luống hoa; cảnh Chúa chúng ta đang «dựa gối mà ngủ» ở đằng lái thuyền

giữa cơn bão-tố; cảnh người ta đem các « con trẻ » đến cùng Chúa; cảnh Chúa « ẵm chúng nó » đặt tay lên mà chúc phước cho; cảnh « Ngài cầm lấy tay đứa gái » khiến nó vùng dậy khỏi giấc ngủ của sự chết; cảnh Chúa chữa lành người teo bần tay trước mặt bọn Pha-ri-si hung-dữ, khi « Ngài vừa giận vừa nhìn quanh họ »; cảnh vị quan cai-trị trai trẻ giàu-có đứng trước mặt Ngài, được « Jê-sus nhìn người bèn thương-yêu người »; cảnh Ngài ở tại thành-phố quê-hương Na-xa-rét, « lấy làm lạ vì sự vô-tín của họ » và cảnh Ngài « thờ dài » trước những cảnh đui-mù và sâu-thâm. Chỉ có sách Mác mới thuật lại cho chúng ta biết : Chúa Jê-sus là « thợ mộc », Ngài đã « ở chung với thú rừng » khi chịu Sa-tan cám-đỗ, các môn-đồ « sững-sờ quá đỗi » khi thấy Ngài cương-quyết quay lại Giê-ru-sa-lem và thập-tự giá, và thiên-sứ tại mộ trống đã báo tin vui-mừng này, « hãy đi báo cho các môn-đồ Ngài và cho Phi-e-rô. »

Lại nữa, Mác cũng là một tôi-tớ đã làm những công-tác yêu-thương giúp ích đáng kể cho các sứ-đồ mà người đã cùng hành-trình, với tư-cách là kẻ « thừa-sai » hay « tôi-tớ ». Như vậy, đây là một việc di-nhiên khi Mác phải viết một sách Tin-lành mà hình như câu chủ yếu là « này Con người đã đến không phải để được người ta phục-sự, bèn để phục-sự người ta, và phó mạng sống mình làm giá chuộc nhiều người. » Hòa-hợp với ý-tưởng chủ-yếu này là sự-kiện Mác khác với Giăng ở chỗ không đề-cập đến sự tiền-tại của Chúa chúng ta ; và khác với Ma-thi-ơ và Lu-ca ở chỗ không chép chi hết về gia-phở, sự giảng-sinh, thời thơ-ấu, hoặc những năm trưởng-thành của Chúa Jê-sus. « Tôi-tớ lớn » đã bước ngay vào sân-khấu, được thắt lưng sẵn-sàng để thi-hành chức-vụ. Ngài đã tiến lên với bước chân vững-vàng, bước nhanh từ cảnh này sang cảnh khác, với cây thập-tự luôn luôn hiện rõ trước mặt. Ngài « trải khắp nơi làm lành », nhưng với niềm trung-tín không hề mệt-mỏi của

Đấng đã nhận thấy rằng thời-gian dành cho công-việc Ngài thật ngắn-ngủi và sự hy-sinh không thể tách rời sự hầu việc cao-quí nhất.

Toàn thể nội-dung của sách Tin-lành Mác có thể tóm-tắt bằng mấy chữ này : « Phục-sự và phó mạng sống mình ». Chín đoạn đầu mô-tả các công-tác yêu-thương của Chúa ở Ga-li-lê mà chúng ta có thể viết về mọi công-việc ấy truyện-tích nhan-đề : « Phục-sự. » Các đoạn còn lại cho ta thấy Ngài đi đến Giê-ru-sa-lem, để chịu thương-khó và chịu chết rồi sống lại và chúng ta có thể khắc lên mọi sự đó những lời này : « Phó mạng sống mình. » Với bất-cứ lý-do nào, Mác đã vẽ cho chúng ta một chân-dung Đấng Christ, đã mô-tả Ngài là « Tội-tớ của Đức Giê-hô-va » quyền-năng mà Ê-sai đã nói tới. Mặc dù sự-kiện đã được cất nghĩa thể nào đi nữa, Mác cũng đã hiến cho chúng ta một sách Tin-lành vô-song về sự hầu việc.

Sự hầu việc này là một hoạt-động mạnh-mẽ. Công-tác này tiếp theo công-tác khác một cách nhanh-chóng, hầu như phải nín thở. Mỗi cảnh-tượng là một cảnh về cuộc sống, hoạt-động và sức mạnh. Cảm-tưởng trên được tạo nên bởi sự thường dùng các động-từ ở thì hiện-tại : cảm-tưởng ấy càng sâu-sắc hơn nhờ sự lặp đi lặp lại cách kỳ-lạ liên-từ « và » bắt đầu ở mỗi hai câu trong ba câu sách Tin-lành và được dùng trong hầu hết mỗi câu trong một vài đoạn sách. Tuy nhiên, chữ đặc-sắc là chữ « liền », chữ này cũng được dịch là « ngay » hay « lập-tức. » Theo bản-văn Hi-lạp, chữ này được dùng bốn mươi hai lần trong sách Tin-lành ngắn này. Thực vậy, nó được thông-dụng hơn các sách khác trong Kinh-thánh Tân-ước nhập chung lại. Về hoạt-động không nghỉ càng nổi bật hơn nhờ Mác luôn luôn nhớ đến đám quần-chúng không ngừng xuất-hiện quanh Chúa đến nỗi Mác đã hai lần ghi lại sự-kiện Chúa Jê-sus và các môn-

đồ Ngài « không thể ăn được. » Đây là sách Tin-lành đặc-biệt chép về « đám quần-chúng » thường đồ xô tới Đấng Hữu Việc quyền-năng để được sẵn-sàng giúp-đỡ và nghe lời Ngài. Tuy nhiên, giữa mọi cảnh hoạt-động ấy không có dấu-hiệu gì tỏ rằng phần Chúa thì lo-lắng hay hấp-tấp. Mọi hành-động của Chúa đều trang-trọng, dẫn-đo, nghiêm-nghị.

« Mặc dù Ngài thu-hút đám quần-chúng cuồng-nhiệt, Ngài chẳng bao giờ tỏ ra dấu-hiệu gì hối-thúc hay khích-thích họ cả. Trải qua những ngày bận-rộn chữa bệnh và đàm-luận, Ngài chẳng bao giờ biết đến sự lo sợ hay bối-rối là gì. » Mác cũng thuật lại cho chúng ta về mười lần Chúa đã rút lui để đi ở riêng với môn-đồ Ngài hay với Đức Chúa Trời. Những lần đi ở riêng đó đôi khi cũng bị quần-chúng phá ngang, nhưng đã chuẩn-bị Ngài cho những hoạt-động mới-mẻ, cần-kíp hơn. Những lần ấy đã nêu lên một bài học quan-trọng cho các tín-đồ thời nay của Ngài và cho thấy sự cần-thiết phải nghỉ-ngoi và cầu-nguyện nếu công-việc cần phải làm cho tốt. Chúa rút lui là để hồi phục sức khỏe để làm công-việc mới.

Sự hữu việc này được đánh dấu bằng các công-việc cả thể. Nó được cập theo những việc làm đầy quyền-phép thiên-thượng. Sách Tin-lành này là sách của các phép lạ hơn là các thí-dụ ; trong số mười chín phép lạ được chép, có hai phép lạ đặc-biệt đối với sách Mác, còn về thí-dụ thì chúng ta thấy chỉ có bốn. Sách Tin-lành này có thể khác với Tin-lành Ma-thi-ơ đã chép hai mươi bốn phép lạ và mười lăm thí-dụ, và khác với Tin-lành Lu-ca đã chép hai mươi phép lạ và mười chín thí-dụ. Không phải chỉ có số phép lạ là đáng kể, nhưng vì khi Mác thuật lại người đã rào đón bằng những hoàn-cảnh khiến chúng ta cảm thấy ấn-tượng gây được nơi những người đã chứng-kiến các phép lạ ấy thật là sâu-sắc và cái tính-chất siêu-nhiên của chúng mà chứng-nhân đã tin-tưởng là có thật. Có lẽ điều đáng chú ý nhất là Mác đã nhấn mạnh

sự có mặt thường xuyên của ma-qui và sự bắt-lực của các uế-linh này khi chúng gặp Chúa Jê-sus. Chúng ta được nhắc lại những lời của Phi-e-rô liên-hệ đến Thầy : « Đức Chúa Trời lấy Thánh-Linh và quyền-năng xúc dầu cho Jê-sus ở Na-xa-rét, rồi Ngài rải khắp nơi làm lành và chữa mọi kẻ bị ma-qui áp-chế, vì Đức Chúa Trời ở cùng Ngài. » Đoạn này sang đoạn khác của sách Tin-lành Mác đều được chấm dứt bằng một bài tóm-thuật linh-động về các phép lạ đã thi-hành ; và truyện-tích kết thúc bằng những lời thích-đáng này. « Còn các môn-đồ thì đi ra rao-giảng khắp nơi, Chúa cùng làm việc với họ, dùng những đấu lạ kèm theo mà chứng thực cho đạo. »

Chức-vụ của Đấng Christ — theo lời ký-thuật của Mác— cũng là một chức-vụ đầy lời quyền-năng. Trong sách Tin-lành này, địa-vị quan trọng của các việc làm quyền-năng của Chúa được nhắc đến cách thích-đáng đến nỗi, lời giảng-dạy trác-tuyệt của Chúa chúng ta đôi khi không được chú-ý cho hợp lẽ. Chẳng có sách Tin-lành nào khác lại hay chép nhiều về lời giảng-dạy của Chúa như thế và lại nhấn mạnh về quyền-lực, sự độc-đáo và sức hấp-dẫn của lời ấy như vậy. Cả đến các phép lạ hình như cũng có tính-cách những thí-dụ. Chẳng những các phép lạ ấy chứng-tỏ lòng thương-xót của Chúa mà còn truyền-đạt lẽ thật thiên-thượng nữa.

Chúa Jê-sus bắt đầu chức-vụ Ngài bằng sự giảng đạo. Điều ngạc-nhiên thứ nhất là giọng nói của Chúa đầy quyền-lực khi Ngài giảng-thuyết trong nhà hội ; khi Ngài mở đầu chức-vụ ở Ga-li-lê, Ngài phán rằng : « Chúng ta hãy đi nơi khác, vào những làng gần đây, để ta cũng rao-giảng ở đó nữa ; vì cốt tại việc đó mà ta đã đến » ; vì có lời giảng dạy của Ngài có quyền nên rất đông quần-chúng đã họp quanh Ngài bên bờ biển, khiến Ngài phải vào trong một chiếc thuyền khi dạy-dỗ họ ; rồi Ngài bắt đầu giảng-dạy họ bằng thí-dụ. Chỉ trong bốn thí-dụ được chép đã có ba thí-dụ liên-hệ đến sự giảng-dạy ; các đoạn 4, 7, 9, 10, 12 và 13

gồm hầu hết là những bài giảng liên-tiếp nhau, tất cả chiếm một phần ba sách Tin-lành Mác. Chúa Jê-sus xuất-hiện như một Đấng làm các công-việc màu-nhiệm và cũng là Giáo-sư dạy các chân-lý thiên-thượng; các công-việc của Ngài khiến loài người sẵn-sàng thi-hành lời Ngài dạy; các công-cệiv ấy choán hết ngày giờ bận-rộn của Ngài; chính sứ-mạng của Ngài hình như giống sứ-mạng của các sứ-đồ mà Ngài đã sai đi « giảng đạo, lại ban quyền-bính đui quỉ. »

Theo sự trình-bày của Mác, chức-vụ Đấng Christ là một chức-vụ cao-cả của tình yêu-thương chuộc tội và ân-diễn cứu-rỗi. Đấng Christ đã lấy chính huyết Ngài để chuộc tội; ai tin Ngài thì được cứu. Chính nét đặc-sắc này của chức-vụ đã làm cho truyện-tích trở nên một « Tin-lành ». Danh-từ Tin-lành này không thể áp-dụng cho sách ký-thuật về các phép lạ và bài giảng dù là linh-động và xác-thực. Tin-lành là « tin-tức tốt-lành » về sự cứu-rỗi thực-hiện bởi sự sống, sự chết và sự sống lại của Chúa chúng ta. Như thế, Mác không cố ý viết một sách về « Đời sống Đấng Christ »; nếu vậy, người đã không bỏ qua sự giáng-sinh, thời thanh-niên và tuổi tráng-niên của Chúa hay là chỉ chọn lọc một vài sự việc đã xảy ra trong ba năm thi-hành chức-vụ công-khai của Chúa, làm cho tư-tưởng chúng ta tập-trung hết vào những biến - cố xảy ra chỉ trong vòng một tuần-lễ. Sách này không phải là một pho tiêu-sử, nó cũng chưa phải là « một tập kỷ-yếu không chính-thức », nó là một lịch-sử ngắn về sự cứu-chuộc; nó là một lời rao báo vui-mừng về sự cứu-rỗi do Đấng Christ bảo-đảm; nó là một truyện-tích ngắn về công-trình chuộc tội của Chúa. Ấy vậy, trong cảnh thứ nhất, ta thấy Con Đức Chúa Trời vô tội—bởi chịu « áp-têm về sự ăn-năn để được tha tội » — đã tự đồng-hóa với tội-nhơn mà Ngài đã đến để cứu-vớt; các phép lạ của Ngài tỏ ra cái thể tru-việt của Ngài trên các lực-lượng của điều ác; Ngài tuyên-bố rằng Ngài có quyền tha tội-lỗi; đến chỗ tuyệt-diêm của

chức-vụ, Ngài tuyên-bố thập-tự giá sẽ là một phương-tiện thiên-thượng cho sự cứu-rỗi; trong đêm Ngài bị phản-bội, Ngài tuyên-bố rằng huyết Ngài « đổ ra cho nhiều người »; đang khi Ngài thở hơi cuối-cùng, bức màn trong Đền thờ bị « xé làm hai từ trên xuống dưới », đề tượng-trưng cho công-trình chuộc tội đã làm trọn, nhờ đó loài người được đến cùng Đức Chúa Trời.

Điều-kiện của sự cứu-rỗi như Mác đã đề ra, là phải ăn-năn và có đức-tin; phải xưng tội bằng cách chịu báp-têm. Đời sống mới phải tỏ ra bằng sự hầu việc. Thật thế, trong vòng các môn-đồ của Đấng Christ, sự hầu việc phải là dấu-hiệu và mục thước của sự cao-trọng; « hễ ai muốn làm lớn » giữa họ thì phải làm tôi-tớ cho kẻ nào muốn đứng đầu phải chịu làm nô-lệ cho mọi người.

Đó là một phần hình-ảnh mà Mác vẽ về Đấng Hầu Việc Vương-giả—Đấng làm « Con trai mạnh-mẽ của Đức Chúa Trời » và đồng thời là « Tình yêu-thương bất-diệt » mà các tôi-tớ Ngài phải bước theo dấu chân Ngài,

« Và tin-cậy nơi huyết cứu-chuộc Ngài
Và cố gắng làm các công-việc Ngài. »

3. Mẹ và anh em Đức Chúa Jêsus. Đoạn 3 : 31-35
 4. Thí-dụ về người gieo giống. Đoạn 4 : 1-25
 5. Thi - dụ về hạt giống đang lớn. Đoạn 4 : 26-29
 6. Thí-dụ về hạt cải. Đoạn 4 : 30-34
 7. Bị bão giữa biển. Đoạn 4 : 35-41
 8. Người Giê-ra-sê bị quỷ ám. Đoạn 5 : 1-20
 9. Con gái Giai-ru và người đờn-bà có bệnh.
. Đoạn 5 : 21-43
 10. Chúa Jêsus bị quê-hương khinh-dể. Đoạn 6 : 1-6
- C. Thời-kỳ thứ ba. Đoạn 6 : 7 đến 7 : 23
1. Mười hai môn-đồ được sai đi. Đoạn 6 : 7-13
 2. Giảng Báp-tít bị chém. Đoạn 6 : 14-29
 3. Chúa Jêsus hóa bánh ra nhiều, lần thứ nhất
. Đoạn 6 : 30-44
 4. Chúa Jêsus đi bộ trên mặt biển. Đoạn 6 : 45-52
 5. Chức-vụ ở Ghê-nê-xa-rết. Đoạn 6 : 53-56
 6. Chúa Jêsus trách người Pha-ri-si. Đoạn 7 : 1-23

III

CHỨC-VỤ Ở MIỀN BẮC GA-LI-LÊ. Đoạn 7 : 24 đến 9 : 50

- A. Thời-kỳ thứ nhất. Đoạn 7 : 24 đến 8 : 26
1. Người đàn-bà Ca-na-an Đoạn 7 : 24-30
 2. Người điếc. Đoạn 7 : 31-37.
 3. Chúa hóa bánh ra nhiều, lần thứ hai. Đoạn 8 : 1-10
 4. Men của người Pha-ri-si. Đoạn 8 : 11-21
 5. Người mù ở Bết-sai-đa. Đoạn 8 : 22-26.
- B. Thời-kỳ thứ hai. Đoạn 8 : 27 đến 9 : 50.
1. Sự dạy-dỗ ở Sê-sa-rê Phi-líp. Đoạn 8 : 27 đến 9-1
 2. Sự hóa hình. Đoạn 9 : 2-13.
 3. Người bị quỷ ám. Đoạn 9 : 14-29.
 4. Sự giảng-dạy cuối-cùng ở Ga-li-lê. Đoạn 9 : 30-50

IV

CUỘC HÀNH-TRÌNH QUA PHÊ-RÊ-A VÀ GIU-ĐA...

. Đoạn 10

- A. Sự Đền Vạ 10 : 1-12
- B. Những Con Trẻ. Đoạn 10 : 13-16.
- C. Nỗi Hiềm-nguy Của Sự Giàu-có. Đoạn 10 : 17-31
- D. Đức Chúa Jê-sus Phán Trước Về Sự Thương-khó Minh. Đoạn 10 : 32-34.
- E. Lời Cầu-nguyện của Gia-cơ Và Giảng...
. Đoạn 10 : 35-45.
- F. Chúa Chữa Ba-ti-mê Khỏi Mù. Đoạn 10 : 46-52

V

NHỮNG BIẾN-CỐ CỦA TUẦN-LỄ KHỞI-HẠY.....

. Đoạn 11 : 1 đến 15 : 47

- A. Chúa-nhật.
Sự vào thành Gê-ru-sa-lem Đoạn 11 : 1-11
- B. Thứ hai
 - 1. Cây vả khô. Đoạn 11 : 12 - 14
 - 2. Dẹp sạch đền thờ. Đoạn 11 : 15-19
- C. Thứ ba
 - 1. Quyền-lực của đức-tin. Đoạn 11 : 20-26
 - 2. Lời hỏi về quyền-phép. Đoạn 11 : 27-33
 - 3. Thí-dụ về người làm vườn nho.
. Đoạn 12 : 1-12
 - 4. Đức Chúa Trời và Sê-sa. Đoạn 12 : 13-17

- 5. Sự sống lại. Đoạn 12: 18-27
- 6. Tóm-tắt về luật-pháp Đoạn 12: 28-34
- 7. Đấng Christ Con vua Đa-vit Đoạn 12: 35-37
- 8. Lời trách các thầy thông-giáo. Đoạn 12: 38-40
- 9. Đền-bà góa dâng của. : : : : Đoạn 12: 41-44
- 10. Sự hiện đến của Đấng Christ: : Đoạn 13

D. Thứ tư

Cuộc âm-muru, lòng sùng-kinh, sự phản-bội.

. : . . . : ; Đoạn 14: 1-11

E. Thứ năm

- 1. Bữa ăn cuối-cùng. Đoạn 14 : 12-26
- 2. Nổi thống-khờ: : Đoạn 14: 27-42
- 3. Chúa Jêsus bị bắt. Đoạn 14 : 43-52

F. Thứ sáu

- 1. Đức Chúa Jêsus trước mặt Cai-phe.
. Đoạn 14 : 53-65
- 2. Phi-e-rơ chối Chúa. , Đoạn 14 : 66-72
- 3. Đức Chúa Jêsus trước mặt Phi-lát. Đoạn 15 : 1-15
- 4. Sự đóng đinh Chúa Jêsus trên thập-tự giá.
. , Đoạn 15 : 16-41
- 5. Việc chôn-cấtĐoạn 15 : 42-47

VI

SỰ SỐNG LẠI. Đoạn 16 : 1-8

VII

SỰ HIỆN RA VÀ THĂNG-THIÊN CỦA

Đấng CHRIST Đoạn 16 : 9-20.

SỰ GIẢNG ĐẠO CỦA GIĂNG BẮP-TÍT

I. SỰ SỬA - SOẠN. Mác 1 : 1-13

A. Chức-vụ của Giăng Báp-tít.

Đoạn 1 : 1-8

« 1 Đầu Tin-lành của Đức Chúa Jê-sus-Christ, là Con Đức Chúa Trời. 2 Như đã chép trong sách tiên-tri Ê-sai rằng :

Này, ta sai sứ ta đến trước mặt người,

Người sẽ dọn đường cho người...

3 Có tiếng kêu trong đồng vắng rằng :

Hãy dọn đường Chúa,

Ban bằng các nẻo Ngài ;

4 Giăng đã tới, trong đồng vắng vừa làm vừa giảng phép báp-têm ăn-năn, cho được tha tội. 5 Cả xứ Giu-đê và hết thấy dân-sự thành Giê-ru-sa-lem đều đến cùng người, xưng tội mình và chịu người làm phép báp-têm dưới sông Giô-đanh. 6 Giăng mặc áo lông lạc-dã, buộc dây lưng da ngang hông ; ăn những châu-chấu và mật ong rừng. 7 Người giảng-dạy rằng : Có Đấng quyền-phép hơn ta đến sau ta ; ta không đáng cúi xuống mở dây giày Ngài. 8 Ta làm phép báp-têm cho các người bằng nước ; nhưng Ngài sẽ làm phép báp-têm cho các người bằng Đức Thánh-Linh. »

Mác bắt đầu sách Tin-Lành của người bằng cách kể lại sứ-mạng của Giăng dọn đường cho Chúa đến, với lời ghi chép vắn-tắt về báp-têm và sự cảm-dỗ Đức Chúa Jê-sus xảy ra trước khi Ngài khởi sự chức-vụ công-khai. Những đoạn này được mở đầu bằng câu đầy ý-nghĩa và có thể dùng làm đầu đề cho cả cuốn sách : « Đầu Tin-lành của Đức Chúa Jê-sus-Christ, là Con Đức Chúa Trời ». Chỉ có một Tin-lành mà thôi và chỉ có

một cách duy-nhất do đó Tin-lành có thể bắt đầu. Lẽ tất-nhiên, chúng ta gọi là « bốn sách Tin-lành » như mọi người đều biết thì cũng đúng và cũng thú-vị mà chú ý đến cách mở đầu riêng-biệt của mỗi sách ; nhưng nói sát nghĩa hơn, chỉ có một Tin-lành ấy là « Tin-lành » về sự cứu-chuộc bởi Chúa Jê-sus-Christ ; và sứ-điệp đầu-tiên của Tin-lành cho chúng ta là kêu-gọi chúng ta ăn-năn và hứa cho chúng ta sự sống. Tuy-nhiên, chúng ta có bốn bài ký-thuật về một « Tin-lành » ấy, và chúng ta thường gọi mỗi sách có bài ký-thuật đó là, « Tin-lành. » Mỗi sách được viết với mục-đích hơi khác nhau, nhưng mỗi sách đều cho chúng ta một hình-ảnh độc-đáo về Đức Chúa Jê-sus-Christ. Trong sách Ma-thi-ơ chúng ta thấy nói về Ngài là vua dân Do-thái đã được dự-ngôn, trong Mác là Đấng Hầu việc Vương-giả, trong Lu-ca là Con người từ trời trong Giăng là Đức Chúa Trời thành nhục-thể. Vậy, theo lẽ tự-nhiên, Ma-thi-ơ đã phải mở đầu bài ký-thuật mình bằng gia-phò Chúa Jê-sus-Christ vốn dòng-dõi vua Đa-vit ; Mác bắt đầu bằng chức-vụ công-khai của Chúa Jê-sus-Christ ; Lu-ca thuật cho chúng ta về sự giáng-sinh, thời thơ-ấu và thuở thanh-niên của Ngài, và Giăng cho chúng ta một cái nhìn qua sự tiên-tại thiên-thượng và vinh-quang đời đời của Ngài.

Dĩ-nhiên, tất cả đều viết về cùng một Cứu-Chúa và tất cả đều đồng ý về các điểm cốt-yếu của thân-vị và công-việc Ngài. Trên mỗi sách ký-thuật có lẽ nên viết mấy chữ « Đầu Tin-lành » thì đúng hơn. Song lẽ, mấy chữ đó chỉ đặc-biệt ở sách Mác, và những tựa-đề quen-thuộc mà ông đã hợp lại một cách cũng là duy-nhất. Chúng nó chỉ về những sự-kiện liên-hệ đến Chúa chúng ta mà mọi tác-giả Tin-lành đều đề ra, nhưng các sự-kiện ấy có sự hòa-hợp nhau mà ta không tìm thấy ở chỗ nào khác trong Kinh-thánh Tân-Uớc : Ấy là « Chúa Jê-sus-Christ là Con Đức-Chúa Trời. » « Jê-sus » là một tên người, rất thông-thường giữa vòng người Do-thái cũng như tên « Giô-suê » có nghĩa là « Sự cứu-rỗi của Giê-hô-va. » Tên đó được ban cho Chúa chúng ta do sự chỉ-định của Đức Chúa Trời ; nó thích-hiệp cho Ngài là Đấng sẽ « cứu dân mình ra khỏi tội. » « Christ » là danh-vị chính-thức, cũng như danh-hiệu « Mê-si » tương-đương trong tiếng Hi-lạp, có nghĩa là « Đấng

được xúc dầu », và sự đến của Ngài để phục-hưng « Y-sơ-ra-ên » và đem ơn phước cho thế-gian đã được đấng tiên-tri cho biết trước. « Con Đức Chúa Trời » là một từ-ngữ phổ-diễn bản-chất thiên-thượng của Chúa chúng ta. Ngài không những chỉ là một người có tên « Jésus » cũng chỉ là « Đấng Christ » được xúc dầu bởi Đức Thánh-Linh cho công-cuộc cứu-chuộc của Ngài, nhưng Ngài cũng là Đấng hiệp một với Đức Chúa Trời, tuyệt-đối độc-nhất về bản-thể Ngài và về tương-quan với Đức Chúa Cha. Con người « Jésus » mà Lu-ca đã nói tới, Đấng « Mê-si » vương-giá mà Ma-thi-ơ đã mô-tả, « Con Đức Chúa Trời », mà Giăng đã khuyên-dạy loài người thờ-phượng, ấy là Thân-vị mà Mác đã chép về công-nghiệp cứu-chuộc của Ngài và đã tuyên-bố rằng « khởi-đầu » của « Tin-lành » là lời tuyên-cáo của Giăng Báp-tít về sự hiện đến của Đấng Christ.

Lời tuyên-cáo này được nói lên là ứng-nghiệm lời tiên-tri trước kia : « Như đã chép trong sách Ê-sai rằng... Giăng đã đến .» Lời dẫn đó thật đáng chú ý vì Mác ít khi trích-dẫn Kinh Cựu-ước, trừ những đoạn mà Chúa đã dẫn-chứng. Ở đây ông đã kết-hợp hai lời tiên-tri giống nhau, một của Ma-la-chi và một của Ê-sai ; song ông chỉ nêu lên tên đấng tiên-tri sau, có lẽ vì lời dẫn-chứng thứ hai này là tối ư quan-hệ và cũng có lẽ vì Mác luôn luôn tưởng đến hình ảnh mà Ê-sai đã vẽ về « Tội-tớ quyền-năng của Giê-hô-va .»

Mỗi lời dẫn-chứng đều chỉ về một sự viếng thăm thiên-thượng và sự sửa-soan cho lúc Chúa đến; trong lời dẫn-chứng thứ nhất ta thấy Đức Chúa Trời sẽ vào Đền thờ của Ngài để xét-đoán; lời dẫn-chứng thứ hai nói về Ngài làm Đấng giải-cứ dân Ngài khỏi sự cầm tù ở Ba-by-lôn. Trong cả hai trường-hợp có một sứ-giả được sai đi dọn đường trước khi Chúa đến. Mỹ-từ dùng ở đây là dựa theo tục-lệ xưa kia, vào những ngày mà đường-sá còn hiểm-hoi và ít được tu-bổ, một quan trong triều được sai đi san bằng và sửa-chữa đường đi trước khi nhà vua ngự-giá. Mác dẫn-chứng những lời tiên-tri xưa này để chỉ rằng những lời ấy thật đã được ứng-nghiệm khi Chúa

Jésus hiện đến với tư-cách một Quan tòa thật sự và được làm Đấng giải-cứ dân Ngài. Đề sửa-soạn cho ngày Chúa đến; Giảng được Đức Chúa Trời chỉ-định làm sứ-giả. Sứ-mạng của ông được nhận thấy rõ trong lời tiên-tri : « Có tiếng kêu trong đồng vắng », và trong lời tuyên-bố rằng : « Giảng đến làm báp-têm trong đồng vắng », người được sai đi « dọn đường Chúa » và « làm thẳng các nẻo Ngài » đang khi « rao-giảng báp-têm về sự ăn-năn để được tha tội. » Nơi thi-hành và tinh-cách của chức-vụ đều chỉ rằng Giảng sẽ là sứ-giả được dự-ngôn từ trời và ông đã được sai đi để sửa-soạn dân-sự cho ngày Đấng Christ đến. Báp-têm ông làm diễn-tả sự ăn-năn của người nhận-lãnh và đề ý đến sự tha tội. Tiếng kêu-goi ăn-năn như vậy đã kết-hợp chặt-chẽ với đặc-tính cốt-yếu của sứ-mạng của Giảng là loan báo ngày Chúa đến ; vì những người Do-thái ngoan-đạo tin rằng Đấng Mê-si chỉ đến khi dân Ngài xây-bổ tội-lỗi họ. Ngày nay cũng vậy, sự ăn-năn thật tâm phải có trước rồi mới có được những ơn-phước mà Chúa sẵn-sàng ban cho linh-hồn tin Ngài.

Sự thành-công của Giảng đã được chỉ rõ trong câu : « Cả xứ Giu-đê và hết thầy dân-sự thành Giê-ru-sa-lem đều đến cùng người, xưng tội mình và chịu người làm phép báp-têm dưới sông Giô-đanh » Lẽ tất-nhiên trong số dân-chúng cũng có nhiều kẻ không đến, nhất là những quan cai-trị, nhưng ở đây Mác cho chúng ta thấy đám đông đến cùng Giảng và ông sửa-soạn cho chúng ta thấy liên-tiếp trong truyện-tích Tin-lành của ông, những đám đông lũ-lượt đến với Chúa.

Sự xuất-hiện của Giảng cùng lối sống của người thích-hợp với tinh-cách nghiêm-trang và khắc-khở của công-việc người. Chiếc áo thô-kệch bằng « lông lạc-đà » và « dây nịt da » làm ta liên-tưởng tới Ê-li mà quyền-phép và sự nghèo-khó đã được tỏ rõ cũng một thể ấy. Thức ăn của người gồm có « châu-chấu » và « mật ong rừng » tỏ rõ đời của một bậc khổ-tu. đã lánh khỏi thế-gian để phản-đối những điên-rồ, buông-lung và tội-lỗi của nó.

Tuy vậy, chức-vụ của Giảng tóm lại là rao-giảng hay « loan-báo » sự đến của Đấng Christ. Đó là tóm-tắt và tinh-

chất của công-việc người. Người rao-giảng rằng: « Có Đấng quyền-phép hơn ta đến sau ta ; ta không đáng cúi xuống mở dây giày cho Ngài. » Sự cao-trọng của Đấng hiện đến không những do nơi nhân-phẩm và sự uy-nghi thiên-thượng của Ngài mà thôi nhưng cũng do công-việc Ngài thi-hành cho những kẻ theo Ngài : « Ngài sẽ làm phép báp-têm cho các người bằng Đức Thánh-Linh. » Giảng thi-hành một lễ-nghi bề ngoài nhưng Chúa Jê-sus thực-hiện một sự thay đổi bề trong ; báp-têm của Giảng tượng-trưng sự tẩy thanh về luân-lý nhưng Chúa Jê-sus bảo-đảm tấm lòng và sự sống thánh-khiết ; Giảng cam-doan rằng những ai nhận báp-têm của người thi đoan-tuyệt với tội-lỗi, nhưng Chúa Jê-sus cứu kẻ theo Ngài khỏi tội ác và quyền-lực của tội-lỗi ; Giảng đưa loài người tiếp-xúc với một yếu-tố vật-chất là nước, nhưng Chúa Jê-sus đem họ vào sự thông-công thuộc-linh với Thân-vị thiên-thượng ; công-việc của Giảng là tạm thời nhưng ảnh-hưởng đến Chúa Jê-sus thì bất-diệt.

Tuy-nhiên, chức-vụ Giảng cần-thiết và vinh-hiền. Không những công-việc của người được lời tiên-tri từ trời báo trước, không những người đã đến với hình-dáng và quyền-phép của Ê-li cả sứ-mạng của người cũng gồm cả việc các đấng tiên-tri là kêu-gọi đến sự ăn-năn và tuyên-hứa về một Đấng giải-cứu sẽ đến. Giảng còn làm hơn thế nữa, sứ-mạng của người đặc-biệt độc-đáo vì có thể tuyên-bố rằng Đấng Cứu-Thế hiện đã đến. Những tin-đồ của Đấng Christ ngày nay có cả một đặc-ân lớn hơn ; bằng việc làm và lời nói, họ có thể chỉ cho người ta đến cùng Đấng Christ đã chết vì tội-lỗi của họ và Ngài sống đời đời có toàn quyền cứu họ.

B. Báp - têm của Chúa Jê-sus

Đoạn 1 : 9-11

« 9 Và, trong những ngày đó, Đức Chúa Jê-sus đến từ Na-xa-rét là thành xứ Ga-li-lê, và chịu Giảng làm phép báp-têm dưới sông Giô-đanh. ¹⁰ Vừa khi lên khỏi nước, Ngài thấy các tầng trời mở ra, và Đức Thánh-Linh ngự xuống trên mình Ngài như chim bồ câu. ¹¹ Lại có tiếng từ trên trời phán rằng : Người là Con yêu-dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường. »

Chúng ta có thể hiểu dễ-dàng tại sao dám đồng từ Giê-ru-sa-lem và Giu-đê bị thuyết-phục bởi các lời giảng soi thấu cõi lòng của Giăng, đã chen-chúc quanh người để nhận « báp-têm ăn-năn, cho được tha tội » ; nhưng tại sao Chúa Jê-sus, Con Đức Chúa Trời không tội-lỗi từ Na-xa-rét là thành xứ Ga-li-lê, và chịu Giăng làm phép báp-têm dưới sông Giô-đanh » ? Chắc hẳn là Chúa Jê-sus không xưng tội vì Ngài biết rằng Ngài không có tội gì, song Ngài phải chịu báp-têm của Giăng là Ngài tự liên-kết với dân-sự Ngài, cũng như Ngài đã làm thế trong mọi từng-trải của Ngài trên đời này, cũng như Ngài đã làm cách cao-cả khi Ngài « gánh tội-lỗi, chúng ta trong thân-thể Ngài trên cây gỗ. » Bởi báp-têm này Chúa Jê-sus thừa-nhận chức-vụ của Giăng và chấp-thuận sự ăn-năn của dân-chúng.

Hơn nữa, báp-têm của Giăng không những chỉ là để tỏ sự ăn-năn mà thôi, nhưng đó cũng là một lời hứa và biểu-hiệu của sự tha tội và đời sống mới có thể thực-hiện nhờ chức-vụ của Cứu-Chúa sẽ đến. Khi Chúa Jê-sus chịu báp-têm, Ngài cung-hiến chính mình Ngài cho chức-vụ ấy. Ngài nhận chức-vụ ấy, Ngài tuyên-bố rằng Ngài sẵn-sàng phục-vụ và « phó mạng sống mình làm giá chuộc nhiều người. » Như vậy, trong khi lời giảng-dạy của Giăng là lời tuyên-cáo về chức-vụ của Chúa Jê-sus, thì báp-têm của Chúa Jê-sus là lễ phong-chức Ngài để làm chức-vụ này.

Việc này còn minh-định bởi hai việc xảy ra ngay sau đó : « Vừa lên khỏi nước, Ngài thấy các tầng trời mở ra, và Đức Thánh-Linh ngự xuống trên mình Ngài như chim bồ-câu». Có tiếng từ trời phán rằng : « Người là con yêu-dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường». Chữ «vừa» ở đây — một chữ đặc-biệt trong Tin-lành này và được nhắc đến luôn — ngầm chỉ mối liên-quan trọng-yếu giữa báp-têm của Chúa Jê-sus và hai việc xảy ra đầy ý-nghĩa ấy. Trong báp-têm, Chúa Jê-sus đã tự dâng mình cho chức-vụ của Ngài; Thánh-Linh ngự xuống và tiếng phán từ trời sửa-soạn Ngài để thi-hành chức-vụ. Việc thứ nhất là một sự dâng mình; sự bày-tỏ của Thánh-Linh và tiếng phán của thiên-phụ hiển dâng Ngài cho chức-vụ đã đảm-bảo với Ngài

rằng sứ-mạng của Ngài là sứ-mạng thiên-thượng và là Con yêu-dấu của Đức Chúa Trời. Chúng ta không cần giả-định rằng Đức Chúa Jêsus đã không biết trước sự hiện-diện của Thánh-Linh và sự đầy-dẫy quyền-phép Ngài, nhưng bởi sự việc đáng nhớ này, Ngài nhận thấy rằng mọi nhu-cầu của chức-vụ Ngài trong buổi ban đầu đều được cung-cấp ân-diễn và sức mạnh một cách vô-hạn. Rồi sự việc đáng nhớ ấy cũng đã cho Giảng bằng-chứng rằng Chúa Jêsus quả thật là Đấng Christ và sự đến của Ngài đã được người báo trước. Còn dấu-hiệu chìm bò-câu tỏ ra không những sự hiện-diện của Thánh-Linh mà thôi nhưng cũng tỏ tánh-cách mềm-mại và trong-sạch của Tội-tớ lớn của Đức Chúa Trời mà quyền-phép Thánh-Linh đã ngự vào.

Tiếng từ trời có thể chỉ một mình Chúa Jêsus đã nghe và hiểu. Dầu tính-chất xác-thực của nó ra sao thì tiếng đó cũng đã làm chứng cho Đức Chúa Jêsus rằng chức-vụ Ngài đang bước vào là do trên trời chỉ-định, và Ngài vẫn được sự thông-công duy-nhất với Đức Chúa Trời với tư-cách là con yêu-dấu và chính Đức Chúa Trời đã ban cho Ngài ân-diễn thiên-thượng.

Đối với các tín-đồ Đấng Christ thì cũng như vậy khi họ được Thánh-Linh ở cùng họ luôn luôn. Tuy-nhiên, khi nào họ lại dâng mình để hầu việc Chúa thì họ mới lại được đầy-dẫy Đức Thánh-Linh và họ được cung-cấp đủ mọi ân-diễn và quyền-phép cần có cho mỗi chức-vụ và công-tác mới. Nhờ Thánh-Linh làm chứng cho tâm-linh họ, họ cũng được bảo-đảm rằng họ là con-cái Đức Chúa Trời. Sự đầu-phục ý-chỉ của Đức Chúa Trời đã được Chúa Jêsus chỉ rõ trong báp-têm của Ngài là điều-kiện để được ân-tứ Thánh-Linh, tức là được ban cho sự trong-sạch, nhu-mì và sự tin-cậy nơi tình yêu-thương của Cha thiên-thượng.

C. Sự cảm-đổ Chúa Jêsus

Đoạn 1 : 12-13

« 12 Tức thì Đức Thánh-Linh giục Ngài đến nơi

đồng vắng. 13 Ngài ở nơi đồng vắng chịu quỷ Sa-tan cám-dỗ bốn mươi ngày, ở chung với thú rừng, và có thiên-sứ hầu việc Ngài. »

Biến-cố thứ ba xảy ra trước khi Chúa Jê-sus thừa-hành chức-vụ công-khai được Mác viết rất vắn-tắt, nhưng sự quan-trọng vẫn được tỏ rõ. Sự giảng đạo của Giảng là tuyên-bố về chức-vụ này, báp-têm của Chúa Jê-sus là lễ phong-chức cho chức-vụ Ngài, sự cám-dỗ là một sự thông-báo về các điều-kiện của chức-vụ Ngài là sự cạo-sửa-soạn cuối-cùng mọi kinh-nghiệm về chức-vụ này.

Trong khuôn-khò chỉ một câu thôi, Mác cho chúng ta thấy bốn hạng hữu-thê khác nhau mà Chúa Jê-sus có liên-hệ với, ấy là Thánh-Linh, Sa-tan, thú rừng và các thiên-sứ. Trong khi thừa-hành chức-vụ, Chúa Jê-sus được Thánh-Linh ban cho sức mạnh, Ngài phải bị Sa-tan đối-kháng, Ngài là Chúa của mọi vật thọ-tạo, cai-trị cả « ca dưới biển », Ngài được các thiên-sứ hộ-vệ.

Việc Ngài được đầy-dẫy Thánh-Linh không làm cho Ngài khỏi bị cám-dỗ và sự vô tội của Ngài cũng không làm cho Ngài vô cảm-giác trước sự quyến-rũ của tội-lỗi. Trong vòng các tín-đồ Đấng Christ, không một ai đạt tới mức thiêng-liêng cao đến nỗi không bị Sa-tan tấn-công, không một ai có thể luôn luôn trọn-vẹn để có thể đứng ngoài vòng cám-dỗ.

Danh-hiệu đặt cho Kẻ Cám-dỗ ở đây rất là thích-đáng. Trong Ma-thi-ơ và Lu-ca nó được gọi là « ma-quỉ », nghĩa là « nguyên-cáo » ; ở đây nó được gọi là « Sa-tan » hay là « kẻ thù-địch. » Mác chép về các công-việc cả thê của Đức Chúa Trời, nhưng trong hầu hết những bức tranh mô-tả đó, có bối-cảnh đen của sự đối-lập ở phía sau, và chúng ta được biết có những sức mạnh chống-đối nhau. Ấy vậy, sự thích-ứng nhất là vừa khi chức-vụ Chúa Jê-sus mới mở đầu, thì Ngài gặp phải chiến-tranh với kẻ thù hiềm-ác mà các công-việc của nó sẽ bị Ngài phá-hoại và nước của nó sẽ bị Ngài lật đổ.

Người ta không biết đích-xác nơi đã xảy ra sự cám-dỗ ; nhưng vì Chúa Jê-sus đã ở trong « đồng vắng » khi

Ngài đã chịu báp-têm, chúng ta có thể kết-luận là câu «Tức thì Đức Thánh-Linh giục Ngài đến nơi đồng vắng» ngụ ý rằng, trái ngay cả với ý muốn tự nhiên của Ngài, Ngài đã bị «giục» đến một nơi còn hoang-vu và cô-đơn, sự thăm-đạm và nguy-hiểm của nơi đó đã được tăng thêm bởi nét vẻ linh-động mà một mình Mác đã thêm vào cảnh-tượng Ngài « ở chung với thú rừng. »

Mác cũng không kể rõ đặc-tính đích-xác của sự cám-dỗ. Vì sự cám-dỗ tiếp theo ngay sự tỏ ra của Thánh-Linh và tiếng từ trời, cho nên có lẽ nó được nói tới để quả-quyết một lần nữa rằng Chúa Jê-sus có sứ-mạng từ trời và Con yên-dấu, tuy-nhiên nó không phải là một kinh-nghiệm về sự nghi-ngờ ; nó cũng không phải chỉ là một sự ám-thị thần-trí đã phát-sinh với Chúa Jê-sus. Chúa chúng ta không tự Ngài cám-dỗ Ngài. Sự cám-dỗ làm điều ác đến từ đũa quái-ác và bí-mật mà sự xuất-hiện của nó ở đây chứng-tỏ gián-tiếp rằng có một thế-giới vô-hình mà trong đó Chúa Jê-sus vẫn còn hành-động. Để chống lại ảnh-hưởng của một kẻ thù vô-hình như thế, chúng ta đã được dạy cho biết là phải cần-thận đề-phòng, chúng ta được cảnh-cáo rằng chúng ta không thể « không biết các quỷ-muru của nó đâu. »

Khi kết-thúc bài ký-thuật văn-tất này, Mác đã nói đến hạng hữu-thê khác là « có thiên-sứ hầu việc Ngài. » Những sứ-giải siêu-phàm này của Đức Chúa Trời không được dành cho một địa-vị trong bài ký-thuật, nhưng ít ra cũng được nhắc tới khi chúng ta đứng bên ngôi mộ trống-Song những lời chép về những vị đó ở đây như canh-phòng, gìn-giữ, phục-vụ Chúa Jê-sus trong những ngày dài đằng-dằng Chúa bị cám-dỗ gọi ra rằng trong tất cả những cảnh-tượng tiếp theo sau, các vị đó là những vị vô-hình từ trời đến để hầu hạ Chúa Jê-sus. Để khuyến-kích và an-lũ chúng ta đã được cho biết chắc rằng các vị đó « đều là thần hầu việc Đức Chúa Trời, đã được sai xuống để giúp việc những người sẽ hưởng cơ-nghiệp cứu-rỗi. »

Còn về kết-cuộc của sự cám-dỗ, Mác không nói chi cả. Ông chẳng cần nói một lời nào, vì sự đắc-thắng của Con Đức Chúa Trời là chắc-chắn và cũng chắc-chắn cho

tất cả những kẻ tin-cậy Ngài. Tuy-nhiên chính sự không đề-cập đến tính-chất của cuộc tranh-chiến và phương-pháp đề đắc-thắng đã thúc-đầy chúng ta tiếp-tục đọc tới bài kỹ-thuật của Mác; các lực-lượng chống-đối nhau hiện rõ-ràng trước mắt ta và chúng ta nao-nức tìm xem kết-cuộc của sự đụng độ liên-tiếp giữa các lực-lượng ấy. Chúng ta sẵn-sàng để đọc truyện-tích về chức-vụ công-khai của Chúa chúng ta.

CHỨC-VỤ Ở MIỀN ĐÔNG GA-LI-LÊ

Đoạn 1 : 14 đến 7 : 23

A. Thời-kỳ thứ nhất.

Đoạn 1: 14 đến 3 : 12

1. Bắt đầu chức-vụ.

Đoạn 1 : 14-15

«¹⁴ Sau khi Giảng bị tù, Đức Chúa Jêsus đến xứ Ga-li-lê, giảng Tin-lành của Đức Chúa Trời, ¹⁵ mà rằng: Kỳ đã trọn, nước Đức Chúa Trời đã đến gần; các ngươi hãy ăn-năn và tin đạo Tin-lành.»

Sách Múc rõ-ràng là Tin-lành về chức-vụ công-khai của Chúa chúng ta. Tác-giả không chú-trọng bằng Ma-thi-ơ đến việc chứng-tỏ rằng Chúa Jêsus là Đấng Mê-si đã làm ứng-nghiệm đúng-đắn các lời tiên-tri trong Cựu-ước. Ông bỏ nhiều chi-tiết mà Lu-ca đã dùng để vẽ đầy-đủ chân-dung của Con Người Lý-tưởng; ông không tìm những bằng-cớ vững-chắc như Giảng đã chứng-minh thần-tánh của Đấng Christ; nhưng ông cho ta một câu-chuyện đầy-đủ về đời sống công-khai của Chúa Jêsus giữa dân-chúng.

Muốn gây một ấn-tượng trong sáng và riêng biệt, nhiều việc đã được bỏ qua, một vài việc được thuật lại hết sức vắn-tắt, nhưng những việc đã ghi lại đó làm thành một truyện liên-lạc diễn qua suốt những đoạn kế-tiếp nhau để đạt đến chỗ tuyệt-vời cuối-cùng. Mục-dịch rõ-rệt lộ ra ở những sự việc đã được gộp lại thành hai phần lớn. Phần thứ nhất chép về chức-vụ Chúa Jêsus ở Ga-li-lê, phần thứ hai ghi những việc xảy ra trong tuần-lễ Thương-khó của Chúa. Cả hai phần đều kết-hợp với nhau bởi một bài kỹ-thuật ngắn về các cuộc hành-trình qua Bi-ri-a, từ Ga-li-lê đến Giê-ru-sa-lem.

Những phần đó được mở đầu bằng sự ghi chép rõ ràng về lời giảng của Giảng, báp-têm của Chúa Jê-sus và sự cảm-đổ Ngài. Sau đó là lời rao báo về sự sống lại và hiện ra của Chúa Jê-sus. Tất cả tác-phẩm đó hợp thành, không phải chỉ là một truyện-tích đầy-đủ và thú-tự, nhưng cũng là một sách Tin-lành đưa tới tuyệt-đỉnh của sự chết đền tội của Chúa chúng ta, và qua những cảnh kế-tiếp, đã vẽ rõ công-trình cứu-chuộc của Đấng đã đến «đề phục-sự người ta và phó mạng sống mình làm giá chuộc nhiều người.»

Sự diễn-biến các sự việc được đánh dấu thêm bằng sự phân-chia rõ-ràng chức-vụ của Chúa ở Ga-li-lê thành hai phần : Một phần về chức-vụ Chúa ở miền Đông và miền Trung Ga-li-lê; phần sau thuật về chức-vụ Chúa ở miền Bắc Ga-li-lê và những miền giáp-giới những lân-bang ngoại đạo. Ngay cả phần thứ nhất của chức-vụ cũng chia ra làm ba thời-kỳ rõ-rệt : Thời-kỳ thứ nhất bắt đầu bằng sự kêu-gọi những sứ-đồ đầu-tiên và kể lại sự được lòng dân ngay tức-khắc của Chúa Jê-sus và sự chống-đối của nhà cầm quyền ; thời-kỳ thứ hai mở màn với sự chỉ-định mười hai sứ-đồ và chấm dứt bằng sự chối-bỏ Chúa Jê-sus tại Na-xa-rét; thời-kỳ thứ ba khởi-sự với chức-vụ mười hai sứ-đồ và kết-thúc bằng sự rút lui của Chúa Jê-sus về biên-giới Ty-rô và Si-đôn.

Chương-trình và phương-pháp của Mác đã được chỉ rõ bởi chính câu nói về thời-giờ và nơi-chỗ mà dùng để báo trước bước đầu chức-vụ của Chúa Jê-sus : «Sau khi Giảng bị tù, Đức Chúa Jê-sus đến xứ Ga-li-lê. Những sự việc xảy ra ở Giu-đê, sau sự cảm-đổ Chúa Jê-sus và trước sự cầm tù Giảng được bỏ qua. Mác chỉ chú-trọng về chức-vụ của Chúa Jê-sus ở Ga-li-lê, cho nên ông bỏ qua không ghi những sự việc xảy ra về trước mà sách Tin-lành Giảng đã chép, gồm có sự thăm-viếng thành Giê-ru-sa-lem, sự dẹp sạch Đền thờ và cuộc đàm-thoại với ông Ni-cô-đem. Ông chỉ ghi biến-cố đã khiến Chúa Jê-sus cần phải lui về Ga-li-lê. Tuy-nhiên, ông không nêu sự cần-thiết này. Các sách Tin-lành khác cho biết vì cơ cơn khủng-hoảng do sự bắt giam Giảng và vì cơ sự căm-thù ghen-tị của nhà cầm quyền, nên Chúa Jê-sus rời xứ Giu-đê, Mác chỉ nói

Đơn-giản rằng khi công-việc của Giăng chấm dứt thì chức-vụ của Chúa bắt đầu. Chỉ khi tới phần sau của câu truyện mà chúng ta học biết, sự liên-lạc giữa các biến-cố. Mác khởi đầu chép về Giăng cho biết đồng-đạo dân-chúng kéo đến và ông được lòng dân cách lạ-lùng, khi ông loan tin Chúa Jê-sus đến. Ấy vậy, khi chức-vụ của Giăng bị gián-đoạn vì ông bị cầm tù thì chức-vụ công-khai của Chúa bắt đầu.

Nơi Chúa hành chức-vụ là Ga-li-lê mà chúng ta phải chú tâm vào cho tới khi Chúa làm một cuộc hành-trình cuối-cùng đến Giê-ru-sa-lem. Cái giải đất đẹp-đẽ này với núi rừng, đồng cỏ, hồ ao là miền ở về cực-bắc đối với ba tỉnh của nước Do-thái đã được phân chia. Đó chính là nơi « quê-hương » của Chúa chúng ta, nhưng có lẽ đã được lựa chọn vì cách xa Giê-ru-sa-lem là nơi mà sự thù-nghịch đối-với Chúa đã phát-hiện và Ngài không thể tiếp-tục chức-vụ.

Bản-chất của chức-vụ Chúa là giảng đạo. Điều đáng lưu-ý là trong bản ký-thuật này, Chúa Jê-sus xuất-hiện và ra mắt quốc-dân trước hết không phải với tư-cách là Đấng chuyên làm phép lạ, nhưng là Đấng đem đến một sứ-điệp. Ấy là một sứ-điệp từ trời vì được gọi là « Tin-lành của Đức Chúa Trời, » do đó có nghĩa là những « tin-tức tốt-lành mà Đức Chúa Trời đã gọi đến. » Tinh-chất của tin-tức vui-mừng này là sự gần đến của « nước Đức Chúa Trời. » Mấy chữ « Nước Đức Chúa Trời » có nghĩa là « sự cai-trị của Đức Chúa Trời » ở trên đất, là nước mà các tiên-tri đã nói đến, là cảnh thế-giới hòa-bình và hạnh-phúc, tuy chưa hoàn-toàn hiện ra, nhưng chúng ta vẫn trông-mong khi cầu-nguyện : « Nước Cha được đến, ý Cha được nên ở đất như trời. » Nước đó, Ma-thi-ơ đã gọi là « Nước trời » bởi vì nguồn gốc và phẩm-tính từ trời. Những đặc-tính cốt-yếu của nước đó là « sự công-bình, bình - an và sự vui - vẻ trong Thánh - Linh. » Nó cũng được gọi là « Nước của Đấng Christ », vì quyền cai-trị của Ngài là cao - cả ở nước đó, là nước sẽ không bao giờ thực-hiện trên đất cho tới khi Ngài được nhìn-nhận là vua của cả thế-gian. Ấy vậy, khi rao báo sự đến của Nước Đức Chúa Trời thì Chúa Jê-sus khuyến-cáo rõ-ràng là phải ăn-năn và tin : « Các người

hãy ăn-năn và tin đạo Tin-lành. » Sự kêu-gọi đến sự ăn-năn đã được Giảng nói lên ; trong sự giảng-dạy của Chúa Jê-sus, một yếu-tố mới cần được nhấn mạnh, đó là đức-tin. Trong lời giảng-dạy trước đây thì đức-tin là sự nhận-lãnh « Tin-lành » về Nước Đức Chúa Trời đã đến gần. Chẳng bao lâu « Tin-lành » đó có một ý-nghĩa rộng-rãi và đức-tin sẽ tập-trung nơi chính Chúa Jê-sus, là Đấng đã rao-giảng sứ-điệp vui-mừng đó. Chính phần tinh-t túy của Tin-lành đã nằm trong lời hứa về một chỗ ở trên Nước Đức Chúa Trời cho tất cả những ai ăn-năn tội-lỗi và tin Đức Chúa Jê-sus.

2. Sự kêu-gọi những môn-đồ đầu-tiên

Đoạn 1 : 16 - 20

« 16 Ngài đi dọc theo mé biển Ga-li-lê, thấy Si-môn với Anh-rê, em người, đương thả lưới dưới biển ; vì hai người vốn làm nghề chài. 17 Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng họ rằng : Hãy theo ta, và ta sẽ khiến các người trở nên tay đánh lưới người. 18 Tức thì hai người bỏ chài lưới mà theo Ngài. 19 Đi một đôi xa xa, Ngài thấy Gia-cơ, con Xê-bê-đê, với em là Giảng, đương vá lưới trong thuyền. 20 Ngài liền kêu hai người ; thì họ để Xê-bê-đê, cha mình, ở lại trong thuyền với mấy người làm thuê, mà theo Ngài. »

Chúa Jê-sus khởi đầu chức-vụ công-khai của Ngài bằng rao-giảng « Tin-lành » về Nước Đức Chúa Trời đã đến gần. « Tin-lành » này rõ-ràng ngày càng can-hệ với thân-vị và chức-vụ của Chúa Jê-sus. Công-việc của Ngài ở thế - gian thì ngắn - ngủi, và ý định của Ngài là Tin-lành của Ngài phải được rao-giảng khắp thế-gian và cho tất cả mọi người. Cho nên sự kêu-gọi một nhóm môn-đồ theo Ngài là rất cần-thiết để Ngài giảng-dạy và huấn-luyện họ trở nên chứng-nhân và sứ-giả của Ngài. Bởi vậy, khi mới mở đầu chức-vụ, Ngài mời bốn người để làm bạn riêng và tùy-tùng của Ngài.

Cái quang-cảnh của sự kêu-gọi đó được diễn ra bên « mé biển Ga-li-lê. » Trên bờ hồ đẹp-đẽ nằm trong nội-địa này, Chúa Jê-sus đã giảng-dạy nhiều nhất và làm nhiều phép lạ nhất, Cái giải nước hồ xinh-đẹp này chỉ rộng mười hai

dặm bề dài và sáu dặm bề ngang, đã liên-hệ chặt-chẽ với chức-vụ công-khai của Ngài và tạo ra nhiều biến-cổ đến nỗi người ta gọi nó là «Tin-lành thứ năm.» Ở bên bờ phía tây và phía bắc là những đô-thị mà hầu hết những công-việc đầy quyền-năng của Ngài đã được thực-hiện ở đó; bờ phía đông không có người ở và Chúa Jê-sus thường tới chỗ đó để tránh đám đông.

Đang khi Chúa Jê-sus đi trên bờ hồ gần Ca-bê-na-um thì thấy Anh-rê và Si-môn Phi-e-rô «đương thả lưới dưới biển» vì họ là những người đánh cá. Chúa Jê-sus bèn phán cùng họ : «Hãy theo ta, ta sẽ khiến các người trở nên tay đánh lưới người. Tức thì họ bỏ chài lưới mà theo Ngài.» Chúng ta không nên kết-luận rằng sự kêu-gọi ấy hình như đường-đột quá. Những người này không phải xa lạ đối với Chúa Jê-sus. Họ đã là những môn-đệ của Giảng và đã được người chỉ cho biết Chúa Jê-sus là Chiên Con của Đức Chúa Trời và là Con của Đức Chúa Trời. Sau đó họ đã cho biết rõ Chúa Jê-sus và tin-cậy Ngài ; nhưng bây giờ họ được Chúa kêu-gọi bỏ công-việc thường ngày của họ để theo Ngài và làm môn-đồ Ngài.

Chắc là Gia-cơ và Giảng cũng được Chúa Jê-sus kêu-gọi trong lúc đó. Hình như họ cũng là những môn-đệ của Giảng Báp-tít, đã được gặp Chúa Jê-sus ở Giu-đê, đã đi với Ngài qua Ga-li-lê, và sau đó đã trở về với công-việc đánh cá của họ. Khi họ được gọi làm môn-đồ công-khai «thì họ để Xê-bê-đê, cha mình, ở lại trong thuyền với mấy người làm thuê, mà theo Ngài.»

Sự kêu-gọi bốn sứ-đồ này chủ-yếu khác với sự kêu-gọi ngày nay những người vào sự hầu việc Chúa một cách tích-cực. Tuy-nhiên, có những điểm tương-đối rõ-rệt, đáng chú ý.

Trước nhất, sự kêu-gọi không được thông-thường, dầu thỉnh-thoảng cũng là đường-đột hay lạ-lùng. Thường thì phải có một thời-kỳ để sửa-soạn hoặc có lời răn-bảo của bậc sư-trưởng, hoặc ảnh-hưởng của cha mẹ bạn-bè. Dầu vậy, phải có một thời-gian để quyết-định dứt-khoát, thường là để đáp lại sự kêu-gọi đặc-biệt dầu sự kêu-gọi đó được nói lên cách nào đi nữa.

Hai là sự kêu-gọi có bao-gồm cùng một lời khuyên-khích : « Ta sẽ khiến các người trở nên tay đánh lười người. » Mỗi tin-đồ của Đấng Christ xưng ra đức-tin của họ và sống đời sống xứng-đáng là tin-đồ đã có đặc-ân đem những người khác trở về giao-thông kết-hiệp với Đấng Christ để được cứu-rỗi.

Ba là sự kêu-gọi này đòi-hỏi sự hi-sinh và chia-ly. Chúng ta không nên giả-định rằng những người đó chỉ có của-cải tầm-thường, trong khi mà họ bắt-buộc phải bỏ tất cả những gì mà họ có, ít ra phải ngừng các công-việc thường ngày của họ ; Gia-cơ và Giảng được gọi phải bỏ lại cha của họ là Xê-bê-đê.

Chức-vụ của môn-đồ Cơ-đốc-giáo không phải luôn luôn đòi-hỏi cùng một loại hi-sinh dù chỉ tùy hồi tùy lúc mà thôi mà cũng không buộc phải có sự chia-ly như vậy. Song le, cần phải có sự vâng lời ngay tức-khắc và bằng lòng làm điều gì Thầy bảo, bất cứ với giá nào. Có lẽ bài học đáng chú-ý nhất trong truyện này nằm trong chữ « tức thì. » Khi họ được gọi thì biết rằng họ phải hi-sinh. Nhưng họ biết chắc về sự vâng-vang của chức-vụ đã giao cho họ, « tức thì hai người bỏ chài lưới mà theo Ngài. »

Sau hết, chúng ta có thể xem xét cái kết-quả về phần thưởng. Ai có thể lường được cái ảnh-hưởng sau này của bốn người đó. Cứ ở trong vị đen tối của những người đánh cá ở Ga-li-lê hay là được kê vào hàng các sứ-đồ bất-tử của Đấng Christ, thì đàng nào hơn ?

3. Sự chữa lành người bị quỷ ám.

Đoạn 1 : 21 - 28

« ²¹ Kể đó, đi đến thành Ca-bê-na-um ; nhằm ngày Sa-bát, tức thì Đức Chúa Jê-sus vào nhà hội, khởi dạy-dỗ tại đó. ²² Chúng đều cảm-động về sự dạy-dỗ của Ngài, vì Ngài dạy như có quyền-phép, chớ chẳng phải như các thầy thông-giáo dẫu.

²³ Và, cũng một lúc ấy, trong nhà hội có người bị tà-ma ám, ²⁴ kêu lên rằng : Hỡi Jê-sus, người Na-

xa-rét, chúng tôi với Ngài có sự gì chẳng ? Ngài đến để diệt chúng tôi sao ? Tôi biết Ngài là ai : Là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời. ²⁵ Nhưng Đức Chúa Jêsus nghiêm-trách nó rằng : Hãy nín đi, ra khỏi người này ! ²⁶ Tà-ma bèn vật mạnh người ấy, cất tiếng kêu lớn, và ra khỏi người. ²⁷ Ai nấy đều lấy làm lạ đến nỗi hỏi nhau rằng : Cái gì vậy ? Sự dạy mới sao ! Người này lấy quyền-phép sai-khiến đến tà-ma, mà nó cũng phải vắng lời ! ²⁸ Danh-tiếng Đức Chúa Jêsus tức thì đồn ra khắp cả miền xung-quanh xứ Ga-li-lê.»

Mục-đích của Chúa chúng ta trong chức-vụ công-khai của Ngài là đem đến một sứ-điệp từ trời và thi-hành công-cuộc cứu-chuộc ; những phép lạ của Ngài tuy rằng quan-hệ, chỉ là ngẫu-nhiên. Về chức-vụ của Ngài thì bắt đầu bằng lời này « Ngài đến Ga-li-lê rao-giảng » và khi Ngài tỏ mình ra cho công-chúng lần đầu như Mác đã chép, thì có sự kinh-ngạc về sự dạy-dỗ của Ngài. Ngay lúc ấy, một phép lạ đã làm cho ai nấy đều sửng-sò ; những việc đó được làm là để tỏ ra rằng Chúa Jêsus muốn người ta tiếp-nhận sứ-điệp của Ngài, tin-cậy Ngài và không nhìn nơi Ngài là một người chỉ làm phép lạ.

Sự Ngài tỏ mình được ghi-chép là ở Ca-bê-na-um thay vì ở Na-xa-rét là quê nhà của Ngài bấy giờ. Việc đó xảy ra nhằm ngày Sa-bát, và Ngài cần-thận tuân giữ ngày đó không một khuyết-điểm, Ngài đã nêu lên một gương cho tín-đồ của Ngài và thế-gian. Ngài đã ở trong « nhà hội » nơi người Do-thái thường họp để cầu-nguyện, đọc và giải nghĩa Kinh-thánh. Chính ở đó và chắc đó là ngày Sa-bát đầu-tiên sau khi Ngài đến Ca-bê na-um mà Ngài được dịp dạy-dỗ. Ngài đã khiến mọi người cảm-động tức-khắc và sâu-xa : « Chúng đều cảm-động về sự dạy-dỗ của Ngài, vì Ngài dạy như có quyền-phép, chớ chẳng phải như các thầy thông-giáo đâu. » Chẳng những tinh-chất của lời rao-giảng thôi, nhưng cả cách-điệu của Ngài nữa đã làm cho họ ngạc-nhiên. Trái với các thầy thông-giáo, Ngài nói « như có quyền-phép. » Nhưng thầy thông-giáo không phải là thiếu sự quả-quyết và tự-tin ; rõ-ràng là họ độc-đoán và thiếu sự khoan-dung ; lời nói của họ luôn luôn dựa vào quyền-thế mà thực-sự không thuộc về họ. Họ là

những người chuyên-môn nghiên-cứu và thông-giải Kinh-Thánh Cựu-ước, nhưng họ chỉ nhắc những điều mà người khác đã nói ; họ chỉ dẫn-chứng các « quyền-phép. » Lời nói của Chúa Jêsus có quyền-phép của sự tự-tin, Ngài nói lên những lời chắc-chắn tuyệt-đối, quyền-năng của Ngài là quyền-năng của sự sáng-suốt thiên-thượng. Sự khác-biệt này, người nghe nhận thấy ngay trong âm-thanh và quyền-lực của lời nói ; sự khác biệt như vậy ngày nay ta cũng có thể nhận thấy giữa các thầy giảng-dạy. Một đảng thì lớn tiếng quả-quyết theo tin-điều và các lễ thật vay mượn và các tin-ngưỡng cổ-truyền nên không gây được một ấn-tượng gì ; còn một đảng thì lời chứng thuật êm-nhẹ khiêm-tốn và kinh-nghiệm thực-sự về lòng tin-phục thiêng-liêng, và về cảnh-tượng mà bản-thân đã trông thấy, nên khiến chúng ta phải chú ý và tin-phục.

Lời giảng-dạy của Chúa Jêsus thật là quan-trọng vào bậc nhất ; còn các phép lạ của Ngài thì có một giá-trị vĩ-đại vì nó chứng-thực sứ-mạng của Ngài và khiến cho người ta tin-trởng ở lời giảng-dạy của Ngài. Mác đã nhấn mạnh về các phép lạ này và bài tường thuật của người đã gây nơi độc-giả một ấn-tượng sâu-sắc về quyền-phép thiên-thượng của Con Đức Chúa Trời mà chức-vụ đã được người kể lại.

Có một điều chúng ta đặc-biệt cần chú-ý là phép lạ thứ nhất đã cho chúng ta thấy những quyền-lực siêu-phàm của cõi ác đã áp-chế loài người nhưng tỏ ra bất-lực trước sự hiện-diện của Đấng Christ. Các phép lạ cùng loại như thế đã được chép nổi bật trong sách Tin-lành Mác ; và phép lạ mở đầu sách này được dùng để chứng-tỏ sức mạnh của phe đối-lập với Đấng Christ, sự cần-thiết của chức-vụ Ngài và quyền-năng của sự cứu-rỗi vô-địch của Ngài.

Phép lạ đã được thi-hành trong nhà hội là nơi Chúa Jêsus vẫn giảng-dạy ; hình như nó được thi-hành giữa lúc lời giảng của Ngài bị đứt đoạn, vì chúng ta đọc thấy : « Cũng một lúc ấy, trong nhà hội có người bị tà-ma ám, kêu lên rằng : Hỡi Jêsus, người Na-xa-rét, chúng tôi với Ngài có sự gì chẳng ? Ngài đến để diệt chúng tôi sao ? Tôi biết Ngài là ai : là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời. »

Thực sự thì người này « bị tà-ma ám » tức là người đã hoàn-toàn bị quyền-phép của ma-quỉ bao-vây và bắt-phục. Người đó không bị bệnh về thân-thể hay thần-kinh ; người đó thực sự bị quỉ ám ; nếu không phải như vậy thì Chúa Jê-sus đã làm một trò giả-tạo và lừa-bịp ; nhưng Ngài quở tà-ma : « Hãy nín đi, ra khỏi người này ! »

Dù người ấy ở trong tình-trạng nào mặc lòng thì việc ấy cũng cho ta thấy rõ quyền-lực của tội-lỗi đã áp-chế người. Tánh ghen-ghét, hoặc dục-vọng, hoặc tham-lam, hoặc lường-gạt, hoặc nghi-ngờ ám-ảnh trên tâm-linh loài người một cách tàn-ác. Một người bị ám-ảnh như vậy hình như có hai bản-tính chống-đối nhau ; họ ngạc-nhiên về những điều họ nói và làm ; họ cảm thấy không thể tránh được những điều họ chọn và muốn ; họ chỉ mong-mỏi có một sức nào ở ngoài họ để cứu họ ; và Chúa Jê-sus, vị Giáo-sư đã quở-trách tội-lỗi đang ở gần ta, và Ngài cũng là Đấng cứu ta khỏi tội.

Chính người đó đã đến với Chúa, với sự mong-ước rõ-rệt được chữa lành mà lại kêu-la với Ngài một cách tức giận và sợ-hãi. Trước khi Chúa Jê-sus hỏi người — chính là con quỉ ở trong người đã tỏ sự chống-đối giữa thiện và ác — sự chống-đối đó đã khiến một linh-hồn tội-lỗi run-sợ trước sự hiện-diện của Đấng Christ, vì thấy nó kêu lên rằng : « Hỡi Jê-sus, người Na-xa-rét, chúng tôi với Ngài có sự gì chẳng ? » Tiếng kêu sau này có phải « Ngài đến để diệt chúng tôi sao ? » Tỏ sự lo-sợ bị hình-phạt luôn luôn đi cặp với ý-thức về tội-lỗi. Câu, « Tôi biết Ngài là ai : Là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời » chứa-đựng sự công-nhận cách đột-nhiên về ngôi-vị thiên-thượng và công-việc của Chúa Jê-sus-Christ. Chắc-chắn đức-tin là một điều khác hẳn với sự hiểu biết, tin-ngưỡng và sự xưng tội : « Ma-quỉ tin biết có Chúa và run-sợ. » Lời chứng do một nguồn gốc ô-uế như thế không đẹp lòng Đấng Christ. Lập tức Ngài đã quở-trách quỉ bằng một lời vừa đẹp-đẽ vừa nghiêm-ngự : « Hãy bị khóa mõm lại ! », Ngài la lên như Ngài nói với một con thú rừng ; và rồi Ngài phán ra một mệnh-lệnh thiên-thượng : « Ra khỏi người này ! » Mặc kệ những lời phân-trần của ma-quỉ, Chúa đã nhận

biết sự mong-mỏi của linh-hồn người và Ngài đã đáp lại bằng một sự tiếp-cứu tức-khắc. Dầu vậy, không một qui nào ra khỏi người ta mà không vật lộn và làm cho đau-đớn, « Tà-ma bèn vật mạnh người ấy, cất tiếng kêu lớn, và ra khỏi người. » Theo lời của Mác, hiệu-quả của phép lạ trên cử-tọa ở nhà hội đã làm cho ai nấy sùng-sờ, rồi đi đến chỗ tôn-sùng và sợ-hãi; song le lời dạy-dỗ có kèm theo phép lạ thì không bao giờ quên được. Cái này làm cho cái kia thêm nổi bật. Cách của Ngài dạy-dỗ là một điều làm kinh-ngạc, nhưng quyền-năng Ngài sai khiến tà-ma và sự vâng-phục tức khắc của chúng là một điều kinh-ngạc thứ hai như đã được diễn-tả bởi những tiếng kêu vì bị kích-động : « Cái gì vậy ? Sự dạy-dỗ mới sao ! Người này lấy quyền-phép sai-khiến đến tà-ma, mà nó cũng phải vâng lời ! » Lời nói và việc làm của Chúa Jê-sus lúc nào cũng đi đôi với nhau. Những việc Ngài dạy-dỗ và tự-xưng đều được tỏ rõ bởi địa-vị hiện-tại của Ngài và công-việc của Ngài. Tất cả những việc đó cho biết Chúa Jê-sus không phải chỉ là một tiên-tri phạm-nhân hay một người làm phép lạ, nhưng là Con Đức Chúa Trời từ trời làm các việc lạ-lùng.

Vậy chúng ta không lấy làm lạ rằng tin Chúa xuất-hiện lần đầu ở nhà hội tại Ca-bê-na-um được « đồn ra khắp cả miền xung-quanh xứ Ga-li-lê » và đám đông đó mà Mác luôn nói tới, từ nay kéo nhau theo Thầy bất cứ chỗ nào mà Thầy đi.

4. Bà già Phi-e-rơ

Đoạn 1 : 29-31

« ²⁹ Vừa ở nhà hội ra, Chúa và môn-dỗ đi với Gia-cơ cùng Giăng vào nhà Si-môn và Anh-rê. ³⁰ Vả, bà già Si-môn đương nằm trên giường, đau rét; tức thì chúng thưa với Ngài về chuyện người ³¹ Ngài bèn lại gần, cầm tay người đỡ dậy; bình rét dứt đi, và người bắt tay hầu-hạ. »

Trong ngày Sa-bát đầu-tiên đáng ghi-nhờ của chức-vụ công-khai, sau khi giảng-dạy xong, Chúa Jê-sus theo Phi-e-rơ và Anh-rê đến nhà họ vì Ngài thấy trong gia-đình đó đặc-biệt cần sự giúp-đỡ yêu-thương của Ngài. Theo lời

Mác đã mô-tả rõ-ràng thì bà gia của Si-môn «đương nằm trên giường, đau rét.» Ngay cả trong vòng những người theo Đấng Christ cũng có những tấm lòng đau-đớn cần được an-ủi và cũng có những linh-hồn khổ-sở cần được chữa lành. Nếu hình-ảnh của ma-qui là sự bạo-tàn ghê-gớm của tư-dục, thì có lẽ con người đau-khổ thao-thức trong nhà Phi-e-rơ có thể là tiêu-biểu cho sự khổ-sở do sự-sệt lo-lắng, hãi-hùng, thêm muốn, nóng giận, vội-vàng mà ra. Dù ở nhà hội đồng-đảo hay trong cánh nhà yên-tĩnh, thì Chúa Jê-sus vẫn sẵn-sàng và đủ năng-lực chữa lành. Lễ tất-nhiên, đó không phải là mục-đích chính của Chúa dạy ta như vậy. Chính vì Ngài yêu-mến và thương-xót họ mà: «Ngài bèn lại gần, cầm tay người đỡ dậy.» Mác đã ghi-chép nhiều lần việc Ngài đặt tay để chữa bệnh. Việc đó khiến cho bức tranh thêm linh-động và cho ta biết về sự dịu-dàng, âu-yếm và gần-gũi của Đấng Christ đối với chúng ta. Hơn nữa, đây là một sự cầm tay có quyền-phép «Ngài... cầm tay người đỡ dậy; bệnh rét dứt đi, và người bắt tay hầu-hạ.» Thế là bệnh hoàn toàn dứt tức-khắc. Sự cầm tay đã truyền cho người bệnh sức mạnh, và tất-nhiên cũng đã làm này-nở, tăng thêm đức-tin cho người. Chắc-chắn sự chữa lành khiến người biết ơn và yêu-thương. «Người bắt tay hầu-hạ»; ngày nay nhiều gia-đình mong-đợi sự giúp-đỡ hết sức khiêm-tốn, kiên-nhẫn và tận-tâm của những tấm lòng bôn-chồn, đau-đớn đã được bình-yên và được chữa lành bởi Chúa.

5. Chức-vụ khi mặt trời lặn.

Đoạn 1 : 32 - 34

«³² Đến chiều, mặt trời đã lặn, người ta đem mọi kẻ bệnh và kẻ bị quỷ ám đến cùng Ngài. ³³ Cả thành nhóm lại trước cửa. ³⁴ Ngài chữa lành nhiều kẻ đau các thứ bệnh, và đuổi nhiều quỷ, chẳng cho phép các quỷ nói ra, vì chúng nó biết Ngài. »

Đó là một quang-cảnh đáng chú-ý và cảm-động mà Mác đã phác-họa. Cái ngày giảng-dạy dài đó tuy đã mãn, nhưng khoảng thời-gian đó cũng đủ làm cho tin-tức về phép lạ phi-thường mà Chúa Jê-sus đã làm trong nhà hội

lan-tràn khắp cả Ca-bê-na-um ; và bây giờ, trong chiều tối mát-mẻ, đám dân-chúng nhóm lại tại một nhà có một kẻ đau khác cũng được chữa lành. Theo như luật-lệ của người Do-thái, chắc-chắn họ sẽ đợi cho tới khi mặt trời lặn đánh dấu ngày Sa-bát hết để họ lại có thể tự-do đem « mọi kẻ bệnh và kẻ bị quỷ ám đến cùng Ngài. Cả thành nhóm lại trước cửa. Ngài chữa lành nhiều kẻ đau các thứ bệnh. » Ma-thi-ơ nói rằng : « Ngài đều chữa lành cả. » Mặc kệ những người được chữa bệnh nhiều lắm và ông ghi rõ-ràng Chúa Jê-sus « đuổi nhiều quỷ ». Lẽ tất-nhiên kết- quả của tin-tức về phép lạ lúc sáng sớm là có nhiều người bị quỷ-ám được đem đến gặp Chúa Jê-sus. Nhưng trong trường-hợp đuổi quỷ đầu-tiên thì Chúa Jê-sus không cho phép họ xưng sự hiểu biết siêu-phàm của họ về Ngài ; Ngài không thể nhận lời làm chứng do một nguồn-gốc như vậy. Ngài quở-mắng quỷ, Ngài giải-thoát những nạn-nhân khỏi quyền-lực của chúng nó ; Ngài chữa vô-số bệnh-nhân.

Đó là một bức tranh ngày nay cần phải được vẽ lại trong đầu óc nhiều người. Giữa bóng đen và bí-mật của sự khỗ-sở và đau-đớn, Cứu-Chúa đứng đó ; chung-quanh Ngài, những kẻ mà tội-lỗi đã làm cho họ trở nên bệnh-tật, kẻ buồn-rầu, kẻ thiếu tinh-thương, kẻ đơn-độc, kẻ phiền-não, kẻ bị cám-dỗ, kẻ tuyệt-vọng, kẻ bị hư-mất đều được nhóm lại ; sự rời tay của Ngài « vẫn còn quyền-năng như trước ; vì lòng thương-xót Ngài chữa lành tất cả mọi người và họ ra về vui-vẻ. Về phần ta, ta không thể đem lại một người trong thành-phố đến với Ngài sao ? Không có một người nào mong-đợi chúng ta mời họ, hoặc giúp-đỡ để họ có thể đến với Ngài, để cảm thấy quyền-phép chữa lành bởi bàn tay Ngài rời tới họ sao ?

6. Chúa Jê-sus lui về Ca-bê-na-um lần đầu-tiên.

Đoạn 1 : 35 - 39

« ³⁵ Sáng hôm sau, trời còn mờ-mờ, Ngài chờ đây, bước ra, đi vào nơi vắng-vẻ, và cầu-nguyện tại đó. ³⁶ Si-môn cùng đồng-bạn đi tìm Ngài. ³⁷ Khi kiếm

được thì thưa rằng : « Hết thầy đương tìm thầy. ³⁸ Ngài phán : Chúng ta hãy đi nơi khác, trong những làng xung-quanh đây, để ta cũng giảng đạo ở đó nữa ; vì ấy là cốt tại việc đó mà ta đã đến. ³⁹ Ngài trải khắp xứ Ga-li-lê, giảng-dạy trong các nhà hội và đuổi quỷ.»

Đề hiểu rõ hơn về sự diễn-tiến nhanh-chóng và sinh-lực mạnh-mẽ là những đặc-điểm của Tin-Lành Mác, không gì bằng xem lại nội-dung của đoạn thứ nhất, mặc dù trong vòng có mấy câu mà đã chép không biết bao nhiêu biến-cổ kế-tiếp nhau từ sự giảng-đạo của Giảng Báp-tít, báp-têm và sự cảm-dỗ Chúa Jê-sus, sự kêu-gọi các môn-đồ đến những việc đã xảy ra trong ngày Sa-bát bận-rộn ở Ca-bê-na-um. Đoạn này làm nổi bật một sự tương-phản, ấy là khi ta thấy Chúa Jê-sus lên ra khỏi đám đông để đi ở một mình và sau khi giảng-dạy ở Ga-li-lê, Ngài lui vào cảnh vắng-vẻ của những chốn quanh-hiu.

Tuy-nhiên, những thời-kỳ đi ở ẩn này cũng thật là nét đặc-sắc của Tin-lành như những cảnh hoạt-động vất-vả và những sự lao-khổ không nghỉ-ngơi. Thật vậy, có mấy nhà chép sách đã coi những thời-kỳ mà Ngài rút-lui sau khi giảng-dạy dân-chúng có cả đến chục lần — như đã chép rõ ràng— là những cái dấu đề phân-chia các thời-kỳ riêng biệt của chức-vụ Chúa chúng ta.

Mục-đích của sự rút lui này đã được nêu rõ : Chính đó là để có dịp cầu-nguyện một mình. Cần phải thức dậy lúc còn sớm và rời khỏi chốn đô-hội. « Trời còn mờ-mờ, Ngài chờ-dậy, bước ra, đi vào nơi vắng-vẻ, và cầu-nguyện tại đó. » Sự việc ngán-ngủ này đem lại cho lòng những môn-đồ của Chúa ngày nay những bài học rất sâu-sắc. Ngài cần cầu-nguyện. Ngày trước đây, chính Ngài đã tỏ quyền-năng của Ngài trên ma-quỉ và bịnh-tật ; chính Ngài đã làm cho người ta kinh-ngạc càng hơn vì lời giảng-dạy phong-phú và có quyền-phép của Ngài ; chính Ngài mà cả thành-phố đều kinh-ngạc về quyền-phép Ngài — « đã bước ra... và... cầu-nguyện. » Sự cầu-nguyện rất cần-thiết cho chúng ta biết chừng nào ! Nếu giảng-dạy là bổn-phận của chúng ta thì chức-vụ yêu-thương chữa lành

là một đặc-ân Chúa ban cho chúng ta ; và nếu Thầy chúng ta cần tìm-kiếm quyền-năng và giúp-đỡ bằng sự cầu-nguyện thì chúng ta lại càng cần phải tìm-kiếm nhiều hơn sức lực bằng cách không hề sai đó.

Tuy-nhiên, thói quen cầu-nguyện đòi-hỏi một thi-giờ nhất-định và một chỗ thích-hợp. « Sáng hôm sau, trời còn mờ-mờ, Ngài chờ dậy, bước ra, đi vào nơi vắng-vẻ, và cầu-nguyện tại đó. » Thi giờ ban sáng là thi giờ tốt nhất. Đáng lẽ, Ngài đã bị kiệt sức bởi sự hoạt-động không ngừng của ngày trước, nhưng đối với Ngài sự cầu-nguyện là một sự cần-thiết vô-cùng, nên Ngài dậy sớm trước khi hừng đông để cầu-nguyện cho được sức mới. Lại nữa, Ngài thấy cần có một chỗ để có thể ở riêng-biệt một mình. « Ngài... bước ra, ... đi vào nơi vắng-vẻ ». Có thể cầu-nguyện trong thành-phố và ở giữa những đám đông tại đô-thị ồn-ào, nhưng nơi yên-tĩnh giúp ích ta nhiều- và những « nơi vắng-vẻ » cần phải có. Cũng không thể luôn luôn rời thành-phố nhưng ta có thể cứ vâng lời truyền-dạy của Ngài : « Khi người cầu-nguyện, hãy vào phòng riêng, đóng cửa lại, rồi cầu-nguyện Cha người, ở nơi kín-nhiệm đó ; và Cha người, là Đấng thấy trong chỗ kín-nhiệm, sẽ thưởng cho người. »

Song Chúa chúng ta, dù ở chỗ vắng-vẻ cũng không tránh khỏi những kẻ tới kiếm Ngài và không bao giờ Ngài được ở lâu mà không bị cản-trở, « Si-môn cùng đồng-bạn đi tìm Ngài. Khi kiếm được thì thưa rằng: Hết thầy đương tìm thầy. » Không bao giờ Chúa Jêsus lộ vẻ không bằng lòng về những sự cản-trở như vậy. Đối với những người đến quấy rầy, Ngài luôn luôn tỏ ra mềm-mại và yêu-thương. Trong lúc đó Ngài không đòi-hỏi phải để nhiều thi giờ hơn cho sự cầu-nguyện, Ngài đã dậy sớm trước khi những lời cầu xin được dâng lên Ngài; hơn nữa, Ngài đã lợi-dụng cơ-hội để cho các môn-đồ Ngài biết lý-do khác đã khiến Ngài rời khỏi Ca-bê-na-um. « Ngài phán : Chúng ta hãy đi nơi khác, trong những làng xung-quanh đây, để ta cũng giảng đạo ở đó nữa ; vì ấy là cốt tại việc đó mà ta đã đến ». Ở đây Ngài lại giao một sứ-mạng cho các môn-đồ trong tất cả những năm sắp tới. Chúa Jêsus đến trong những miền xa hơn, Ngài biết Ngài được

dân ở Ca-bê-na-um yêu-mến. Cả thành-phố này đã tập-hợp chung-quanh Ngài lúc chiều tối của ngày Sa-bát trước đây. Theo ý của những kẻ theo Ngài, đó là lý-do đủ để cho Ngài tiếp-tục chức-vụ ở đây. Chúa thì có lý-lẽ khác. Ở Ca-bê-na-um, người đã có cơ-hội được nghe sứ-mạng của Ngài và đã được Ngài chữa bệnh. Bây giờ Ngài nghĩ đến những nơi cần Ngài hơn. Chương-trình của Ngài không có tính-cách hẹp-hòi, địa-phương hay ích-kỷ. Ngài mong giảng đạo ở những nơi mà sứ-mạng của Ngài chưa ai được nghe : Ngài muốn cứu những người chưa được dịp nhận lấy sự sống. Bởi lẽ đó nên đã có một thời-gian Ngài rời khỏi Ca-bê-na-um để vào các nhà hội khắp cả Ga-li-lê mà rao-giảng và đuổi quỷ.

7. Chúa Jêsus chữa kẻ phung.

Đoạn 1 : 40 - 45

« ⁴⁰ Có một người phung đến cùng Ngài, quì xuống cầu-xin rằng : Nếu Chúa khứng, có thể khiến tôi sạch được. ⁴¹ Đức Chúa Jêsus động lòng thương-xót, giơ tay sờ người, mà phán rằng : Ta khứng, hãy sạch đi. ⁴² Liền khi đó, phung lặn mắt, người trở nên sạch. ⁴³ Tức thì Đức Chúa Jêsus cho người ra, lấy giọng nghiêm phán rằng : ⁴⁴ Hãy giữ, chớ tỏ điều đó cùng ai ; song khá đi tỏ mình cùng Thầy tế lễ, và vì người được sạch, hãy dâng của-lễ theo như Môi-se dạy, để điều đó làm chứng cho họ. ⁴⁵ Nhưng người ấy đi, đồn việc đó ra, tới đâu cũng thuật chuyện, đến nỗi Đức Chúa Jêsus không vào thành cách rõ-ràng được nữa ; song Ngài ở ngoài, tại nơi vắng-vẻ ; và người ta từ bốn phương đều đến cùng Ngài. »

Trong những việc xảy ra trong vòng đi giảng đạo thứ nhất ở Ga-li-lê của Chúa, Mác chỉ ghi lại một việc có ý-nghĩa như việc chữa lành người bị quỷ ám, phép lạ mở đầu cho chức-vụ của Chúa Jêsus. Giờ đây Ngài đã chữa lành một người phung. Nếu phép lạ trước tượng-trưng cho quyền-năng của Đấng Christ giải-thoát khỏi sự bọ-tàn của tội-lỗi, thì phép lạ sau là hình-ảnh của năng-lực cứu-giúp khỏi sự bại-hoại của tội-lỗi.

Bệnh phung được coi như ghê-tởm và khủng-khiếp hơn

hết các chứng-bệnh. Nó hiện ra dưới nhiều hình-thức khác nhau nhưng dấu-hiệu không thay đổi của nó là bần-thiểu nhơ-nhớp. Người phung là người đã bị trục-xuất. Họ bị bắt-buộc phải sống xa nơi có người ở. Họ phải dùng một khăn-trang để che miệng lại, và đi đến đâu cũng phải báo hiệu trước bằng cách la lên « Ô-uế ! Ô-uế ! » Trường-hợp của họ được coi như tuyệt-vọng, họ bị kể như đã chết. Bệnh phung thật đúng là dấu-hiệu của tội-lỗi vì nó thật là gớm-ghiếc, tiến-triển ngấm-ngấm, làm bại-hoại, hay lây, phải cách-ly vì ô-uế về phương-diện nghi-lễ và thê-xác. Câu chuyện đã được kể một cách linh-động này là một thí-dụ về quyền-năng làm sạch, chữa lành và phục-hưng do bàn tay ân-điễn của Đấng Christ. Ngoài sự tượng-trưng đầy ý-nghĩa, câu chuyện này biểu-lộ quyền-năng thiên-thượng và tình yêu-thương của Chúa nữa. Tình-cảnh người phung khờ-sở đó thật đáng thương, và khi người tới gần Chúa thì thốt lên lời van-xin kỳ-lạ : « Nếu Ngài khùng, có thể khiến tôi sạch được. » Điều này giải-tỏ một yếu-tố mới trong những phép lạ của Chúa Jêsus mà Mác đã kể. Đây là một sự xung ra đức-tin, tuy-nhiên đức-tin cũng đã được nói trong những trường-hợp khác, nhưng ở đây được nêu lên một cách mạnh-mẽ làm ta phải chú-ý ngay. Đây là một người xin Chúa làm một việc mà không thầy thuốc phàm-nhân nào dám thử làm. Người phung đó biết chắc-chắn quyền-năng của Chúa, chỉ có một câu hỏi là Ngài có bằng lòng không. Chúa Jêsus đã đáp lời tức-khắc : « Đức Chúa Jêsus động lòng thương-xót, giơ tay rờ người, mà phán rằng : Ta khùng hãy sạch đi. Liền khi đó, phung lặn mất, người trở nên sạch. » Như vậy Mác đã còi-mở cho ta tấm lòng của Chúa và nói lên cái cử-chỉ của Ngài do lòng thương-xót. Hơn nữa, Mác vẽ rõ hình-ảnh Chúa Jêsus đang rờ người phung ; ngoài sự biểu-hiện cảm-tình của Chúa, việc đó tăng-cường đức-tin của kẻ cầu-xin và làm giạt mình những kẻ chứng-kiến và tất cả những ai đã rụt lại không dám tiếp-xúc với người phung. Rồi Chúa Jêsus phán lời quyền-phép làm bệnh phung hết ngay tức-khắc. Do lòng cảm thương này, Chúa truyền cho những kẻ theo Ngài một sứ-mạng : Trong khi hầu việc Ngài, họ phải sẵn-sàng đưa tay ra với thiện-cảm, giúp-

đỡ và chữa lành cho kẻ khác.

Đối với tất cả những ai đã biết đến bàn tay ân-diên của Đấng Christ, mệnh-lệnh theo sau sự chữa bệnh ấy là một bài học dạy họ phải sẵn-sàng vâng lời : « Hãy giữ, chớ tỏ điều đó cùng ai; song khá đi tỏ mình cùng thầy tế-lễ, và vì người được sạch, hãy dâng của-lễ theo như Môi-se dạy, để điều đó làm chứng cho họ.» Nguyên-nhân có mệnh-lệnh nghiêm-ngộ đó là vì Ngài sợ rằng việc chữa bệnh đó sẽ được truyền rộng ra làm cho người ta ham-thích việc chữa bệnh hơn là nghe lời giảng-dạy của Ngài, và họ đề ý vào công-việc của Ngài hơn là vào lời nói của Ngài. Và lại, khi đã được chữa lành, người phung vẫn được tẩy sạch theo nghi-thức. Việc người đi đến ngay thầy tế-lễ sẽ giữ người khỏi làm gián-đoạn sự dạy-dỗ của Chúa và làm chứng cho những người có chức trọng quyền cao trong đạo về quyền-năng thiên-thượng không chối-cãi được của Chúa Jêsus. Lễ-vật mà người đó sẽ đem dâng là đề tỏ lòng biết ơn đối với Đức Chúa Trời. Song người đó đã cố ý không vâng lời : « Nhưng người ấy đi, đồn việc đó ra, tới đâu cũng thuật chuyện.» Có lẽ người đó nghĩ rằng làm như vậy là tỏ lòng biết ơn. Sự biết ơn đúng-đắn là làm những điều Chúa truyền-dạy. Có những kẻ ngày nay tin rằng họ đã được lành nhờ Đấng Christ rờ tới họ và họ tự lừa-dối mình khi tin rằng họ cứ làm môn-đồ trong bóng tối thì sẽ hầu việc Ngài đắc-lực hơn. Nhưng mệnh-lệnh cho tất cả chúng ta là phải xưng Ngài ra trước người khác; chỉ có sẵn-sàng vâng-phục như vậy chúng ta mới phục-vụ chính-nghĩa của Chúa chúng ta.

Việc người phung được chữa lành không chú-ý đến mệnh-lệnh của Chúa Jêsus đưa đến kết-quả đúng như Ngài thấy trước : « Đức Chúa Jêsus không vào thành cách rõ-ràng được nữa.» Ngu-xuân cố ý của một người đã ngăn-trở bao nhiêu người trong thành-phố nghe lời Chúa và gặp Ngài. Tuy vậy, công-việc của Ngài cũng không hoàn-toàn bị ngưng-trệ vì « người ta từ bốn phương đều đến cùng Ngài.» Ý muốn của Đấng Christ đối với mọi người và mọi thời không phải bao giờ cũng giống nhau; chúng ta sống trong một thời-đại mà Ngài muốn rằng những ai được chữa lành hãy làm chứng công-khai cho Ngài.

Chúng ta có vâng-phục Chúa bằng cách nói lên lòng yêu-mến biết ơn của chúng ta đối với Ngài hay là giấu-diếm công-việc cứu-rỗi của Ngài ?

8. Chúa Jêsus tha tội.

Đoạn 2 : 1-12

« ¹ Khỏi một vài ngày, Đức Chúa Jêsus trở vào thành Ca-bê-na-um, và chúng nghe nói Ngài ở trong nhà. ² Họ họp lại tại đó đông lắm, đến nỗi trước cửa cũng không còn chỗ trống ; Ngài giảng đạo cho họ nghe. ³ Bấy giờ có mấy kẻ đem tới cho Ngài một người đau bại, có bốn người khiêng. ⁴ Nhưng, vì đông người, không lại gần Ngài được, nên dỡ mái nhà ngay chỗ Ngài ngồi, rồi do lỗ đó dùng giường người bại nằm xuống. ⁵ Đức Chúa Jêsus thấy đức-tin họ, bèn phán cùng kẻ bại rằng : Hỡi con ta, tội-lỗi ngươi đã được tha. ⁶ Và, có mấy thầy thông-giáo ngồi đó, nghĩ thầm rằng : ⁷ Sao người này nói như vậy ? Người nói phạm-thượng đó ! Ngoài một mình Đức Chúa Trời, còn có ai tha tội được chăng ? ⁸ Đức Chúa Jêsus trong trí đã hiểu họ tự nghĩ như vậy, tức thì phán rằng : Sao các người bàn-luận trong lòng thế ấy ? ⁹ Nay bảo kẻ bại rằng : Tội ngươi đã được tha ; hay là bảo người rằng : Hãy đứng dậy vác giường mà đi ; hai điều ấy điều nào dễ hơn ? ¹⁰ Và, để cho các người biết Con người ở thế-gian có quyền tha tội, thì Ngài phán cùng kẻ bại rằng : ¹¹ Ta biếu ngươi, hãy đứng dậy, vác giường đi về nhà. ¹² Kẻ bại đứng dậy, tức thì vác giường đi ra trước mặt thiên-hạ ; đến nỗi ai nấy đều lấy làm lạ, ngợi-khen Đức Chúa Trời, mà rằng : Chúng tôi chưa hề thấy việc thế này. »

Trong vòng đi đầu-tiên của Chúa Jêsus ở Ga-li-lê, Mác chỉ thuật lại một chuyện chữa lành người phung là dấu-hiệu về quyền-năng của Đức Chúa Jêsus làm sạch tội-lỗi. Khi trở về Ca-bê-na-um, Chúa Jêsus làm một phép lạ để tỏ rằng Ngài có quyền tha tội. Việc này đánh dấu một sự phân chia rõ-rệt về thời-kỳ thứ nhất của chức-vụ Chúa Jêsus. Tới chỗ này, sách chỉ cốt chép về sự chữa lành những kẻ bị quỷ ám và những bệnh thuộc-thể ; phần sau này nói lên một cách đầy-đủ rằng sứ-mạng thật

sự của Chúa Jêsus chính là chữa bệnh tội-lỗi là bệnh quan-trọng hơn.

Ta thấy một sự khác-biệt rõ-rệt hơn trong sự chống-ngịch Chúa Jêsus hiện đang lộ ra. Trong đoạn đầu của Tin-lành Mác, chúng ta thấy Chúa được nhiều người yêu-chuộng và ngay cả làm Ngài phải lúng-túng nữa. Tới đoạn thứ hai thì bắt đầu chép về sự tranh-chấp. Dân-chúng vẫn còn kéo nhau đến quanh Ngài ; nhưng nhà cầm quyền không bằng lòng vì các điều Ngài tự xưng ; họ lấy làm khó chịu vì Ngài tiếp đón những kẻ có tội, và tức giận vì lời dạy-dỗ của Ngài đã đề-cập sự kiêng ăn và sự giữ ngày Sa-bát.

Sự tự xưng làm cho nhà cầm quyền tức giận nhất là lúc Chúa Jêsus chữa người bại. Bệnh của người này trầm-trọng hơn « bệnh bại » mà người ta thường gọi, đó là bệnh « kinh-phong tê-liệt ! » Sự điều-khiển của bắp thịt đã mất, và thỉnh-linh cơn động-kính đau-đớn kịch-phát khi người bệnh té nằm quần-quai khổ-sở không phương cứu chữa ; nếu cơn động kính thường xảy ra nhiều hơn, chỉ có chết thì mới hết bệnh. Người bại mà Chúa Jêsus chữa đây mắc một chứng-bệnh tội-lỗi còn ghê-gớm hơn mà tiêu-biểu là bệnh đáng sợ này, chắc do tội-lỗi mà ra. Người đó được bốn người bạn đem đến cho Chúa, quyết tâm và lòng hăng-hái của họ có thể làm gương hoặc khiển-trách những kẻ tự xưng là lo hạnh-phúc thiêng-liêng cho kẻ khác mà làm việc một cách tắc-trách để đem những người khác về với Chúa.

Bốn người bạn đó đem người bệnh trên một cái giường hay một chiếc thảm ; họ tới gần ngôi nhà mà Chúa đang giảng-day, nhưng chỉ thấy lối đi của họ bị đám đông người làm nghẽn cả ; không e-ngại, họ leo cầu thang ở phía ngoài lên chiếc mái bằng-phẳng của ngôi nhà thấp đó, họ dỡ ngói hoặc các tấm che, vượt qua các chường-ngại-vật và dòng người bệnh xuống ngay trước mặt Chúa Jêsus giữa sự kinh-ngạc của mọi người.

Việc làm của họ thật là khác thường, có thể là thô-lỗ và vô-ý-thức ; nhưng nó đã tỏ ra với Chúa Jêsus

đức-tin họ và cho người bịnh thông-cảm rằng họ thấy rõ nhu-cầu thiết-yếu của người và họ tin-tưởng tuyệt-đối rằng Chúa Jê-sus có thể chữa lành. Có thể những phương-pháp mới-mẻ đề đem các linh-hồn trở về cùng Chúa Jê-sus có hiệu-quả hơn nếu ít theo lẽ-lối xưa, nếu linh-hoạt hơn và gây kinh-ngạc hơn. Thật vậy, dưới hình-thức nào chăng nữa, các phương-pháp ấy đã gây một ấn-tượng về tinh-thần sốt-sắng cao-độ, phải bày-tỏ một sự tin-tưởng chắc-chắn rằng nếu không có Chúa Jê-sus thì vô hi-vọng và chỉ một mình Chúa Jê-sus có quyền cứu mà thôi.

Chúa Jê-sus nhận biết đức-tin của người bịnh và của bạn-hữu người nữa, và đã đáp lại bằng một lời phán khiến cho những người nghe còn kinh-ngạc hơn là sự đỡ mái nhà. « Đức Chúa Jê-sus thấy đức-tin họ, bèn phán cùng kẻ bại rằng : Hỡi con ta, tội-lỗi ngươi được tha. » Không cần phải hỏi-han gì, Chúa Jê-sus đã đọc thấu cõi lòng; Ngài thấy người bịnh hết sức muốn được chữa lành không những cho thân-thể mà ngay cả cho liq-hồn. Ngài biết rõ sự buồn-rầu về tội-lỗi đã sinh ra bịnh-tật và sự phiến-não vì hối-hận. Vì vậy, Ngài đã lập-tức phán lời tha-thứ và bình-an. Lời tuyên-bố ấy của Chúa Jê-sus đã được đám đông tiếp lấy một cách rất chậm-chạp và thể-gian hình như đã miễn-cưỡng công-nhận. Ngài tuyên-bố rằng những bịnh về thể-xác và những nỗi đau khổ của xã-hội không nguy-kịch bằng những bị nh về tinh-thần và linh-hồn, là triệu-chứng và hậu-quả của các bịnh trên. Ngài lại tuyên-bố rằng Ngài có quyền-phép tha-thứ và cất-bỏ tội-lỗi.

Chính lời tuyên-bố đó đã khiến cho những nhà cầm-quyền Do-thái có mặt tại đó nổi lên thù-ngịch với Ngài vì họ là những người thay mặt cho những lãnh-tụ tôn-giáo không những ở Ca-bê-na-um mà ở Giê-ru-sa-lem nữa. « Có mấy thầy thông-giáo ngồi đó, nghĩ thầm rằng : Sao người này nói như vậy ? Người nói phạm-thương đó ! Ngoài một mình Đức Chúa Trời, còn có ai tha tội được chăng ? » Lý-luận của các thầy thông-giáo này thật đúng ; Jê-sus là người lộng-ngôn, Ngài đáng chết, và không có hình-phạt nào khác hơn nếu

Ngài không hiệp một với Đức Chúa Trời; và lập tức Chúa Jêsus bày-tỏ thực-chất thần-vị mà Ngài đã tuyên-bố. Trước hết Ngài tỏ ra trí-thức thiên-thượng của Ngài. Những kẻ thù-nghịch Ngài không nói lên một lời phản-đối nào; họ là những tay mặt-thám. Sự chống-nghịch với Chúa không tỏ ra công-khai nhưng Ngài đọc thấy những tư-tưởng thầm kín của họ. «Đức Chúa Jêsus trong trí đã hiểu họ tự nghĩ như vậy, tức thì phán rằng : Sao các người bàn-luận trong lòng thế ấy?» Rồi Ngài thử-nghiệm thần-vị của Ngài. «Nay bảo kẻ bại rằng: Tội người đã được tha; hay là bảo người rằng: Hãy đứng dậy vác giường mà đi; hai điều ấy điều nào dễ hơn?» Lẽ tất-nhiên, cả hai điều ấy cùng khó; nói lên một lời nào có quyền cũng cần phải có quyền-năng thiên-thượng. Ngài gọi ý chứng-nghiệm chắc-chắn quyền-năng tuyệt-vời của Ngài, Chúa phán thêm rằng : «Vả, để cho các người biết Con người ở thế-gian có quyền tha tội, thì Ngài phán cùng kẻ bại rằng: Ta biểu người, hãy đứng dậy, vác giường đi về nhà.» Trước Tin-lành này chúng ta chưa nghe thấy danh-từ «Con người» ! Ta không nên cho danh-từ này chỉ khác với danh-từ «Con Đức Chúa Trời»; nó không diễn-tả chỉ hơn-loại-tính của Chúa mà thôi, dầu là một hơn-loại-tính trọn-vẹn cao-cả. Nó có những ý-nghĩa khác rộng hơn. Đó là danh-từ mà Đa-ni-ên và các tiên-tri khác đã dùng để chỉ về Đấng Mê-si và Cứu-Chúa sẽ đến. Nó được dùng ở đây, không phải có tính-cách tự-hạ, nhưng để nêu lên sự tự xưng về quyền-năng thiên-thượng. Với tư-cách là «Con người», Chúa Jêsus tuyên-bố Ngài có quyền tha tội : và quyền đó được chứng-minh và xác-nhận bởi phép lạ đã được làm ra ngay lúc đó: «Kẻ bại đứng dậy, tức thì vác giường đi ra trước mặt thiên-hạ.» Người ta không lấy làm lạ khi Mác thêm : «Đến nỗi ai nấy đều lấy làm lạ, ngợi-khen Đức Chúa Trời, mà rằng : Chúng tôi chưa hề thấy việc thế này.» Như vậy, những phép lạ của Chúa Jêsus đã tỏ ra thần-vị của Ngài cũng như đã biểu-thị tình yêu-thương của Ngài; hơn nữa, đó là những thí-dụ về quyền-năng và lòng sẵn-sàng của Chúa muốn cứu người ta ra khỏi tội và quyền-lực của tội.

9. Chúa Jêsus ngồi chung với kẻ có tội.

Đoạn 2 : 13-17

a. Sự gọi Lê-vi

(câu 13, 14)

« ¹³ Bấy giờ, Đức Chúa Jêsus lại trở về phía mé biển ; cả dân-chúng đến cùng Ngài, rồi Ngài dạy-dỗ họ. ¹⁴ Ngài vừa đi qua thấy Lê-vi, con A-phê ; đương ngồi tại sở thu thuế, thì phán cùng người rằng : Hãy theo ta. Người đứng dậy theo Ngài. »

Cơ-hội đầu-tiên đề những người lãnh-đạo tôn-giáo hồi đó chống-nghịch Chúa Jêsus là lời tuyên-bố về quyền-năng tha tội của Ngài ; cơ-hội thứ hai là thái-độ của Ngài đối với kẻ có tội. Khi Chúa Jêsus kêu-gọi Lê-vi, tức Ma-thi-ơ, một người thu thuế, làm môn-đồ theo hầu-hạ Ngài, thì người ta hết sức kinh-ngạc trước thái-độ đó. Công-việc thu thuế không thể chứng-tỏ rằng người thu thuế là kẻ có tội, song ít ra nó khiến cho người ta nghi-ngờ họ và ngăn-trở họ không cho giao-thiệp được với những hạng người danh-giá và khả-kinh. Họ là nhân-viên của một tổ-chức chỉ chuyên cưỡng-đoạt và gian-lận. Việc thu thuế không phải thi-hành bởi những nhân-viên được chính-quyền La-mã trả lương, nhưng bởi những người đã bỏ tiền ra để mua chuộc cái đặc ân ấy, và họ hốt bạc làm giàu bằng cách áp-chế và đòi-hỏi quá mức. Công-việc thu thuế được những người đại-diện cũng như trong vòng người Giu-đa sanh-trưởng ở ngay tỉnh đó thi-hành và họ bị mọi người khinh-khi không những chỉ vì tính-nết bất-lương của họ mà còn vì họ không trung-thành với dân-tộc họ đang căm thù ách đô-hộ của người La-mã. Những kẻ thu thuế này là những kẻ ngoài lề xã-hội và xếp chung với những kẻ hư-hỏng, phạm tội. Vậy mà một người trong cái giới bị coi rẻ đó được Chúa Jêsus kêu-gọi để làm một người tùy-tùng thân-mến của Ngài thì đó quả là một sự thách-đố những thành-kiến đương-thời và là một sự xúc-phạm đặc-biệt đối với những người Pha-ri-si kiêu-căng tự cho mình là chính-trực.

Chúa Jêsus đã kêu-gọi khi Ngài rời Ca-bê-na-um tiếp-

tục giảng-day ở «bờ biển» vì ở khoảng rộng-rãi đó đủ chỗ cho đám quần-chúng đông-đảo «đến cùng Ngài».

Người được kêu-gọi để công-khai làm môn-đồ của Ngài tên là Lê-vi; có lẽ người có một tên khác là Ma-thi-ơ, hay là lúc này người mang cái tên được mọi người biết hơn. Dù tên mới hay tên cũ, bây giờ người cũng đã bước vào một chức-nghiệp mới và đã trở nên một người mới.

Sự kêu-gọi có vẻ đột-ngột và sự quyết-định có vẻ tức-khắc khi cuộc đời đã phải thay đổi trọn- vẹn. Chúa Jê-sus thấy người «ngồi tại sở thu thuế, thì phán cùng người rằng: Hãy theo ta. Người đứng dậy theo Ngài.» Tuy thế, chúng ta nên nhớ rằng người thu thuế này có lẽ không xa lạ gì với Chúa Jê-sus. Cũng như những người cùng ngụ ở Ca-bê-na-um, người đã nghe Thầy giảng-day, đã chứng-kiến những phép lạ của Ngài và đã nghe những lời hứa về Nước Đức Chúa Trời hầu đến và về ơn-phước của những kẻ theo Ngài. Bây giờ là sự kêu-gọi dứt-khoát; sự đáp-lời cũng tức-khắc và công-khai. Trước mặt đám đông, ở ngay chỗ công-việc thường ngày, người đã trở nên tín-đồ của Chúa. Ngày nay cũng có những sự trở lại đạo bất-thình-linh như vậy; nhưng mỗi một cuộc trở lại đạo như vậy thường xảy ra sau một thời-gian sửa-soan lâu dài và là kết-quả của những ảnh-hưởng từ trước. Tuy-nhiên, phải có một thời-kỳ khủng-hoảng, phải có một sự đòi-hỏi phải quyết-định, phải có một sự kêu-gọi rõ-ràng để xưng-minh giữa công-chúng và phục-vụ công-khai. Sung-sướng thay người nào giống như Ma-thi-ơ người thu thuế, trong một thì-giờ như vậy, đã biết lựa-chọn như thế.

Sự lựa-chọn này bao-hàm một sự hy-sinh lớn-lao; những sự quyết-định như vậy thường phải có sự hy-sinh như thế. Nó có nghĩa là phải mất của-cải, phải bỏ địa-vị có lợi-lộc. Nó đòi-hỏi sự đoan-tuyệt với quá-khứ. Người thu thuế này không thể thình-thoảng rời Chúa để ngồi lại ở «sở thu thuế.» Dầu vậy nó chiếm được cho Ma-thi-ơ một phần thưởng lớn.

Kẻ bị trục-xuất khinh-bĩ đã trở nên một nguồn phước cho quê-hương mình và cho thế-gian. Ma-thi-ơ đã viết một sách Tin-lành, người đã lãnh mảo triều-thiên vinh-diệu

và sáng chói không bao giờ hư-nát. Sách của người là một lời chứng vững-vàng mãi mãi về quyền-năng của Đấng Christ đã có thể thay đổi một người thâu thuế bị khinh-bí trở nên một sứ-đồ, một trước-giả sách Tin-lành và một vị thánh.

b. Bữa tiệc ở nhà Lê-vi

(Câu 15 - 17)

« 15 Đức Chúa Jêsus đương ngồi ăn tại nhà Lê-vi có nhiều người thâu thuế và kẻ có tội đồng bàn với Ngài và môn-đồ Ngài ; vì trong bọn đó có nhiều kẻ theo Ngài rồi. 16 Các thầy thông-giáo thuộc phe Phari-si thấy Ngài ăn với bọn thâu-thuế và kẻ phạm tội, thì nói với môn-đồ Ngài rằng : Người cùng ăn với kẻ thâu thuế và kẻ có tội sao ! 17 Đức Chúa Jêsus nghe vậy, bèn phán cùng họ rằng : Chẳng phải kẻ mạnh khỏe cần thầy thuốc đâu, nhưng là kẻ có bệnh; ta chẳng phải đến gọi người công-bình, nhưng gọi kẻ có tội.»

Có lẽ dễ tỏ lòng biết ơn đối với Chúa Jêsus và dễ tỏ lòng trung-thành một cách triệt-đề hơn, người môn-đồ mới này sửa-soạn một bữa tiệc mà trong đó Chúa Jêsus là vị khách danh-dự và Ma-thi-ơ cũng đã mời một số đồng bạn cũ. Có nhiều người mới trở lại đạo hết sức vui-mừng được đem những bạn cũ của họ đến gặp Chúa, và chắc-chắn không có ai lại mong rằng mình sẽ trở nên hữu-ích nhiều trong đời nếu họ không muốn cho các bạn của họ biết họ đã quyết-định làm một môn-đồ của Chúa Jêsus-Christ và nếu họ không rước Chúa vào nhà họ một cách rõ-rệt.

Chúa Jêsus bằng lòng nhận lời mời đến gặp Ma-thi-ơ ở giữa vòng «bọn thâu thuế và kẻ phạm tội», đó không phải là một sự khuyến-khích những người mới trở lại đạo cứ tiếp-tục ở trong cái xã-hội của những người không có Chúa Jêsus-Christ và cũng không phải là một sự tán-thành họ nên hợp-tác với những người không tin Chúa này trong việc làm ăn hay kinh-doanh trong xã-hội trái với ý muốn Đấng Christ. Chúng ta có thể mời Chúa lại dự tiệc cùng

bàn với chúng ta, nhưng chúng ta đừng mong rằng Ngài có thể cùng với chúng ta trở lại nơi tụ-họp của những kẻ tội-lỗi hoặc nơi làm ăn bất-chính của chúng ta.

Sự hiện-diện của Chúa Jêsus tại bữa tiệc ở nhà Lê-vi cũng cho biết rõ thái-độ của Chúa đối với những kẻ có tội và càng làm khó chịu bọn Pha-ri-si, khiến họ la lên với các môn-đồ Ngài một cách khả-ố và phản-đối một cách cay-độc : «Người cùng ăn với kẻ thu thuế và kẻ có tội sao ? » Những lời than phiền đó là một cơ-hội cho Chúa phán những lời đầy ý-nghĩa : «Chẳng phải kẻ mạnh-khỏe cần thầy thuốc đâu, nhưng là kẻ có bệnh; ta chẳng phải đến gọi người công-bình, nhưng gọi kẻ có tội.» Theo lời này, Chúa Jêsus giải-thích, bệnh-vực hành-vi của Ngài và xác-định sứ-mạng của Ngài ở thế-gian. Người thầy thuốc đến phòng bệnh-nhân hay nhà thương không phải vì ưa-thích bệnh-tật hay khoái làm bạn với kẻ tật-nguyên khổ-sở nhưng vì mong chữa lành và an-ủi họ ; vậy, Chúa Jêsus làm bạn với kẻ có tội không phải vì Ngài khuyến-khích tội-lỗi hay vui với hội người hư-hỏng, nhưng vì Ngài là Đấng chữa bệnh cho các linh-hồn, Ngài đã bằng lòng đi tới những nơi cần đến Ngài nhiều nhất và Ngài làm việc ở nơi nào tội-lỗi tàn-phá gớm-ghe nhất. Ngài đã đến trong thế-gian để cứu-vớt kẻ có tội. Tinh-hạnh của họ làm cho Ngài buồn-rầu; tội-lỗi của họ làm cho Ngài đau-đớn; nhưng muốn thi-hành nhiệm-vụ của Ngài, Ngài phải đi ra tìm-kiếm họ, Ngài phải tỏ lòng cảm-thương của Ngài đối với họ bởi sự hiện-diện và đặt tay chữa bệnh của Ngài.

Những lời này của Ngài đã đem lại cho tân-khách trong nhà Lê-vi biết bao hy-vọng ! Những lãnh-tụ tôn-giáo thời đó đã lần tránh họ, khinh-bĩ họ, thù ghét họ và làm cho họ tin rằng Đức Chúa Trời ít để ý tới họ và không còn yêu-thương họ nữa. Đây, đang đứng giữa họ một Đấng có nét mặt và tâm-linh trong sáng. Ngài đang khiển-trách tội-lỗi họ, nhưng sự hiện-diện của Ngài và lời phán của Ngài đã tỏ một tình thương thiên-thượng và nói lên rằng những tội-nhân là những kẻ đặc-biệt được Ngài yêu-thương và cứu-rỗi bởi quyền-năng Ngài.

Những lời này quả là lời khiển-trách bọn Pha-ri-si ! Thái-độ của họ đối với tội-nhân như vậy có lỗi kéo được những kẻ này trở về với đức-hạnh và Đức Chúa Trời không ? Lại nữa, tại sao Đấng Giáo-sư có những lời từ trời đầy sinh-lực nhờ những phép lạ kỳ-diệu, lại không ban sự-mạng gì cho họ và cũng không làm thỏa lòng họ ? « Ta chẳng phải đến gọi người công-bình, nhưng gọi kẻ có tội. » Ngài nói câu đó có ý gì ? Họ là « người công-bình » hay là « kẻ có tội ? » Đó là câu mà họ phải tự-vấn. Chắc có nhiều người trong bọn họ tưởng mình là công-bình, nên không bao giờ nghe và lưu-tâm tới sự kêu-gọi cứu-rỗi của Đấng Christ. Những người lầm-lẫn như họ thì không bao giờ chịu nghe và để ý.

Những lời này cũng chứa-đựng một sứ-mạng rõ-rệt biết chừng nào cho những tin-đồ của Đấng Christ ! Chúng ta không nên bằng lòng với sự cứu-rỗi riêng cho chúng ta, nhưng chúng ta phải nhớ đến những linh-hồn đau bệnh tội-lỗi. Chúng ta phải chỉ cho họ thấy chúng ta thành thực lo-lắng cho họ. Chúng ta đừng mong bệnh-nhân đến với chúng ta ; nhưng cũng như những thầy thuốc khôn-ngoan, chúng ta phải đi kiếm họ ở những nơi mà họ đang nằm. Chỉ như vậy chúng ta mới thật là môn-đồ của Đấng « chang phải đến gọi người công-bình, nhưng gọi kẻ có tội. »

10. Câu hỏi về sự kiêng ăn

Đoạn 2 : 18 - 22

« 18 Và, môn-đồ của Giảng và người Pha-ri-si đều kiêng ăn. Có người đến thưa cùng Đức Chúa Jê-sus rằng : Bởi cố nào môn-đồ của Giảng và môn-đồ của người Pha-ri-si đều kiêng ăn, còn môn-đồ của thầy không kiêng ăn ? 19 Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Bạn-hữu của chàng rề có kiêng ăn được trong khi chàng rề còn ở cùng mình chẳng ? Hễ chàng rề còn ở với họ đến chừng nào thì họ không thể kiêng ăn được đến chừng nấy. 20 Song tới kỳ chàng rề phải đem đi khỏi họ, trong ngày đó họ sẽ kiêng ăn. 21 Không ai vá miếng nỉ mới vào cái áo cũ ; nếu vậy thì miếng nỉ mới chẳng rách áo cũ, mà đàng rách thành xấu thêm. 22 Cũng

không ai đổ rượu mới vào bầu da cũ ; nếu vậy, rượu làm vỡ bầu, rượu mất và bầu cũng chẳng còn. »

Trước hết Chúa Jêsus làm cho người Pha-ri-si tức giận vì Ngài đã tuyên-bố tha tội, sau đó là vì Ngài tiếp-đãi những kẻ có tội ; bây giờ Ngài làm cho họ nổi giận bởi thái-độ của Ngài đối với những hình-thức và lễ-nghi mà theo người Pha-ri-si, đúng là phần tinh-túy của tôn-giáo. Thái-độ đó được tỏ rõ khi Chúa Jêsus không bắt-buộc các môn-đồ Ngài kiêng ăn, khi sự kiêng ăn đã trở thành một luật-lệ quan-trọng mà các nhà lãnh-đạo tôn-giáo của Do-thái đã dạy-bảo. Theo luật chỉ định sự kiêng ăn mỗi năm một lần ; nhưng các thầy đã tăng số lần kiêng ăn ấy lên, đến nỗi một người Pha-ri-si có thể tự hào rằng mình kiêng ăn « mỗi tuần lễ hai lần. » Cả đến những môn-đồ của Giảng cũng được dạy bảo phải kiêng ăn luôn luôn, rằng đó không phải là một hình-thức suông nhưng để tỏ cái tinh-cách quan-trọng của chức-vụ Giảng đã giảng-day về sự « ăn-năn để được tha tội. » Như vậy thì không lạ gì khi những kẻ thù của Chúa Jêsus đến phàn-nàn với Ngài và hỏi Ngài : « Bởi cớ nào môn-đồ của Giảng và môn-đồ của người Pha-ri-si đều kiêng ăn, còn môn-đồ của thầy không kiêng ăn ? » Trong câu trả lời, Chúa Jêsus tỏ ra liên-quan của môn-đồ Ngài đối với sự kiêng ăn và cũng đối với tất cả lễ-nghi, tục-lệ tôn-giáo : « Bạn-hữu của chàng rề có kiêng ăn được trong khi chàng rề còn ở cùng mình chẳng ? Hễ chàng rề còn ở với họ đến chừng nào, thì họ không thể kiêng ăn được đến chừng nấy. » Trong phần đầu của câu trả lời, Chúa Jêsus có ý nói rằng sự kiêng ăn giống như mọi tục-lệ tôn-giáo, có thể thích-hợp nếu để tỏ một tinh-tự tôn-giáo, nhưng nếu đó chỉ là một luật-lệ, hoặc một sự bắt-buộc, hoặc được coi là một công-quả, thì đó là một điều phi-lý và hỗn-láo. Nếu người ta kiêng ăn để làm cho thân-thể cường-tráng hơn hay giữ cho tâm-trí được thanh-thời để luyện-tập tinh-thần thì sự kiêng ăn có thể là vô-tội ; song nếu kiêng ăn vì bắt-buộc phải giữ ngày tháng hay tục-lệ nào đó thì thật là một hình-thức vô-nghĩa của sự chối-bỏ bản-thân hoặc là một lối phò-trương đáng ghét về sự công-bình riêng của mình. Chúa Jêsus tự gọi Ngài là « chàng rề » và tuyên-bố rằng sự kiêng ăn là một điều vô-lý cho môn-đồ của Ngài là những bạn của chàng

rẻ thiên-thượng đang khi Ngài ở với họ; nhưng ngày giờ Ngài sẽ phải bị bạo-lực khiến lìa khỏi họ đã gần rồi. Trong sự thù-nghịch của người Pha-ri-si Ngài thấy dấu-hiệu của cơn bão-tố sắp tới : Ngài chắc-chắn sẽ bị chối bỏ và sẽ chết; trong thời-gian như thế kiêng ăn có thể tỏ ra một cách thích-hợp sự buồn-rầu của bạn-hữu Ngài, nhưng bây giờ sự kiêng ăn đối với họ chỉ là một hình-thức trống-rỗng. Đối với mọi nghi-lễ tôn-giáo thì cũng thế, các nghi-lễ ấy có thể thích-đáng nếu bày-tỏ một tinh-tự chân-thật, nếu hợp-thời và hợp-chỗ; nhưng khi chúng là một sự bắt-buộc hoặc được thi-hành bất-chấp tinh-tự hay thái-độ của con tim thì chúng có thể trở nên vô-ích, đáng bỏ qua và vô-lý. Như vậy, Chúa Jê-sus đánh ngay vào trung-tâm điếm của mọi hình-thức lễ-nghi trong tôn-giáo.

Trong phần thứ hai câu trả lời của Ngài, Chúa Jê-sus dạy rằng ngay cả những tập-tục ý-nhi nhất và những lễ-nghi có ý-nghĩa nhất cũng chỉ chiếm một chỗ nhỏ trong đạo-lý mà chính Ngài đã lập ra và giảng-giải. Ngài đến không phải để điều-chỉnh hoặc bắt-buộc theo lễ-tục Do-thái và các hình-thức lễ-tục cũng không thể đứng-đầu cái tinh-thần mới-mẻ của lễ thật được rao-truyền mà Ngài là hiện-thân. Đó là ý-nghĩa tổng-quát của hai thí-dụ ngắn dùng làm kết luận cho câu trả lời của Ngài. « Không ai vá miếng ni mới vào cái áo cũ ; nếu vậy thì miếng ni mới chẳng rách áo cũ, mà đàng rách thành xấu hơn.» Chúa Jê-sus đến không phải để sửa đổi Do-thái giáo bằng cách thêm vào một vài luật-lệ mới hay một vài điều cần thiết. Ngài có điều mới-mẻ để rao ra ; nhưng mục-đích của Ngài không phải là chấp vá một hệ-thống cũ hay thêm cho các môn-đồ của Ngài những phép-tắc nhỏ-nhặt hay những tục-lệ áp-bức mà người Pha-ri-si đã nhân danh tôn-giáo trói cột vào lương-tâm con người. Một sự cố-gắng như vậy là điên-dại và tai-hại cũng như vá một tấm vải mới vào một chiếc áo cũ.

« Cũng không ai đồ rượu mới vào bầu da cũ ; nếu vậy, rượu làm vỡ bầu, rượu mất và bầu cũng chẳng còn. » Câu này chỉ về thói-tục dùng những bầu da để đựng rượu và về việc rượu mới bốc men mạnh sẽ làm nứt những bầu da cũ đã dãn và mỏng đi vì lâu ngày. Vậy, Chúa Jê-sus có

ý nói rằng hình-thức và lễ-nghi cũ của Do-thái giáo không thể chứa đựng được cái tinh-thần của đạo-lý mà Ngài đã dạy. Người ta không thể hiểu Cơ-đốc giáo nhờ bất cứ hệ-thống lễ-nghi tập-tục nào. Cơ-đốc giáo không thể bị trói buộc bằng bất cứ luật-lệ và sự bó buộc nào và cũng không thể làm-lẫn với một lễ-nghi nào khác. Chính bản-chất của nó là một đời sống mới được ban cho bởi đức-tin Chúa Jê-sus-Christ. Cơ-đốc giáo kiểm-soát người ta chẳng phải bởi luật-lệ nhưng bởi những động-lực thúc-đẩy ; nó không được biểu-tượng bằng sự kiêng ăn nhưng bằng một bữa tiệc vì tinh-thần nhuần-thấm của nó là sự vui-mừng. Dù Cơ-đốc giáo có một hình-thức nào chẳng nữa thì những hình-thức đó phải mới ; những tin-đồ của Đấng Christ không thể bị bắt-buộc phải kiêng ăn hay giữ lễ-tục gì khác do bọn Do-thái theo hình-thức chủ-nghĩa và bọn Pha-ri-si đặt ra và thêm-thắt cho nhiều.

11. Tranh-luận về ngày Sa-bát

Đoạn 2 : 23 đến 3 : 6

a. Bứt bông lúa mì.

(Đoạn 2 : 23 - 28)

«²³ Nhằm ngày Sa-bát, Đức Chúa Jê-sus đi qua đồng lúa mì ; đang đi đường, môn-đồ Ngài bứt bông lúa mì. ²⁴ Các người Pha-ri-si bèn nói cùng Ngài rằng : Coi kia, sao môn-đồ thầy làm điều không nên làm trong ngày Sa-bát ? ²⁵ Ngài đáp rằng : Các người chưa đọc đến sự vua Đa-vít làm trong khi vua cùng những người đi theo bị túng đói hay sao ? ²⁶ Thế nào trong đời A-bi-a-tha làm thầy cả thượng-phẩm, vua ấy vào đền Đức Chúa Trời, ăn bánh bày ra, lại cũng cho những người đi theo ăn nữa, dầu bánh ấy chỉ những thầy tế-lễ mới được phép ăn thôi ? ²⁷ Đoạn, Ngài lại phán : Vì loài người mà lập ngày Sa-bát, chớ chẳng phải vì ngày Sa-bát mà dựng nên loài người. ²⁸ Vậy thì Con người cũng làm chủ ngày Sa-bát. »

Chúa Jê-sus đã khiến người Pha-ri-si nổi lên thù-nghịch Ngài bởi Ngài không theo luật-lệ phiền-phức về việc kiêng ăn mà các thầy tế-lễ đặt ra. Bây giờ Ngài lại

khiến sự thù-nghịch này trở thành sự căm-thù cho tới chết bởi Ngài khiên-trách lối giải-thích luật-lệ ngày Sa-bát của họ và sự tuân-giữ luật-lệ ngày Sa-bát quá cần-thận và vô-lý của họ. Vấn-đề này là một vấn-đề trọng-đại trong đời sống Chúa chúng ta và cũng là một vấn-đề tối ư quan-trọng trong đời sống các tin-đồ ngày nay. Trong lời dạy-dỗ, như thường khi, Chúa Jê-sus giải-thoát người ta khỏi những sự hạn-chế bởi những luật-lệ hẹp-hòi và chỉ cho biết hành-vi cử-chỉ của con người được qui-định không phải bởi những luật-lệ nhỏ-nhất nhưng bởi những nguyên - tắc luân-lý đạo-đức. Nói đến ngày Sa-bát thì những nguyên-tắc rất ít và đã được kể rõ trong hai việc xảy ra mà Mác đã cho ta biết ở đây. Những nguyên-tắc đó là : Ngày Sa-bát là « Ngày của Chúa » đối với người Cơ-đốc, phải dành cho sự nghỉ-ngoi, thờ-phượng, những công-việc cần-thiết và việc từ-thiện.

Việc xảy ra đầu-tiên gồm những yếu-tố của sự dạy-dỗ về nghỉ-ngoi, công-việc cần-thiết và quyền chúa-tể của Đấng Christ. Trong ngày Sa-bát các môn-đồ đang đi theo Chúa Jê-sus trên con đường băng qua những cánh đồng lúa mì. Vì đói, nên họ bứt những bông lúa chín. « Các người Pha-ri-si bèn nói cùng Ngài rằng : Coi kia, sao môn-đồ thầy làm điều không nên làm trong ngày Sa-bát ? Lẽ tất-nhiên họ vẫn nhớ rằng Luật ngày Sa-bát cấm làm việc. Họ coi việc bứt bông lúa cũng giống như việc gặt hái và việc bóc vỏ lúa mì cũng như việc xay lúa; vậy theo sự biện-luận của người Pha-ri-si, thì các môn-đồ Ngài đã phạm luật cấm làm việc trong ngày Sa-bát. Đây là một trường-hợp chứng-tỏ sự tinh-ma tế-nhị và vô-lý của người Pha-ri-si trong việc áp-dụng luật-lệ; nó cũng tỏ rằng những người hành-luật mù-quáng này không bao giờ lấy luật-pháp làm tiêu-chuẩn để xét-đoán nhưng đã dựa trên sự giải-luận riêng của họ về luật-pháp, cũng như bọn cuồng-tín trong các tôn-giáo ngày nay đã làm.

Đó là một lời tố-cáo nhỏ-nhen bần-tiện của người Pha-ri-si; nhưng Chúa Jê-sus đã trả lời họ cách nghiêm-chính và như vậy Ngài đã nêu lên những nguyên-tắc áp-dụng trong mọi nơi và mọi thời-kỳ. Câu trả lời của Ngài có hai phương-diện : Trước hết, Ngài binh-vực các môn-

đồ bằng cách kể một chuyện đã có trong lịch-sử Do-thái; kể đó, Ngài nói về thực-chất của luật Sa-bát. « Ngài đáp rằng : Các ngươi chưa đọc đến sự vua Đa-vít làm trong khi vua cùng những người đi theo bị túng đói hay sao ? Thề nào trong đời A-bia-tha làm thầy cả thượng-phẩm, vua ấy vào đền Đức Chúa Trời, ăn bánh bày ra, lại cũng cho những người đi theo ăn nữa, dầu bánh ấy chỉ những thầy tế-lễ mới được phép ăn thôi ? » Như vậy, Chúa Jê-sus có quyền trưng-dẫn Kinh-thánh mà người Pha-ri-si vẫn tuân theo, để chỉ rằng vua Đa-vít, một đại-vương đã phá luật-pháp bởi vì người đã ăn bánh thánh để trên chiếc bàn vàng nơi Chí-thánh mà theo luật-pháp thì bánh đó chỉ có các thầy tế-lễ mới được ăn. Vua Đa-vít và các thuộc-hạ đã hành-động theo sự nhu-cầu là luật-pháp cao hơn hành-động đó đã được chấp-nhận không biết bao nhiêu đời rồi. Cũng một lẽ ấy, các môn-đồ vì nhu-cầu đã phạm luật ngày Sa-bát và họ không có tội. Điểm đáng chú ý ở đây là vua Đa-vít đã thực-sự vi-phạm luật-pháp và Chúa Jê-sus thừa-nhận rằng môn-đồ Ngài đã phá luật ngày Sa-bát. Thật là một lời kỳ-lạ nếu nói rằng ngày Sa-bát là ngày nghỉ mà theo luật Sa-bát thì bất cứ một công-việc nào cũng không được phép làm trong ngày đó. Nói rằng luật Sa-bát cho phép làm việc này hay việc kia thì cũng không đúng vì luật ấy không cho phép làm việc. Chúa Jê-sus không thử trả lời người Pha-ri-si bằng cách nói rằng bứt một vài bông lúa không phải là làm công-việc. Ngài nhin-nhận rằng luật Sa-bát bị vi-phạm nhưng Ngài nhấn mạnh rằng cũng có nhiều trường-hợp sự vi-phạm luật nghỉ trọn ngày Sa-bát là phải lẽ. Làm các việc cần-thiết là vi-phạm luật này nhưng không phải tội-vạ chi hết. Vấn-đề phải được xét trên một lập-trường cao-cả, vững-chắc và đạo-đức. Chúng ta không nên hỏi rằng hành-động hay công-việc đặc-biệt nào được luật Sa-bát cho phép làm; chúng ta phải phân-định rõ tới mức độ nào chúng ta vẫn không có lỗi khi vi-phạm luật ấy. Chúng ta có thể làm một vài công-việc trong ngày nghỉ mà vẫn vô-tội như Đa-vít đã làm ở nơi Chí-thánh, hoặc như môn-đồ của Chúa Jê-sus đã làm trong đồng lúa.

Vậy rõ-ràng là luật Sa-bát có tính-chất khác hẳn các luật khác. Không có trường-hợp nào cho phép vi-phạm

luật của sự trong-sạch, sự lương-thiện và tình yêu-thương. Phạm những luật đó là có lỗi, là phạm tội; nhưng người ta có thể vi-phạm luật nghỉ ngày Sa-bát mà vẫn vô tội khi làm những việc cần-thiết dưới nhiều hình-thức khác nhau. Ấy vậy, Chúa Jê-sus đã đề-cập đến tinh-chất của luật Sa-bát trong phần kết-luận câu trả lời của Ngài. Ngài lại phán : « Vì loài người mà lập ngày Sa-bát, chớ chẳng phải vì ngày Sa-bát mà dựng nên loài người. Vậy thì Con người cũng làm chủ ngày Sa-bát ». Luật Sa-bát được thiết-lập vì sự ích-lợi cho con người, nó tùy thuộc con người chớ không phải là chủ của con người; sự giữ luật-pháp không thể ngăn-cấm người ta làm những việc cần-thiết ; vì nó không được phép làm cho người ta bị thiệt-hại. Đây chính là cái điểm sai-lầm của người Pha-ri-si. Họ đã giải-thích luật Sa-bát bằng cách chất thêm lên nó những sự bó buộc và hạn-chế quá tỉ-mỉ, vô-lý, khó chịu, đến nỗi sự tuân-giữ luật ấy không còn là vui-thú nữa mà là một gánh nặng. Luật-pháp thay vì là một kẻ đầy-tớ, đã trở thành một người chủ hung-ác và người ta rên-siết dưới sự tàn-bạo của nó.

Chúa Jê-sus đã đập tan các tục-lệ và sự giải-thích của loài người đã đặt ra bằng lời phán đáng ghi nhớ, « vì loài người mà lập ngày Sa-bát. » Thật đáng ngạc-nhiên và buồn-bã mà nhận thấy rằng lời phán này đã được không biết bao nhiêu người hiểu-lầm và giải-thích sai-lạc để làm hại cho tinh-cách thiêng-liêng của ngày Sa-bát. Cũng có kẻ đã cho rằng lời phán ấy, Chúa Jê-sus hiện nay đã phá bỏ ngày Sa-bát và đổi ngày thánh đó thành một ngày lễ. Đó là họ đã giải-thích lời dạy-dỗ của Chúa Jê-sus một cách có lợi cho sự buông-lung và họ cũng hoàn-toàn vô-lý như người Pha-ri-si đã giải-thích luật Sa-bát theo chiều hướng có lợi cho chủ-nghĩa luật-pháp của họ. « Vì loài người mà lập ngày Sa-bát » nhưng loài người là gì ? Có phải người ta là con vật không ? Nếu phải như vậy thì người ta có thể dùng trọn ngày đã lập nên cho họ để tập thể-dục, tiêu-khiển và vui chơi. Nếu con người được một trí-óc là một quan-năng thiết-yếu, thì ngày Sa-bát có thể dành hết cho sự tập-luyện tinh-thần và các công-trình thẩm-mỹ. Nếu loài người có một linh-hồn bất-diệt, được dựng nên và có quyền thông-công với Đức Chúa Trời thì ngày Sa-bát phải được

dùng thích-đáng để tìm sự bồi-dưỡng cho thân-thể và tinh-thần, và đặc-biệt hơn nữa là phải được dùng để tìm-kiếm và lợi-dụng cơ-hội để làm cho đời sống thuộc-linh này-nở, để thông-công với Đức Chúa Trời và mở-mang sự hiểu biết về những điều vĩnh-cửu.

« Vì loài người mà lập ngày Sa-bát, » nhưng chúng ta nên nhớ rằng Chúa Jê-sus phán lời này sau khi Ngài vừa biệu-minh rằng luật Sa-bát về sự nghỉ-ngơi của thân-thể và trí-óc vẫn được luôn luôn áp-dụng khắp mọi nơi : và chúng ta nên nhớ thêm rằng Ngài đã nói thêm « Con người cũng làm chủ ngày Sa-bát. » Thay vì phá bỏ ngày Sa-bát, Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng quyền-lực thiên-thượng của Ngài lớn đến nỗi có thể làm chủ trên mọi luật-lệ thiêng-liêng và căn-yếu như ngày Sa-bát. Ngày Sa-bát được thiết-lập vì loài người. cho nên Ngài — Đấng thay mặt người, Đấng cứu người — không nô-lệ cho các điều-kiện bó-buộc của luật ấy; trong trường-hợp cần-thiết, Ngài có thể không tuân theo luật ấy và làm cho luật ấy luôn luôn thoát khỏi các sự hạn-chế hình-thức bắt-buộc bởi người Pha-ri-si. Ngài đem luật ấy đặt trở lại chỗ mà nó có thể giúp ích thực-tế cho loài người. Cũng có phần tai-hại cho kẻ nào thừa-nhận quyền-lực của Đấng Christ mà không giữ được ngày ấy làm ngày thánh, làm « Ngày của Chúa », vì đó là một luật-lệ thiêng-liêng; giờ đây, ngày đầu tuần-lễ nhắc-nhở chúng ta về luật-pháp và những sự đòi-hỏi của luật-pháp ấy thì ít nhưng nhắc-nhở về sự tự-do và đời sống vui-vẻ được bảo-đảm bởi Chúa phục-sinh thì nhiều hơn.

b. Người teo tay

(Đoạn 3 : 1 - 6)

¹ Lần khác, Đức Chúa Jê-sus vào nhà hội, ở đó có một người nam teo bàn tay. ² Chúng rình xem thử Ngài có chữa người đó trong ngày Sa-bát chăng, đặng cáo Ngài. ³ Ngài phán cùng người teo tay rằng : Hãy dậy, đứng chính giữa đây. ⁴ Rồi Ngài hỏi họ rằng : Trong ngày Sa-bát, nên làm việc lành hay việc dữ, cứu người hay giết người ? Nhưng họ đều nín lặng. ⁵ Bấy giờ, Ngài lấy mắt liếc họ, vừa giận vừa buồn vì lòng họ cứng-cỏi, rồi phán cùng người nam rằng : Hãy giơ tay ra. Người

giơ ra, thì tay được lành. ⁶ Các người Pha-ri-si đi ra, tức thì bàn-luận với phe Hê-rốt nghịch cùng Ngài, đặng giết Ngài đi. »

Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng Ngài cũng là « Chúa ngày Sa-bát » và kẻ nào muốn hiểu ý muốn của Ngài về sự giữ ngày Sa-bát, thì người đó nên để ý đến tục-lệ không hề thay-đổi của Ngài là dự các buổi nhóm thờ-phượng công-khai tại nhà hội trong ngày Sa-bát. Gương của Chúa chứng-tỏ rằng sự thờ-phượng Đức Chúa Trời là điểm cần-yếu của sự giữ ngày Sa-bát. Chúng ta được nhắc-nhở về việc này khi chúng ta đọc ở đây rằng Chúa Jê-sus trở « vào nhà hội. » Những kẻ thù của Ngài cũng có mặt tại đó. Trong một thời-gian ngắn trước khi Ngài làm cho họ nổi giận bằng cách quở-trách tinh-thần cuồng-tin hẹp-hòi của họ và từ-chối không chịu bó-buộc bởi những sự tỉ-mỉ vô-lỗi, những qui-tắc nhỏ-nhen của họ khi Ngài tuyên-bố : « Vì loài người mà lập ngày Sa-bát. » Và đang khi luật Sa-bát bắt-buộc phải nghỉ-ngơi, thì luật đó cũng có thể bỏ qua được trong trường-hợp có việc cần-thiết. Lần này, Ngài có nêu thêm một nguyên-tắc khác, ấy là trong khi vâng giữ thuật sự luật Sa-bát ta có thể làm những việc từ-thiện cũng như những công-việc cần-thiết.

Cái dịp tiện đưa đến cho Chúa Jê-sus lúc này là sự có mặt của người teo tay trong nhà hội. Đây không phải là trường-hợp một sự tàn-tật tự-nhiên nhưng xét ra chắc là hậu-quả của bệnh-tật; bàn tay và có lẽ cả cánh tay người đã bị tê-liệt, co quắp và teo lãn. Chúa Jê-sus nhìn người tàn-tật đó với lòng cảm-thương thiên-thượng, nhưng những người Pha-ri-si đã nhìn người với vẻ hoan-hỉ đầy ác-ý. Họ tin rằng Chúa Jê-sus sẽ chữa người này và với công-việc ấy, mặc dù là tốt đẹp, Ngài sẽ phá luật-lệ ngày Sa-bát và như vậy Ngài sẽ tự làm cho mình đáng bị bắt giam. Dịp tiện mà họ mong muốn đã tới. « Chúng rình xem thử Ngài có chữa người đó trong ngày Sa-bát chẳng, đặng cáo Ngài. »

Trước hết, Chúa Jê-sus đã lợi-dụng cơ-hội này để nghiêm-trách kẻ thù của Ngài. « Ngài phán cùng người teo tay rằng : Hãy dậy, đứng chính giữa đây. » Người đó đã đứng thẳng trước mặt họ mà sự chữa lành người này theo ý họ là không được phép làm. Chúa quay qua người

Pha-ri-si mà hỏi rằng : « Trong ngày Sa-bát, nên làm việc lành hay việc dữ, cứu người hay giết người ? » Điều Chúa Jê-sus muốn phán ấy là : Từ-chối cứu giúp là làm hại, tránh việc cứu mạng là sát-nhân. Vậy thì kẻ nào không tỏ lòng từ-thiện trong ngày Sa-bát là kẻ phạm tội nặng nhất là vô luật-pháp và phạm luật thánh không thể tha-thứ được. Luật Sa-bát buộc người ta nghỉ ngày đó, không được làm việc nặng-nhọc, nhưng luật này phải nhường bước trước luật yêu-thương. Cần phải tránh làm việc trong ngày Sa-bát nếu có thể được ; nhưng làm những việc từ-thiện không những không có tội, mà trái lại, cố-tâm từ-chối việc thiện là phạm tội.

Bởi lý-luận như vậy, Chúa Jê-sus khiến kẻ thù Ngài phải làm thinh. « Họ đều nín lặng ». Họ nóng lòng đợi Ngài chữa bệnh xảy ra và theo ý tưởng tâm-thường của họ thì có thể giải-thích đó là một công-việc. Tuy vậy, Chúa Jê-sus đã đánh bại họ và làm cho họ sửng-sốt. « Ngài lấy mắt liếc họ, vừa giận vừa buồn vì lòng họ cứng-cỏi, rồi phán cùng người nam rằng : Hãy giơ tay ra. Người giơ ra, thì tay được lành », Chúa Jê-sus đã không làm một việc nào ; Ngài đã không giơ tay rờ người đó ; vì rõ cũng có thể cho là làm việc Ngài không bảo người đó làm việc ; giơ tay ra không thể gọi là làm việc. Tuy vậy, người đó vẫn được lành dù Chúa Jê-sus đã không làm việc chi cả, một việc mà dù theo phương-diện kỹ-thuật, có thể bảo là vi-phạm luật Sa-bát. Những kẻ thù của Ngài đã bị thất-bại ; Ngài chỉ nhìn họ buồn-rầu vì tội-lỗi của họ, nhưng thương-hại cho sự ngu-dốt và mù-quáng không tin của họ. Bây giờ họ nhìn Chúa với vẻ ác ý tốt độ và thù-hằn cho tới chết. « Các người Pha-ri-si đi ra, tức thì bàn-luận với phe Hê-rốt nghịch cùng Ngài đặng giết Ngài đi. » Người Pha-ri-si là thành-phần ái-quốc giữa dân Do-thái, còn đảng Hê-rốt thì ủng-hộ chánh-phủ La-mã ; và như vậy, đương-nhiên hai bên là kẻ thù nhau. Thế mà họ cấu-kết với nhau để chống-đối Chúa Jê-sus thì đủ chứng-tỏ sự tức-giận của họ dữ-dội đến mức nào và sự căm-thù của họ ghê-gớm biết chừng nào. Thật là điều đáng ghê-sợ khi ta nghĩ rằng chỉ vì ý kiến bất-đồng về lễ-tục tôn-giáo mà đôi khi người ta chứa - chất oán-thù như vậy trong nhà Đức Chúa Trời vào ngày Sa-bát. Nhưng ít ra có một kẻ đến thờ-

phượng tại nhà Chúa đã ra về với niềm vui-sướng vô-cùng; kẻ đó là người có bàn tay bị teo. Người đó có đủ đức-tin để làm cái việc bất-năng khi Chúa truyền lệnh giơ tay ra; người thấy rằng sức mạnh đã đến khi mình quyết tâm vâng lời, cũng như tất cả mọi người khác đều thấy được khi họ tin rằng Con Đức Chúa Trời luôn luôn sẵn-sàng làm những việc từ-thiện như Ngài đã làm trong nhà hội trong ngày Sa-bát đáng ghi-nhớ này.

12. Sự lánh ra bờ biển.

Đoạn 3 : 7 - 12

«⁷ Đức Chúa Jê-sus cùng môn-dồ Ngài lánh ra nơi bờ biển, có đoàn dân đông lắm từ xứ Ga-li-lê đến theo Ngài. Từ xứ Giu-đê, ⁸ thành Giê-ru-sa-lem, xứ Y-đu-mê, xứ bên kia sông Giô-đanh, miền xung-quanh thành Ty-rơ và thành Si-dôn cũng vậy, dân đông lắm, nghe nói mọi việc Ngài làm thì đều đến cùng Ngài. ⁹ Bởi có dân đông, nên Ngài biểu môn-dồ sắm cho mình một chiếc thuyền nhỏ sẵn-sàng, đặt cho khỏi bị chúng lấn ép Ngài quá. ¹⁰ Vì Ngài đã chữa lành nhiều kẻ bệnh, nên nổi ai nấy có bệnh chi cũng đều áp đến gần để rờ Ngài. ¹¹ Khi tà-ma thấy Ngài, bèn sắp mình xuống nơi chơn Ngài, mà kêu lên rằng : Thầy là Con Đức Chúa Trời ! ¹² Song Ngài nghiêm-cấm chúng nó chớ tỏ cho ai biết mình. »

Chức-vụ công-khai của Chúa Jê-sus mở đầu ngay bằng một thời-kỳ được dân-chúng đón rước đông-đảo; nhưng không bao lâu quang-cảnh đó bị một bóng đen dày đặc bao-phủ vì sự ganh-ghét thù-hằn của các thầy thông-giáo và người Pha-ri-si. Sự thù-hằn ấy nổi lên vì Chúa tuyên-bố tha mọi tội-lỗi, và đã tăng thêm vì thái-độ thương-xót của Ngài đối với kẻ có tội, và sự thù-hằn ấy lên đến tột-điểm cuồng-nhiệt hung-tợn khi Ngài đã dám làm trái với sự giảng-dạy cố-chấp hẹp-hòi về luật-lệ ngày Sa-bát của họ. Con khủng-hoảng đã tới. Những kẻ thù-nghịch cùng Chúa Jê-sus âm-mưu giết Ngài. Vì lẽ đó, Chúa Jê-sus lánh khỏi Ca-bê-na-um trong một thời-gian để tiếp-tục chức-vụ của Ngài bên bờ hồ hoặc «*biển Ga-li-lê*» Có quần-chúng rất đông theo Ngài, và đã có lúc chúng ta

quên đi sự hiện-diện của những kẻ thù-nghịch Ngài khi thấy quần-chúng hăng-hái nào-nức đồ xô đến với Ngài. Không những Mác lưu-ý đến số người đông-đảo mà thôi, lại còn cho biết họ từ xứ rộng lớn đường nào đến. Họ kéo đến từ Giu-đê, Giê-ru-sa-lem và Y-đu-mê ở phía Nam từ Pê-ri-a bên kia sông Giô-đanh ở phía Đông, từ biển Phê-ni-xi « xung-quanh thành Ty-rơ và thành Si-đôn » cho đến Tây-bắc. Mọi nơi đều đồ-xô tới. Lúc bấy giờ Chúa Jê-sus là Đấng khiến người ta cảm-động và là thần-trọng của họ. Nhiều kẻ đến vì tính tò-mò vì « nghe nói việc Ngài làm », nhiều kẻ đến nghe lời giảng-đạy của Ngài và nhiều hơn hết là những kẻ đến được chữa lành bịnh-tật. Chúa Jê-sus bị khốn bởi quần-chúng đông lấn-ép Ngài, nhất là những kẻ đau ốm bị tật-bệnh dày-vò và nóng lòng được chữa lành ; họ té ngã trên Ngài và tin rằng chỉ rời được tới Ngài là sẽ dứt bịnh. Vì vậy cần phải tìm cho Chúa một chiếc thuyền nhỏ để ngồi trên đó mà nói chuyện với họ, khỏi sự xô-đẩy của đám đông. Trong đám quần-chúng ấy, Mác đặc biệt lưu-ý đến những người bị quỷ ám. Họ là những kẻ đáng thương hơn hết, và hành-vi của họ là sự làm chứng có giá-trị tuyệt-đối về quyền-năng của Chúa Jê-sus, vì họ « thấy Ngài, bèn sấp mình xuống nơi chơn Ngài, mà kêu lên rằng : Thầy là Con Đức Chúa Trời ! » Song Chúa Jê-sus « nghiêm cấm chúng nó chớ tỏ cho ai biết mình. » Thì-giờ chưa đến, và họ không phải là những kẻ nói lên thân-vị thiên-thượng và việc làm của Ngài.

Cả đoạn này được viết với những danh-từ riêng biệt của Mác : Quần-chúng đông-đảo, sự hoạt-động, màu sắc linh-động, những việc làm cả thể, tiếng kêu-la của các tà-ma và quyền-năng vô-hạn của Chúa Jê-sus. Cảnh-tượng ấy thật hợp với bản-chất của sách Tin-lành này, tỏ cho chúng ta biết Chúa là Đấng Hữu việc thiên-thượng, là Con Đức Chúa Trời chuyên làm các việc lạ-lùng. Hơn nữa, đó còn là hình-ảnh của thế-gian ngày nay, với vô-số những kẻ dốt-nát, bịnh-tật, tâm-linh bị ràng-thúc và thất-vọng, đang tìm-kiểm lẽ thật, mong được giúp-đỡ và chữa lành, và giữa họ là hình-ảnh uy-nghi của Đấng Christ giàu lòng thương-xót, sẵn-sàng cứu-chữa và đầy quyền cứu-rỗi.

b. Thời-kỳ thứ hai

Đoạn 3 : 13 đến 6 : 6

1. Sự chọn mười hai sứ-đồ.

Đoạn 3 : 13-19

« ¹³ Kể đó, Đức Chúa Jê-sus lên trên núi, dòi những người Ngài muốn, thì những người ấy đến kề Ngài. ¹⁴ Ngài bèn lập mười hai người, gọi là sứ-đồ, để ở cùng Ngài và sai đi giảng đạo, ¹⁵ lại ban cho quyền-phép đuổi quỷ. ¹⁶ Đây là mười hai sứ-đồ Ngài đã lập : Si-môn, Ngài đặt tên là Phi-e-rơ ; ¹⁷ Gia-cơ con Xê-bê-dê, và Giăng em Gia-cơ, Ngài lại đặt tên hai người là Bô-a-nê, nghĩa là con trai của sấm-sét ; ¹⁸ Anh-rê, Phi-líp, Ba-thê-lê-my, Ma-thi-ơ, Thô-ma, Gia-cơ con A-phê, Tha-đê, Si-môn người Ca-na-an, ¹⁹ và Giu-đa Ich-ca-ri-ốt, chính tên này đã phản Ngài. »

Sự lựa-chọn mười hai sứ-đồ làm tùy-tùng chính-thức và đại-diện của Chúa Jê-sus là do hai nguyên-nhân trái ngược nhau : Sự hết sức được lòng dân của Chúa Jê-sus đối với thường-dân và sự thù-nghịch càng tăng của nhà cầm-quyền. Nguyên-nhân thứ nhất khiến Chúa Jê-sus cần phải có người hợp-tác trong công-việc của Ngài để dạy-đỗ và chữa-bệnh ; nguyên-nhân thứ hai cho ta biết ngày của Chúa ở thế-gian rất ngắn-ngủi và cần phải có nhóm người được huấn-luyện, chuẩn-bị để thiết-lập và xây-dựng Hội-thánh của Ngài. Vì vậy, việc đã xảy ra này đánh dấu một thời-kỳ rõ-rệt trong chức-vụ của Chúa chúng ta.

Sự lựa-chọn có hai cách : Chúa Jê-sus đi lên một ngọn núi ở gần bờ hồ, đoạn gọi vài kẻ theo Ngài ; rồi Ngài lựa trong số ấy mười hai người để hợp-tác đặc-biệt và làm sứ-giả cho Ngài. Công-việc đầu-tiên của họ là rao-giảng Tin-lành về nước Đức Chúa Trời, nhưng để sửa-soạn cho việc ấy, họ được Ngài đặc-biệt dạy-đỗ, và để giúp-đỡ họ trong sự hầu việc này và chứng-nhận

nhiệm-vụ được giao-phó của họ, họ phải được quyền-năng làm phép lạ, nhất là « quyền phép đuổi quỷ. »

Có một sứ-mạng trong các môn-đồ Chúa trong phần câu liên-lạc chặt-chẽ này « Ngài bèn lập mười hai người, gọi là sứ-đồ, để ở cùng Ngài và sai đi giảng đạo, lại ban cho quyền-phép đuổi quỷ. » Làm chứng-đạo cho Đấng Christ là đặc-quyền tối-cao cho bất-cứ Cơ-đốc nhân nào ; nhưng bản-thân họ phải kết-hợp với Chúa vì đó là sự chuẩn-bị cần-thiết để làm công-việc chứng-đạo vậy ; « Ngài bèn lập mười hai người, gọi là sứ-đồ, để ở cùng Ngài và sai đi giảng đạo. » Những kẻ được sửa-soạn và ủy-thác nhiệm-vụ như vậy có thể hy-vọng thu được kết-quả ; họ có « quyền-phép đuổi quỷ » ; không một quyền-năng nào trên đất hoặc dưới địa-ngục có thể đánh bại họ được. Những sứ-giả như vậy chắc-chắn rất cần trong thời-đại này. Sự chống-đối với Chúa Jê-sus vẫn cay-đắng, song quần-chúng vẫn mong-đợi nghe lời cứu-rỗi của Ngài.

Mười hai người mà Đấng Christ lựa chọn để làm sứ-đồ của Ngài là những người nhà cửa thanh-bạch, địa-vị khiêm-tốn. Tuy vậy, không phải họ nghèo-hèn đâu. Ngay đến những người đánh cá trong bọn họ cũng có lưới, có thuyền và có người làm công. Phi-e-rơ có một ngôi nhà rộng lớn đủ chứa gia-đình và các bạn của người. Chắc Ma-thi-ơ có rất nhiều tiền, dù tiền đó bại-hoại đến đâu đi nữa ; khi theo Chúa, người bỏ cả một công-việc chánh-trị đầy lợi-lộc, và khi nguyện theo Ngài, người mở một bữa tiệc rất lớn tại nhà mình. Về phần Giu-đa, nếu ta xét công-việc sau này của hắn thì không có lúc nào hắn để cho mình bị túng-quần. Tuy-nhiên, không một ai trong nhóm này giàu to cả. Luôn luôn có chỗ cho những kẻ nào trong vòng tin-đồ Đấng Christ có thể dâng hết tiền của vì cơ Ngài. Dầu vậy, Chúa thường kêu-gọi vào sự hầu việc quan-trọng nhất của Ngài rất nhiều người, những kẻ đã biết rõ sự thiếu-thốn đơn-giản, những tư-dục và các sự ham-thích của loài người, những kẻ đã sống gần-gũi thiên-nhiên, thông-hiểu ngôn-ngữ, ý-kiến và nhu-cầu của dân-chúng.

Mười hai người này đều là những người tài-năng

trung-bình. Không phải họ ngu-dốt hoặc thất-học. Khi các nhà cầm-quyền ở Giê-ru-sa-lem gọi họ là «vô-học bất-tri» thì chỉ có nghĩa là họ không tông-học tại các trường thầy cả và không thấu-thập được sự giáo-dục truyền-môn về Luật-pháp thánh. Hiên-nhiên là sách Tin-lành, các thơ và sách Khải-thị của Giăng, những bài giảng và tác-phẩm của Phi-e-rơ, tài-nghệ văn-chương của Ma-thi-ơ và nghề thu-thuế trước kia của ông đều chứng-tỏ rằng họ là những người thông-minh, có một trí khôn vững-chắc, sức quan-sát tinh-tế và khả-năng quán-triết được những lẽ thật khó hiểu. Tuy vậy, không ai trong vòng họ làm «văn-sĩ», hay luật-sư hay là một người xuất-chúng về phương-diện chính-trị, xã-hội hay trí-thức, Đấng Christ có thể dùng những người có văn-hóa, có kiến-thức sâu rộng và có thiên-tài trác-tuyệt như Pha-olô trong công-việc của Ngài; nhưng điều này vẫn đúng, ấy là «không nhiều kẻ khôn-ngoaan theo xác-thịt, chẳng nhiều kẻ quyền-thế, chẳng nhiều kẻ sang-trọng» được gọi nhận ơn cứu-rỗi hay đi hầu việc Chúa cách đặc-biệt.

Họ có những đức-tinh rất khác nhau. Khi được nêu danh-tánh trong các sách Tin-lành, họ luôn luôn được chia ra làm ba nhóm có thể phân hạng như sau: Trước hết là những nhân-vật có nhiều thiên-tài và nhân-phẩm đáng chú-ý nhất như Phi-e-rơ, Anh-rê, Già-cơ, và Giăng; thứ nhì là những người ưa suy-nghĩ, trầm-mặc, hay hỏi và chậm tin như Phi-líp, Ba-thê-lê-my, Thô-ma và Ma-thi-ơ; sau rốt là những người làm các công-việc thực-tế như lo việc tài-chánh và những việc nhỏ cần-thiết khác cho nhóm đồng bạn mình.

Đang khi Mác ghi lại những đặc-tính chung đó thì cá-tính của những nhân-vật quan-trọng được diễn-tả một cách đáng lưu-ý: Từ Si-môn là người hăng-hái nhiệt-tinh trở nên Phi-e-rơ, người của vàng đá, và Giăng «con trai sấm-sét» trở nên vị sứ-đồ đầy lòng yêu-thương và nhân-từ chí đến Giu-đa là kẻ đã tự-ý rước con quỷ của sự tham-lam vào lòng, dù người ở trong nhóm của Chúa, để rồi dưới quyền-lực của ma-quỉ Giu-đa đã trở th nh một kẻ phản-bội đê-tiện nhất. Ta sẽ không lấy làm ngạc-nhiên khi thấy rằng trong những

người theo Chúa lại có những đức-tinh rất khác nhau. Ngài có thể dùng họ tất cả và thay đổi lòng họ tất cả nếu họ chỉ hiến mình trọn- vẹn cho quyền-năng tối-cao của Ngài.

Các môn-đồ đều là những người không tên tuổi. Họ không được các sử-gia của thế-giới biết đến, và ngay cả trên những trang sách Tin-lành thì hầu hết bọn họ chỉ là những tên suông: Phi-e-rơ, Giăng, Phi-líp, Thô-ma, và Giu-đa như ta biết; Ba-thê-lê-my có lẽ là tên khác của Na-tha-na-ên; Tha-đê cũng là «Giu-đê, em Gia-cơ» và là Lê-ba-út theo như các sách Tin-lành khác đã chép; Si-môn là người Ca-na-an thì rõ-ràng là một kẻ «cuồng-tin» hay trước kia, là một nhân-vật trong nhóm người quá-khích đã kịch-liệt chống lại luật-lệ La-mã. Tuy-nhiên, phần nhiều là những nhân-vật vô-danh trong bóng tối; nhưng nhờ họ mà dòng lịch-sử loài người đã xoay chiều; tên tuổi họ được ghi trên Thiên-đàng và khắc sâu trên những bức tường-thành Giê-ru-sa-lem mới. Vào thời bấy giờ, những sử-giả của Đấng Christ thường là những người ít nổi tiếng trong thời-đại mình, nhưng họ đang thi-hành một công-tác bất-diệt và tên họ sau cùng sẽ được ghi nơi cao nhất trên bảng danh-dự.

2. Tội phạm đến Đức Thánh-Linh

Đoạn 3 : 20 - 30

« 20 Đức Chúa Jê-sus cùng môn-đồ vào trong một cái nhà; đoàn dân lại nhóm-họp tại đó, đến nỗi Ngài và môn-đồ không ăn được. 21 Những bạn-hữu Ngài nghe vậy, bèn đến để cầm-giữ Ngài; vì người ta nói Ngài đã mất trí khôn.

22 Có các thầy thông-giáo ở thành Giê-ru-sa-lem xuống, nói rằng: Người bị quỷ Bê-ên-xê-bun ám, và nhờ phép chúa quỷ mà trừ quỷ. 23 Song Đức Chúa Jê-sus kêu họ đến, dùng lời thí-dụ mà phán rằng: Sao quỷ Sa-tan đuổi được quỷ Sa-tan? 24 Nếu một nước tự chia nhau, thì nước ấy không thể còn được; 25 lại nếu một nhà tự chia nhau, thì nhà ấy không thể còn được. 26 Vậy, nếu quỷ Sa-tan tự đẩy lên nghịch cùng mình, tất nó bị chia xé ra, không thể còn được; song nó đã gần

đến cùng rồi. 27 Chẳng ai có thể vào nhà một người mạnh sức cướp lấy của người, mà trước hết không trói người lại; phải trói người lại, rồi mới cướp nhà người được. 28 Quả thật, ta nói cùng các người, mọi tội-lỗi sẽ tha cho con-cái loài người, và hết thấy những lời phạm-thượng họ sẽ nói ra cũng vậy; 29 Nhưng ai sẽ nói phạm đến Đức Thánh-Linh thì chẳng hề được tha, phải mắc tội đời đời. 30 Ngài phán như vậy, vì họ nói rằng: Người bị tà-ma ám.»

Một lần nữa ta thấy Đức Chúa Jê-sus ở Ca-bê-na-um và một đám đông nao-nức hỗn-loạn lại vây quanh lấy Ngài. Họ hoàn-toàn chiếm lấy sự chú-ý của Ngài đến nỗi Ngài không có thì-giờ để ăn nữa. Những người thân-thuộc Ngài, có lẽ là mẹ hay anh em Ngài, coi sự thiếu cần-thần, không cần ăn uống nghỉ-ngơi này là dấu-hiệu của sự cuồng-tin hoặc cuồng-trí. Họ « bèn đến để cầm-giữ Ngài; vì người ta nói Ngài đã mất trí-khôn. » Điều này rất đúng: Ấy là những người hầu việc Chúa thường tự làm hại mình vì họ quá sức sốt-sắng, và cần phải được kèm-chế bởi những người thân-thuộc nếu không thì vô-tình họ làm hỏng sự ích-lợi và việc làm của họ. Mặt khác, đó là một trách-nhiệm rất quan-trọng khi định-đoạt giới-hạn sức khỏe hay việc làm của người khác. Còn điều đáng chú-ý là người ta thường được gọi là cuồng-tin khi họ lao-lực vì Chúa nhiều hơn là khi họ tự chuốc lấy những nguy-hiểm tương-tự trong việc đeo đuổi theo tiền-tài và danh-vọng. Chắc-chắn rằng những người thân-thuộc của Chúa Jê-sus đều mắc tội quá tự-phụ và bất-công khi họ cố-gắng ngăn chặn việc làm của Ngài và cho rằng Ngài điên-loạn.

Song-le, « các thầy thông-giáo từ thành Giê-ru-sa-lem xuống » sẵn-sàng thừa-kiện một cách nghiêm-khắc hơn. Họ tuyên-bố rằng Ngài hiện ở dưới sự sai-khiến của ma-quỉ. Bằng cách đó, họ rêu-rao rằng họ có thể giải-thích về quyền-phép đuổi quỉ của Chúa Jê-sus. Họ nói: « Người bị quỉ Bê-ên-xê-bun ám, và nhờ phép chúa quỉ trừ quỉ ». Điều đáng chú-ý là kẻ thù của Chúa không chối-bỏ những phép lạ của Ngài; song họ cố-gắng hạ giá-trị Ngài và những phép lạ đó bằng cách lập-luận rằng Chúa đã làm các phép lạ đó nhờ sự cấu-kết với Sa-tan.

Chúa Jêsus liền chỉ ra sự vô-lý và ác-y của lời tuyên-bố của họ. Ngài bày-tỏ sự vô-lý đó bằng một câu hỏi rất thích-đáng : « Sao quỷ Sa-tan đui đui được quỷ Sa-tan ? » Ý-kiến này ngầm chứa một sự mâu-thuẫn rõ-ràng. Chúa làm sáng-tỏ lý-lẽ của Ngài bằng hai thí-dụ tương-tự : « Nếu một nước tự chia nhau, thì nước ấy không thể còn đui đui », « lại nếu một nhà tự chia nhau, thì nhà ấy không thể còn đui đui. » Vậy nếu Sa-tan giúp Chúa đui đui được những quỷ dưới quyền nó thì nước và nhà của Sa-tan phải bị chia xé. Thật là phi-lý khi cho rằng Ngài tự chống lại Ngài.

Chúa Jêsus lại dùng một hình-ảnh khác để xác-nhận mạnh-mẽ những gì Ngài đã tuyên-bố một cách tiêu-cực rằng : « Chẳng ai có thể vào nhà một người mạnh sức cướp lấy của người, mà trước hết không trói người lại; phải trói người lại, rồi mới cướp nhà người đui đui. » Nói như vậy, có nghĩa là : Không những đó là một điều vô-lý khi nói rằng Sa-tan đang giúp Chúa, mà thật ra Chúa đang tàn-phá Sa-tan ; Ngài đang đánh bại nó, cướp quyền-lực, của-cải, tài-sản và cả đến tòi-tớ khỏi tay nó.

Lời tố-cáo của người Pha-ri-si đã vô-lý lại còn là một tội rất lớn vì chính là một sự đối-địch giữa Chúa và Sa-tan. Đó là lời phạm-thương với Thánh-Linh. Vì vậy, Đức Chúa Jêsus phán tiếp : « Quả thật, ta nói cùng các người, mọi tội-lỗi sẽ tha cho con-cái loài người, và hết thảy những lời phạm-thương họ sẽ nói ra cũng vậy ; nhưng ai sẽ nói phạm đến Đức Thánh-Linh thì chẳng hề đui đui tha, phải mắc tội đời đời. Ngài phán như vậy, họ nói rằng : « Người bị tà-ma ám. » Ý-nghĩa của câu này khá rõ-ràng. Chúa Jêsus làm những công-việc của Ngài bởi quyền-năng của Thánh-Linh; vì vậy khi nói rằng Ngài làm các việc ấy bởi quyền-phép của ma-quỉ tức là phạm-thương với Đức Thánh-Linh, là làm đảo lộn mọi sự phân-biệt luân-lý, là làm xáo-trộn những đặc-điểm và giá-trị của đạo-lý ; và cũng bày-tỏ một sự mù-quáng về đạo-lý khó tha-thứ đui đui của họ. Các thầy thông-giáo không chắc là hoàn-toàn hiểu-biết những gì họ đang ám-chỉ, nhưng chắc-chắn là bởi những lời này, Chúa đã nghiê-m-răn họ rằng đó là một tội chẳng đui đui tha khi cố-y gán quyền-hành của ma-quỉ cho Con Chí-ihánh của Đức Chúa

Trời. Có lẽ ít nguy-hiểm cho những ai ngày nay có thể phạm tội chẳng được tha ấy, tức là phạm-thương cùng Thánh-Linh, nhưng phải chẳng những tin-đồ Đấng Christ khỏi cần được cảnh-cáo đùng : « làm phiền » và « dập-tắt » Thánh-Linh, và phải chẳng những kẻ khác sẽ không bị nguy-hiểm vì « chống trả Thánh-Linh » để rồi chuốc lấy sự chết đời đời.

3. Mẹ và anh em Đức Chúa Jêsus

Đoạn 3 : 31-35

« ³¹ Mẹ và anh em Ngài đến, đứng ngoài sai kêu Ngài. Đoàn dân vẫn ngồi chung-quanh Ngài ³² Có kẻ thưa rằng : Này, mẹ và anh em thầy ở ngoài kia, đương tìm thầy. ³³ Song Ngài phán cùng họ rằng : Ai là mẹ ta ai là anh em ta ? ³⁴ Ngài lại đưa mắt liếc những kẻ ngồi chung-quanh mình mà phán rằng : Kia là mẹ ta và anh em ta ! ³⁵ Ai làm theo ý muốn Đức Chúa Trời, nấy là anh em, chị em, và mẹ ta vậy. »

Ở đoạn này, Jêsus thấy rằng Ngài đang ở trong tình-trạng hết sức đau xót, một trong những trường-hợp tiến thối lưỡng-nan khó-khẩn nhất trong chức-vụ của Ngài dưới thế-gian. Bấy giờ, « mẹ và anh em Ngài đến, đứng ngoài sai kêu Ngài. » Mục-dịch hành-động của họ đã được tuyên-bố rồi. Họ tin rằng Chúa bị điên-loạn và định ngăn-cản việc làm của Ngài. Chúa phải làm gì trong trường-hợp này ? Ngài không thể phản-bội sứ-mạng và cũng không thể bất-nhân với mẹ Ngài. Ngài không thể để công-việc của Ngài bị đình-chỉ hay để lộ sự thiếu-thốn tinh-cảm phạm-nhơn. Tình-trạng này thật khó xử nhưng đã gặp phải tri khôn-ngoan thiên-thượng; Chúa đã dùng dịp này để tuyên-bố một sự thật bất-diệt; đó là : họ-hàng thật của Đấng Christ là những ai làm theo ý-chỉ Đức Chúa Trời, như các môn-đồ Ngài vậy. « Song Ngài phán cùng họ rằng : Ai là mẹ ta, ai là anh em ta ? Ngài lại đưa mắt liếc những kẻ ngồi chung-quanh mình mà phán rằng : Kia là mẹ và anh em ta. Ai làm theo ý muốn Đức Chúa Trời, nấy là anh em, chị em, và mẹ ta vậy. »

Câu trả lời như vậy không làm mất lòng Ma-ri và các con trai người được. Ngài không từ-chối, từ-khước

họ đầu. Ý Chúa là tình thân-thuộc đáng kính về phần xác mà họ giữ với Ngài chính là biểu-hiệu cho tình thân-thuộc thiêng-liêng giữa Ngài và những kẻ làm theo ý-chỉ Đức Chúa Trời. Tuy vậy, trong lời nói của Ngài ẩn một sự khiển-trách khéo-léo và rõ-ràng. Ngài nhìn quanh các môn-đồ trong khi Ngài nói về những kẻ làm theo ý-chỉ Đức Chúa Trời. Vậy, há Chúa chẳng nói rõ rằng nếu các anh em về phần thể-xác của Ngài không thể hiểu hay cảm-mến Ngài và không chịu làm môn-đồ Ngài tức là họ không làm theo ý-chỉ Đức Chúa Trời và không phải là những thân-thuộc thiêng-liêng của Ngài sao? Đó, há chẳng phải là một lời tuyên-bố long-trọng rằng loài người chúng ta ngày nay chối-bỏ Đấng Christ tức là không vâng theo ý-chỉ Đức Chúa Trời sao? Và hơn nữa, đó há chẳng phải là một lời cảnh-cáo rằng những kẻ nào xưng mình là tín-đồ của Chúa thì phải tỏ tình thân-thuộc thiêng-liêng với Chúa bằng cách mỗi ngày hết lòng vâng theo ý-chỉ của Ngài sao?

4. Thí-dụ về người gieo giống

Đoạn 4 : 1-25

« ¹ Đức Chúa Jêsus lại khởi-sự giảng-dạy nơi bờ biển; có một đoàn dân đông lắm nhóm lại xung-quanh Ngài, Ngài bước lên trong một chiếc thuyền và ngồi đó, còn cả đoàn dân thì ở trên đất nơi mé biển. ² Ngài lấy thí-dụ dạy-dỗ họ nhiều điều, và trong khi dạy, Ngài phán rằng :

³ Hãy nghe, có người gieo giống đi ra dặng gieo. ⁴ Khi đương gieo, một phần giống rơi dọc đường, chìm đến ăn hết. ⁵ Một phần khác rơi nhằm đất đá-sỏi, chỉ có ít đất thịt, tức thì mọc lên, vì bị lấp không sâu; ⁶ nhưng khi mặt trời đã mọc, thì bị đốt, và bởi không có rễ, nên phải héo. ⁷ Một phần khác rơi nhằm bụi gai; gai mọc rậm lên làm cho nghẹt-ngồi, và không kết quả. ⁸ Một phần khác nữa rơi nhằm nơi đất tốt, thì kết-quả, lớn lên và nẩy-nở ra; một hột ra ba chục, hột khác sáu chục, hột khác một trăm. ⁹ Ngài lại phán rằng : Ai có tai mà nghe, hãy nghe !

¹⁰ Khi Đức Chúa Jêsus ở một mình, những kẻ

xung-quanh Ngài cùng mười hai sứ-đồ hỏi Ngài về các lời thí-dụ, ¹¹ Ngài phán rằng : Sự mầu-nhiệm của nước Đức Chúa Trời đã tỏ ra cho các người ; nhưng về phần người ngoài, thì dùng cách thí-dụ để dạy mọi sự, ¹² hầu cho họ xem thì xem mà không thấy, nghe thì nghe mà không hiểu ; e họ hối-cải mà được tha tội chăng ?

¹³ Đoạn, Ngài phán rằng : Các người không hiểu thí-dụ ấy sao ? Vậy thì thế nào hiểu mọi thí-dụ được ? ¹⁴ Người gieo giống ấy là gieo đạo, ¹⁵ Những kẻ ở dọc đường là kẻ đã chịu đạo gieo nơi mình ; nhưng vừa mới nghe đạo, tức thì quỷ Sa-tan đến, cướp lấy đạo đã gieo trong lòng họ đi. ¹⁶ Cũng vậy, những người chịu giống gieo nơi đất đá-sỏi, là những kẻ nghe đạo, liền vui-mừng chịu lấy ; ¹⁷ song vì trong lòng họ không có rễ, chỉ tạm-thời mà thôi, nên nổi gặp khi vì có đạo mà xảy ra sự cực-khổ, bắt-bớ, thì liền vấp-phạm. ¹⁸ Còn những kẻ chịu giống gieo nơi bụi gai, là kẻ đã nghe đạo ; ¹⁹ song sự lo-lắng về đời này, sự mê-đắm về giàu-sang, và các sự tham-muốn khác thấu vào lòng họ, làm cho nghẹt-ngồi đạo, và trở nên không trái. ²⁰ Nhưng, những người chịu giống gieo vào nơi đất tốt, là kẻ nghe đạo, chịu lấy và kết quả, một hột ra ba chục, hột khác sáu chục, hột khác một trăm.

²¹ Ngài lại phán cùng họ rằng : Có ai đem đèn để dưới cái thùng hoặc dưới cái giường chăng ? Há chẳng phải để trên chơn đèn sao ? ²² Vì chẳng có điều chi kín mà không phải lộ ra, chẳng có điều chi giấu mà không phải rõ-ràng. ²³ Nếu ai có tai mà nghe, hãy nghe !

²⁴ Ngài lại phán rằng : Hãy cẩn-thận về điều mình nghe. Người ta sẽ đong cho các người bằng lường các người đã đong cho, và thêm vào đó nữa. ²⁵ Vì sẽ ban thêm cho kẻ nào có ; nhưng kẻ nào không có, sẽ bị cất lấy điều mình đã có. »

Sách Tin-lành Mác chép về việc làm nhiều hơn lời nói. So-sánh với các sách Ma-thi-ơ, Lu-ca hay Giảng thì sách Mác chép nhiều phép lạ nhưng ít bài giảng và thí-dụ hơn. Tuy vậy, lời tổng-quát trên đây rất có thể làm-lẫn và

khiến cho người ta quên rằng sự dạy-dỗ vô-giá của Chúa đã được ghi trong sách Tin-lành thứ hai này. Điều đáng chú ý là có một vài thí-dụ mà các tác-giả khác cũng nhắc đến nhưng lại được Mác ghi-chép hết sức đầy-đủ, và trong phần đầu chép về những sự dạy-dỗ của Chúa có một thí-dụ duy-nhất được ghi trong sách Tin-lành này thôi: đó là thí-dụ về sự lớn lên đầy bí-ân của hạt giống. Lại còn điều đáng ghi nữa là thí-dụ đã được thuật tỉ-mỉ nhất chép trong đoạn thứ tư của sách Mác là thí-dụ gồm có lời khuyên-dạy nên nghe cẩn-thận. Sự-mạng quan-trọng của thí-dụ này nhắc cho chúng ta nhớ đến trách-nhiệm của những ai thích có cơ-hội nghe lời giảng-dạy của Chúa.

Như ta đã biết, khi Chúa Jê-sus nói về thí-dụ đầu-tiên thì Ngài dùng chiếc thuyền con làm tòa giảng vì Ngài nhận thấy cần phải xuống đó để tránh sự xô lấn của đám đông khi họ vây quanh Ngài. Đây là cảnh ngoạn-mục mà Mác đã vẽ cho chúng ta thấy. Từng đoàn người tụ-hop trên bờ biển và Đấng Cứu-thế của chúng ta ngồi trong chiếc thuyền con nổi lênh-bềnh trên mặt hồ phẳng-lặng. Bài thí-dụ mà Ngài giảng trước tiên là bài thí-dụ về người gieo giống. Bài ấy đáng được gọi là bài thí-dụ về các thứ đất, vì ý chính là những thứ đất khác nhau mà người gieo đem gieo hạt giống xuống. Chúa dùng những thí-dụ ấy để mô-tả một số thính-giả khác nhau.

Loại thứ nhất được gọi là những kẻ « dọc đường » Đây Chúa không nói về con đường rộng nhưng là bờ đê cứng-rắn ngăn những ruộng lúa. Hạt giống nào rớt trên mặt đường như vậy thì không thể nào đâm rễ được, và chang mấy chốc chim trời đến ăn nuốt hết. Có một số người nghe đạo mà lòng quá cứng-cỏi vì cơ những ham-muốn ích-kỷ và thói quen xấu-xa đến nỗi đạo không thể ở trong lòng họ được. Đạo vừa giảng và vừa nghe xong thì các ý-tưởng khác, giống như các sứ-giả của Sa-tan, đã đến cướp hết ra khỏi tâm-trí và ký-ức họ những gì đã giảng-dạy.

Loại thứ hai là những kẻ gieo «nhằm nơi đất đá sỏi.» Đây không nói về chỗ đất đá nhưng là một lớp đất mỏng phủ trên vàng đá. Chỗ đất đó cũng tốt nhưng thiếu bề sâu. Tuy-

nhiên, chẳng bao lâu hạt giống cũng nứt mộng và lớn lên mau chóng nhờ ánh nắng ấm; nhưng khi rễ ăn sâu xuống đụn phải đá quá cứng không xuyên qua được thì chẳng bao lâu hạt giống đang lớn phải bị héo úa dưới cơn nắng gắt. Bằng hình-ảnh trên, Chúa đã mô-tả một số người sẵn-sàng nghe sứ-mạng của Chúa mang đến. Lòng họ dễ cảm-động, nhưng đức-tin thiếu bề sâu và khi gặp nổi thống-khổ hoặc sự bất-bớ thì họ liền sa-ngã và vấp-phạm, chỉ nhận biết lẽ thật cách cạn-cột bề ngoài.

Loại thứ ba được Chúa mô-tả như những kẻ gieo « nhảm bụi gai. » Đây nói về hạt giống rơi vào chỗ đất gai đang mọc. Hạt giống ấy đâm rễ và lớn lên đầy hứa-hẹn, nhưng gai-gốc lớn lên làm nghẹt-ngòi nên không kết-quả. Chúa dùng hình-ảnh trên để tả về những kẻ vui lòng nghe đạo của Ngài, chân-thành nhận lấy những lẽ thật của đạo và bắt đầu một đời sống tin-kính, nhưng ngay lúc ấy nổi lo-lắng, sự giàu-có và thú vui của đời trần vào nên họ không trở nên tín-đồ Đấng Christ kết nhiều quả.

Sau rốt Chúa Jêsus nói về những kẻ đã gieo nhảm « nơi đất tốt », tức là kẻ « kết quả, lớn lên và nảy-nở ra; một hạt ra ba chục, hạt khác sáu chục, hạt khác một trăm. » Đây, Chúa tả những người nghe đạo chân-thật, không những họ tiếp-nhận đạo thôi, lại còn để lời của Ngài ảnh-hưởng trên đời sống của họ rồi cuối-cùng họ kết trái bình-an của sự công-bình, và chính mình họ trở nên trung-tâm của quyền-lực Cơ-đốc và làm sứ-giả của lẽ thật thiên-thượng.

Bài thí-dụ trên được Chúa nói ra trước quần-chúng, song chỉ giảng nghĩa riêng cho các môn-đồ Ngài và một số người đi theo mà thôi. Thật là một ích-lợi lớn cho ta khi được một lời giải-thích đầy quyền-năng và rõ-ràng như vậy; nhưng Chúa mở đầu sự giải-thích về thí-dụ của Ngài bằng những lời khó-khẩn không ít : « Ngài phán rằng : Sự màu-nhiệm của nước Đức Chúa Trời đã tỏ ra cho các người; nhưng về phần người ngoại, thì dùng cách thí-dụ để dạy mọi sự, hầu cho họ xem thì xem mà không thấy, nghe thì nghe mà không hiểu; e họ hối-cải mà được tha tội chẳng. » Sự « màu-nhiệm » trong lời Kinh-thánh không có nghĩa là những gì khó hiểu song là một sự

thật trước kia giấu kín và nay được tỏ-bày. Vậy, «sự màu-nhiệm của nước Đức Chúa Trời» có nghĩa là một sự thật liên-quan đến Nước ấy mà trí-óc loài người không thể khám-phá được, song đã được giải-bày bởi Đức Chúa Jê-sus. Ngài phán rằng Ngài dùng những thí-dụ để cho những kẻ theo Ngài hiểu-biết lẽ thật, song những kẻ nào không muốn tin và hầu việc Ngài thì không thể nào hiểu được. Họ có thể thấy mà không nhận-biết, nghe mà không thật hiểu. Họ không thể nhận được lẽ-thật dẫn đến sự ăn-năn và tha-thứ.

Những lời Chúa nói thêm sau đây liên-quan đến mục-đích chính của thí-dụ. Trong đoạn giải nghĩa sau, Ngài hỏi rằng đèn mua để ở dưới cái thùng hay để trên chạn đèn. Hiên-nhiên, là đèn có mục-đích cung-cấp ánh sáng, và mục-đích chính của thí-dụ là như thế : Không phải giấu đi song là bày-tỏ lẽ thật. Tuy-nhiên, những người hiểu biết cần phải nghiên-cứu sứ-mạng của Ngài với tất cả sự cần-mẫn và nghiêm-trang. Chúa nhấn mạnh lời cảnh-cáo này và phán : « Hãy cần-thận về điều mình nghe. Người ta sẽ đong cho các người bằng lường các người đã đong cho, và thêm vào đó nữa. Vì sẽ ban thêm cho kẻ nào có ; nhưng kẻ nào không có, sẽ bị cất lấy điều mình đã có. » Chúa nói vậy là muốn ám-chỉ rằng những người chỉ nhận-thức được một phần dạy-dỗ của Ngài không mong-mỏi nhận thêm hơn bao nhiêu ; song những ai cần-thận lưu-tâm đến những điều Ngài phán thì mới mong rằng sự hiểu biết của họ sẽ được mở rộng thêm. Thật là một đặc-ân lớn cho những ai nghe lời của Chúa, nhưng lòng hoài-nghi hay lãnh-đạm sẽ đưa đến sự ngu-dốt mãi mãi ; nếu cửa lòng hằng mở để đón nhận và vâng theo sứ-mạng của Ngài thì sẽ được phát-triển nhờ lẽ thật cao xa hơn.

5. Thí-dụ về hạt giống đang lớn

Đoạn 4 : 26 - 29

«²⁶ Ngài lại phán rằng : Nước Đức Chúa Trời cũng như một người vãi giống xuống đất ;²⁷ người ngủ hay dậy, đêm và ngày, giống cứ nảy chồi mọc lên, mà người không biết thế nào.²⁸ Vì đất tự sanh ra

hoa-lợi : Ban đầu là cây, kể đến bông, đoạn bông kết thành hạt. ²⁹ Khi hạt đã chín, người ta liền tra lưỡi hái vào, vì mùa gặt đã đến. »

Trên đây là thí-dụ duy-nhất mà ngoài sách Mác ra, Kinh-thánh không có chỗ nào ghi lại cả ; và rất có thể ví-dụ ấy được mọi người mong-mỏi ghi lại vì đó là một thí-dụ cho những tôi-tớ Chúa và Mác là sách Tin-lành của Đấng Hài việc đầy quyền-năng, của Con Đức Chúa Trời đã làm những việc lạ-lùng. Thí-dụ về người gieo giống ở phần trước dạy về trách-nhiệm của những người nghe sứ-mạng Tin-lành; và thí-dụ đây chứa đựng một bài học cho những người rao-truyền sứ-mạng này. Thí-dụ trước miêu-tả lòng của người nghe đạo qua hình-ảnh các thứ đất khác nhau ; thì sau phác-họa thái-độ thích-hợp của người giảng đạo, đoạn đề phần kết quả cho Chúa. Thí-dụ thứ nhất cũng gồm một lời cảnh-cáo cho kẻ nào làm sứ-giã của Đấng Christ : Người không nên mong tất cả hạt giống đều rơi xuống chỗ đất tốt. Thí-dụ này cũng nói lên một lời khuyến-cáo như vậy : Người gieo giống không thể mong cho hạt chín xuất-hiện ngay được. Sự tiến-hành của sự sống thật mầu-nhiệm : hạt giống cứ từ từ lớn lên, «ban đầu là cây, kể đến là bông, đoạn bông kết thành hạt.»

Ấy vậy, bài thí-dụ nói về ba thời-kỳ khác nhau trong sự từng-trải của nhà nông, thời-kỳ thứ nhất là sự tin-tưởng khi gieo hạt, kể đến sự kiên-nhẫn đợi chờ, sau hết là thời-kỳ gặt hái đầy vui-mừng. Chúa phán rằng sự từng-trải này cũng tương-tợ như người rao-truyền sứ-mạng cứu-rỗi. Việc làm của người đó là cứ trung-tín gieo giống, còn sản-phẩm của mùa-màng thì ở trong tay Đức Chúa Trời. Công-việc gieo giống này có thể bao-gồm những nỗi khó-khăn, nhọc-nhăn, hy-sinh và đau-đớn : nhưng khi hạt giống đã được gieo cẩn-thận thì người nông-phu có thể nghỉ-ngơi. Người có thể tối «ngủ» sáng «đậy», vì theo những sự tiến-hóa mà người không biết và không tìm hiểu, hạt giống sẽ «cứ này chồi mọc lên, mà người không biết thế nào.» Ở dưới đất có những sức-lực mưa nắng và không-khí nóng ấm ; người gieo giống không có quyền-hành gì trên những sự vật này cả ; nhưng

người tin-tưởng rằng nếu đã gieo những hạt giống tốt thì những sức-lực vô-hình kia sẽ hợp lại để sinh-sản hạt chín. Sung-sương thay cho vị sứ-giả Cơ-đốc nào đã học cách, kiên-nhẫn đợi-chờ mùa gặt sau khi đã gieo rải hạt giống cách tin-tưởng làm công-việc mình cách cẩn-thận rồi giao phần kết-quả trong tay Đức Chúa Trời.

« Đất tự sanh hoa-lợi », đất hòa-hợp những gì mình có với hạt giống và hạt giống cũng có một nguyên-lý hay mầm sống mà đất có thể nuôi-dưỡng, không cần đến sức người vì loài người không có khả-năng gì để làm cho hạt giống nảy mộng đâm chồi được. Đó là cách để lòng người sửa-soạn đón nhận Lời của Chúa, và bởi quyền-lực thiên-thượng, một cuộc sống mới thành-hình và phát-triển mãi cho tới khi sanh hoa quả chín của đặc-tính và công-việc của tin-đồ Đấng Christ. Sự hòa-hợp hoàn-hảo này giữa sứ-mạng Tin-lành và lòng người là một trong những sự dạy-dỗ chính của thí-dụ này.

Thời-gian kiên-nhẫn chờ-đợi mùa gặt đến cũng cho ta sự dạy-dỗ rằng, bình thường thì đời sống thuộc-linh lớn lên từ từ. Căn-cứ theo lời chứng và sự từng-trải của một vài người thì việc đạt đến sự nên thánh trọn- vẹn và một đời sống cao-trọng nhất thật là đột-ngột và chớp-nhoáng ; trong nhiều trường-hợp, kinh-nghiệm và đời sống tin-đồ phát-triển dần dần, « ban đầu là cây, kế đến bông, đoạn bông kết thành hạt. » Sự thành-hình của cuộc sống mới thật là bí-ẩn và nhiệm-mầu ; sự kết trái của hạt giống thế nào không ai hiểu ; nhưng chắc rằng nếu có sự sống thì hạt giống sẽ tự tỏ rõ ít nhất cũng là một « lá mạ ». Ngay cả việc này cũng phải chờ một thời-gian ; và cho đến khi trở « bông » lại lâu hơn nữa ; còn những bông xanh thì đấng, không ăn được. Mặc dù là những tin-đồ Cơ-đốc nhưng không phải tất cả đều tốt ; nhưng nếu có một sự sống thật sự, nếu những cộng không phải là « cỏ dại » mà là lúa mì, thì chắc-chắn sẽ đưa đến một thời-kỳ hoàn-toàn chín mùi ấy là khi mà bông sẽ chứa đầy hạt chắc, là trái của tình yêu-thương trọn- vẹn, vui-mừng, bình-an, nhịn-nhục, nhơn-tử, nhu-mì và tiết-độ.

Chắc-chắn lẽ-thật này không có ý xui tin-đồ nên

thỏa-mãn với những mục-đích chưa đạt được, với sự lớn lên chậm-chạp và đời sống không kết-quả, nhưng trái lại có ý làm cho họ đừng tin những phương-pháp thúc ép, những sự phát-triển kỳ-ảo, chớp nhoáng và dẫn-dắt họ đi tìm cách phát-triển trong họ các trái của sự công-nghĩa bình-an bằng những phương-pháp hay phương-liện thông-thường của ân-diễn.

Thí-dụ này, trên hết, được viết ra để khuyến-kích kẻ hầu việc Chúa chờ-đợi sự hoàn-tất dần dần những chương-trình và mục-đích của Đức Chúa Trời. Sau những đêm ngày kiên-tâm mong-đợi, mùa gặt sẽ tới và những trái của công-lao của người sẽ hiện ra, và người đã ra đi với giọt lệ và mang theo hạt giống quý « ắt sẽ trở về cách vui-mừng, mang bó lúa mình. »

6. *Thí-dụ về hạt cải.*

Đoạn 4 : 30 - 34

« 30 Ngài lại phán rằng : Chúng ta sánh nước Đức Chúa Trời với chi, hay lấy thí-dụ nào mà tỏ ra ?
 31 Nước ấy giống như một hạt cải: Khi người ta gieo, nó nhỏ hơn hết các hạt giống trên đất ; 32 song khi gieo rồi, nó mọc lên, trở lớn hơn mọi thứ rau, và nứt ra thành lớn, đến nỗi chim trời núp dưới bóng nó được.

33 Ấy bởi nhiều lời thí-dụ như cách ấy mà Ngài giảng dạy cho họ, tùy theo sức họ nghe được. 34 Ngài chẳng hề giảng cho chúng mà không dùng thí-dụ; nhưng, khi ở riêng, Ngài cắt nghĩa hết cho môn-đồ mình.»

Đức Chúa Jê-sus thêm một thí-dụ nữa, dạy về phương-diện khác của lễ thật liên-quan đến nước Đức Chúa Trời. Trước hết, Ngài quay lại và phán cùng những người nghe rằng : « Chúng ta sánh nước Đức Chúa Trời với chi, hay lấy thí-dụ nào mà tỏ ra ? » Ta có thể hình-dung rằng các môn-đồ đang sẵn-sàng chờ xem một bức vẽ về sự vĩ-đại, huy-hoàng.

Nhưng họ rất kinh-ngạc khi Chúa trả lời chính câu hỏi của Ngài : «Nước ấy giống như một hạt cải» Chúa hoàn-toàn hiểu rằng duyên-cớ của Ngài đối với những kẻ thù thật

không mấy quan-trọng và ngay cả quần-chúng đã nghe Ngài giảng nữa. Giờ đây chỉ còn có một tốp nhỏ theo Ngài mà thôi, họ là những người không có quyền-thế và ít ai biết đến. Các nhà cầm quyền ghét Chúa và bày mưu giết Ngài. Phong-trào mà Đấng Christ đang dẫn đầu có thể là Nước vinh-hiến mà các Đấng tiên-tri đã dự-ngôn chẳng ? Chúa nhắc-nhở những người nghe Ngài giảng rằng dù biệן giờ chủ-trương của Ngài có vẻ đáng khinh đến đâu đi nữa thì cũng sẽ đến mức độ lôi-kéo sự chú-ý của toàn thể thế-giới. Vài nhà giải nghĩa cho rằng sự thật thì hạt cải không bao giờ mọc lên thành cây lớn được. « Nó chỉ là một cây nhỏ tự lớn vượt lên, nhưng vẫn là một cây nhỏ thôi ; » và họ gọi ý rằng hạt cải là hình-ảnh của những hệ-thống phương-pháp tự-phụ, không bền mà đôi khi đạo Cơ-đốc đã được đồng-hóa với và những hình-thức khác nhau mà đạo ấy có thể mang lấy trước khi Nước của Đức Chúa Trời toàn thiện hiện ra trên đất. Các nhà giải nghĩa ấy cũng đồng hóa loài chim trời với các thú-hạ của Sa-tan mà chúng ta đã đọc trong thí-dụ về người gieo giống và chúng đã có một địa-vị trong các hệ-thống hình-thức tối-cao thuộc về thế-gian lấy danh của Cơ-đốc đồ. Dù nước có thể trông thấy của Đức Chúa Trời phải trải qua giai-đoạn đặc-biệt nào thì mục-đích của Đấng Christ trong thí-dụ này là đối-chiếu những bước đầu không đáng kể với sự lớn lên mai sau của hạt giống ấy ; và vì những mục-đích so-sánh ấy, Ngài khôn-khéo chọn lựa một vật rất nhỏ, nhưng có thể này-nở thành một cây to lớn dị-thường cho đến khi trở nên « lớn hơn mọi thứ rau. »

Mác kèm thêm vào bài thí-dụ này một sự giải-thích rằng ba thí-dụ mà người ghi lại chỉ là một vài bài mẫu trong nhiều thí-dụ mà Jêsus đã phán ; và Ngài đã sẵn-sàng làm cho sự dạy-dỗ của Ngài hợp với trình-độ hiểu biết của những kẻ theo Ngài « tùy theo sức họ nghe » ; hơn nữa trong sự dạy-dỗ về Nước Trời, Ngài nhận thấy cần phải trình-bày lẽ-thật dưới hình-thức những thí-dụ mà Ngài đã giải nghĩa riêng cho các môn-đồ. Ngài thật là một giáo-sư kỳ-diệu ! Đây là một thí-dụ kỳ-diệu cho những kẻ nào thích rao-báo lẽ thật của Ngài ! Chúng ta thật lòng mong-mỏi Linh Ngài sẽ bày-tỏ những sự mâu-nhiệm của ân-diễn Ngài cho những kẻ gặp Ngài trong chỗ ẩn-mật !

7. Bị bão giữa biển.

Đoạn 4 : 35-41

«³⁵ Đến chiều ngày ấy, Ngài phán cùng môn-đồ rằng : « Chúng ta hãy qua bờ bên kia. ³⁶ Khi cho dân-chúng tan về rồi, Đức Chúa Jê-sus cứ ở trong thuyền và môn-đồ đưa Ngài đi; cũng có các thuyền khác cùng đi nữa. ³⁷ Và, có cơn bão lớn nổi lên, sóng tạt vào thuyền, đến nỗi gần đầy nước; ³⁸ nhưng Ngài đương ở đằng sau lái, dựa gối mà ngủ, Môn-đồ thức Ngài dậy mà thưa rằng : Thầy ôi, thầy không lo chúng ta chết sao ? ³⁹ Ngài bèn thức dậy, quở gió và phán cùng biển rằng : Hãy êm đi, lặng đi ! Gió liền dứt và đều yên-lặng như tờ. ⁴⁰ Đoạn, Ngài phán cùng môn-đồ rằng : Sao các người sợ ? Chưa có đức-tin sao ? ⁴¹ Môn-đồ kinh-hãi lắm, nói với nhau rằng : VẬY thì người này là ai, mà gió và biển cũng đều vâng lịnh người ? »

Chúa Jê-sus là một Giáo-sư vô-địch; nhưng trong sách Tin-lành này Ngài xuất-hiện cách tỏ-tướng hơn với tư-cách là Đấng Tạo-hóa đầy quyền-uy. Khi đã ghi được một số bài thí-dụ đầy ý-nghĩa thì Mác liền chuyển qua việc kể lại một dọc những phép lạ rất linh-động. Có tất cả bốn phép lạ hợp thành một loạt phép lạ được thi-hành trong lúc tai-ương và thật là đầy-đủ. Trước hết, Đức Chúa Jê-sus tỏ quyền-năng của Ngài trên những sức mạnh của thiên-nhiên, kể đến trên ma-quỉ của thế-giới vô-hình, rồi trên sự tàn-phá của bệnh-hoạn và sau cùng là trên sự chết.

Phép lạ đầu-tiên trong các phép lạ là sự dẹp yên một cơn bão. Một ngày dài giảng-dạy đã hết. « Chiều ngày ấy, » Vị giáo-sư mệt-nhọc bèn bảo các môn-đồ quay mũi chiếc thuyền con mà Ngài dùng làm diễn-đàn về phía bờ biển bên kia. Ngài muốn tránh quần-chúng để đi về phía đông bờ biển là nơi vắng-vẻ. Mọi sự chuẩn-bị được thi-hành không chậm trễ; « và môn-đồ đưa Ngài đi; cũng có các thuyền khác cùng đi nữa; » chẳng bao lâu vì kiệt sức bởi công-việc, Chúa « dựa gối mà ngủ, » ở đằng sau lái. » Bỗng « có cơn bão lớn nổi lên, sóng tạt vào thuyền, đến nỗi gần đầy nước. »

Ở Ga-li-lê thường có những cơn bão-tổ như vậy. Chúng ta há chẳng nên ngừng lại đây để hỏi-tưởng đến những cơn sóng gió thường-xuyên trong đời sống tin-đồ sao ? Theo Chúa không có nghĩa luôn luôn gặp cảnh «thuận buồm, xuôi gió» hay bầu trời quang-đăng. Ngay cả lúc chúng ta gần Ngài nhất, khi mà không có tội-lỗi hay sự nghi-ngờ nào có thể chia rẽ được, thì giông-tổ lại nổi lên; hoàn-cảnh hình như chống lại chúng ta: sóng to đe-dọa nuốt chửng và bầu trời trở nên đen kịt.

Cơn bão trên đây có thể không phải là trận bão tầm thường. Những tay đánh lưới lực-lường điều-khiển chiếc thuyền của Chúa đã từng sống trên biển này. Họ hiểu mọi trạng-thái của những cơn gió bất-thường. Song họ đều tuyệt-vọng. Họ đánh thức Chúa dậy, «mà thưa rằng : Thầy ôi, thầy không lo chúng ta chết sao ?» Lời kêu-cầu của họ biểu-lộ sự kinh-sợ tột-đỉnh và ngụ-ý phiền-trách rằng Chúa không biết lo gì cả; Ngài hoặc không hay biết hoặc quan-tâm gì đến sự nguy-khốn của họ. Một đôi khi chúng ta cũng nghĩ hoặc nói như thế. Trong lúc sắp bị bão-tổ đe bẹp, chúng ta cũng có cảm-tưởng rằng Đấng giàu lòng yêu-thương đã tỏ ra lãnh-đam với nhu-cầu của chúng ta. Mặc dầu không tin-tưởng như thế nhưng cũng nên cầu-cứu với Ngài.

Hơn nữa, lời kêu-cầu của họ cũng cho chúng ta thấy một tinh-thần xác-láo. Hình như họ cho rằng Chúa chèn-máng bôn-phận của Ngài; rằng nhiệm-vụ của Ngài là che-chở họ ; rằng Ngài can tội trể-nải, và họ cho rằng dù muốn hay không, Ngài cũng phải cứu họ. Ấy vậy, nhiều lúc trong lòng chúng ta sự nghi-ngờ đã liên-kết với một sự đòi hỏi xác-láo. Chúng ta đến cầu-cứu với Chúa song hình như chúng ta cho rằng sự giúp-đỡ và giải-thoát của Ngài là những vấn-đề nợ-nần chớ không phải ân-huệ. Ta có thể nài xin Chúa ; nhưng tuyệt-nhiên không được phàn-nàn hay phiền-trách Ngài.

« Ngài bèn thức dậy, quở gió và phán cùng biển rằng: Hãy êm đi, lặng đi ! Gió liền dứt và yên-lặng như tờ.» Các sự tương-phản đã được vẽ rõ ở đây. Chúng ta thấy sự nhọc-mệt về thể-xác con người khi Giáo-sư ngủ và chúng

ta lại nghe giọng nói thiên-thượng của « Đấng cai-trị cả vũ-trụ. » Ngài có quyền khiến-trách gió và sóng biển; ngày nay chắc-chắn Thánh-Linh của Ngài có thể hà hơi thổi bình-an vào một tâm-hồn rối-loạn.

Không những Đức Chúa Jê-sus chỉ quở gió bão nhưng cũng quở các môn-đồ nữa. Ngài chê-trách sự nhát-sợ kém đức-tin của họ cách âu-yếm dịu-dàng nhưng thật sự. « Sao các ngươi sợ ? Chưa có đức-tin sao ? » Có một sự dạy-dỗ nghiêm-trọng trong chữ « chưa ». Sau khi đã nghe và thấy mọi việc, đáng lẽ các môn-đồ phải nhờ-cậy Chúa và tin-tưởng rằng khi đi với Chúa thì họ được yên-ôn. Chúng ta còn bao nhiêu lý-lẽ nữa để bầu-chữa cho đức-tin mình khi mà giờ đây chúng ta biết rõ không những chỉ các phép lạ của Con Người từ Ga-li-lê mà thôi song, cả những việc phi-thường đang diễn ra của Đấng đã sống lại từ cõi chết ?

Đoạn kết của câu truyện có một lối dùng chữ thật khéo-léo. Chúa đã quở-trách các môn-đồ vì họ đã nhát sợ ; nhưng khi Ngài đã quở-trách họ rồi thì chúng ta đọc thấy : Họ « kinh-hãi lắm, nói với nhau rằng : Vậy thì người này là ai, mà gió và biển cũng đều vâng lệnh người ? » Họ đã hãi-hùng vì cơn bão vừa qua, bây giờ lại trở mất kinh-ngạc nhìn Đấng mà quyền-phép rõ-ràng là do từ trời. Đôi khi những sự giải-cứu bởi Chúa cũng bày-tỏ sự hiện-hiện và quyền-năng của Ngài khiến các môn-đồ xúc-động sâu xa hơn khi bị những sự hiểm-nguy đe-dọa. Dù làm chủ được bão-tổ trên biển hồ hay vô-hình đứng giữa vòng chúng ta hôm nay thì Ngài cũng hiện ra trước con mắt đức-tin là Đấng Hữu việc quyền-năng, Con của Đức Chúa Trời làm những việc đã mặc lấy năng-lực và quyền-phép thiên-thượng.

8. Người Giê-ra-sê bị quỷ ám

Đoạn 5 : 1 - 20

« ¹ Đức Chúa Jê-sus cùng môn-đồ qua đến bờ biển bên kia, trong miền Giê-ra-sê. ² Ngài mới ở trên thuyền bước xuống, tức thì có một người bị tà-ma ám từ nơi mờ-mả đi ra đến trước mặt Ngài. ³ Người thường ở nơi mờ-mả, đầu dùng xiềng sắt cũng

chẳng ai cột trói được nữa ; ⁴ vì nhiều lần người bị cùm chơn hoặc bị xiềng, rồi bẻ xiềng tháo cùm, không ai có sức trị được. ⁵ Người cứ ở nơi mờ-mả và trên núi, ngày đêm kêu-la và lấy đá đánh bầm mình. ⁶ Người thấy Đức Chúa Jê-sus ở đằng xa, chạy lại sắp mình xuống trước mặt Ngài, ⁷ mà kêu lớn rằng : Hỡi Đức Chúa Jê-sus, Con Đức Chúa Trời rất cao, tôi với Ngài có sự gì chẳng ? Tôi nhơn-danh Đức Chúa Trời mà khầu-cầu Ngài, xin đừng làm khổ tôi. ⁸ Vì Đức Chúa Jê-sus vừa phán cùng nó rằng : Hỡi tà-ma, phải ra khỏi người này. ⁹ Ngài lại hỏi rằng : Mày tên gì ? Thưa rằng : Tên tôi là Quân-đội ; vì chúng tôi đông. ¹⁰ Nó lại van-xin Ngài đừng đuổi chúng nó ra khỏi miền đó.

¹¹ Và, chỗ đó, tại trên núi, có một bầy heo đông dương ăn. ¹² Các quỷ cầu-xin Ngài rằng : Xin khiến chúng tôi đến với bầy heo ấy, để chúng tôi nhập vào chúng nó. Đức Chúa Jê-sus cho phép. ¹³ Các tà-ma ra khỏi người đó, bèn nhập vào bầy heo, bầy heo từ trên vực cao vụt đâm đầu xuống biển. Có độ hai ngàn con heo chết chìm cả dưới biển. ¹⁴ Những kẻ chăn heo trốn, đồn tin này ra khắp trong thành và trong nhà quê ; ¹⁵ dân-sự đổ ra đặng xem điều đã xảy đến.

Vậy, chúng đến cùng Đức Chúa Jê-sus, thấy người đã bị nhiều quỷ ám, đang ngồi mặc quần áo, trí khôn bình-tĩnh, thì sợ-hãi lắm. ¹⁶ Những người đã thấy việc đó, thuật cho họ nghe chuyện đã xảy đến cho kẻ bị quỷ ám và bầy heo. ¹⁷ Chúng bèn xin Ngài ra khỏi địa-phận mình. ¹⁸ Lúc Ngài đang bước vào thuyền, người trước đã bị quỷ ám xin ở lại với Ngài. ¹⁹ Nhưng Đức Chúa Jê-sus không cho, phán rằng : Hãy về nhà người, nơi bạn hữu người, mà thuật lại cho họ đều lớn-lao thẽ nào Chúa đã làm cho người, và Ngài đã thương-xót người cách nào. ²⁰ Vậy, người đi, đồn ra trong xứ Đê-ca-bô-lơ những điều lớn-lao thẽ nào mà Đức Chúa Jê-sus đã làm cho mình ; ai nấy đều lấy làm lạ. »

Ngay cả Mác, một họa-sĩ bậc thầy, đã cho chúng ta ít hình-ảnh có thể so-sánh với cảnh-tượng trên đây về

phương-diện linh-động, khủng-khiếp, hùng-vĩ và quyền-năng. Chức-vụ của Đức Chúa Jêsus được đánh dấu bởi nhiều trường-hợp chữa bệnh quỷ ám ; nhưng không trường-hợp nào được kể lại đầy-đủ chi-tiết như chuyện người đáng thương đã đến gặp Chúa khi Ngài cùng các môn-đồ lên bờ biển phía đông. Nếu cảnh-tượng trên khiến chúng ta kinh sợ vì bày-tỏ sức mạnh của sự ác, thì phải chi nó làm cho chúng ta phấn-khởi bằng cách cho chúng ta thấy quyền-phép vạn-năng của Đấng Christ.

Câu « quỷ ám là gì » thường hiện ra trong đầu óc của mỗi người. Một số người cho rằng đó chỉ là biểu-hiện cho sự bại-hoại luân-thường ; còn kẻ khác lại bảo đó là sự mô-tả về bệnh-tật thể-xác hay nói một cách rõ hơn đó là bệnh thần-kinh và đặc-biệt là bệnh điên. Không bài ký-thuật nào diễn-tả rõ hơn rằng sự quỷ ám chỉ về thể-xác và linh-hồn thực sự bị cai-trị cách bí-mật bởi ma-quỉ có thật và có sức mạnh siêu-phàm, tàn-bạo, quỉ-quái và hiểm-ác. Đó không phải chỉ là một bộ óc bị thác loạn có thể khiến cho nạn-nhân đáng thương này lập tức nhận được Jêsus là « Con Đức Chúa Trời rất cao » ; đó cũng phải là một chứng-bệnh « thần-kinh » khiến tà-ma sợ bị đuổi « ra khỏi địa-phận, » khi Chúa truyền ra khỏi người này và cho phép ám vào bầy heo. Người đã gặp Chúa ở « xứ dân Giê-ra-sê » không phải là người điên, bèn là người bị quỷ ám.

Câu khác thường được hỏi nữa là : Những trường-hợp bị quỷ ám tương-tự như vậy có xảy ra vào thời này không ? Đối với câu hỏi trên có những câu trả lời đối-chọi nhau. Các nhà truyền-giáo và các bác-sĩ lỗi-lạc từ đông-phương tường-thuật lại những trường-hợp gần giống như những gì đã chép trong Kinh Tân-ước ; các nhà nghiên-cứu cẩn-thận khác tin rằng những bệnh-triệu mới-mẻ này đều có thể được giải nghĩa là sự loạn óc và sự bị quỷ ám này là một hiện-tượng thuộc về thời Đấng Christ. Nếu đúng như vậy, thì có thể giải-thích tại sao các quỷ sợ bị đuổi ra khỏi địa-phận ấy quá đỗi, và tại sao chúng lại cho rằng bị đuổi ra khỏi người đó tức là khiến chúng mau bị « khổ » như thể rằng chúng chỉ có quyền hành-động ở địa-phương đó và vào thời-gian Đấng Christ thi-hành chức-vụ trên đất.

Tuy vậy, những câu hỏi trên đều có thể giải-đáp được và không còn nghi-ngờ gì nữa là bài kỹ-thuật ấy mang đến cho ta một sự dạy-dỗ trang-nghiêm về sự tai-hại của những thị-dục, thói-quen và tinh-dục đang cai-trị loài người ngày nay, xa hơn nữa, bài kỹ-thuật ấy tỏ-bày quyền-năng cứu-chuộc và giải-phóng của Đấng Christ. Lòng ganh-ghét, tu-dục, thích rượu-chè, lo-lắng, tham-lam và nóng giận đều có mãnh-lực đem đến cho nạn-nhân của chúng những sự khổ-đau tương-tự như của « người bị tà ma ám.., thường ở nơi mờ-mả. » Người bị một năng-lực nan-địch làm chủ lấy tâm-trí và lôi kéo người ra khỏi chỗ ở của loài người để đưa vào những vùng ô-uế và chết-chóc ghê-gớm; không xiềng-xích nào có thể cột trói hay sức mạnh nào có thể chế-phục người được; tiếng kêu-la rùng-rợn của người ngày đêm vang dội trong các hang đá ven biển; người thường dùng đá nhọn rạch lên mình mà không biết đau-đớn là gì nữa; và đáng thương hại hơn hết là người không hoàn-toàn ý-thức được về thân-phận mình; người vừa mong-mỏi được tự-do vừa phò mình cho Trùm ma-quỉ; người vừa « chạy lại xấp mình xuống » mong được Chúa Jê-sus giải thoát, vừa la lớn lên với thái-độ bất phục-tùng, oán-ghét và sợ-hãi. Linh-hồn nào nô-lệ cho tinh-dục, chịu bất-lực, cô-đơn, ô-uế, mất tự-chủ và tự hành-hạ lấy mình, mong-ước được giải-thoát nhưng lại không muốn tự-do, thì cũng giống như vậy.

Hình-ảnh này vừa thật mà cũng vừa kinh-khủng. Nó làm cho ta phải lùi lại nếu ta không nhìn thấy Chúa Jê-sus nổi bật lên trên binh-hài của nạn-nhân với đầy vẻ uy-nghi thiên-thượng. Ngay trước khi quỉ chưa kháng-cự, Đức Chúa đã hiểu rõ hành-động thờ-phượng đó; Ngài đã nhận-xét sự ước-mong được giải-cứu và Ngài đã truyền lệnh đầy quyền-lực rằng: « Hỡi tà-ma, hãy ra khỏi người này. » Sự giải-cứu chắc-chắn sẽ xảy ra sau đó, song trước khi được thi-hành thật sự thì có tiếng quỉ kêu lên rằng: « Hỡi Đức Chúa Jê-sus, Con Đức Chúa Trời rất cao, tôi với Ngài có sự gì chẳng? Tôi nhờn danh Đức Chúa Trời mà khấn-cầu Ngài, xin đừng làm khổ tôi. » Đây là điểm đáng ngạc-nhiên nhất của cảnh-tượng này liên-hệ đến người ấy; nhưng đối với Đấng Christ, đây là sự tiết-lộ quỉ nhất trong câu truyện. Cùng một người đã phục mình xuống tỏ lòng

sùng-bái, van xin và tin-tưởng nhưng miệng lưỡi lại thốt ra những lời oán-hờn, chống-ngịch và sợ-hãi ; song Chúa đã nhìn biết những cử-chỉ đầu-tiên kia trước khi những lời này được nói lên ; Ngài đã phán lời giải-thoát cho một người không hề xin giải-cứu và môi miệng luôn luôn thốt ra sự mong-muốn làm nô-lệ. Mỗi người chúng ta đều đã từng-trải về hai cá-tính như thế, về những ước-muốn tương-phản nhau như thế. Chúng ta mong được tự-do ngay lúc chúng ta cảm thấy đang bị tình-dục chi-phối. Có người bảo chúng ta rằng trước khi được Chúa cứu-giúp, chúng ta phải lìa bỏ lòng ưa thích tội-lỗi ; nhưng ở đây há không có một sự-mạng nào khác sao ? Phải chăng khi chúng ta đến xin Chúa giúp-đỡ, khi chúng ta lấy đức-tin qui xuống trước mặt Chúa, và ngay cả khi chúng ta chưa thốt ra lời, hay trong khi những khát-vọng, ham-muốn, tư-dục cũ đang đòi tiếp-tục cai-trị chúng ta thì Ngài đã nhìn thấy tấm lòng và ước-vọng của chúng ta, và Ngài ban cho sự chiến-thắng, sự trợ-giúp và sự giải-cứu ?

Với ý-định chữa lành, Chúa bèn phán hỏi nạn-nhân rằng : « Mày tên gì » Ngài hỏi người đó ; Ngài làm cho mạnh lại ý thức của người về một bản-ngã khác-biệt với tà-ma đang áp-bức ; và Ngài dùng câu hỏi đó để giúp cho chính linh-hồn và ngay cả tâm-tư ý-tưởng của người được mạnh-mẽ lên khỏi bị đồng-hóa với quỷ, một sự đồng-hóa suýt đã hoàn-thành từ lâu.

Câu đáp lại thật là cảm-động. « Tên tôi là Quân-đội, vì chúng tôi đồng. » Người đã từng quen với đạo quân vô-dịch, là một dụng-cu khủng-kh khiếp của ách thống-trị La-mã, và vì thế, người đã diễn-tả linh-động tình-cảnh đáng thương của mình đang chịu sự cai-trị tàn-bạo của đạo binh sự ác dữ chiếm lấy thành-trị thiên-liêng của linh-hồn người. Nhận biết nhu-cầu của mình, thú-nhận thân-phận của mình, đó là bước chắc-chắn dẫn tới việc phục-hồi sự tự-do của linh-hồn. Tuy vậy, người đó cũng chưa hẳn được giải-thoát ; thật ra người chỉ cầu-xin Chúa những gì người ít ước mong nhất ; các quỷ vẫn còn cai-trị người. « Nó lại van xin Ngài đừng đuổi chúng nó ra khỏi miền đó ». Sự giải-cứu thật đến với người khi Chúa Jêsus chấp-nhận sự nài-xin khác của các quỷ. « Và, chỗ đó, tại trên

núi, có một bầy heo đông đang ăn. Các quỷ cầu-xin Ngài rằng : Xin khiến chúng tôi đến với bầy heo ấy, để chúng tôi nhập vào chúng nó. Đức Chúa Jê-sus cho phép. Các tà-ma ra khỏi người đó, bèn nhập vào bầy heo, bầy heo từ trên vực cao vọt đầm đầu xuống biển. Có độ hai ngàn con heo chết chìm cả dưới biển. »

Chúa đã cho phép các quỷ phá-hoại một số tài-sản quá lớn-lao khiến cho các độc-giả có dịp để biểu-lộ sự ngạc-nhiên và chỉ-trích nữa. Dù lời giải-thích về sự cho phép của Chúa có đúng đi nữa thì cũng sẽ chắc-chắn liên-quan chặt-chẽ đến mục-đích của Ngài, tức là đánh bại những quyền-lực của tội ác và bảo-đảm sự cứu-rỗi những linh-hồn bất-diệt, như thế, kế-hoạch tìm một chỗ cư-trú trong xứ của các quỷ bị thất-bại vì chúng được phép đi theo con đường riêng của mình với bầy heo ; hơn nữa, sự chấp-thuận điều nài-xin của chúng ngụ-ý rằng đàn heo chính là chỗ ở thích-hợp cho chúng hơn là thể-xác hay linh-hồn của một người. Bản-chất của những tình-dục tội-ác cai-trị loài người thường là thú-tính nhiều hơn là nhơn-tính.

Rồi người bị quỷ ám cũng được giải-cứu khỏi bị hủy-diệt với bầy heo, vì các quỷ quá bận lo nghĩ về chỗ ở mới của chúng nên khi lìa khỏi người chúng bèn buông tha người khỏi những sự tàn-bạo thường được ghi lại trong những trường-hợp trừ tà-ma; vả lại, khi người nhìn thấy sự điên-loạn và cái chết của bầy heo thì nhận-thức được sự tự-do thật sự và vĩ-dại của mình cách đầy-đủ hơn. Thật-ra, ít nhất chúng ta cũng hiểu ơn-phước của Chúa cách trọn- vẹn hơn khi chúng ta thấy những tai-họa xảy ra cho đời sống những người khác do chính những tình-dục mà bởi lòng yêu-thương, Ngài đã cứu ta thoát khỏi.

Cũng có thể có một lý-do khác trong sự chấp-thuận lời nài-xin của các quỷ. Rất có thể là Chúa đã thấy một dịp tốt để truyền-rao một sứ-mạng cho người trong xứ đó. Đó là một sứ-mạng lạ-lùng và đáng chú ý. Nó đã làm thiệt-hại một ít tài-sản, song đã được tính-toán để cảnh-giác họ về sự nguy-hiêm và báo cho họ về đặc-ân mà họ sẽ nhận được. Sự hủy-diệt bầy heo bởi các quỷ là một

sự cảnh-cáo rằng xứ này bị quấy-nhiều bởi những tà-ma, và không ai thoát khỏi sự tấn-công của nó cả; nhưng quyền-lực trên ma-quỉ do Đấng Christ tỏ ra là một dấu-hiệu rằng Đấng Cứu-Thế hiện ở gần. So-sánh với giá-trị của một sứ-mạng như thế thì sự mất bầy heo nào có đáng gì? Ngay cả những tin-đồ của Ngài, Chúa cũng khiến sự lỗ-lã đến với họ để báo cho họ biết những sự nguy-hiêm và kéo họ đến gần với Ngài hơn; như thế việc làm của Chúa thật chính-đáng khi cho phép hủy-diệt bầy heo để do đó, đem đến cho dân Giê-ra-sê vô-thần tin-tức về sự hư-mất của họ về quyền cứu-rỗi của Ngài.

Việc xảy ra như vậy đã được tính kỹ để làm cho người ta phải chú-ý và sự mất-mát tài-sản này đối với họ là một vấn-đề rất đáng quan-tâm như chúng ta sẽ thấy ở đoạn sau; rõ-ràng là họ quá mù-quáng đến nỗi không trông thấy mối nguy-hiêm của họ, quá ích-kỷ để không được cứu; vì khi tin ấy được loan ra trong thành-phố và vùng xung-quanh thì «dân-sự đổ ra đặng xem điều đã xảy đến. Vậy, chúng đến cùng Đức Chúa Jê-sus, thấy người đã bị nhiều quỷ ám, đang ngồi, mặc quần áo, tri khôn bình-tĩnh, thì sợ-hãi lắm. Những người đã thấy việc đó, thuật cho họ nghe chuyện đã xảy đến cho kẻ bị quỷ ám và bầy heo. Chúng bèn xin Ngài ra khỏi địa-phận mình.» Thật ra, họ ưa-thích bầy heo của họ hơn Đấng Cứu-Thế; họ nghĩ về sự lỗ-lã mà họ đã phải chịu nhiều hơn là nghĩ về linh-hồn đã được cứu; sự hiện-diện của Chúa khiến họ «sợ-hãi», nhưng họ không cảm thấy có lòng tin-cậy hay yêu-thương gì cả; vì lòng tin-cậy và tự-mãn của họ, họ cảm thấy ít thân-thuộc đối với Chúa hơn là người bị quỷ ám khi còn trần-trưởng, kêu-la nơi mồ-mả. Ngày nay, tấn thảm-kịch đó vẫn còn được diễn lại; có nhiều người chỉ cảm thấy sợ-hãi trước sự hiện-diện của Chúa; họ từ-chối những sứ-mạng của Ngài; họ «xin Ngài ra khỏi»; họ sợ tình hữu-nghị của Ngài có thể gây ra một vài sự lỗ-lã về phương-diện xã-hội, tài-chánh, hay bản-thân họ: Họ cách xa chốn thiên-đàng hơn người cùng đing mà họ coi như một tên nô-lệ vô-vọng của tình-đục; vì tìm cách vớt-vát tài-sản họ đành mất linh-hồn.

Đức Chúa Jê-sus lập tức chấp-thuận lời yêu-cầu của những người Giê-ra-sê này, Ngài không bao giờ dừng lại

nơi nào mà Ngài không phải là một vị khách được mời; nhưng khi ra đi thì Chúa từ-chối lời nài-xin của người mà Ngài đã chữa lành. « Lúc Ngài đang bước vào thuyền, người trước đã bị quỷ ám xin ở lại với Ngài. Nhưng Đức Chúa Jê-sus không cho, phán rằng : Hãy về nhà ngươi, nơi bạn-hữu ngươi, mà thuật lại cho họ điều lớn-lao thể nào Chúa đã làm cho ngươi, và Ngài đã thương-xót ngươi cách nào. » Người này bị xúc-động vì e sợ rằng các quỷ có thể trở lại; người cảm thấy mình chỉ được yên-ôn trước sự hiện-diện của Chúa mà thôi; người lại càng xúc-động hơn khi hiển-dâng sự hầu việc của mình cho Chúa vì tình yêu-thương và sự biết ơn. Người bày-tỏ lòng thành-thật của mình bằng sự vâng lời. « Vậy, người đi, đồn ra trong xứ Đê-ca-bô-lơ những điều lớn-lao thể nào mà Đức Chúa Jê-sus đã làm cho mình; ai nấy đều lấy làm lạ. » Chúa có thể xét được nơi nào mà sự làm chứng về Ngài có giá-trị nhất; Ngài sẽ chọn cho chúng ta nơi chỗ để hầu việc; thường là ở nhà, giữa vòng bạn-bè chúng ta, nhưng phần nhiều là ở những miền duyên-hải hoang vắng, nơi mà dân chúng không hề yêu-thương hay biết đến Ngài. Chúng ta sẽ được an-toàn, mặc dù không thể thấy Ngài; sự hiện-diện và quyền-lực vô-hình của Ngài sẽ ngự-trị; việc phòng-ngừa sự trở lại của các quỷ chắc-chắn nhất là hầu việc Chúa cách hăng-hái; để chứng-minh lòng sùng-kính của chúng ta, không có cách gì hay hơn là làm chứng về « điều lớn-lao thể nào mà Đức Chúa Jê-sus đã làm cho mình.

9. Con gái Giai-ru và người đàn-bà có bệnh

Đoạn 5 : 21-43

« 21 Khi Đức Chúa Jê-sus lại xuống thuyền qua bờ bên kia, có đoàn dân đông nhóm-hợp chung-quanh Ngài. Ngài đứng trên bờ biển. 22 Bấy giờ, có một người trong những người cai nhà hội, tên là Giai-ru, đến thấy Đức Chúa Jê-sus, bèn gieo mình nơi chân Ngài, 23 nài-xin mà rằng : Con gái nhỏ tôi gần chết; xin Chúa đến, đặt tay trên nó,ặng nó lành mạnh và sống. 24 Đức Chúa Jê-sus đi với người; đoàn dân đông cùng đi theo và lấn-ép Ngài.

25 Vả, tại đó có một người đàn-bà bị bệnh mất

huyết đã mườì hai năm, ²⁶ bấy lâu chịu khổ-sở trong tay nhiều thầy thuốc, hao-tốn hết tiền-của, mà không thấy đỡ gì; bịnh lại càng nặng thêm. ²⁷ Người đã nghe tin về Đức Chúa Jê-sus, bèn lặn vào đặng sau giữa đám đông, mà rờ áo Ngài. ²⁸ Vì người nói rằng : Nếu ta chỉ rờ đến áo Ngài mà thôi, thì ta sẽ được lành. ²⁹ Cùng một lúc ấy huyết lậu liền cầm lại ; người nghe trong mình đã được lành bịnh. ³⁰ Tức thì Đức Chúa Jê-sus tự biết có sức mạnh đã ra từ mình, bèn xây lại giữa đám đông mà hỏi rằng : Ai đã rờ áo ta ? ³¹ Môn-đồ thưa rằng : Thầy thấy đám đông lặn-ép Thầy, Thầy còn hỏi rằng : Ai rờ đến ta ? ³² Ngài nhìn xung-quanh mình để xem người đã làm điều đó. ³³ Người đờn-bà biết sự đã xảy đến cho mình, bèn run-sợ đến gieo mình dưới chơn Ngài, tỏ hết tình thật. ³⁴ Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Hỡi con gái ta, đức-tin con đã cứu con ; hãy đi cho bình-an và được lành bịnh.

³⁵ Dương khi Ngài còn phán, có kẻ đến từ nhà người cai nhà hội mà nói với người rằng : Con gái ông đã chết rồi, còn phiền Thầy làm chi ? ³⁶ Nhưng Đức Chúa Jê-sus chẳng màng đến lời ấy, phán cùng cai nhà hội rằng : Đừng sợ, chỉ tin mà thôi. ³⁷ Ngài chẳng cho ai theo mình, trừ ra Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng là em Gia-cơ. ³⁸ Khi đã đến nhà người cai nhà hội, Ngài thấy chúng làm om-sòm, kẻ khóc người kêu lớn tiếng. ³⁹ Vào nhà rồi, Ngài phán cùng chúng rằng : Sao các người làm ồn-ào, và khóc-lóc vậy ? Đứa trẻ chẳng phải chết, song nó ngủ. ⁴⁰ Chúng nhạo-báng Ngài. Ngài bèn đuổi chúng ra hết, đem cha mẹ đứa trẻ với những kẻ theo Ngài, cùng vào chỗ nó nằm. ⁴¹ Ngài nắm tay nó mà phán rằng : Ta-ll-tha Cu-mi ; nghĩa là : Hỡi con gái nhỏ, ta truyền cho mày, hãy chớ dậy. ⁴² Tức thì đứa gái chớ dậy mà bước đi, vì đã lên mườì hai tuổi. Chúng rất lấy làm lạ. ⁴³ Ngài cấm ngặt chúng đừng cho ai biết sự ấy, và truyền cho đứa trẻ ăn. »

Dân Giê-ra-sê cầu-xin Đức Chúa Jê-sus « ra khỏi địa-phận mình, » nhưng khi Ngài vượt biển để ghé gần Ca-bê-na-um thì đã có một đám rất đông dân-chúng chờ sẵn để tiếp-đón Ngài. Trong đám đờn ông và đàn-bà, có

những linh-hồn tan-nát vì lo sợ và những tấm thân yếu-đuối vì sự đau-đớn ; song ai có đức-tin nơi Ngài thì Chúa sẵn lòng cứu-chữa. Chức-vụ không ngừng của tình yêu-thương được diễn-tả bởi Mác sẽ là nguồn bảo-đảm cho mọi linh-hồn thiếu-thốn và mệt-mỏi biết tin-cậy Chúa.

Người đầu-tiên chen-lấn ra khỏi đám đông đến trước mặt Chúa tên là Giai-ru ; người đến đề cầu-xin Chúa chữa cho con gái của người mà người ta tuyên-bố là đã chết rồi, khi họ đang về nhà. Người thứ nhì đến đề mong được cứu-giúp là một người đàn-bà đáng thương đã từng chịu đau-khổ vì một chứng bệnh trong nhiều năm trời; khi Chúa đi ngang qua, nàng bèn rờ vào viền áo của Ngài và lập tức được chữa lành. Sự xảy ra của hai phép lạ được thuật lại lần-lộn thành một truyện thiết-thực; có thể hai phép lạ ấy được coi như hai hình-ảnh song song bày ra những sự tương-phản đáng chú-ý, song cả hai đều tỏ-bày quyền-năng thiên-thượng của Đấng Christ và lòng sẵn-sàng của Chúa đáp lại lời kêu-cầu của đức-tin. Giai-ru là một người có danh-vọng trong dân chúng « cai nhà hội, » một người tương-đối giàu-có, có thế-lực và địa-vị trong xã-hội, và suốt mười hai năm, gia-đình người đã sống trong vui tươi vì sự có mặt của đứa con gái nhỏ duy-nhất. Còn người đàn bà là một người nghèo-khổ yếu-đuối bị ô-uế theo lẽ-tục, không bạn-bè thân-thuộc, không được ai biết đến và suốt mười hai năm nàng đã sống trong cảnh đen tối và chịu đau-khổ và bệnh-hoạn liên-tiếp.

Tuy-nhiên, cả hai đều đến với Chúa vì ý-thức được sự nhu-cầu thiết-yếu của mình. Giai-ru nhận thấy rằng không sự giúp-đỡ nào của loài người có thể có hiệu-quả. Người phỏ-bày một hình-ảnh đáng thương khi sắp mình nơi chân Chúa Jê-sus và nài xin cách thống-thiết rằng, « con gái nhỏ tôi gần chết ; xin Chúa đến, đặt tay trên nó, đặng nó lành-mạnh và sống. » Tình-trạng của người đàn-bà cũng tuyệt-vọng như vậy; Mác diễn-tả tình-trạng ấy với một sự châm-biểu nhẹ-nhàng khi nói rằng nàng « bấy lâu chịu khổ-sở trong tay nhiều thầy thuốc, hao-tốn hết tiền-của, mà không thấy đỡ gi; bệnh lại càng nặng thêm. » Chắc-chắn không thầy thuốc nào vào thời đó và ở nơi đó có thể cứu được cuộc đời kiệt-sức của nàng; song nàng đã nghe nói về quyền-năng của Chúa Jê-sus và nàng bí-mật chờ một cơ-hội ; nàng « lần vào

đăng sau giữa đám đông, mà rờ áo Ngài. Vì người nói rằng Nếu ta chỉ rờ đến áo Ngài mà thôi, thì ta sẽ được lành. »

Đức tin nàng không được trọn- vẹn; vì hình như nàng nghĩ rằng quyền-phép của Chúa có tính-cách qui-thuật hay máy-móc nên không cần Ngài biết hay nghĩ gì về nàng cả, nàng cũng không cần phải cầu-cứu hay tỏ-bày sự biết ơn vì được giúp- đỡ. Đức-tin của nàng tuy không trọn- vẹn nhưng chân-thật ; Chúa lập tức đáp lại cái sợ rụt-rè của nàng, « cùng một lúc ấy, huyết lậu liền cầm lại ; người nghe trong mình đã được lành bệnh. » Có thể đây là đặc-sắc nhất của câu chuyện. Chúa không bao giờ chờ cho chúng ta có một sự hiểu-biết hoàn-toàn về Chúa hay cách hành-động của Ngài ; khi chúng ta cảm thấy mình bất-lực và đến với Chúa để được chữa lành thì Ngài không bao giờ từ-chối.

Tuy-nhiên, Đức Chúa Jêsus luôn luôn muốn làm cho trọn- vẹn đức-tin của những ai tin-cậy Ngài. Sự chữa lành của Ngài bao giờ cũng đưa đến một sự hiểu-biết đầy- đủ hơn và một tình yêu-thương sâu-đậm hơn. Ngài tỏ cho người đàn-bà này thấy rằng sự chữa lành cho nàng không phải chỉ do sự lưu ra ân-điền thiên-thượng cách vô-tình và ân-điền đầy-dẫy do đức-tin chỉ nhận được khi nào một người tin-đó công-khai xưng-nhận Chúa là Đấng Cứu-Thế. Ngài nhận biết những ngón tay run-rẩy của nàng đụng đến Ngài; Ngài phân-biệt sự đụng-chạm ấy với sự lấn-ép của đám đông; Ngài nhận ra rằng đó là một lời kêu-cứu thầm lặng; Ngài bèn ban cho sự giúp-đỡ mà nàng đã cầu-khẩn, và sau đó vì có người đàn bà đó, Chúa hỏi ai đã rờ áo Ngài và nhìn quanh « giữa đám đông mà hỏi rằng : Ai đã rờ áo ta ? » Người đàn-bà ấy nhận thấy quyền-năng thiên-thượng của Chúa rồi, bây giờ lại được biết sự thông-hiểu thiêng-liêng của Ngài nữa ; vì khi nàng đến xác-nhận lòng tin-cậy sự được chữa lành của mình thì lại được biết lòng yêu-thương cao-cả của Ngài nữa, vì nàng nghe Ngài phán rằng : « Hỡi con gái ta, đức-tin con đã cứu con; hãy đi cho bình-an và được lành bệnh. » Vậy nàng đã tìm được những gì mà tất cả những ai công-khai nhìn-nhận Đấng Christ có thể tìm được tức là một sự bảo-đảm mới cho quyền-năng cứu-chuộc của Ngài và an-nghỉ linh-hồn do sự tiếp-nhận lời đầy ơn của Ngài, « hãy đi bình-an, »

Đức-tin của Giai-ru cũng không trọn- vẹn. Tuy có khôn hơn đức-tin của người đàn-bà nhưng lại thua đức-tin của thầy đội, cùng ở thành-phố đó, là người đã nhận thấy rằng Chúa khỏi cần đến nhà mình song chỉ cần phán một câu thì sự chữa bệnh cũng có hiệu-quả. Tuy-nhiên, vì là một đức-tin chân-thật nên được Chúa ban thưởng và làm cho mạnh thêm. Việc Chúa lập tức đến nhà Giai-ru là cốt ý trấn-an người cha đang lo-sợ. Đức-tin của người được thử-thách bởi tri-hoãn do việc cứu-chữa người đàn-bà ; tuy-nhiên đức-tin của người cũng được tăng-cường khi người trông thấy bằng-chứng về quyền-năng và sự khôn-ngao thiên-thượng. Nhưng đức-tin người được thử-thách gay-go nhất khi nghe một tin đáng lo-ngại : « Con gái ông đã chết rồi ; còn phiền Thầy làm chi ? » Lời đó đủ làm tiêu-tan hi-vọng của người tín-đồ nhiệt-thành nhất ; « nhưng Chúa Jêsus chẳng màng đến lời ấy, phán cùng cai nhà hội rằng : Đứng sợ, chỉ tin mà thôi. » Vậy đức-tin đã được bồi-bổ và chẳng bao lâu sẽ nhận-lãnh phần thưởng phi-thường. Chúa không cho quần-chúng theo Ngài nữa, song chỉ cho phép ba môn-đồ cùng đi với Ngài vào nhà người chết. Ngài thấy một quang-cảnh hết sức tuyệt-vọng. Những kẻ khóc mướn cũng có mặt để diễn-tả nỗi đau buồn bằng cách khóc-than xôn-xao. Khi Jêsus đã vào nhà rồi, « Ngài phán cùng chúng rằng : Sao các người làm ồn-ào, và khóc-lóc vậy ? Đứa trẻ chẳng phải chết, song nó ngủ. Chúng nhạo-báng Ngài. » Lời Chúa phán là một lời khiển-trách sự không tin-tưởng và là một thông-diệp cho chúng ta trong những giờ phút tang-tóc. Ngài không nói rằng đứa trẻ còn sống, song vì cơ đứa trẻ chắc-chắn sẽ hồi-sinh, vì cơ quyền-năng và mục-đích hiện-tại của Ngài nên tình-trạng của đứa trẻ không đáng gọi là chết. Ngài chỉ nghĩ trước về những lời đầy ơn-phước mà Ngài sẽ phán với Ma-thê nơi mộ La-xa-rô : « Còn ai sống và tin ta thì không hề chết. »

Kế đến, Jêsus vào phòng đứa trẻ với cha mẹ nó và ba môn-đồ của Ngài. Ngài không muốn đứa trẻ sợ-hãi khi thấy đoàn người lạ mặt. Đó là một sự âu-yếm, ân-cần tốt-đẹp được nổi bật lên trong mọi hành-động của Ngài. « Ngài nắm tay nó mà phán rằng : ... Hỡi con gái nhỏ, ta truyền cho mày, hãy chớ dậy. Tức thì đứa gái

chờ dậy mà bước đi... » và Ngài « truyền cho đũa trẻ ăn. » Mệnh-lệnh này hoàn-toàn cần-thiết để an-ủi đũa trẻ đã phá tan giùm cha mẹ đũa trẻ sự kinh-sợ khủng-khiếp do sự hiện-diện của tử-thần đã giáng cho họ; và đó là một bằng-chứng không những về sự sống lại, song cũng về một sự bình-phục hoàn-toàn khỏi tật-bệnh. Mệnh-lệnh khác của Chúa được ghi lại nữa là : « Ngài cấm ngặt chúng đừng cho ai biết sự ấy », vì Ngài e rằng một phép lạ kỳ-diệu quá như vậy có thể khiến cho sự kích-động lớn-lao bùng-nổ đến nỗi làm đình-chỉ công-việc của Ngài và làm nảy ra một cơn khủng-hoảng trước khi chức-vụ trên đất của Ngài hoàn-thành. Thật là một phép lạ phi-thường tột-bực làm tuyệt-điểm thích-đáng với bốn phép lạ mà Mác đã nhập chung ở đây. Trước hết, Đức Chúa Jê-sus khiến cơn bão gió yên-lặng tức là bảo-đảm về quyền-năng của Ngài trong cõi thiên-nhiên; rồi Ngài đánh bại các quỷ đề-bày-tỏ quyền-năng của Ngài trong cõi vô-hình của ma-quỷ; kế đến, Chúa chữa lành người đàn-bà đã đến với Ngài trong đức-tin để chứng-tỏ Ngài sẵn lòng chữa lành không những thân-thể chúng ta mà cả linh-hồn tội-lỗi của chúng ta nữa; và sau rốt, Ngài hồi-sinh đũa con gái đã chết của người cai nhà hội này để tỏ-bày quyền-lực của Ngài trên sự chết và quyền ban sự sống đời đời cho cả những người tuyệt-vọng nhất. Bởi những chức-vụ phi-thường như vậy nên Mác giới-thiệu Đức Chúa Jê-sus là Đấng Tối-tò thiên-thượng và Con của Đức Chúa Trời làm phép lạ.

10. Đức Chúa Jê-sus tại Na-xa-rét.

Đoạn 6 : 1-6

« 1 Đức Chúa Jê-sus đi khỏi đó, đến quê-hương mình, có các môn-đồ cùng đi theo. 2 Đến ngày Sa-bát, Ngài bắt đầu dạy-dỗ trong nhà hội; thiên-hạ nghe Ngài, lấy làm lạ mà nói rằng: Người bởi đâu được những điều này? Sự khôn-sáng mà người được ban cho là gì, và thế nào tay người làm được những phép lạ dường ấy? 3 Có phải người là thợ mộc, con trai Ma-ri, anh em với Gia-cơ, Giô-sê, Giu-đe, và Si-môn chăng? Chị em người há chẳng phải ở giữa chúng ta đây ư? Chúng bèn vấp-phạm vì cố Ngài. 4 Song Đức Chúa Jê-sus phán cùng họ rằng: Đấng tiên-tri chỉ bị quê-hương mình,

bà-con mình và trong nhà mình kính-dễ mà thôi. ⁵ Ở đó, Ngài không làm phép lạ nào được, chỉ đặt tay chữa lành một vài người đau-ốm ; ⁶ và Ngài lấy làm lạ vì chúng chẳng tin.

Rồi Ngài đi khắp các làng gần đó mà giảng-dạy.»

Thời-kỳ thứ nhất của chức-vụ công-khai của Chúa được chấm dứt với âm-muru hại mạng sống Ngài của đảng Hê-rốt và người Pha-ri-si, với sự tạm thời rút-lui khỏi xứ Ca-bê-na-um. Thời-kỳ thứ hai chấm dứt với sự chối-bỏ Ngài của những người đồng-hương với Ngài ở Na-xa-rét. Cả hai thời-kỳ đều được đánh dấu bởi ảnh-hưởng lớn-lao của Ngài giữa quần-chúng đã khiến cho sự cảm-hờn của các nhà cầm quyền và sự ganh-ghét vô-tin của những kẻ thân-thuộc và bạn-hữu ở quê-hương Ngài càng thêm nổi bật. Sự tương-phản giữa từng-trái của Chúa ở Na-xa-rét với từng-trái ở nơi khác được rõ-rệt hơn ở chỗ Chúa vừa hoàn-thành một loạt phép lạ kỳ-diệu như : Dẹp yên bão-tổ, chữa người bị quỷ-ám, thẳng được chứng-bệnh bất-trị và cứu sống người chết. Những phép lạ này là kết quả do đức-tin nơi Jêsus. Đức-tin ấy không toàn-ven nhưng hầu như phổ-biến cho nên rất đông người được Chúa chữa lành; nhưng khi trở về Na-xa-rét, Ngài nhận thấy có sự vô-tin kỳ-lạ cho nên « Ngài không làm phép lạ nào được. »

Đây thật là một câu chuyện cảm-động. Bạn trước, lúc khởi đầu chức-vụ, Jêsus bị những kẻ quen-thuộc khinh-dễ và buộc lòng phải trốn khỏi xứ Na-xa-rét; nhưng giờ đây với tiếng-tám Ngài, với những lời dạy-dỗ được đông người tiếp-nhận và với sự ngạc-nhiên biểu-lộ trên mỗi môi miệng về các phép lạ của Ngài, Chúa trở về thành-phố nhỏ mà Ngài đã ở suốt ba mươi năm; Chúa vào nhà hội và khởi sự dạy-dỗ; những kẻ láng-giềng nhận thấy sự thông-thái của Ngài, họ nhớ lại sự thực về các phép lạ của Chúa; nhưng họ chối-bỏ lời kêu-gọi của Ngài, họ từ-khước sứ-mạng của Ngài, cự-tuyệt sự chữa bệnh mà Ngài ban-không cho họ, « chúng bèn vấp-phạm vì có Ngài. »

Sứ-diệp của tình-cảnh đáng buồn này được tóm-tắt trong một lời phán của Chúa mà Ngài đã dùng trong ba trường-hợp khác nhau và từ đó trở thành châm-ngôn ;

« Tiên-tri chỉ bị quê-hương mình, bà-con mình và trong nhà mình khinh-dễ mà thôi. » Chúng ta cả thấy đều nhận câu châm-ngôn đúng sự thực này, nhưng nguyên-lý căn-bản của nó là gì và nó được áp-dụng vào đời sống chúng ta như thế nào ?

Trước hết, một tiên-tri không được quê-hương mình tôn-trọng vì lòng danh quá. « Thân-mật sanh khinh-dễ. » Sự khinh-dễ đó không nên có trong trường-hợp của một tiên-tri thật. Đối với một tiên-tri có nhiều khuyết-diểm và yếu-đuối thì sự khinh-dễ đó có thể tha-thứ được; nhưng sự quen thân với Chúa như vậy khiến cho loài người chối-bỏ Chúa thì thật là một sự bình-giải đáng buồn về nhân-tính. Bạn-bè của Ngài biện-luận rằng nếu thật Ngài là Đấng Mê-si và có những quyền-lực cao-cả như lời đồn thì đã được tỏ rõ sớm hơn khi Ngài còn sống chung với họ rồi. Người ta khó tin được sự vĩ-đại vượt bực của một người được coi như ngang hàng với họ trong những ngày niên-thiếu và trưởng-thành. Sự ganh-ghét và thành-kiến làm mờ mắt họ. Thật là bi-đát khi ta nhận thấy rằng loài người ngày nay chối-bỏ Đấng Christ vì họ đã trở nên quá quen lờn với lời kêu-gọi và quá cứng lòng đối với Tin-lành của Ngài.

Lý-do thứ hai tại sao « tiên-tri chỉ bị quê-hương mình, bà-con mình và trong nhà mình khinh-dễ » được tìm thấy trong các tiêu-chuẩn sai-lầm của sự phán-đoán mà chúng ta dựa vào để đánh giá sự vĩ-đại. Những người ở Na-xa-rét đang mong đợi một Đấng Mê-si xuất-biện với sự biểu-dương vương-tánh và vương-quyền ; họ không thể nhận một « người thợ-mộc » làm Đấng Mê-si của họ được. Nhưng « người thợ-mộc » đó đã tỏ-bày quyền-năng của mình; Ngài đã chính-thức hóa những sự tự-xưng của Ngài và cũng sẽ nhận lấy địa-vị cầm-quyền cả thế-gian. Thành-kiến của họ về tư-thế Đấng Mê-si phải như thế nào đã khiến họ không tôn-kính Đấng Mê-si thật khi Ngài hiện đến. Ấy vậy, ngày nay, những tiêu-chuẩn sai-lầm về sự vĩ-đại và giá-trị đã bị mất chúng ta không cho chúng ta thấy những thành-tích và nét khả-ái thật của những người trong gia-đình; và lòng nhân-từ thánh-khiết của Chúa Jê-sus đã khiến cho một số người không nhận thấy thần-tánh của Ngài đã được chứng-thực.

Nguyên-nhân chính tại sao một tiên-tri không được tôn-trọng là người thật-sự không được người ta quen biết. Đức Chúa Jê-sus không bị khinh-dễ ở Na-xa-rét, vì Ngài quá lừng danh, nhưng bởi vì dân-chúng tưởng rằng họ biết Ngài, trong khi đó thật ra thì họ không hiểu tí gì về ngôi-vị và sứ-mạng thật của Ngài cả. Họ chỉ xét-đoán bề ngoài và theo sự ngẫu-nhiên : Họ biết mẹ Ngài, anh em và chị em Ngài và hiệu thợ-mộc của Ngài ; song họ không biết Ngài. Nếu họ biết Ngài thì họ đã yêu-thương Ngài rồi. Việc ấy cũng thường xảy ra trong đời người. Ở đây là một sự hối-hận khi nhớ lại. Chúng ta chỉ thấy ban ngày là quý khi bóng đêm đến ; chỉ thấy bạn mình quý và đáng mến khi phải xa nhau. Đối với Chúa cũng vậy. Loài người tưởng rằng họ biết Chúa bởi vì đã đi nhà thờ hay đã gặp một vài tin-đồ của Chúa ; nhưng thật ra họ không biết Ngài. Nếu họ biết Ngài thì họ không thể không theo Ngài và tin-cậy Ngài.

Chỗ cảm-động của câu chuyện được diễn-tả bằng những lời tiếp theo chậm-ngón : « Ở đó, Ngài không làm phép lạ nào được. » Đây là chỗ thương-tâm nhất trong câu chuyện. Nơi nào thiếu sự ưa-thích và tình yêu-thương thì không thể có những bạn ta ở đó, và chúng ta không thể làm được những việc gì mà những nơi khác chúng ta làm được ; nơi nào thiếu đức-tin thì dù Chúa có ở gần hay có quyền-năng cách mấy cũng không thể và sẽ không làm được việc quyền-năng nào.

« Ngài lấy làm lạ vì chúng chẳng tin », nhưng Ngài không ở đó lâu. « Ngài đi khắp các làng gần đó mà giảng dạy. » Những nơi khác sẽ hoan-nghinh Ngài và những linh-hồn khác sẽ được cứu, chớ không phải những kẻ đã biết Ngài lâu nhất, không phải những kẻ đã đại-dột tưởng rằng mình biết Ngài hơn hết.

C. Thời-kỳ thứ ba

Đoạn 6 : 7 đến 7 : 23

1. Mười hai môn-đồ được sai đi.

Đoạn 6 : 7-13

«⁷ Ngài bèn kêu mười hai sứ-đồ, bắt đầu sai đi từng đôi, ban quyền-phép trừ tà-ma.⁸ Ngài truyền cho sứ-đồ đi đường đùng đem chi theo hết, hoặc bánh hoặc bao, hoặc tiền-bạc trong dây lưng, chỉ đem theo một cây gậy mà thôi;⁹ chỉ mang mặc hai áo.

¹⁰ Ngài phán cùng sứ-đồ rằng : Hễ nhà nào các người sẽ vào, hãy cứ ở đó, cho đến khi đi.¹¹ Nếu có chỗ nào, người ta không chịu tiếp các người, và cũng không nghe các người nữa, thì hãy đi khỏi đó, và phủ bụi đã dính chơn mình, để làm chứng cho họ.

¹² Vậy, các sứ-đồ đi ra, giảng cho người ta phải ăn-năn;¹³ đuổi nhiều ma-quí, xức dầu cho nhiều kẻ bệnh, và chữa cho được lành. »

Thời-kỳ thứ nhất của chức-vụ Chúa chúng ta ở miền đông Ga-li-lê mở đầu với sự kêu-gọi bốn môn-đồ, thời-kỳ thứ nhì bắt đầu với sự chọn mười hai sứ-đồ và thời-kỳ thứ ba là công-vụ của mười hai sứ-đồ. Mỗi thời-kỳ đều được đánh dấu bởi sự Chúa được đại-chúng ưa mến, nhưng cũng bởi sự oán-ghét và vô-tin. Chúa Jêsus nhận thấy đám quần-chúng mong được nhận-lãnh sứ-mạng và sự chữa bệnh của Ngài; Ngài cũng biết sự đối-lập đang dâng lên và không bao lâu sẽ chặn đứng chức-vụ ngăn-ngủi của Ngài. Vì vậy, khi bị những người đồng-hương ở Na-xa-rét khinh bỏ, Ngài bèn sai mười hai vị sứ-đồ ra đi để họ có thể bành-trướng công-việc của Ngài và được huấn-luyện để tiếp-tục công-việc ấy sau khi Ngài về trời.

Lẽ dĩ-nhiên, họ đã từng hầu việc Đức Chúa Jêsus,

nhưng đây là sứ-mạng đầu-tiên được chỉ-định cho họ. Hầu hết những đặc-điểm trong bài kỹ-thuật này đều có tính-cách thuần-túy địa-phương và tạm thời, tuy-nhiên nó cũng chứa đựng những nguyên-tắc áp-dụng cho công-việc truyền-giáo trên các lãnh-thổ và ở mọi thời-kỳ.

« Ngài... bắt đầu sai đi từng đôi », để họ có thể đi được từng khu-vực rộng lớn hơn là đi chung thành một nhóm, và như vậy mỗi cá-nhân người hầu việc sẽ được khuyến-khích và giúp-đỡ trong chức-vụ của họ và lời làm chứng của họ sẽ được mạnh-mẽ hơn, xác-thực hơn. Phương-pháp truyền-giáo khôn-ngoan ngày nay đều phải chú-y tới sự tập-trung lực-lượng vĩ-đại và sự nguy-hại khi cô-lập những người hầu việc Chúa. Quyền-lực được tăng-cường nhờ tình đồng-bạn, lời khuyên-bảo lẫn nhau và cộng-tác nhau.

Họ được ủy-nhiệm để làm những phép lạ chữa bệnh và giảng-dạy về phép lạ. Mác ghi rõ câu đặc-biệt này : « Ngài... ban quyền-phép trừ tà-ma. » Vì ngày nay những chức-vụ chữa bệnh và cứu-giúp sẽ tỏ rõ tinh-thần của Đấng Christ nên sẽ mở đường cho sứ-mạng của Ngài và xác-nhận sứ-mạng đó trong trí-óc của dân-chúng. Những chỉ-thị đặc-biệt truyền cho mười hai vị sứ-đồ đều thiết-thực, không có ý-định bày-tỏ sự nghèo-nàn hay buộc phải chịu sự khó-khăn đặc-biệt. Một người nhà quê Đông-phương ngày nay cũng có thể tuân-theo những chỉ-thị này nếu được sai đi làm một chức-vụ ngắn ngày và quan-hệ. Họ không được chậm-trễ sửa-soạn quá nhiều, không được mang nặng những vật-dụng không cần-thiết, song họ phải nhờ vào sự tiếp-đãi của những người mà họ đã giảng-dạy về Tin-lành của Chúa và đem đến sự cứu-giúp. Những sứ-giả thật của Đấng Christ phải luôn luôn nhậm-lệ và sẵn-sàng trong công-tác của mình; họ không nên để cho bị ngăn-trở cách không chính-đáng bởi những công-việc của thế-gian, song họ phải trông-cậy vào sự giúp-đỡ hợp-lý trong khi công-tác. Các vị sứ-đồ được truyền lệnh phải tập vui lòng với sự tiếp-đãi của người khác : « Hễ nhà nào các người sẽ vào, hãy cứ ở đó, cho đến khi đi. » Mặt khác, nếu có chỗ nào không chịu tiếp họ thì họ phải coi sự không tiếp-đón như là một sỉ-nhục đối với Thầy họ và kẻ mang

tội xúc-phạm ấy không đáng cho sự hiện-diện của họ, ngay cả bụi đất ở đó cũng ô-uế nữa. Đây là ý của Chúa trong lời phán : « Nếu có chỗ nào, người ta không chịu tiếp các người, và cũng không nghe các người nữa, thì hãy đi khỏi đó, và phủ bụi đã dính chơn mình, để làm chứng cho họ. » Không tiếp-nhận sứ-giã của Đấng Christ và từ-chối không nghe lẽ-thật của Ngài, đó là một việc nghiêm-trọng mà ta phải chịu trách-nhiệm. Mặc dù những người làm chứng cho Ngài có những khuyết-diêm cá-nhân, nhưng họ thay mặt cho Đấng Chí-cao, và người tỏ ra lãnh-đạm với sự làm chứng và giảng-dạy của họ tức là tự kết-án lấy mình.

Trong sứ-mạng thứ nhất rất ít chi-tiết được ghi lại. Mác cho biết rằng trọng-trách của sự giảng-đạo là kêu-gọi người ta ăn-năn, và sứ-mạng ấy được nhấn-mạnh bởi những phép lạ có thực : « Các sứ-đồ đi ra, giảng cho người ta phải ăn-năn ; đuổi nhiều ma-quỉ, xức dầu cho nhiều kẻ bệnh, và chữa cho được lành. » Việc xức dầu không thấy nói đến trong bản ký-thuật Tin-lành này nữa. Dầu này là một loại thuốc quen-thuộc ở Đông-phương và công-dụng của nó có ý-nghĩa trong trường-hợp chữa bệnh kỳ-diệu này. Hơn nữa, dầu ấy là dấu-hiệu của Đức Thánh-Linh và nhắc-nhở chúng ta về sự chữa lành linh-hồn luôn-luôn đi đôi với việc giảng-dạy Tin-lành của sự ăn-năn và đức-tin trong Đấng Christ.

2. Giảng Báp-lít qua đời.

Đoạn 6 : 14-29

« 14 Vả, vua Hê-rốt nghe nói về Đức Chúa Jê-sus (vì danh-tiếng Ngài đã nên lừng-lẫy, thì nói rằng : Giảng, là người làm phép báp-têm, đã từ kẻ chết sống lại ; cho nên tự người làm ra các phép lạ. 15 Người thì nói : Ấy là Ê-li ; kẻ thì nói : Ấy là đấng tiên-tri, như một trong các đấng tiên-tri đời xưa. 16 Nhưng Hê-rốt nghe vậy, thì nói rằng : Ấy là Giảng mà ta đã truyền chém, người đã sống lại.

17 Sở là, Hê-rốt đã sai người bắt Giảng, và truyền xiềng lại cầm trong ngục, bởi có Hê-rô-đi-a, vợ

Phi-líp em vua, vì vua đã cưới nàng, ¹⁸ và Giăng có can vua rằng : Vua không nên lấy vợ em mình. ¹⁹ Nhưn đó, Hê-rô-đia căm Giăng, muốn giết di. ²⁰ Nhưng không thể giết, vì Hê-rốt sợ Giăng, biết là một người công-bình và thánh. Vua vẫn gìn-giữ người, khi nghe lời người rồi, lòng hằng bối-rối, mà vua bằng lòng nghe.

²¹ Nhưng, vừa gặp dịp-tiện, là ngày sanh-nhật Hê-rốt, vua đãi tiệc các quan lớn trong triều, các quan võ, cùng các người tôn-trưởng trong xứ Ga-li-lê. ²² Chính con gái Hê-rô-đia vào, nhảy múa, đẹp lòng Hê-rốt và các người dự tiệc nữa. Vua nói cùng người con gái ấy rằng : Hãy xin ta điều chi người muốn, ta sẽ cho. ²³ Vua lại thề cùng nàng rằng : Bất kỳ người xin điều chi, ta cũng sẽ cho, dầu xin phân nửa nước ta cũng vậy. ²⁴ Nàng ra khỏi đó, nói với mẹ rằng : Tôi nên xin điều chi ? Mẹ rằng : Cái đầu của Giăng Báp-tít. ²⁵ Tức thì nàng vội trở vào nơi vua mà xin rằng : Tôi muốn vua lập tức cho tôi cái đầu Giăng Báp-tít để trên mâm. ²⁶ Vua lấy làm buồn-rầu lắm ; nhưng vì cố lời thề mình và khách dự- yến thì không muốn từ-chối nàng. ²⁷ Vua liền sai một người lính thị-vệ truyền đem đầu Giăng đến. ²⁸ Người ấy đi chém Giăng trong ngục ; rồi để đầu trên mâm đem cho người con gái, và người con gái đem cho mẹ mình. ²⁹ Môn-đồ Giăng nghe tin, đến lấy xác người chôn trong má. »

Câu chuyện về sự chết của Giăng Báp-tít kể lại ở đoạn này có thể kể là với đầy tài-năng nghệ-thuật. Việc ấy thật đã xảy ra một thời-gian trước, nhưng vốn có liên-quan đến sự nổi danh và sự nguy-khốn mà Chúa Jêsus đã gặp, là hai việc đánh dấu thời-kỳ chói của chức-vụ Ngài ở miền đông Ga-li-lê. Nó nhấn mạnh sự nguy-khốn của Ngài, vì sự giết hại vị đại-sứ-giả của Ngài bởi tay vị vua tàn-ác đối với Đức Chúa Jêsus là một điềm dữ thật sự về sự chết đang đến gần của chính Ngài. Tuy-nhiên, câu truyện được kể ở đây còn trực-tiếp liên-hệ với danh-tiếng của Đức Chúa Jêsus. Khi mười hai sứ-đồ làm những phép lạ kỳ-diệu khiến cho tiếng-tầm của Chúa lan-tràn khắp nơi, và tin ấy thấu đến tai vua Hê-rốt, thì vua đã phỏng-đoán rằng những

việc làm phi-phạm như vậy có thể coi là bằng-chứng Chúa Jê-sus là Đấng đã trở về từ thế-giới vô-hình và đem theo những quyền-lực siêu-phạm ấy. « Vua Hê-rốt nghe nói về Đức Chúa Jê-sus (vì danh-tiếng Ngài đã nên lừng-lẫy), thì nói rằng : Giăng, là người làm phép báp-têm, đã từ kẻ chết sống lại; cho nên tự người làm ra các phép lạ. » Lương-tâm của nhà vua được thức-tỉnh khiến cho người có sự ức-đoán kỳ-lạ này. Có một lúc mà tiếng nói của Giăng đối với vị vua tội-lỗi đó giống y như tiếng của Đức Chúa Trời ; nhưng Hê-rốt đã giết vị đại-tiên-trì đó, và giờ đây, vì nghe thuật lại những phép lạ của Chúa Jê-sus, và dĩ-nhiên là trong sự sợ-hãi, vua gán những phép lạ đó cho người mà vua đã nể-sợ. Có những ý-kiến tương-tự khác của những người đã nghe về những phép lạ của Đấng Christ : « Người thì nói : Ấy là Ê-li ; kẻ thì nói : Ấy là đấng tiên-trì, như một trong các đấng tiên-trì đời xưa. » Nhưng Hê-rốt nghe thì nói rằng : « Ấy là Giăng mà ta đã truyền chém, người đã sống lại. » Đề giải thích sự phỏng-đoán của vị vua, Mác kể lại tội-ác nhớ-nhớ đã ám-ảnh tâm-trí của Hê-rốt. Câu truyện ấy chỉ là một đoạn nhỏ xen vào giữa bài tường-thuyết bi-đát có một giá-trị thật lớn-lao vì tạo-thành một bài học về hành-động của lương-tâm.

Trước hết là hình-ảnh của một lương-tâm rối-loạn và một người quá yếu-đuối đã vâng theo sự sai khiến của nó. Hê-rốt đã làm đám cưới trái phép với Hê-rô-đi-a, vợ của Phi-líp, em mình. Giăng đã bạo-dạn quở-trách tội của vua. Vì sự xúi-giục của Hê-rô-đi-a, Hê-rốt bèn tống giam Giăng vào ngục, song vua được cảm-động bởi sự nhiệt-thành và thánh-khiết của vị tiên-trì ấy và vua đã vui lòng nghe những lời cảnh-cáo long-trọng và cảm-động của Giăng. Vua đã nhận tội mình nhưng lại bị quyền-lực né cai-trị. Vua đã nhận được cảm-động bởi hình-ảnh của sự thánh-khiết mà Giăng đã vẽ, song vua không đủ năng-lực để bề những xiềng-xích đang trói buộc lấy mình. Vua có thể thử xoa dịu lương-tâm mình bằng cách bảo-vệ mạng sống Giăng bất kể lòng căm thù sát-nhơn của Hê-rô-đi-a. Tuy vậy, cũng như những người đang sống trái ngược với những gì mình biết là lẽ phải, Hê-rốt « rất phân-vân. » Đó là hình-ảnh quen-thuộc của một người hay

tri-hoãn và do-dự. Tri-hoãn chừng nào càng khiến cho đức-tính đạo-đức trở nên suy-yếu chừng nấy. Thật là một triệu-chứng nguy-hiêm khi một người sống trong tội-lỗi mà lại thích được cảm-động khi nghe sứ-mạng về sự đạo-đức và thánh-khiết. Tiếp-tục đi trong đường tội-lỗi trái với sự sáng và chống lại lời cảnh-cáo của lương-tâm tức là mãi mãi sửa-soan một con đường dẫn đến sự thất-bại không thể tránh được hay sự lựa-chọn không thể đòi được, đưa đến sự đồ-nát.

Từng-trải của Hê-rốt là như thế. Tất cả những gì hiện giờ đang thiếu chỉ là một cơ-hội. Khi dịp tốt đến thì kẻ cảm-dỗ sẽ thẳng trận mà nó đã sửa-soan từ lâu. Dịp đó là ngày sinh-nhật của vua. Một buổi dạ-yến được bày ra để thết các đại-thần, đại-tướng và thủ-hiến của vua. Rồi thì « chính con gái Hê-rô-đi-a vào, nhảy múa, đẹp lòng Hê-rốt và các người dự tiệc nữa. Vua nói cùng người con gái ấy rằng : « Hãy xin ta điều chi ngươi muốn, ta sẽ cho. » Vũ-khúc này tự nó thật là bỉ-ôï và không người nào trong hoàng-tộc hay có tiếng-tâm mà lại có thể thực-hành. Mác ám-chỉ việc này trong câu, « chính con gái Hê-rô-đi-a vào, nhảy múa. » Đó là phần chương-trình của một cuộc âm-mưu bần-thiểu. Nhà vua đã bị mắc bẫy. Lời nài-xin do sự xúi-giục của Hê-rô-đi-a lập-tức được nêu ra : « Tôi muốn vua lập-tức cho tôi cái đầu Giăng Báp-tít đề trên mâm. » Chúng ta thấy rằng « vua lấy làm buồn-rầu lắm ; nhưng vì có lời thề mình và khách dạ-yến, thì không muốn từ-chối nàng. » Vua liền sai một lính thị-vệ đi chém Giăng trong ngục. Đó là một tội-ác ghê-gớm, trái với lương-tâm của vua. Vua đã từ lâu không vâng theo tiếng gọi của lòng và hiện giờ đành bất-lực trước sự cảm-dỗ khắc-nghịet. Đó là hình-ảnh đáng buồn của một lương-tâm bị xâm-phạm ; và khi Mác mở đầu câu chuyện thì chúng ta thấy rằng lương-tâm bị lạm-dụng thái-quá, mặc dầu trong sự thăm lặng lâu dài, chắc-chắn sẽ bị kích-động thành-linh và sẽ trừng-phạt linh-hồn phạm tội bằng sự hối-hận tuyệt-vọng cần rút. Khi Giăng còn sống thì vua có cơ-hội để hối lỗi ; song khi vua đã ra lệnh giết đấng tiên-tri vô tội thì không thể ăn-năn được nữa. Vua đã làm một việc không sửa lại được và không bao giờ vua nhà lại tìm được sự bình-an trọn- vẹn. Mỗi từng-trải kỳ-lạ, mỗi biến-cổ đáng

chú-ý đều như một điềm dữ quan-trọng gây cho nhà vua nổi lo sợ không tả-xiết. Vì vậy, nếu những lời thuật lại về quyền-năng của Đấng Christ đã mang hi-vọng đến cho vô-số linh-hồn thì lại gây cho nhà vua không gì khác hơn là sự kinh-hãi và khủng-khiếp. Cũng vậy, đó là trường-hợp của những kẻ từ lâu không vâng theo tiếng gọi của lương-tâm, những kẻ cuối-cùng thất-bại trong giờ bị cám-dỗ quyết-liệt và những kẻ hiện bị quấy-rối bởi sự tự-trách và hối-hận không ngừng. Đối với những kẻ ấy, những sứ-mạng sự đến và danh của Đấng Christ chỉ là nguyên-nhân của sự sợ-hãi, buồn-rầu và tuyệt-vọng.

3. Chúa hóa bánh ra nhiều lần thứ nhất

Đoạn 6 : 30 - 44

« ³⁰ Các sứ-dồ nhóm lại cùng Đức Chúa Jê-sus, thuật lại cho Ngài mọi điều mình đã làm và dạy. ³¹ Ngài phán cùng sứ-dồ rằng : Hãy đi tẻ ra trong nơi vắng-vẻ, nghỉ-ngơi một chút. Vì có kẻ đi người lại đông lắm, đến nỗi Ngài và sứ-dồ không có thì giờ mà ăn. ³² Vậy, Ngài và sứ-dồ xuống thuyền dặng đi tẻ ra trong nơi vắng-vẻ. ³³ Nhưng nhiều người thấy đi, thì nhìn biết; dân-chúng từ khắp các thành đều chạy bộ đến nơi Chúa cùng sứ-dồ vừa đi, và đã tới đó trước.

³⁴ Bấy giờ Đức Chúa Jê-sus ở thuyền bước ra, thấy đoàn dân đông lắm, thì Ngài động lòng thương-xót đến, vì như chiên không có người chăn; Ngài bèn khởi sự dạy-dỗ họ nhiều điều. ³⁵ Trời đã chiều, môn-đồ tới gần Ngài mà thưa rằng : Chỗ này là vắng-vẻ, và trời đã chiều rồi; ³⁶ xin cho dân-chúng về, để họ đi các nơi nhà-quê và các làng gần đây dặng mua đồ ăn. ³⁷ Ngài đáp rằng : Chính các người phải cho họ ăn. Môn-đồ thưa rằng : Chúng tôi sẽ đi mua đến hai trăm đơ-ni-ê bánh để cho họ ăn hay sao ? ³⁸ Ngài hỏi rằng : Các người có bao nhiêu bánh ? Hãy đi xem thử. Môn-đồ xem-xét rồi, thưa rằng : Năm cái bánh và hai con cá. ³⁹ Ngài bèn truyền cho môn-đồ bẻ chúng ngồi xuống hết thấy từng chòm trên cỏ xanh. ⁴⁰ Chúng ngồi xuống từng hàng, hàng thì một trăm, hàng thì năm chục. ⁴¹ Đức

Chúa Jêsus lấy năm cái bánh và hai con cá, ngước mắt lên trời, tạ ơn, rồi bẻ bánh ra mà trao cho môn-đồ, dâng phát cho đoàn dân ; lại cũng chia hai con cá cho họ nữa. ⁴² Ai nấy ăn no-nê rồi ; ⁴³ người ta lượm được mười hai giỏ đầy những miếng bánh và cá còn thừa lại. ⁴⁴ Vả, số những kẻ đã ăn chừng năm ngàn người. »

Những phép lạ « mười hai sứ-đồ » đã làm cho Hê-rốt hoảng-sợ và gây sự kinh-ngạc, tò-mò lan rộng ra trong dân-chúng đến nỗi khi các môn-đồ trở về Ca-bê-na-um đề thuật lại việc làm của họ cho Chúa thì họ được dân-chúng chú-ý và vây-quanh họ, làm cho họ « không có thì giờ ăn. » Những sứ-giả mệt-mỏi này vừa trở về sau chuyến đi giảng đạo đầu-tiên của họ, và điều đáng chú-ý ở đây là lần thứ nhất họ được gọi là « sứ-đồ. » Đức Chúa Jêsus đã mời họ và sự mời này là một sứ-mạng cho mỗi người nào theo Đấng Christ, không kể đến danh-tánh hay công-việc của họ. « Hãy đi tẻ ra trong nơi vắng-vẻ, nghỉ-ngơi một chút. » Những giờ phút nghỉ-ngơi yên-tĩnh, khi mà chúng ta có thể ở một mình với Chúa hay nhóm lại với một vài người bạn được lựa-chọn để tiếp-xúc với Ngài, thường giúp cho chúng ta làm mọi sự sửa-soạn cần-thiết để phục-vụ có kết-quả. « Ngài và sứ-đồ xuống thuyền đặng đi tẻ ra trong nơi vắng-vẻ. »

Hình như họ vượt đến bờ hồ phía đông bắc ; nhưng chẳng mấy chốc sự nghỉ-ngơi của họ lại bị quấy-rầy. Quần-chúng biết nơi nào sẽ tìm thấy Đức Chúa Jêsus « từ khắp các thành đều chạy bộ đến nơi Chúa. » Tuy vậy, Chúa cũng không lấy làm khó chịu hay phiền giận bởi sự quấy-rầy đó. Đám đông khơi dậy lòng thương-xót của Ngài vì họ « như chiên không có người chăn. » Họ đang tìm sự dẫn-dắt và thật lòng khao-khát lẽ-thật thiêng-liêng ; các thầy thông-giáo dạy về đạo-lý bề ngoài không làm cho họ thỏa-mãn ; Giảng đã chết : họ nhận-thức được nhu-cầu lớn-lao mà hình như Jêsus có thể cung-cấp. Đức-tin của họ tuy không trọn- vẹn, các hi-vọng của họ tuy mập-mờ, nhưng Đức Chúa Jêsus vui lòng đáp lại lời kêu-cầu của họ. « Ngài bền khởi-sự dạy-đỗ họ nhiều điều. » Đối với những ai đã

được mở mắt thì thế-gian ngày nay cũng ví như quần-chúng ngày xưa, đang khao-khát một vài lời thiết-thực, sự an-ủi và quyền-năng thiên-thượng. Những cõi lòng mà Chúa đã đụng tới thì đầy-dẫy lòng cảm-thương những đám đông ấy « như chiên không có người chăn. »

Khi ngày giảng-dạy đã hầu tàn, Đức Chúa Jêsus làm một phép lạ cốt để dạy rằng sứ-mạng cần-thiết cho thế-gian liên-quan đến chính Ngài, rằng Ngài thực-sự là Bánh của Sự Sống. Cơ-hội để Chúa làm phép lạ ấy là sự đói-khát của quần-chúng và lý-do đầu-tiên của Chúa Jêsus là lòng thương-xót của Ngài đối với nhu-cầu thể-xác của họ, song Ngài dùng cơ-hội ấy để ban ra một sứ-mạng vô song về khả-năng làm thỏa-mãn sự đói-khát của linh-hồn.

Khi các môn-đồ thưa với Chúa rằng hãy cho quần-chúng đi nơi khác để họ tự mua thức ăn, thì Đức Chúa Jêsus phán một lời khiến họ giật mình : « Chính các ngươi phải cho họ ăn. » Để trả lời, họ nói rằng họ không có đủ sức cung-cấp một số thức ăn như vậy. Ngài bảo họ đi xem thử họ có tích-xác bao nhiêu ổ bánh. Khi « xem-xét rồi, thưa rằng : Năm cái bánh và hai con cá. » Chỉ có bấy nhiêu thôi ; nhưng khi Chúa truyền và ban ơn thì sự thiếu-thốn của tôi-tớ Ngài luôn luôn được đầy-đủ. Khi họ nhận-thức được nổi bất-lực của mình thì thường là lúc quyền-năng lớn-lao nhất của Ngài được tỏ ra.

Có đức-tin, tuy không trọn- vẹn, phải được thức-tỉnh trong tâm-trí các môn-đồ bởi lời của Chúa ; và có đức-tin được khích-động giữa đám quần-chúng khi Ngài truyền bảo họ ngồi từng lớp trên cỏ xanh ; song khó lường được sự kinh-ngạc của họ khi mà bởi quyền-năng của Đức Chúa Jêsus, những ổ bánh và cá thành nhiều lên đến nỗi đủ dùng cho đám đông năm ngàn người.

Đó là hành-động của sự thương-xót, một phép lạ của quyền-năng, nhưng cũng là một sứ-mạng thiên-thượng quan-trọng. Quả thật, Đức Chúa Jêsus đã thực-hiện việc sáng-tạo một việc kỳ-lạ nhất mà Ngài đã làm trước sự hiện-diện của quần-chúng, và ý-nghĩa của việc làm đó thật sâu-xa. Chức-vụ của Ngài đang đi đến chỗ

kết-thúc ; cái chết của Giăng là một điềm dữ về sự chính mình Ngài sắp bị đóng đinh trên cây thập-tự ; lúc ấy nhằm mùa lễ Vượt-qua như nhiều tác-giả khác đã viết và như Mác đã tỏ rõ khi đề-cập một cách thú-vị đến bãi « cỏ xanh » là nơi quần-chúng ngồi xuống từng « tốp » hay đến những « mảnh vườn » ; vào kỳ lễ Vượt-qua khác, Đức Chúa Jêsus phải chịu đau-khổ, thân-thể Ngài bị tan-nát vì sự sống của thế-gian ; tất cả những kẻ tin-cậy nơi Ngài sẽ không còn đói khát nữa, họ được sự sống đời đời. Vậy, Đức Chúa Jêsus giải-thích phép lạ của chính Ngài. Quần-chúng không thể hiểu song qua mọi thời-đại, những kẻ theo Ngài tìm thấy trong cảnh này sự khuyến-khích, hướng-dẫn và hi-vọng. Thế-gian đang nhọc-mệt đói khát và cần có nhu-cầu thiêng-liêng cũng như quần-chúng trong đồng-vắng. Chỉ một mình Đấng Christ mới có thể cứu ; nhưng môn-đồ của Ngài có thể mang đến cho những linh-hồn đang hấp-hối những sứ-mạng về quyền-năng và tình yêu-thương của Ngài, và những kẻ nào nhận lấy thì sẽ sống.

4. Đức Chúa Jêsus đi bộ trên mặt biển.

Đoạn 6 : 45-52

« ⁴⁵ Rồi Ngài liền giục môn-đồ vào thuyền, qua bờ bên kia trước mình, hướng đến thành Bết-sai-đa, trong khi Ngài cho dân-chúng về. ⁴⁶ Ngài lìa khỏi chúng rồi, thì lên núi mà cầu-nguyện.

⁴⁷ Đến tối, chiếc thuyền đương ở giữa biển, còn Ngài thì ở một mình trên đất. ⁴⁸ Ngài thấy môn-đồ chèo khó nhọc lắm, vì gió ngược. Lối canh tư đêm ấy, Ngài đi bộ trên biển mà đến cùng môn-đồ ; và muốn đi trước. ⁴⁹ Môn-đồ thấy Ngài đi trên mặt biển, ngỡ là ma, nên la lên ; ⁵⁰ vì ai nấy đều thấy Ngài và sợ hoảng. Nhưng Ngài liền nói chuyện với môn-đồ và phán rằng : Hãy yên lòng, ta đây, đừng sợ chi. ⁵¹ Ngài bèn bước lên trên thuyền với môn-đồ, thì gió lặng. Môn-đồ càng lấy làm lạ hơn nữa, ⁵² vì chẳng hiểu phép lạ về mấy cái bánh, bởi lòng cứng-cỏi. »

Khi Đức Chúa Jêsus bị quấy-rầy trong những giờ phút nghỉ-ngơi và thông-công thiêng-liêng, Ngài không hề giận ;

Ngài cũng không cảm thấy rằng công-việc bất-ngờ có thể thay thế cho sự nghỉ-ngơi cần-thiết. Vì vậy khi quần-chúng quấy rối thời-giờ nghỉ-ngơi mà Đức Chúa Jê-sus dành cho chính Ngài và các môn-đồ, thì Ngài kiên-nhẫn dạy-dỗ họ khi còn ban ngày, nhưng rồi Ngài cho họ đi và lui về miền núi hoang-vu để cầu-nguyện trọn đêm.

Đối với các môn-đồ cũng thế : Họ có thể bị thất-vọng trong sự mong-mỏi được thông-công mật-thiết với Đức Chúa Jê-sus nhưng chính trong sự gián-đoạn trong giờ nghỉ-ngơi vừa rồi cho họ những cơ-hội hiểu biết Chúa hơn bao giờ hết. Đối với những kẻ kiên-tâm, những chương-trình thay đổi bất-ngờ thường đem đến những sự giải-bày mới-mẻ về thân-vị và quyền-năng của Đấng Christ.

Quyền-năng này mười hai vị sứ-đồ đã thấy tỏ rõ khi Đức Chúa Jê-sus cho năm ngàn người ăn là những người đã đột-nhập vào nơi vắng-vẻ của họ ở biển phía đông ; và khi vàng lời Đấng Christ, họ rời Ngài và cố-gắng chèo trở về bờ biển phía tây, họ được ban cho một khái-niệm mới lạ về thân-vị của Ngài.

Họ nhận thấy rằng họ đang đi ngược một cơn gió đang mỗi lúc một trở nên dữ-dội khi đêm đang chậm-chạp tàn. Trong tám tiếng đồng hồ, họ không chèo nổi đến ba dặm. Trong sự lo-âu, mệt-mỏi và chán-nản của họ, Đức Chúa Jê-sus thình-lình hiện đến, « đi bộ trên biển » : họ sợ-hãi, la lên, nhưng Ngài lên tiếng trấn-an họ : « Hãy yên lòng, ta đây, đừng sợ chi. Ngài bèn bước lên thuyền với môn-đồ, thì gió lặng. »

Ở một vài phương-diện, phép lạ này kỳ-diệu hơn việc cho quần-chúng ăn ; mãi về sau các môn-đồ đáng lẽ phải giữ một quan-niệm khác về Chúa như là một Đấng khác với phạm-nhơn, dầu khó mà định-nghĩa được bản-tính của Ngài. Vì bánh được bẻ ra chia cho quần-chúng tượng-trưng cho thân-thể tan-vỡ của Ngài và chuẩn-bị cho các môn-đồ hiểu rõ sự chết của Ngài, thì những nhà chép sách kia rất có lý mà cho rằng việc đi bộ trên mặt nước này khiến cho các môn-đồ được chuẩn-bị hơn để hiểu biết hoặc tin-tưởng sự nhiệm-mầu về sự phục-sinh và sự hiện-diện vô-hình của Đấng Christ. Chắc-chắn là một điều rất

tốt khi ta tiếp-nhận sứ-mạng thường được dạy-dỗ nhất và trong cảnh-tượng đáng chú-ý này chúng ta được nhắc-nhở rằng Chúa thật có ở với chúng ta trong những cơn bão-tổ và tranh-đấu của đời, và có thể Ngài ở gần ta nhất khi lòng can-đảm của ta đã tiêu-tan và khi ta khiếp-sợ nhất ; Ngài có thể hiện ra trong cảnh-tượng khiến ta sợ-hãi nhất nhưng Ngài chắc-chắn sẽ đem đến sự bình-yên và ta sẽ được ở nơi an-nghỉ. Cũng vậy, chúng ta có thể sống trong an-nhàn vì biết rằng Chúa chúng ta hiện đang cầu thay cho chúng ta ở trên trời, rồi một ngày nào đó sẽ hiện ra ; cũng có thể ngay bây giờ Ngài đang đến gần trong sự oai-nghi giữa lúc các nước đang có sự hỗn-độn và nguy-nan và khi Ngài hiện đến thì đêm sẽ tàn giông-tổ sẽ dứt.

Có thể rằng đó chỉ là một sự tưởng-tượng thi-vị đã khiến cho loài người vẽ lên cảnh thực-tế thiêng-liêng và sự thật về lời tiên-tri bằng màu sắc mượn từ câu truyện Tin-lành này; phép lạ đó chắc-chắn được thi-hành để cứu các môn-đồ khỏi sự sợ-hãi và nguy-hiểm, ban cho họ bằng-chứng để họ tin-cậy Chúa Jê-sus càng hơn. Họ thật được cảm-động quá mức bởi dấu lạ về quyền-năng thiên-thượng; nhưng Mác cho biết rằng họ chậm hiểu và cần nhiều bài học như vậy nữa. Họ không nên ngạc-nhiên quá, họ phải mong-mỏi những quyền-lực như thế nơi Chúa thiên-thượng. Sau khi Chúa Jê-sus đã nuôi năm ngàn người với một ít bánh và cá, sau khi Ngài đã tỏ ra Ngài là Chúa muôn loài thì đáng lẽ họ không nên ngạc-nhiên quá khi thấy Ngài đi bộ trên sóng biển; họ « càng lấy làm lạ hơn nữa; vì chẳng hiểu phép lạ về mấy cái bánh, bởi lòng cứng-cỏi.» Những kẻ theo Chúa ngày nay có sẵn-sàng tin tất cả những việc có thể làm cho họ và cho thế giới bởi một Đấng Christ đã sống lại từ kẻ chết và thăng-thiên chẳng ?

5. *Chức vụ ở Ghê-nê-xa-rết.*

Đoạn 6 : 53-56.

« 53 Khi Ngài và môn-đồ đã qua khỏi biển, đến xứ Ghê-nê-xa-rết, thì ghé thuyền vào bờ. 54 Vừa ở trong thuyền bước ra, có dân-chúng nhận biết Ngài, 55 chạy khắp cả miền đó, khiêng những người đau nằm trên

giường, hễ nghe Ngài ở đâu thì đem đến đó. ⁵⁶ Ngài đến nơi nào, hoặc làng, thành, hay là chốn nhà-quê, người ta đem người đau để tại các chợ, và xin Ngài cho phép mình ít nữa được rời đến tròn áo Ngài; những kẻ đã rời đều được lành bệnh cả. »

Tuy các môn-đồ có chậm hiểu Chúa thì quần-chúng cũng sẵn-sàng tin Ngài. Đức-tin họ tuy kém khôn-ngoa nhưng không kém thực-tế. Một hình-ảnh linh-động của sự tin-cậy hăng-hái và sẵn-sàng này được Mác vẽ ra khi Đức Chúa Jê-sus và môn-đồ ghé vào miền nam Ca-bê-na-um, và ngay sau khi Ngài đi bộ trên mặt biển và khiến cho bão-tố yên-lặng. « Vừa khi ở trong thuyền bước ra, có đàn-chúng nhận-biết Ngài,... khiêng những người đau nằm trên giường, hễ nghe Ngài ở đâu thì khiêng đến đó... và xin Ngài cho phép mình ít nữa được rời đến tròn áo Ngài; những kẻ đã rời đều được lành bệnh cả. » Chúa mong những kẻ theo Ngài có một sự hiểu biết mãi mãi trọn- vẹn hơn về Ngài; nhưng Ngài lấy ân-điền đáp lại cho đức-tin đơn-sơ nhất, ngay cả đức-tin của kẻ chỉ rời đến tròn áo Ngài cũng đủ tìm được sự cứu-chữa và sự sống.

6. Đức Chúa Jê-sus trách người Pha-ri-si.

Đoạn 7 : 1-23

« ¹ Bấy giờ các người Pha-ri-si và mấy thầy thông-giáo từ thành Giê-ru-sa-lem đến, nhóm lại cùng Đức Chúa Jê-sus, ² thấy một vài môn-đồ Ngài dùng tay chưa tinh-sạch mà ăn, nghĩa là không rửa tay. ³ Và, người Pha-ri-si và người Giu-đa thường giữ lời truyền-khẩu của người xưa, nếu không rửa tay cẩn-thận thì không ăn; ⁴ khi họ ở chợ về, nếu không rửa cũng không ăn. Họ lại còn theo lời truyền-khẩu mà giữ nhiều sự khác nữa, như rửa chén và bình bằng đất hoặc bằng đồng. ⁵ Vậy, các người Pha-ri-si và các thầy thông-giáo hỏi Ngài rằng : Sao môn-đồ thầy không giữ lời truyền-khẩu của người xưa, dùng tay chưa tinh-sạch mà ăn như vậy ? ⁶ Ngài đáp rằng : Hỡi kẻ giả-hình, Ê-sai đã nói tiên-tri về việc các người phải lắm, như có chép rằng :

Dân này lấy môi miệng tôn-kính ta,

Nhưng lòng chúng nó cách xa ta lắm,

7 Sự chúng nó thờ-lạy ta là vô-ích,

Vì chúng nó dạy theo những điều-răn mà chỉ bỏi người ta đặt ra.

8 Các người bỏ điều-răn của Đức Chúa Trời, mà giữ lời truyền-khẩu của loài người.

9 Ngài cũng phán cùng họ rằng : Các người bỏ hẳn điều-răn của Đức Chúa Trời, đặng giữ theo lời truyền-khẩu của mình. ¹⁰ Vì Môi-se cổ nói : Hãy tôn-kính cha mẹ người ; lại nói : Ai rủa-sả cha mẹ, thì phải bị giết. ¹¹ Nhưng các người nói rằng : Nếu ai nói với cha hay mẹ mình rằng : Mọi điều tôi sẽ giúp cha mẹ được, thì đã là co-ban (nghĩa là sự đáng cho Đức Chúa Trời), ¹² vậy người ấy không được phép giúp cha mẹ mình sự gì nữa ; ¹³ dường ấy, các người lấy lời truyền-khẩu mình lập ra mà bỏ mất lời Đức Chúa Trời. Các người còn làm nhiều việc khác nữa giống như vậy.

¹⁴ Bấy giờ, Ngài lại kêu đoàn dân mà phán rằng : Các người ai nấy hãy nghe ta và hiểu : ¹⁵ Chẳng sự gì từ ngoài người vào trong có thể làm dơ-dáy người được ; nhưng sự gì từ trong người ra, đó là sự làm dơ-dáy người.^(a) ¹⁷ Khi Ngài vào trong nhà, cách xa đoàn dân rồi, môn-đồ hỏi Ngài về lời thí-dụ ấy. ¹⁸ Ngài phán rằng : Vậy chớ các người cũng không có trí-khôn sao ? Chưa hiểu chẳng có sự gì ở ngoài vào trong người mà làm dơ-dáy người được sao ? ¹⁹ Vả, sự đó không vào lòng người, nhưng vào bụng, rồi bị bỏ ra nơi kín-đáo, như vậy làm cho mọi đồ ấy được sạch. ²⁰ Vậy, Ngài phán : Hễ sự gì từ người ra, đó là sự làm dơ-dáy người. ²¹ Vì thật là tự trong, tự lòng người mà ra những ác-tư-ong, sự dâm-dục, trộm-cướp, giết người, ²² tà-dâm, tham-lam, hung-ác, gian-đối, hoang-dàng, con mắt ganh-đố, lộng-ngôn, kiêu-ngạo, diên-cuồng. ²⁸ Hết thấy những điều xấu ấy ra từ trong lòng thì làm cho dơ-dáy người. »

(a) Câu 16 : Nếu ai có tai mà nghe, hãy nghe !

Câu này không có trong bản cũ nhất.

Thời-kỳ thứ nhất trong chức-vụ công-khai của Đức Chúa Jê-sus ở miền đông Ga-li-lê trình-bày một sự khác biệt đáng chú-ý giữa sự mến-chuộng bất-ngờ của quần-chúng và sự chống-đối đang lên của nhóm lãnh-đạo tôn-giáo. Thời-kỳ thứ hai trong chức-vụ cũng được đánh dấu bởi sự mến-chuộng tương-tợ và kết-thúc bằng sự từ-chối Chúa của những kẻ đồng-hương ở Na-xa-rét. Thời-kỳ thứ ba cho ta thấy sự tin-cậy tuyệt-đỉnh của dân-chúng đối với Đấng Christ, nhưng khi sắp kết-thúc thì thời-kỳ này trở nên đáng ghi-nhờ do sự công-kích Chúa Jê-sus cách cay đắng của người Pha-ri-si và các nhà lãnh-đạo khác đến từ Giê-ru-sa-lem với mục-đích chống lại Ngài.

Lời buộc tội mà họ tố-cáo Chúa Jê-sus là vài « môn-đồ Ngài dùng tay chưa tinh-sạch mà ăn, nghĩa là không rửa tay. » Lời phản-đối này không có nghĩa là về hình-thức những kẻ theo Chúa Jê-sus để tay dơ mà ăn, nhưng các môn-đồ này đã bỏ qua các nghi-lễ rửa tay theo di-truyền của người Do-thái. Những di-truyền này gồm những bài giải nghĩa Luật-lệ Cựu-ước mà các giáo-trưởng đã ban ra. Người Pha-ri-si nghĩ rằng những truyền-khẩu này đã trở nên quan-trọng và quyền-uy hơn chính lời phán-dạy của Đức Chúa Trời. Bỏ qua những điều-răn cần-thiết này đối với những kẻ câu-nệ hình-thức cồng-điền là tội nặng nhất.

Lời buộc tội đó cho Chúa một cơ-hội để khiển-trách không những người Pha-ri-si mà luôn cả chủ-nghĩa hình-thức trong tôn-giáo, và nêu ra sự khác-biệt quan-trọng giữa những gì thuộc về tinh-thần và vật-chất, giữa sự trong-sạch thật của linh-hồn và sự chỉ làm thích-ứng theo những đòi hỏi của loài người.

Khi Chúa quở-trách người Pha-ri-si, Ngài buộc họ vào đạo-đức giả, Ngài trích-dẫn lời tiên-tri Ê-sai nói về họ, trong đó đáng tiên-tri tả những người có tâm-tánh tương-tự là những kẻ đã làm theo nhiều nghi-lễ bề ngoài trong khi sự họ tố ra dửng-dưng với những sự ô-úế về tội-lỗi của chính linh-hồn họ. « Ê-sai đã nói tiên-tri về việc các người là phải lắm, như có chép rằng:

Dân này lấy môi-miếng tôn-kính ta,

Nhưng lòng chúng nó cách xa ta lắm.

Sự chúng nó thờ-lạy là vô-ích,

Vì chúng nó dạy theo những điều-răn mà chỉ bởi người ta đặt ra.»

Chính trong việc giữ phép-tắc của loài người này mà Chúa Jêsus giờ đây tiến đến việc định tội người Pha-ri-si. Họ đã buộc tội các môn-đồ, và bởi sự ám-chỉ, đã buộc tội Chúa có hành-động trái với một di-truyền của loài người. Chúa chỉ rõ rằng vì tuân theo di-truyền của loài người nên họ đã phạm luật của Đức Chúa Trời. Thí-dụ mà Ngài nêu ra là một thí-dụ có thể xảy ra nhất về sự giả-hình của người Pha-ri-si và sự giả-dối của những kẻ theo hình-thức chủ-nghĩa. Theo luật của Đức Chúa Trời thì mọi người phải hiếu-kính cha mẹ, phải săn-sóc và cung-cấp nhu-cầu cần-thiết cho cha mẹ mình. Tuy-nhiên căn-cứ theo một di-truyền được chấp-nhận, nếu ai tuyên-bố về một tài-sản nào chữ «co-ban» có nghĩa là «lẽ-vật», thì tài-sản ấy được coi như đã dâng cho Đức Chúa Trời; nhưng truyền-khẩu ấy còn qui-định xa hơn rằng, khi tài-sản ấy không thể cho một người nào khác nữa thì người chủ có thể dùng theo ý-thích mình. Vì vậy người có thể để cho cha mẹ mình chịu khổ trong khi người giàu-có. Như thế, người có thể giữ được một truyền-khẩu về hình-thức bề ngoài liên-quan với những cửa-lẽ tôn-giáo, nhưng đồng-thời người đã phạm một trong Mười Điều Răn và luật căn-bản của tình yêu-thương. Đức Chúa Jêsus định-tội người Pha-ri-si rõ-ràng như vậy, và đồng-thời bày tỏ sự nguy-hiềm của việc bằng lòng với sự giữ nghi-thức bề ngoài trong khi lòng đầy-dẫy sự ích-kỷ và tội-lỗi.

Lúc Đức Chúa Jêsus gọi đám đông đến cùng Ngài, và trước mặt họ. Ngài tuyên-bố một lẽ thật mà đối với người Pha-ri-si là một lời bài-bác thực-sự, rất cách-mạng và có ảnh-hưởng mạnh-mẽ nên kết-cuộc đã gây một sự đoạn-giao giữa Chúa và các nhà lãnh-đạo tôn-giáo của dân Do-thái. Lời bác ấy tự nó có vẻ đơn-giản, « Chẳng sự gì từ ngoài người vào trong có thể làm dơ-dáy người được ; nhưng sự gì từ trong người ra, đó là sự làm dơ-dáy người.» Các môn-đồ hình như nhận-thức được rằng lời lẽ ấy chứa đựng một ý-nghĩa sâu-xa và có tầm ảnh-hưởng xa rộng

hơn khi mới thoát nghe. Tuy vậy, Đức Chúa Jê-sus quở-trách họ về sự chậm hiểu và không thăm-định được cái gì mới thật là ô-úế. Rồi Ngài giải nghĩa hết sức rõ-ràng rằng sự ô-úế thật không phải là một việc thuộc về thể-xác nhưng về tâm-linh hay chỉ là việc thân-thể bị điều-khiển bởi tâm-linh. Chỉ có một sự ô-úế thật-sự ấy là sự ô-úế của linh-hồn. Một người không thể bị ô-úế bởi những vật từ ngoài vào trong miệng người, nhưng bởi những điều ra từ trong lòng người. Người không thể bị ô-úế vì ăn những gì không sạch theo nghi-lễ, nhưng vì ý nghĩ và việc làm không thanh-sạch về phương-diện đạo-đức. Khi ghi lại những lời phán này, Mác thêm rằng bởi lời phán trên, Đức Chúa Jê-sus khiến « mọi đồ ăn » đều « được sạch » cả. Người không có ý nói luật-lệ nghi-lễ ấy tuyệt-đối bị hủy-bỏ bởi những lời phán đơn-giản nhưng lạ-lùng này của Ngài. Người định nói rằng Thầy phân-biệt rõ-rệt giữa nghi-lễ và thực-tế, giữa hình-thức và sự việc, giữa thanh-sạch bề trong và thanh-sạch bề ngoài. Tuy vậy, người tỏ ra rằng sự hiểu-biết thật sự về những lời dạy-dỗ này cho ta thấy rằng luật-lệ nghi-thức ấy chỉ tạm-thời, và dọn đường cho việc hủy-bỏ luật-lệ này khi loài người có thể hiểu được ý-nghĩa thật của nó. Đức Chúa Jê-sus đã nghĩ trước sự qua đi cuối-cùng của đạo Do-thái nên nhấn mạnh rằng tôn-giáo hoàn-toàn là một vấn-đề của cõi lòng chứ không thuộc về hình-thức bề ngoài, rằng tôn-giáo là một sự liên-lạc với Đức Chúa Trời chứ không phải là tuân-giữ một nghi-thức, rằng tôn-giáo là một sự rửa sạch tâm-linh chứ không phải là sự rửa tay. Những lời dạy-dỗ rõ-ràng này rất cần-thiết cho mọi thời-đại trong thế-gian này. Đối với hầu hết tín-dồ Đấng Christ thời nay lời dạy-dỗ này có vẻ hiển-nhiên. Tuy vậy, đối với người Pha-ri-si, lời dạy-dỗ ấy đối với họ như một lời khiển-trách cứng-rắn, vì trái-nghịch với những truyền-thống thiêng-liêng nhất của giáo-phái họ, vì nó bóc trần chủ-nghĩa hình-thức và đạo-đức giả của những kẻ tự-phụ và tin-tưởng ở lễ-nghi bề ngoài, vì nó là một lời thách-đố khinh-thương những nhà lãnh-đạo tôn-giáo Do-thái. Không có gì lạ khi Đức Chúa Jê-sus nhận thấy cần phải rời Ga-li-lê, và lui về đất ngoại-bang gần Ty-ơ và Si-đôn.

III. CHỨC-VỤ Ở MIỀN BẮC XỨ GA-LI-LÊ

Đoạn 7 : 24 đến 9 : 50.

A. Thời-kỳ thứ nhất

Đoạn 7 : 24 đến 8 : 26.

1. Người đàn-bà Ca-na-an

Đoạn 7 : 24-30

« ²⁴ Đoạn, Ngài từ đó đi đến bờ-cõi thành Ty-rơ và thành Si-đôn. Ngài vào một cái nhà, không muốn cho ai biết mình, song không thể ẩn được. ²⁵ Vì có một người đàn-bà, con gái người bị tà-ma ám, đã nghe nói về Ngài, tức thì vào gieo mình dưới chơn Ngài. ²⁶ Đàn-bà ấy là người Gờ-réc, dân Sy-rò-phê-ni-xi. Người xin Ngài đuổi quỷ ra khỏi con gái mình. ²⁷ Đức Chúa Jê-sus phán cùng người rằng : Hãy để con-cái ăn nê trước đã ; vì không lẽ lấy bánh của con-cái quảng cho chó. ²⁸ Song người đáp lại rằng : Lạy Chúa, hân vậy rồi ; nhưng mà chó dưới bàn ăn mấy miếng bánh vụn của con-cái. ²⁹ Ngài bèn phán : Hãy đi, vì lời ấy, quỷ đã ra khỏi con gái người rồi. ³⁰ Khi người trở về nhà, thấy đứa trẻ nằm trên giường, và quỷ đã bị đuổi khỏi. »

Trong chức-vụ dưới thế-gian của Chúa, Ngài chỉ rời khỏi quê-hương mình có một lần ; nhưng từ khi Ngài qua « bờ-cõi thành Ty-rơ và Si-đôn » cho đến khi Ngài đi đến Giê-ru-sa-lem để nhận lấy cây thập-tự thì Ngài ở cả hai xứ ngoại-đạo và miền vắng-vẻ ở phía bắc Ga-li-lê. Đó là thời-gian nghỉ-ngoi. Đức Chúa Jê-sus đã bị dân-tộc Ngài chối-bỏ. Quần-chúng kéo đến quanh Ngài nhưng không thăm-định được bản-chất thiêng-liêng của sứ-mạng Ngài và không thừa-nhận Ngài là Đấng Mê-si ; những kẻ đồng-hương với Ngài ở Na-xa-rét đã không chịu tiếp-nhận Ngài ; và những lãnh-tụ tôn-giáo liên-kết lại chống-báng Ngài một

cách ganh-ghét vô cùng. Vì vậy, Chúa Jê-sus phải tìm nơi cô-tịch để dạy-dỗ các môn-đồ trước khi Ngài chịu chết và phục-sanh. Ngài không làm những cuộc hành-trình truyền-giáo vì chức-vụ của Ngài không phải vì đám đông ; tuy-nhiên Ngài không thể thoát khỏi đám đông và Ngài không bao giờ quên đáp lại tiếng kêu-cầu của kẻ đau khổ và có đức-tin. Vị Đại Giáo-sư đang tìm cách để ở một mình với các môn-đồ, nhưng Mác vẫn mô-tả Ngài là Đấng Tội-tờ quyền-năng và Con của Đức Chúa Trời chuyên làm việc lạ.

Chúa Jê-sus trước hết đi đến Sy-rô-phê-ni-xi, một miền được gọi như vậy để phân-biệt Phê-ni-xi ở nước Sy-ri với Phê-ni-xi ở Bắc-Phi. Tại đây « Ngài vào một cái nhà, không muốn cho ai biết mình, song không thể được. Vì có một người đờn-bà, con gái người bị tà-ma ám, đã nghe nói về Ngài. » Mác lưu-ý đặc-biệt đến người đờn-bà ấy là « người Gô-réc », tức người ngoại đạo. Việc này khiến cho đức-tin của người nơi Đức Chúa Jê-sus càng có vẻ đáng chú-ý thêm và cũng giải-thích câu trả lời kỳ-lạ mà Chúa dùng để thử đức-tin người. « Đờn-bà ấy... xin Ngài đuổi quỷ ra khỏi con gái mình. Đức Chúa Jê-sus phán cùng người rằng : Hãy để con-cái ăn no-nê trước đã ; vì không lẽ lấy bánh của con-cái quăng cho chó. »

Lẽ dĩ-nhiên, Chúa Jê-sus có ý nói rằng công-việc hiện-tại của Ngài là cho người Do-thái chớ không phải dân ngoại đạo ; rằng trong khoảng thời-gian ngắn-ngủi của chức-vụ Ngài dưới thế-gian, Ngài phải đặt những nền-tảng giữa những người đã được chuẩn-bị sẵn, để rồi sau đó sự cứu-rỗi của Ngài có thể ban cho mọi dân-tộc. Tuy-nhiên, lời-lẽ của Ngài có vẻ phũ-phàng gần như táo-bạo nếu chúng ta không thấy được ý-nghĩa và tình thương ẩn trong đó mà sự khôn-ngoan và đức-tin của người đàn-bà đã nắm được ngay. Người hoàn-toàn quen với sự khinh-bĩ kiêu-cãnh của dân Do-thái và lời rêu-rao về những quyền cao-cả của họ, và người ắt đã khám-phá ra sự mỉa-mai nhẹ-nhàng trong giọng nói của Chúa khi Ngài nói về dân-sự Ngài là những kẻ vừa chối-bỏ Ngài. Hình như Ngài nói rằng, « chức-vụ của ta phải ở giữa vòng dân Do-thái, và người có biết rằng họ xem các người, những kẻ

ngoại-đạo, như loài chó và chính mình như được Đức Chúa Trời đặc-biệt ưa-mến.» Rồi Ngài cũng dùng chữ « chó nhỏ, » mà do đó người đàn-bà có thể kết-luận rằng chúng cũng có một vài chỗ trong gia-đình; và Ngài bắt đầu bằng câu nói, « hãy để con-cái ăn no-nê trước đã » ám-chỉ rằng có một thời-gian mà dân ngoại đạo cũng có thể được cứu. Người đàn-bà lập-tức nắm lấy những lời này. Người không gài bẫy Chúa vì những lời nói của Ngài hay đánh bại Ngài trong lời biện-luận, nhưng người nhận thấy lẽ thật ẩn trong lời nói của Ngài và tìm thấy trong sự từ-khước hiển-nhiên ấy một lời hứa cứu-giúp. « Song nàng đáp lại rằng : Lạy Chúa, hẳn vậy rồi; nhưng mà chó dưới bàn ăn mấy miếng bánh vụn của con-cái.» Người thừa-nhận rằng mình là một người ngoại-đạo, người không khiêu-nại gì nơi Ngài đang có chức-vụ giữa dân Do-thái; nhưng người đề-nghị rằng trong khi Ngài ở đất ngoại-bang thì việc trên không có xen vào công-việc của Ngài, không nên dành phần dân của Ngài, nhưng đó chỉ là việc để rơi miếng vụn từ trên bàn nếu Ngài không chống-đối tức là nếu Ngài chấp-thuận sự nài-xin của người. Trong lời nói của người chỉ toàn là khiêm-nhường hay khôn-ngoan cả, nhưng thật ra đó là một đức-tin đặc-thắng. Câu trả lời của Chúa có vẻ chứa một sự từ-khước hay trách-mắng; song người đàn-bà có tin nơi tình yêu-thương và lòng nhân-tửn hầu như ẩn kín trong lời của Ngài; người tin-cậy nơi quyền-năng và ân-điền của Ngài. Lời đáp lại của Chúa Jêsus là một sự thử-thách gay-go đức-tin của người đàn-bà ấy; lời ấy đã phân-biệt dân-sự của Đức Chúa Trời hằng sống với thế-gian vô-tin và đã tỏ rõ cho người đàn-bà cùng tất cả những kẻ đã nghe sự liên-lạc mà Chúa giữ với người và tất cả dân ngoại-đạo, khiến cho Ngài có thể chấp-thuận sự thỉnh-cầu khi đức-tin người đã đứng vững trước sự thử-thách. « Ngài bèn phán : Hãy đi, vì lời ấy, quí đã ra khỏi con gái người rồi. Khi người trở về nhà, thấy đứa trẻ nằm trên giường, và quí đã bị đuổi khỏi, » thì một lời hứa thật sự đã được ban cho cả thế-giới ngoại-đạo về sự cứu-rỗi bởi Đấng Christ cho mọi kẻ tin. Sự-mạng khá rõ-rệt cho mỗi tin-đồ của Đấng Christ là phải tiếp-tục cầu-nguyện, dù ở trong những giờ đen-tối nhất, phải tin rằng sau đám mây của sự từ-khước dường như rõ-ràng, Chúa chúng ta đang giấu cả một kế-hoạch yêu-thương. Tuy vậy, chúng ta

hãy cầu-nguyện, không phải là làm việc kê-lễ công-lao hay công-trang, song với tư-cách những kẻ kêu-cầu mà thôi, căn-cứ trên sự tự-giác mình không xứng-đáng gì để nài-xin ơn-phước Chúa chúng ta.

2. Người điếc.

Đoạn 7 : 31-37

« ³¹ Đức Chúa Jêsus lia bờ-côi thành Ty-ơ, qua thành Si-dôn và trái địa-phận Đê-ca-bô-lơ, đến biển Ga-li-lê. ³² Người ta đem một người điếc và ngọng đến cùng Ngài, xin Ngài đặt tay trên người. ³³ Ngài đem riêng người ra, cách xa đám đông, rồi để ngón tay vào lỗ tai người, và thấm nước miếng xức lưỡi người. ³⁴ Đoạn, Ngài ngửa mặt lên trời, thở ra mà phán cùng người rằng : Ép-pha-ta ! Nghĩa là : Hãy mở ra ! ³⁵ Tức thì tai được mở ra, lưỡi được thông-thả, người nói rõ-ràng. ³⁶ Đức Chúa Jêsus cấm chúng chớ nói điều đó cùng ai ; song Ngài càng cấm, người ta lại càng nói đến nữa. ³⁷ Chúng lại lấy làm lạ quá đỗi, mà rằng : Ngài làm mọi việc được tốt-lành khiến kẻ điếc nghe, kẻ câm nói vậy ! »

Trong cuộc hành-trình Chúa Jêsus đã quay về miền bắc, qua thành-phố của xứ Si-dôn rồi về miền đông qua Ga-li-lê, nhưng không đến những nơi quen-thuộc mà Ngài đã thi-hành chức-vụ. Ngài vẫn đang tìm những nơi vắng-vẻ để Ngài có thể ở một mình với các môn-đồ. Ngài qua phía đông bờ biển Ga-li-lê để đến Đê-ca-bô-lơ. Ngài đã viếng vùng này một lần trước đây và chữa một người bị quỷ ám ở đó ; nhưng dân - chúng đã nài-xin Ngài rời khỏi xứ-sở họ. Tuy vậy, giờ đây, họ tiếp-đón Ngài một cách khác. Người được Chúa Jêsus chữa lành đã làm tốt công-việc mình rao-truyền Tin-lành ; danh-tiếng vang dội của Chúa đã thay-đổi được tâm-trí của dân-chúng ; vì « người ta đem một người điếc và ngọng đến cùng Ngài, xin Ngài đặt tay trên người. » Việc này chỉ được một mình Mác ghi lại thôi và được kể lại cách linh-động, tỉ-mỉ, đó là đặc-điểm của sách Tin-lành Mác. Khác với phép lạ vừa rồi khi Chúa Jêsus đuổi quỷ không cần phải viếng nhà của một đứa trẻ đang đau, ở đây Chúa thi-hành bầy động-tác

khác nhau để chữa bệnh. « Ngài đem riêng người ra, cách xa đám đông ; » việc này hòa-hợp với ý muốn hiện-tại của Chúa là tránh tất cả sự công-khai ; nhưng việc ấy đã trực-tiếp liên-quan với bệnh-nhân và cốt-yếu là để người không được xao-lãng nhưng chú hết tâm-trí mình vào Chúa Jêsus. Rồi, « để ngón tay vào lỗ tai người, và thấm nước miếng xúc lưỡi người ; » vì người này bị điếc chỉ biết nói bằng cách ra dấu ; nên Chúa bảo cho người biết những gì cần phải trông-đợi ; Ngài hứa chữa lành người, tỏ rằng Ngài phải đâm lủng đôi tai đã điếc đặc, làm ướt và thả lỏng chiếc lưỡi bất-lực. Chúa cũng ngược lên trời không phải chỉ cầu-xin sự trợ giúp nhưng để cho người đó biết rằng sự chữa lành của người đến từ một nguồn-gốc thiêng-liêng từ trời. Đoạn Chúa Jêsus thở dài khi Ngài nghĩ đến sự khốn-cùng và khổ-sở của thế-gian, sự điếc về phần thuộc-linh của quần-chúng đã bịt tai trước sứ-mạng của Ngài. Cuối cùng Ngài phân lời của quyền-lực chữa bệnh, « Ép-pha-ta. » Mác ghi lại từng vắn âm mà Chúa đã phán, rồi dịch lại cho độc-giả, « hãy mở ra ! » Sự cứu-chữa thật cấp-kỳ và trọn- vẹn. « Tức thì tai được mở ra, lưỡi được thông-thả, người nói rõ-ràng. »

Hai câu hỏi có thể được nêu ra : « Tại sao Chúa Jêsus tiến-hành công-việc cách kỹ-lưỡng và mang đến cho người điếc một sứ-mạng bằng cách ra dấu ? » Hiên-nhiên là để lay đức-tin của người. Chúa chúng ta đã hiện ra trong sự uy-nghi của quyền-năng thiên-thượng Ngài qua suốt sách Tin-lành ; nhưng ở thời-kỳ này của chức-vụ Ngài, ta thấy Ngài nhấn mạnh sự cần-thiết cho loài người phải tin-cậy nơi Ngài. Ngài đã thử và thưởng cho đức-tin của người đờn-bà Sy-rô-phi-ni-xi ; giờ đây, trước khi thi-hành sự chữa bệnh Ngài thức-tỉnh và phát-triển một đức-tin thông-minh nơi người điếc ở Đê-ca-bô-lo.

Hơn nữa, tại sao « Đức Chúa Jêsus cấm chúng chớ nói điều đó cùng ai ? » Vì trong suốt thời-kỳ này, Ngài đang tìm sự ẩn-dật và muốn tránh tất cả sự đề ý của dân-chúng. Sự tri-ân thực-tâm được biểu-lộ cách tốt-đẹp nhất là vâng lời Đấng Christ ; nhưng họ không chiều theo ý muốn Chúa, « Ngài càng cấm, người ta lại càng nói đến nữa. »

Sau rớt, Mác ghi sự kinh-ngạc và lời ngợi-khen của dân-chúng : « Chúng lại lấy làm lạ quá đỗi, mà rằng : Ngài làm mọi việc được tốt-lành khiến kẻ điếc nghe, kẻ câm nói vậy. » Tất cả những kẻ đã từng ở một mình với Chúa, đã nhận được sự đặt tay chữa lành của Ngài và đã được phép nghe sứ-mạng của quyền-năng, ân-diên và tình thương-yêu của Ngài có thể hiệp chung nhau dâng lời ngợi-khen ấy.

3. Chúa hóa bánh ra nhiều, lần thứ hai.

Đoạn 8 : 1-10

« 1 Những ngày đó, lại có một đoàn dân đông theo Đức Chúa Jêsus. Vì chúng không có chi ăn, nên Ngài kêu các môn-đồ mà phán rằng : 2 Ta thương-xót đoàn dân này : Vì đã ba ngày nay, không rời bỏ ta, và chẳng có gì ăn. 3 Nếu ta truyền cho nhện đói trở về nơi họ ở, dọc dăng chắc sẽ kém sức, vì có mấy người đã đến từ nơi xa. 4 Môn-đồ thưa rằng : Có thể kiếm bánh đâu được trong đồng vắng này cho chúng ăn no ư ? 5 Ngài hỏi : Các người có bao nhiêu bánh ? Thưa : Có bảy cái. 6 Ngài bèn biểu đoàn dân ngồi xuống đất ; đoạn lấy bảy cái bánh, tạ ơn, rồi bẻ trao cho môn-đồ để phân-phát, thì môn-đồ phân-phát cho đoàn dân. 7 Môn-đồ cũng có mấy con cá nhỏ ; Đức Chúa Jêsus tạ ơn rồi, cũng khiến đem phân-phát như vậy. 8 Ai nấy ăn non-nê ; rồi người ta thâu được bảy giỏ những miếng thừa. 9 Và, những người ăn đó ước chừng bốn ngàn người. Đức Chúa Jêsus cho chúng về ; 10 rồi liền vào thuyền với môn-đồ, sang xứ Đa-ma-nu-tha. »

Sự kích-thích lan rộng bởi lời đồn-dãi về việc chữa lành người điếc đã khiến cho quần-chúng bất-ngờ họp lại quanh Chúa, vì họ nóng lòng nghe lời của Ngài khi họ cứ ở cùng Ngài trong ba ngày và cần đồ ăn mà Chúa đã biến hóa ra như lần trước để thỏa-mãn nhu-cầu của họ bằng cách làm phép lạ hóa một vài ổ bánh và con cá ra thật nhiều. Dù con số người ăn, ổ bánh, những giỏ bánh vụn và những trường-hợp xảy ra điều khác nhau quá xa khiến chúng ta biết chắc rằng đây không phải là bài kỹ-thuật thứ hai về cùng một phép lạ, nhưng các đặc-điểm chính và các sự dạy-đỗ rõ-ràng đều khá giống nhau.

Trong cả hai trường-hợp, chúng ta nhận thấy lòng thương-xót bền-chặt của Chúa Jê-sus. Ngài đã tìm chỗ ở ăn với các môn-đồ nhưng khi quần-chúng nhóm lại quanh Ngài thì Ngài hi-sinh sự an-nhàn và kế-hoạch riêng của mình; Ngài lại khởi-sự dạy-dỗ và giúp-đỡ cho thân-thể cũng như linh-hồn họ.

Chúng ta cũng nên lưu-ý sự vô-tin của các môn-đồ. Khi Chúa Jê-sus nói đến sự cần-dùng thức ăn, họ hình như đã hoàn-toàn quên phép lạ lần trước. Vài nhà bình-luận nhấn mạnh rằng khó mà tin sự ngu-muội như vậy được, và phần này của câu chuyện phải được tác-giả mượn từ bài ký-thuật trước. Mặc-dù những phép lạ của ân-điền được tái-diễn, một vài người trong chúng ta cũng có sự không tin như vậy nên cũng chẳng lấy làm lạ nhiều về sự mù-quáng của các sứ-đồ.

Trong cả hai phép lạ, chúng ta nên lưu-ý đến sự cung-cấp phong-phú cho quần-chúng và ghi nhớ sứ-mạng tối ư quan-trọng mà Chúa Jê-sus có ý mang đến, rằng Ngài chính thật là Bánh cho linh-hồn, và kẻ nào tin-cậy Ngài sẽ được sự sống đời đời. Vì có liên-quan với sự giải-thích biểu-tượng này nên hai phép lạ tương-tợ này có những điều dạy-dỗ hơi khác nhau. Năm ngàn người mà Đấng Christ cho ăn cách thần-kỳ đều là người Do-thái và bốn ngàn người sau này có lẽ là dân ngoại-đạo. Phép lạ thứ nhất trong thời-kỳ này ngụ-ý rằng những miếng bánh vụn rơi từ bàn là dành cho dân ngoại-đạo nghèo-túng; ở đây có sự cho biết trước rằng Chúa Jê-sus bị dân-sự Ngài chối-bỏ, phải phó mạng sống mình cho thế-gian và là Bánh hằng sống cho tất cả mọi dân-tộc.

4. Men của người Pha-ri-si.

Đoạn 8 : 11-21

« 11 Có mấy người Pha-ri-si đến đó, cãi lẽ với Ngài, muốn thử Ngài, thì xin một dấu lạ từ trên trời.
 12 Đức Chúa Jê-sus than-thở trong lòng mà rằng : Làm sao dòng-dõi này xin dấu lạ ? Quả thật, ta nói cùng các người, họ chẳng được ban cho một dấu lạ nào.
 13 Ngài bèn bỏ họ, trở vào thuyền mà qua bờ bên kia.

¹⁴ Và, môn-đồ quên đem bánh theo ; trong thuyền chỉ có một cái bánh mà thôi. ¹⁵ Ngài răn môn-đồ rằng : Hãy giữ mình cẩn-thận về men người Pha-ri-si, và men dăng Hê-rốt. ¹⁶ Môn-đồ nói cùng nhau rằng : Ấy là vì chúng ta không có bánh. ¹⁷ Nhưng Đức Chúa Jê-sus biết điều đó, thì phán rằng : Sao các người nói cùng nhau rằng đó là tại các người không có bánh ? Chớ các người còn chưa nghe, chưa hiểu sao ? Các người có lòng cứng-cỏi luôn ư ? ¹⁸ Các người có mắt mà sao không thấy ? Có tai mà sao không nghe ? Các người lại không nhớ hay sao ? ¹⁹ Khi ta bẻ năm cái bánh cho năm ngàn người, các người thâu được mấy giỏ đầy bánh vụn ? Thưa : Mười hai giỏ. ²⁰ Còn khi ta bẻ bảy cái bánh cho bốn ngàn người, các người thâu được mấy giỏ đầy bánh vụn ? Thưa : Bảy giỏ. ²¹ Ngài phán : Các người còn chưa hiểu sao ? »

Từ khi Đức Chúa Jê-sus nghiêm-trách người Pha-ri-si vì chủ-nghĩa hình-thức và đạo-đức giả của họ, Ngài lưu lại xứ dân ngoại-đạo ; nhưng sau khi cho bốn ngàn người ở Đê-ca-bô-lơ ăn, Ngài xuống thuyền đi qua bờ biển phía tây, nơi đó, người Pha-ri-si lập tức tìm cách công-kích, thử và bẫy Ngài. Họ « cãi lẽ với Ngài, muốn thử Ngài, thì xin một dấu lạ từ trên trời. » Đó là một sự xác-xược và sỉ-nhục. Ngài đã làm khắp xứ đầy sự kinh-ngạc về « dấu lạ » của Ngài. Những dấu lạ ấy khác nhau và nhiều vô-số chứng-tỏ rõ-ràng rằng Jê-sus là Đấng Mê-si, là Con Một của Đức Chúa Trời. Xin một dấu lạ khác là một đường-lối giả hình để gieo sự nghi-ngờ và không tin về những phép lạ mà Chúa Jê-sus đã thi-hành để làm bằng-chứng cho sự-mạng của Ngài. Những người Pha-ri-si không định nghĩa rõ-ràng « dấu lạ từ trên trời » mà họ đã nói. Có lẽ họ mong một điềm dữ từ « thiên-đàng », một cái gì hoàn-toàn không có ở thế-gian hay một cái gì rõ-ràng hơn từ Đức Chúa Trời. Những phép lạ của Chúa Jê-sus đã được thực-hành dưới thế-gian và trong phạm-vi những từng-trải và liên-hệ thuộc về loài người ; người Pha-ri-si giả vờ rằng họ sẽ được thuyết-phục bởi « một dấu lạ trên trời » như thế.

Khi Chúa nghe sự cầu-xin của họ, Ngài « than-thở trong lòng. » Ngài cảm thấy đau lòng trước sự mù-quáng,

giả-hình, cứng-cỏi của những kẻ thù-nghịch tàn-bạo của Ngài, và trước ý-định hiên-nhiên của họ là muốn gài bẫy và hủy-diệt Ngài. Ngài tự hỏi tại sao trong các đồng-dối có đồng-dối này lại tìm một dấu lạ khi mà các dấu lạ đã được làm nhiều trước mặt họ, khi chính Jêsus là Dấu lạ tối-cao đang đứng giữa vòng họ. Đoạn Ngài nói chắc rằng sẽ không ban cho một dấu lạ nào cả theo lời họ đề-nghị. « Ngài bèn bỏ họ, trở vào thuyền mà qua bờ bên kia. » Khi vượt biển, Chúa Jêsus nắm lấy cơ-hội để cảnh-cáo các môn-đồ tránh sự không thật-thà, những việc làm và lý-thuyết của người Pha-ri-si mà sự cầu-xin một dấu lạ vẫn còn trong đầu óc họ. Sự cầu-xin của họ có lẽ đã mô-tả rõ-rệt nhất tâm-hồn. Họ đã quá quen nghĩ đến những hình-thức mà quên phần cốt-yếu, xem trọng phần thể-xác mà bỏ qua phần thuộc-linh nên họ không thể hiểu được những phép lạ của Chúa Jêsus. Họ không nhận thấy rằng đó là những dấu lạ của sự khôn-ngoan, quyền-năng và tình yêu-thương thiên-thượng ; còn « dấu lạ từ trên trời » mà họ muốn không thể là dấu lạ thực-sự có thể đó là một điềm chờ không phải sự khải-thị thật về bản-tính và thân-vị của Con Đức Chúa Trời. Người Pha-ri-si bị mù về phần thuộc-linh ; và Chúa Jêsus khuyên các môn-đồ nên tránh ảnh-hưởng và sự dạy-dỗ của họ. « Hãy giữ mình cẩn-thận về men của người Pha-ri-si. »

Men là một dấu-hiệu của sự xấu-xa và suy-đổi, và đặc-biệt là điều ác kín-giấu, sâu thẳm và qui-quyết. Vậy Chúa khuyên các môn-đồ tránh những khuynh-hướng phổ-biến nhưng nguy-hiểm nghiêng về chủ-nghĩa hình-thức, đạo-đức giả và sự giả-hình trong tôn-giáo và tránh những giáo-sư mà trong khi nài-xin những việc lớn-lao thì trong lòng mù-quáng. Hơn nữa, Chúa Jêsus khuyên các môn-đồ tránh « men » của « đảng Hê-rốt » là Ngài có ý nói sự ham-mê của thế-gian và vô tôn-giáo. Phe Hê-rốt tự xưng là người Do-thái nhưng theo phong-tục và lễ-nghi của các tà-giáo. Ảnh-hưởng của những kẻ theo họ — những kẻ chỉ sống vì thế-gian và các thú vui và danh-lợi của thế-gian — cũng nguy-hiểm cho những môn-đồ Đấng Christ như ảnh-hưởng của người Pha-ri-si.

Ở trường-hợp khác, Chúa thêm một lời cảnh-cáo

thứ ba nữa, đó là tránh « men của... người Sa-đu-sê, » có nghĩa là tránh chủ-nghĩa duy-vật và thuyết hoài-nghi, vì dân Sa-đu-sê không tin nơi sự phục-sinh, thiên-sứ hay linh-hồn. Họ cũng giống như người đời nay càng ngày càng chối-bỏ và không tin sự siêu-việt trong sự mặc-khải và tôn-giáo.

Đức Chúa Jê-sus khuyên môn-đồ Ngài tránh chủ-nghĩa hình-thức, sự ham-mến thế-gian và chủ-nghĩa duy-vật; Hội-thánh ngày nay cần phải được cảnh-cáo để tránh sự lan-tràn xảo-trá của ba loại men. Tuy vậy, các môn-đồ, lúc đầu không hiểu Chúa muốn nói gì. Họ nghĩ rằng Ngài đang đề-cập đến loại men hay bánh, và tự-nhiên hơn nữa là khi họ chợt nhớ lại rằng họ chỉ đem theo một ổ bánh thôi. Chúa Jê-sus quả-quyết với họ rằng họ cũng gần mù-quáng như người Pha-ri-si vậy. Trong khi Ngài nói về những sự hiểm-nguy về phần thuộc-linh thì họ lại nghĩ đến bánh vật-chất. Ngài bèn nhắc họ hai phép lạ mà Ngài đã làm khi cho quần-chúng ăn; vậy, nếu thiếu thức ăn cho thân-thể, Ngài có thể cung-cấp dễ-dàng. Ngài quan-sự cung-cấp thức ăn thuộc-linh của họ. Ngài đang suy-nghĩ tâm đến về lời giảng-dạy giả-dối mà các môn-đồ có thể bị ép-buộc nghe. Ngài muốn họ được báo trước để tránh sự hiểm-nguy. Chắc-chắn rằng các môn-đồ thời nay của Chúa cần nhớ lại lời khuyên-răn ấy, đề-bớt lo-lắng về thức ăn cho thân-thể mà chú-ý hơn đến thức ăn cho linh-hồn mà các nhà dạy đạo đang hiến cho. Chúng ta cần phải đề-ý và đề-phòng men của người Pha-ri-si, của người Sa-đu-sê và men của Hê-rốt.

5. Người mù ở Bết-sai-đa.

Đoạn 8 : 22-26

« 22 Kể đó, Đức Chúa Jê-sus và môn-đồ đi đến làng Bết-sai-đa. Người ta đem cho Ngài một người mù và cầu-xin Ngài rời đến người. 23 Ngài bèn nắm tay người mù, dắt ra ngoài làng, thăm nước miếng trên mắt người, đặt tay trên người, và hỏi có thấy chi không. 24 Người mù ngó lên rồi thưa rằng : Tôi thấy người ta, và nhìn họ đi giống như cây. 25 Rồi Đức Chúa Jê-sus lại đặt tay trên mắt người; người nhìn xem, được sáng mắt, thấy

rõ-ràng cả thấy. ²⁶ Đức Chúa Jêsus khiến người về nhà và truyền rằng : **Đừng trở vào trong làng. »**

Phép lạ này giống như sự chữa lành người điếc ở Ê-ê-ca-bô-lơ, không có chép trong sách Tin-lành nào khác. Trong cả hai trường-hợp, sự chữa bệnh được thi-hành xa quần-chúng, và kèm theo những phương-pháp hiền-nhiên rõ-ràng. Chúa Jêsus tìm nơi ẩn-kín vì Ngài đã bước vào thời-kỳ nghỉ-ngơi với các môn-đồ, khi Ngài muốn tránh sự có mặt của đám quần-chúng bị kích-động ; những phương-pháp được dùng, không phải vì Chúa Jêsus không thể chữa bệnh chỉ bằng sự vận-dụng ý-chí Ngài, nhưng vì Ngài không muốn chữa lành nếu trước nhất, người bệnh không có đức-tin trong lòng.

Nơi Chúa thi-hành phép lạ là Bết-sai-đa, có lẽ một làng ở bờ biển phía đông. « Người ta đem cho Ngài một người mù và cầu-xin Ngài rờ đến người. » Bệnh đui-mù này thường xảy ra ở xứ Do-thái và Chúa thường phải phục-hồi sự sáng ; nhưng ở đây là trường-hợp thứ nhất mà Mác ghi lại. Như đã được nói rõ ở những chỗ khác, sự mù lòa là một dấu-hiệu chỉ về sự mất sự trông thấy thuộc-linh, và phép lạ thi-hành ở đây có thể được xem như một hình-ảnh rất thích-hợp và quyền-năng Chúa phục-hồi sự sáng cho linh-hồn.

« Ngài bèn nắm tay người mù, dắt ra ngoài làng. » Ngài muốn tránh mọi hành-động công-khai, song đây thật là một hành-động đẹp-đẽ vì Chúa ân-cần nhĩ-nhận ; và điều thiết-thực nhất là sự tiếp-xúc và đồng-hành với Thầy thiên-thượng đã dọn đường cho đức-tin mà Chúa muốn dứt dấy ! Những kẻ đang ở trong sự u-tối về đạo-lý và vô-tin há không tìm thấy ở đây một sứ-mạng và há không thể lia-bỏ những ý-nghĩ ngó-ngàn trong một thời-gian để theo sự hướng-dẫn của Đấng Christ càng xa hơn nếu họ đủ sức và học - hỏi nơi đời sống và lời phán của Ngài những gì có thể học được ? Nếu có đức-tin thì sự sáng mắt chắc-chắn phải đến.

Đối với người đàn-ông mù, đức-tin được trở nên mạnh nhờ Chúa rờ đến, Ngài làm ướt mắt và đặt tay trên

người, rồi hỏi rằng : « Có thấy chi không. Người mù ngó lên rồi thưa rằng : Tôi thấy người ta, và nhìn họ đi giống như cây. » Sự trông thấy chỉ được hồi-phục một phần thôi, có lẽ vì đức-tin vẫn chưa trọn- vẹn. « Rồi Đức Chúa Jê-sus lại đặt tay trên mắt người ; người nhìn xem, được sáng mắt, thấy rõ-ràng cả thấy. »

Trường-hợp chữa bệnh từ từ này là trường-hợp duy-nhất tuyệt-đối trong truyện-tích Tin-lành này. Không có sự giải-thích về lý-do và mục-đích của Chúa Jê-sus ; nhưng trong sự từng-trải của các môn-đồ Ngài, những trường-hợp tương-tự như thế không hẳn là không có. Nhiều người theo Chúa một thời-gian và biết ít nhiều về quyền chữa bệnh của Ngài, nhưng sau đó họ gặp cơn khủng-hoảng trong đời sống đạo-lý của họ và hình như họ nhận được một sự đung-chạm mới từ nơi Chúa, và từ đấy họ thấy những thực-tại thiên-thượng cách rõ-ràng hơn. Giảng Mác, người duy-nhất đã ghi lại việc kỳ-lạ này, được nhiều kẻ coi như thuộc vào hạng người nói trên. Lần đầu việc Chúa đầu-tiên của người hình như không trọn- vẹn và đã kết-thúc trong sự thất-bại, nhưng về sau, người trở thành người phụ-tá tin-cần của Phi-e-rơ và Phao-lô, và cuối-cùng trở nên người chép lịch-sử Chúa chúng ta. Ít nhất, chúng ta phải kết-luận rằng những phương-pháp Chúa dùng để chữa bệnh không phải luôn luôn giống nhau, và những từng-trải thuộc-linh của tin-đồ Đấng Christ ngày nay không luôn luôn giống nhau. Ấy vậy, có những hình-thức vâng lời khác biệt nhau mà Chúa đòi-hỏi nơi chúng ta. « Đức Chúa Jê-sus khiến người về nhà, và truyền rằng : Đứng trở vào làng ! » Ngài không muốn có sự làm chứng công-khai nữa trong thời-gian đặc-biệt và ngắn-ngủi này của chức-vụ Ngài ; song bây giờ mệnh-lệnh của Ngài là hãy làm cho mọi người trong khắp thế-gian biết về quyền-năng đặt tay chữa lành của Ngài.

B. Thời-kỳ thứ hai

Đoạn 8 : 27 đến 9 : 50.

1. Sự dạy-đồ ở Sê-sa-rê Phi-líp

Đoạn 8 : 27 đến 9 : 1

« 27 Đức Chúa Jê-sus đi khỏi đó với môn-đồ mình,

đến trong các làng gần thành Sê-sa-rê Phi-líp. Đọc dâng, Ngài hỏi môn-đồ rằng : Người ta nói ta là ai ? ²³ Thưa rằng : Kẻ thì nói là Giảng Báp-tít; người thì nói là Ê-li ; kẻ khác thì nói là một trong các đấng tiên-tri. ²⁹ Ngài hỏi : Nhưng các người thì nói ta là ai ? Phi-e-rơ thưa rằng : Thấy là Đấng Christ. ³⁰ Đức Chúa Jê-sus bèn cấm ngặt môn-đồ chớ nói sự mình cùng ai hết.

³¹ Bấy giờ, Ngài khởi-sự dạy môn-đồ rằng Con người phải chịu khổ nhiều, phải bị các trưởng-lão, các thầy tế-lễ cả, và các thầy thông-giáo loại ra, phải chịu giết, sau ba ngày phải sống lại. ³² Ngài nói tỏ - trường điều đó với môn-đồ. Phi-e-rơ đem Ngài rìeng ra, mà can-gián Ngài. ³³ Nhưng Đức Chúa Jê-sus xây lại ngó môn-đồ, và quở Phi-e-rơ rằng : Hỡi quỷ Sa-tan, hãy lui ra đằng sau ta; vì người chẳng nghĩ đến việc Đức Chúa Trời, song nghĩ đến việc người ta.

³⁴ Đoạn, Ngài kêu dân-chúng và môn-đồ, mà phán rằng : Nếu ai muốn theo ta, phải liêu mình, vác thập-tự-giá mình mà theo ta. ³⁵ Vì ai muốn cứu sự sống mình thì sẽ mất; còn ai vì có ta và đạo Tin-lành mà mất sự sống, thì sẽ cứu. ³⁶ Người nào nếu được cả thiên-hạ mà mất linh-hồn mình, thì có ích gì ? ³⁷ Hay là có người nào lấy chi mà đổi linh-hồn mình ư ? ³⁸ Vì giữa dòng-dôi gian-đâm tội-lỗi này, hễ ai hồ-thẹn về ta và đạo ta, thì con người sẽ hồ-thẹn về kẻ ấy, khi ngự trong sự vinh-hiễn của Cha Ngài mà đến với các thiên-sứ thánh.

¹ Ngài lại phán cùng môn-đồ rằng : Quả thật, ta nói cùng các người, trong những người đứng đây, có mấy kẻ sẽ chẳng chết trước khi chưa thấy nước Đức Chúa Trời lấy quyền-phép mà đến.»

Sau khi quở-trách người Pha-ri-si về sự bề ngoài và sự giả-hình của họ, Chúa chúng ta rút khỏi Ca-bê-na-um, và đến khi Ngài sẵn-sàng để trở về Giê-ru-sa-lem chịu chết trên thập-tự giá thì Ngài dành thì-giờ nghĩ-ngơi với các môn-đồ và chuẩn-bị họ cho sẵn-sàng đối-phó tấn thãm-kịch mà Ngài thấy rằng phải xảy đến. Thời-gian rút lui này được chia ra làm hai thời-kỳ : Trong thời-kỳ thứ nhất,

Chúa Jêsus đi về hướng tây, đến bờ biển Địa-trung-hải, qua những thành-phố của xứ Ty-rô và Si-đôn ; rồi qua hướng đông, đến xứ Ngoại-đạo phía bên kia biển Ga-li-lê ; trong thời-kỳ thứ hai, Ngài đến nghỉ-ngơi trong những miền hoang - vắng về phía bắc, gần Sê-sa-rê Phi-líp và những triền núi Hết-môn. Thời-kỳ sau này, về một mặt, quan-trọng hơn hai thời-kỳ trước. Vào cả hai thời-kỳ, Chúa Jêsus đều tìm cơ-hội để dạy các môn-đồ ; nhưng Ngài luôn luôn bị cản-trở bởi quần-chúng, và bị ép-buộc bởi lòng thương-xót phải tiếp-tục chức-vụ giảng-dạy và chữa bệnh công-khai. Về thời-kỳ thứ nhất, không có sự dạy-dỗ đặc-biệt cho các môn-đồ, ngoại-trừ một vài câu khuyên-răn nên tránh ảnh-hưởng của người Pha-ri-si và đảng Hê-rốt. Tuy vậy, trong thời-kỳ thứ hai, khi Chúa Jêsus ở miền bắc Ga-li-lê, Ngài ban cho các môn-đồ những sứ-mạng được ghi lại cách vắn-tắt nhưng quan-trọng. Những sự dạy-dỗ này liên-quan đến thân-vị Ngài, đến sự chết, sự sống lại và sự vinh-hiễn sắp đến của Ngài. Vậy, sự dạy-dỗ đó là tinh-t túy và gần như là toát-yếu của đạo Cơ-đốc, vì nó bao-gồm lẽ thật liên-quan đến ngôi-vị thiên-thượng của Đấng Christ, công-trình chuộc tội của Ngài và sự giảng-làm đầy vinh-hiễn của Ngài ; đó là những điểm chính-yếu của đức-tin Cơ-đốc-nhân.

Sự dạy-dỗ liên-quan đến chính Ngài đã đạt đến tốt-điêm của nó ; ít nhất Ngài cũng vui-mừng thật sự khi được biết các môn-đồ đã hiểu được lẽ thật. Ngài bắt đầu câu chuyện và hỏi : « Người ta nói ta là ai ? » Câu trả lời này vẫn còn là câu mà thế-giới vô-tin đáp lại. « Thưa rằng : Kẻ thì nói là Giảng Báp-tít ; người thì nói là Ê-li ; kẻ thì nói là một trong các đấng tiên-tri. » Ngày nay người ta cố xếp Chúa vào hạng người phạm dù là người phạm tốt nhất, hoặc là một tiên-tri, hoặc ngay cả đấng tiên-tri lớn nhất, nhưng thật là vô-ích. Ngài không chịu một sự đánh giá như vậy. « Nhưng các người thì nói ta là ai ? » Phi-e-rô thưa rằng : « Thầy là Đấng Christ. » Nguyên-tắc đầu-tiên của đức-tin Cơ-đốc-đồ là tin Jêsus là Đấng Mê-si chí-cao, là Con Đức Chúa Trời và Cứu-Chúa của thế-gian.

« Đức Chúa Jêsus bèn cấm ngặt môn-đồ chớ nói sự mình cùng ai hết » Thời-gian cho một sự công-bố như vậy

chưa đến. Cơn khủng-hoảng không thể đến gấp-rút được. Và trước hết, các môn-đồ còn nhiều điều phải học hỏi.

« Bấy giờ, Ngài khởi sự dạy-dỗ rằng Con người phải chịu khổ nhiều, phải bị các trưởng-lão, các thầy tế-lễ cả, và các thầy thông-giáo loại ra, phải chịu giết, và sau ba ngày phải sống lại. » Đây mới thật là sự bắt đầu. Trước đó Chúa Jêsus đã phán những lời nói mập-mờ ám-chỉ sự chết của Ngài. Những lời ấy cũng khó tìm thấy trong truyện của Mác truyền lại. Giờ đây, Ngài nói dứt-khoát và nói rõ-ràng rằng sự chết của Ngài là chắc-chắn và cần-thiết. Cần-thiết vì sự đối-lập của loài người, cần-thiết vì mục-dích thiêng-liêng đã khiến cho sự chết của Đấng Christ trở nên chính tinh-túy của việc chuộc-tội của Ngài. Ngài cũng dạy họ về sự sống lại của Ngài, tuy vậy, việc này họ hình như hoàn-toàn không thể tin được. Ngài nghĩ rằng sự chết chắc-chắn là một điều vinh-hiễn nhất cho Ngài.

« Phi-e-ơ đem Ngài riêng ra, mà can-gián Ngài » đối với sứ-đồ sốt-sắng này, người mới vừa nhận biết Chúa Jêsus là Đấng Christ ; lời nói trước về sự chết có vẻ như là một sự thú-nhận bại trận, một lời mâu-thuẫn với sự rao-báo về Đấng Mê-si, một sự thừa-nhận không xứng-đáng cho Chúa.

Nhưng Chúa Jêsus, đã bị Phi-e-ơ can-gián, quay lại quở-trách Phi-e-ơ. « Hỡi quỷ Sa-tan, hãy lui ra đằng sau ta ; vì ngươi chẳng nghĩ đến việc Đức Chúa Trời, song nghĩ đến việc người ta. » Những lời này thật nghiêm-trọng, nhưng không có vẻ quá khắc-nghiệt. Chúa Jêsus không có ý nói rằng Phi-e-ơ thật sự suy-đốn hay thuộc về ma-quỷ, nhưng vì thúc-giục Đấng Christ tránh khỏi sự chết nên vô-tình người ở về phe Kẻ Cám-dỗ, và đứng về phía loài người chớ không phải về Đức Chúa Trời. Sự sỉ-nhục thập-tự giá chưa hề dứt. Quả-quyết rằng sự chết của Đấng Christ là không cần-thiết thì vẫn có vẻ tự-nhiên và nhân-đạo ; nhưng sự giảng-dạy về thập-tự giá chính là một sự khôn-ngoaan và quyền-năng của Đức Chúa Trời.

Chúa bèn quay lại kêu quần-chúng, vì mặc dù Ngài thích vắng-vẻ nhưng họ luôn luôn ở cạnh Ngài. Ngài tuyên-bố với họ định-luật bất-biến của đời sống Cơ-đốc-đồ

rằng : « Nếu ai muốn theo ta, phải liêu mình, vác thập-tự giá mình mà theo ta. » Sự chết của Đấng Christ sẽ không hữu-ích cho ai cả, ngoại-trừ những người sẵn lòng chết về tội-lỗi và bản-ngã mình để theo Đấng Christ như các tôi-tớ Ngài. « Liêu mình » không có nghĩa là từ-bỏ việc gì đến với mình, nhưng là đoạn-tuyệt với chính mình. « Vác thập-tự giá mình » không có nghĩa là mang một vài sự tức-giận, buồn - rầu hay một vài gánh nặng, lớn hoặc nhỏ, như đi đến chỗ đóng đinh để chịu chết. Theo Chúa bao gồm cả sự từ-chối mình và chết về bản-ngã mình.

Tuy vậy, kết-quả là một đời sống phóng-khoáng, đầy-đủ, tự-do và xứng-đáng hơn. Đây là một điều mà Chúa Jêsus muốn nói khi thêm lời này : « Vì ai muốn cứu sự sống mình thì sẽ mất ; còn ai vì cơ ta và đạo Tin-lành mà mất sự sống, thì sẽ cứu. » Người nào chịu khổ vì cơ Chúa sẽ hưởng sự sống đời đời trên thiên-đàng ; điều này thật đúng, nhưng hiện-tại ta cũng kinh-nghiệm được lời hứa ấy. Chúa không thúc-giục phải hi-sinh vì cơ phải hi-sinh, nhưng rõ-rệt hơn là hi-sinh vì cơ Ngài và Tin-lành. Sự hi-sinh như thế đưa đến kết-quả là đời sống được phong-phú, mở-mang hơn và được hưởng-thụ tất cả những gì đáng gọi là đời sống. Đánh mất đời sống khoáng-đăng và đầy-đủ hơn này vì cơ muốn hưởng những thú vui tội-lỗi và sự thỏa-mãn mà thế-gian đem đến là một sự dồ-dại, vì « người nào nếu được cả thiên-hạ mà mất linh-hồn mình, thì có ích gì ? » Và nếu người thỏa-thuận cách tai-hại như vậy, thì sự lựa-chọn của người không thể thay-đổi được ; sự sống sẽ không bao giờ lấy lại được, vì « người... lấy chi mà đổi linh-hồn mình ư ? » Nếu sự sống đã một lần mất ?

Sự dành được hay đánh mất thì cũng đời đời. Nó là một sự từng-trải hiện-tại ; song những kết-quả vẫn còn mãi và chỉ hoàn-thành trọn-vẹn khi Đấng Christ giáng-lâm trong vinh-hiễn. Nếu hồ-thẹn vì vác thập-tự giá và theo Ngài bây giờ thì kết-quả sẽ là bị đoán-phạt khi Vua của các vua hiện đến trong sự uy-nghi cuối-cùng của Ngài, « vì giữa dòng-dõi gian-dâm tội-lỗi này, hễ ai hồ-thẹn về ta và đạo ta, thì Con người sẽ hồ-thẹn về kẻ ấy, khi ngự trong sự vinh-hiễn của Cha Ngài mà đến với các thiên-sứ thánh. »

« Dòng-dõi gian-dâm » có nghĩa là một người không trung-tín với Đức Chúa Trời và chứng-minh rằng mình bất-trung bằng sự chối-bỏ Con Đức Chúa Trời. Tuy-nhiên, Ngài phải bị từ-chối và bị đóng đinh trên cây thập-tự, Ngài phải sống lại và thăng-thiên, và một ngày nào đó sẽ tái-lâm trong vinh-hiền. Thà chịu khổ-thẹn và chịu sự khinh-bĩ của cõi đời xấu-xa hiện-tại này còn hơn là bị truất khỏi nước trọn- vẹn của Đức Chúa Trời là nước sẽ hiện ra khi Đấng Christ tái-lâm trong vinh-hiền. Sự tái-lâm này của Đấng Christ là đại-đề-mục thứ ba mà Chúa chúng ta đã dạy-bảo các môn-đồ khi ở Sê-sa-rê Phi-líp. Sự tái-lâm và nước của Ngài là niềm hi-vọng và m ong-đợi của những kẻ theo Ngài, và cũng là hi-vọng của Hội-thánh trải qua mọi thế-kỷ. Vài môn-đồ trực-tiếp theo Ngài đã đón nhận tia sáng vinh-hiền ít ngày sau đó khi họ thấy Chúa cùng Môi-se và Ê-li trong sự chói lòa thiên-thượng trên Núi của sự Hóa-hình. « Ngài lại phán cùng môn-đồ rằng : Quả thật, ta nói cùng các ngươi, trong những người đứng đây, có mấy kẻ sẽ chẳng chết trước khi chưa thấy nước Đức Chúa Trời lấy quyền-phép mà đến. » Lời hứa này và sự làm trọn lời hứa một cách rõ-ràng ấy vẫn được Phi-e-rơ ghi-nhớ trong nhiều năm sau khi người đề-cập đến sự tái-lâm và Nước của Đấng Christ, « Và, khi chúng tôi đã làm cho anh em biết quyền n-phép và sự đến của Đức Chúa Jê-sus chúng ta, thì chẳng phải là theo những chuyện khéo đặt-đề, bèn là chính mắt chúng tôi đã ngó thấy sự oai-nghiêm Ngài. Vì đã nhận-lãnh sự tôn-trọng vinh-hiền từ nơi Đức Chúa Trời, Cha Ngài, khi Đấng tôn-nghiêm rất cao phán cùng Ngài rằng : « Đây là Con yêu-dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường. » Chính chúng tôi cũng từng nghe tiếng ấy đến từ trời, lúc chúng tôi ở với Ngài trên hòn núi thánh. »

2. Sự hóa hình.

Đoạn 9 : 2-13

«² Khỏi sáu ngày, Đức Chúa Jê-sus đem Phi-e-rơ Gia-cơ, và Giăng đi tẻ với Ngài lên núi cao ; và Ngài hóa hình trước mặt ba người. ³ Áo-xống Ngài trở nên sáng-rực và trắng-tinh chói-lòa, đến nỗi chẳng có thợ nhuộm nào ở thế-gian nhuộm được trắng như vậy. ⁴ Ê-li và Môi-se hiện ra, nói chuyện cùng Đức Chúa,

Jésus. ⁵ Phi-e-rơ bèn cất tiếng thưa cùng Đức Chúa Jésus rằng: Lạy thầy, chúng ta ở đây tốt lắm; hãy đóng ba trại, một cái cho thầy, một cái cho Môi-se, và một cái cho Ê-li. ⁶ Vì Phi-e-rơ không biết mình nói chi, tại cả ba đều sợ-hãi. ⁷ Lại có một đám mây bao phủ lấy; và từ đám mây có tiếng phán rằng: Người này là Con rất yêu-dấu của ta, hãy vâng nghe người. ⁸ Thình-lình, các môn-đồ ngó quanh-quất, chẳng thấy ai nữa, chỉ còn một mình Đức Chúa Jésus ở với mình mà thôi.

⁹ Khi từ trên núi xuống, Ngài cấm môn-đồ đừng nói lại với ai những điều mình đã thấy, cho đến chừng nào Con người từ kẻ chết sống lại. ¹⁰ Vậy, môn-đồ ghi-nhớ lời ấy, và hỏi nhau sự từ kẻ chết sống lại là gì. ¹¹ Lại hỏi Ngài rằng: Sao các thầy thông-giáo nói rằng: Ê-li phải đến trước? ¹² Ngài đáp rằng: Thật Ê-li phải đến trước sửa lại mọi việc. Vậy thì sao có chép về Con người rằng Ngài phải chịu khổ nhiều và bị khinh-dể ư? ¹³ Và, ta nói cùng các người, Ê-li đã đến rồi, người ta đả người theo ý-muốn mình, ư như lời đã chép về việc người vậy.»

Sự hóa hình của Chúa chúng ta trong khi Ngài cầu-nguyện trên triền núi Hết-môn liên-quan chặt-chẽ với sự dạy-dỗ mà Ngài đã ban cho các môn-đồ khi ở gần các làng thuộc Sê-sa-rê Phi-líp. Ngài đã chấp-nhận sự xưng-tụng quan-trọng của Phi-e-rơ về thân-vị thiên-thượng của Ngài, và giờ đây, từ nơi vinh-quang tối-cao vang lên tiếng phán của Cha rằng: « Này là Con yêu-dấu của ta. » Ngài đã dạy họ cách đặc-biệt về sự chết hầu gần của Ngài; và bây giờ Môi-se và Ê-li hiện ra trên núi, nói chuyện với Ngài, như Lu-ca đã xác-nhận về sự qua đời của Ngài mà Ngài sắp làm trọn tại Giê-ru-sa-lem. Ngài đã dự-đoán về sự tái-làm trong vinh-hiền của Ngài, và giờ đây, như Phi-e-rơ đã viết, Ngài cho môn-đồ biết trước sự vinh-hiền đó như thế nào.

Chúng ta khó mà hiểu câu « Ngài hóa hình trước mặt » họ có nghĩa gì. Chắc-chắn đó là một sự từng-trái khá khác-biệt với sự từng-trái của Môi-se trên núi. Mặt

người rực-rỡ và ánh sáng phản-chiếu vào, nhưng trong trường-hợp của Chúa Jê-sus là vinh-quang phát-xuất từ trong Ngài và ánh hào-quang tỏa khắp thân-thể Ngài, không những chỉ mặt Ngài thôi mà áo-xống Ngài cũng sáng rõ lấp-lánh.

Chúa Jê-sus ở một mình với Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng khi sự hóa hình kỳ-diệu của Ngài xảy ra, nhưng khi các môn-đồ trở mặt nhìn Ngài trong sự kinh-ngạc thì « Ê-li và Môi-se hiện ra, nói chuyện cùng Đức Chúa Jê-sus. » Hai người đã giả-từ thế-gian trong màn bí-mật, được chọn cho công-việc trở lại màu-nhiệm này. Người ta thường cho rằng Môi-se thay mặt cho luật-pháp và Ê-li thay mặt cho các tiên-tri ; bằng dấu-hiệu và lời tiên-tri, cả hai đã chỉ về công-việc chuộc-tội của Đấng Christ ; họ có thể nói chuyện với Chúa Jê-sus về sự chết của Ngài một cách sáng-suốt. Họ cũng được sửa-soạn đặc-biệt, bằng sự từng-trải cá-nhân, để hiểu ân-điền của Đức Chúa Trời, và hơn ai cả là họ có thể hiểu được tình yêu-thương của Đức Chúa Trời trong sự ban Con Ngài cho thế-gian.

Đoạn, « Phi-e-rơ cất tiếng », đó có nghĩa là hiện-tượng kỳ-diệu đã khiến người chú-ý : « Lay thầy, chúng ta ở đây tốt lắm ; hãy đóng ba trại, một cái cho thầy, một cái cho Môi-se, và một cái cho Ê-li. Vì Phi-e-rơ không biết mình nói chi, tại cả ba đều sợ-hãi. » Phi-e-rơ sững-sốt trước cảnh-tượng diệu-kỳ và màu-nhiệm đó. Người không biết phải nói gì. Lời lẽ người có vẻ vô-lý, vì những đấng từ thế-giới vô-hình đến khỏi căn trại trên sườn núi ; cầm giữ những vị khách thiên-thượng này lại trên đất không từ-lẽ gì. Tuy vậy, lời đề-nghị của người không phải là vô-nghĩa ; Phi-e-rơ không đáng bị chê-cười ; người đã nhận thấy ơn-phước do sự hóa hình đem lại ; dù diễn-tả vụng-về, song ý muốn của người là kéo dài hiện-tượng kỳ-thú đó ; mặc dù sợ-hãi, song người cũng mong-mỏi ở mãi trong tình thân-thuộc vui sướng như vậy.

Khi Phi-e-rơ nói thì một đám mây rực-rỡ kéo đến che phủ mọi người. Cảnh-tượng ấy sắp kết-thúc ; song trước hết, từ trong đám mây có tiếng của Cha phán ra mạng-lệnh tối-cao của giờ đó, « Người này là Con rất yêu-

dấu của ta, hãy vâng nghe người.» Việc cầm giữ Môi-se và Ê-li không cần-thiết. Ngài đã đến, là Đấng mà sách luật-pháp của Môi-se và các tiên-tri đã làm chứng là Jê-sus, Con thánh của Đức Chúa Trời. Ngài đến lúc mà những ai ao-ước biết rõ bản-tính, ý-chỉ, ân-diên cứu-rỗi của Đức Chúa Trời, có thể tìm thấy những sự ấy cuối-cùng được tỏ-bày trọn-vẹn trong Đức Chúa Jê-sus-Christ.

Bống đám mây bay đi, và «thình-linh, các môn-đồ ngó quanh-quất, chẳng thấy ai nữa, chỉ có một mình Đức Chúa Jê-sus ở với mình mà thôi.» Họ không cần ai khác; họ chỉ cần nghe lời Ngài; họ cũng không hề quên cảnh-tượng vinh-hiền tỏ-rõ của Ngài; từ đó trở đi Ngài đối với họ quả thật là một vị Giáo-sư và Chúa chí-thánh hơn bao giờ hết.

Kinh-nghiệm duy-nhất này trong đời sống của Đấng Christ có một ý-nghĩa sâu-xa với chính mình Ngài. Nó sửa-soạn cho Ngài để chịu nỗi đau-đớn và sự chết hầu-gần. Nó lại chứng chắc với Ngài rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời ở trên trời; nó nhắc Ngài nhớ rằng nếu Ngài mất sự sống thì Ngài tìm lại được, nếu Ngài gánh chịu thập-tự giá thì chắc-chắn sẽ sống lại từ kẻ chết và gặp các thánh xưa trong cảnh-tượng vinh-hiền và trong một vị-trí đầy quyền-lực cao-cả.

Cảnh-tượng này còn có một ý-nghĩa quan-trọng hơn đối với các môn-đồ. Ấy là họ cũng cần được sửa-soạn cho những sự từng-trải được đặt đề-trước họ. Sự tin-tưởng của họ nơi bản-tính thiêng-liêng của Chúa được tăng-cường bởi cảnh-tượng về sự vinh-hiền của Ngài; những lời tiên-tri màu-nhiệm về sự chết và sống lại của Ngài được xác-nhận bởi những gì họ đã nghe và thấy; về lộng-lẫy của sự hiện đến sau rốt của Ngài từ đây trở nên thật sự hơn và vì có đó là một sự chắc-chắn, nên họ lại sẵn-sàng hơn trước đề vắc thập-tự giá mình mà theo Ngài.

Những sứ-mạng ấy đối với tin-đồ của Chúa ngày nay không kém phần quan-trọng. Họ được nhắc-nhở rằng bởi đức-tin nơi Ngài, vì hiện giờ họ trông thấy sự vinh-hiền của Ngài, họ «đều biến-hóa nên cũng một hình-tượng của Ngài»; «biến-hóa», hóa hình không phải bởi sự mô-

phông bề ngoài theo Đấng Christ, song bởi hành-động của một năng-lực bên trong « như bởi Chúa là Thánh-Linh vậy. »

Cũng vậy, chúng ta thấy nói trước rõ-ràng hơn về những trường-hợp của sự tái-làm sắp đến của Ngài; đoạn, những kẻ đã chết như Môi-se, và thân-thể đã bị chôn vùi trong cát bụi, sẽ hiện ra trong thân-thể bất-tử và bất-diệt, những kẻ khác, như Ê-li không bao giờ chết, sẽ chẳng nếm mùi của sự chết, song đã biến-hóa, hóa hình trong nháy mắt và « được cất lên... tại nơi không-trung mà gặp Chúa »; nhưng sự huy-hoàng rực-rỡ của cảnh-tượng ấy sẽ được thực-hiện và tập-trung vào hình-ảnh oai-nghi và gương mặt chói lòa của Đấng Christ tái-làm trong đặc-thắng.

Cảnh-tượng Chúa hóa hình và các vị khách thiên-thượng đã thêm sức mạnh và khích-động ba vị sứ-đồ, những cảnh-tượng ấy không dành cho đám quần-chúng hiểu-kỳ và ngu-tối đang chờ-đợi họ. « Khi từ trên núi xuống Ngài cấm môn-đồ đừng nói lại với ai những điều mình đã thấy. » Lệnh truyền phải giữ bí-mật này cũng giống như lệnh của Chúa đã truyền cho những kẻ mà Ngài đã chữa lành trong thời-kỳ ẩn-dật của Ngài; nhưng trong mệnh-lệnh này lại có thêm một sự hạn-chế kỳ-lạ là « cho đến chừng nào Con người từ kẻ chết sống lại »; đoạn, họ sẽ phải làm chứng về sự vinh-hiễn thiên-thượng của Ngài; song họ chưa được sửa-soạn để làm chứng và quần-chúng cũng không hiểu được lời đó. Họ « ghi nhớ lời ấy », song « hỏi nhau sự từ kẻ chết sống lại là gì. » Họ không thể hiểu được rằng sự chết của Chúa là cần-thiết và cũng không nhận-thức được rằng Ngài có thể phục-sanh. Lẽ thật trọng-yếu ấy của đức-tin Cơ-đốc không phải là một chuyện hoang-đường đặt ra bởi tin-đồ của Chúa Jê-sus, hay là một ảo-giác do sự mơ-ước một việc có thể có. Những người đã trở nên nhân-chứng cho sự phục-sanh là những người không hề mong đợi sự đó; và hai người đầu-tiên tin-tưởng sự đó là Phi-e-rơ và Giăng, là những người đã thối-mắc bởi những lời Chúa Jê-sus đã phán khi Ngài xuống ngọn núi thánh cùng họ.

Lại một câu hỏi khác đến trong trí họ do sự hiện đến của Ê-li. Họ « lại hỏi Ngài rằng : Sao các thầy thông-giáo nói rằng : Ê-li phải đến trước ? » Việc dân-chúng ước-mong một đại tiên-tri sẽ dọn đường cho Đấng Mê-si được

căn-cứ trên những câu kết của sách Ma-la-chi. Việc Đấng Christ đã đến và thực-hành chức-vụ của Ngài khiến các môn-đồ bối-rối.

Chúa Jêsus giải nghĩa cho họ rằng lời tiên-tri đã được ứng-nghiem nhờ công-việc của Giảng Báp-tít là người đã đến với tinh-thần và quyền-năng của Ê-li. Sự « sửa-soạn lại mọi việc » của Ngài gồm đưa dân-tộc ăn-năn trở lại cùng Đức Chúa Trời và phục-hoạt hi-vọng về một Cứu-Chúa sắp đến. Tuy vậy, loài người đã làm cho Ngài theo ý-muốn mình, y như lời đã chép về việc người vậy. Ê-li chịu khổ vì A-háp và Giê-sa-bên thế nào thì Giảng cũng chịu khổ bởi tay Hê-rốt và Hê-rô-đia thế ấy. Hơn nữa những lời tiên-tri về Giảng đã ứng-nghiem thế nào thì những lời tiên-tri về sự đau-khổ của Con Người cũng sẽ được ứng-nghiem thế ấy. Cái chết của Giảng là một điềm dữ về những gì Chúa Jêsus sẽ chịu-đựng khi « người ta đả người theo ý-muốn mình. » Vậy Chúa Jêsus, trong những giờ ăn-dật này vẫn tiếp-tục giảng-dạy bằng sự ám-chỉ và bằng những lời tuyên-bố rõ-ràng như Ngài vừa khởi-sự. « Rằng Ngài phải chịu khổ nhiều và bị khinh-dễ. » Ngài đang chuẩn-bị cho các môn-đồ để chịu tấn thãm-kịch thập-tự giá.

3. Người bị quỷ ám.

Đoạn 9 : 14-29

« 14 Đức Chúa Jêsus với ba người đến cùng các môn-đồ khác, thì thấy đoàn dân rất đông vây chung-quanh, và mấy thầy thông-giáo đang cãi-lẽ với các môn-đồ ấy. 15 Cả đoàn dân này vừa thấy Ngài, liền lấy làm lạ, thấy đều chạy đến chào Ngài, 16 Ngài bèn hỏi rằng : Các người cãi-lẽ với môn-đồ về việc gì ? 17 Một người trong đám đóng thưa rằng : Lạy thầy, tôi đã đem con trai tôi tới cho thầy ; nó bị quỷ câm ám, 18 Không cứ chỗ nào quỷ ám vào thì làm cho nổi kinh-phong, sôi bọt mồm, nghiêng răng, rồi nó môn-mỏi đi ; tôi đã xin môn-đồ thầy đuổi quỷ ấy, song đuổi không được. 19 Đức Chúa Jêsus bèn đáp rằng : Hỡi dòng-dõi chẳng tin kia, ta sẽ ở cùng các người cho đến chừng nào ? Ta sẽ chịu các người cho đến khi nào ? Hãy đem con đến cho ta. 20 Chúng bèn đem đứa trẻ cho Ngài. Đứa trẻ vừa thấy Đức Chúa Jêsus, tức thì quỷ vạt mạnh

nó, nó ngã xuống đất, rồi lăn-lóc sùi bọt miếng ra. ²¹ Đức Chúa Jê-sus hỏi cha nó rằng : Điều đó xảy đến cho nó đã bao lâu ? Người cha thưa rằng : Từ khi nó còn nhỏ. ²² Quỷ đã lăm phen quăng nó trong lửa và dưới nước, để giết nó đi ; nhưng nếu thầy làm được việc gì, xin thương-xót chúng tôi và giúp cho ! ²³ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Sao người nói : Nếu thầy làm được ?... Kể nào tin thì mọi việc đều được cả. ²⁴ Tức thì cha đưa trẻ la lên rằng : Tôi tin ; xin Chúa giúp-dỡ trong sự không tin của tôi ! ²⁵ Khi Đức Chúa Jê-sus thấy dân-chúng chạy đến đông, thì Ngài quở-trách tà-ma và phán cùng nó rằng : Hỡi quỷ cảm và điếc, ta biểu mày phải ra khỏi đứa trẻ này, đừng ám nó nữa. ²⁶ Quỷ bèn la lớn tiếng lên, vật đứa trẻ mạnh lăm mà ra khỏi ; đứa trẻ trở như chết vậy, nên nổi nhiều người nói rằng : Nó chết rồi. ²⁷ Nhưng Đức Chúa Jê-sus nắm tay nó, nâng lên ; thì nó đứng dậy.

²⁸ Khi Đức Chúa Jê-sus vào nhà rồi, môn-đồ hỏi riêng Ngài rằng : Sao chúng tôi đuổi quỷ ấy không được ? ²⁹ Ngài đáp rằng : Nếu không cầu-nguyện, thì chẳng ai đuổi thứ quỷ ấy ra được. »

Thế-giới của nghệ-thuật đã làm cho sự này trở nên quen-thuộc : Ấy là sự tương-phản cảm-động giữa cảnh-tượng mà ba vị sứ-đồ thấy trên Núi của sự Hóa hình với cảnh-trạng đang chờ-đợi họ khi họ theo thầy xuống đồng-bằng và gặp chín người bạn của họ ở giữa quần-chúng đang tranh-luận với các thầy thông-giáo và cạnh họ là một người cha tan-nát cả cõi lòng đang khổ-sở vì sự đau-đớn của đứa con trai bị quỷ-ám. Tuy vậy, nét buồn-bã nhất của cảnh-tượng này ít quen-thuộc hơn : Ấy là sự sàu-não của chín môn-đồ đã không hoàn-thành sứ-mạng mình. Chúa Jê-sus đã sai họ ra để giảng-dạy và đuổi quỷ. Họ đã trở về thuật lại cho Ngài sự thành-công vô-tận của họ và nổi vui-mừng vì các tà-ma đã đầu-phục họ. Không bao lâu Chúa Jê-sus cùng Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng lui về sườn núi vắng-vẻ để cầu-nguyện. Trong khi Ngài vắng mặt, có một con trai đáng thương bị quỷ ám được đem đến với họ để cứu-chữa, nhưng họ lấy làm ngạc-nhiên và phiền-muộn vì không thể giải-thoát nó được. Khi quần-chúng vây quanh

lấy họ và các thầy thông-giáo khởi-sự cật-vấn để làm nhục các môn-đồ, thì Chúa Jê-sus thình-linh hiện đến. Khi Ngài biết được sự thất-bại của các sứ-đồ và nỗi lo-lắng của người cha, Ngài bèn hỏi người về tình-trạng đáng thương của người con. Câu chuyện đau-buồn ấy kết-thúc bằng một lời cầu-xin cảm-động : « Nếu thầy làm được việc gì, xin thương-xót chúng tôi và giúp cho. » Chúa Jê-sus đáp lại bằng một lời làm cho ngạc-nghiên. Ngài nhắc lại câu của kẻ cầu-xin, « nếu thầy làm được việc gì. » Đó không phải là một câu hỏi về khả-năng của Chúa, bèn là về đức-tin của người cha đưa trẻ. Chúa có thể chữa lành và Ngài sẵn lòng cứu-chữa nếu người chịu tin và cậy Ngài. « Kẻ nào tin thì mọi việc đều được cả. » Đoạn người ấy đáp lại một câu đáng nhớ, « Tôi tin ; xin Chúa giúp-đỡ sự không tin của tôi. » Người sẵn lòng tin-cậy Chúa Jê-sus chữa bệnh song người nhận biết đức-tin mình không trọn- vẹn và sự hiểu biết của mình có giới-hạn. Chúa Jê-sus truyền lệnh, quí bèn hành-hạ và khiến cho nạn-nhân lăn-lóc song nó văng lời Đấng Chủ-tể ; sự giải-cứ và chữa lành lập-tức theo sau. Những gì loài người không thể làm và các môn-đồ cũng không thể làm thì Chúa chỉ phán một tiếng là xong. Hình-dung của Ngài thật uy-nghi, như Mác đã mô-tả, Ngài đứng trước mặt chúng đầy vẻ trang-nghiêm và quyền-năng thiên-thượng với tư-cách là Đấng Hữu việc toàn-năng Con của Đức Chúa Trời chuyên làm phép lạ !

Đây là phép lạ cuối-cùng của Chúa làm tại Ga-li-lê được sách Tin-lành ghi lại ; nhưng khi câu chuyện sắp kết-thúc thì một sự dạy-đỗ quan-trọng nhất được nêu ra với lời nhấn mạnh lạ-lùng : « Môn-đồ hỏi riêng Ngài rằng : Sao chúng tôi đuổi quí ấy không được ? » Đó là một sứ-mạng tối-cao cho mọi người, dù chính ta tìm cách giải-cứ cho chính mình hay muốn giúp cho kẻ khác. Chúng ta phải có đức-tin. Chúng ta cầu Chúa giúp, và Ngài đáp : « Sao người nói : Nếu thầy làm được ? » « Kẻ nào tin thì mọi việc đều được cả. » Chúng ta hỏi Ngài vì cơ những sự cố-gắng của chúng ta đều thất-bại, thì Ngài trả lời rằng đó là vì đức-tin của chúng ta không trọn- vẹn hay vì chúng ta không bày-tỏ đức-tin bằng sự cầu-nguyện đầy tin-tưởng và đặc-thắng. Biết bao môn-đồ thiếu quyền-năng trong khi

phục-vụ trước công-chúng vì họ không hề biết được sự cần-thiết hay ơn-phước của chức-vụ cầu-thay.

4. Sự giảng-dạy cuối-cùng ở Ga-li-lê.

Đoạn 9 : 30-50

a. Đức Chúa Jêsus phán trước về sự Ngài chết và sống lại.

Đoạn 9 : 30-32

«³⁰ Đoạn, đi khỏi đó, trải qua xứ Ga-li-lê, Đức Chúa Jêsus không muốn cho ai biết. ³¹ Vì Ngài dạy các môn-đồ rằng : Con người sẽ bị nộp trong tay người ta, họ sẽ giết đi ; Ngài bị giết đã ba ngày rồi, thì sẽ sống lại. ³² Nhưng môn-đồ không hiểu lời ấy, lại sợ không dám hỏi Ngài. »

Đức Chúa Jêsus sắp viếng Ca-bê-na-um lần chót, trước khi Ngài đến thành Giê-ru-sa-lem, đòi Gô-gô-tha và thập-tự giá. Từ khi Ngài lui về miền Ty-rơ và Si-đôn, Ngài được nghỉ-ngơi với các môn-đồ. Ngài đã từng khó-nhọc để khỏi bị chú-ý, nhưng quần-chúng luôn tìm được Ngài và vây quanh Ngài ; nên giờ đây, khi Ngài đi về miền Nam, bèn theo những con đường ít người lui tới nhất và tìm cách giữ bí-mật tuyệt-đối. Không phải vì Ngài sợ những kẻ thù-nghịch hay vì chỉ muốn có cơ-hội để mặc-niệm và cầu-nguyện ; mục-đích chính của Ngài là được ở một mình với các môn-đồ để Ngài có thể dạy-dỗ họ vì sự chết hầu đến của Ngài. Vì vậy, khi đi ngang qua xứ Ga-li-lê, nổi thống-khổ của Ngài là đại đề-mục cho bài giảng của Ngài. Ngài đã khởi-sự bài giảng này ở Sê-sa-rê Phi-líp, và giờ đây, Ngài lại tuyên-bố hết sức rõ-ràng về biến-cố xảy ra như đã xảy ra bây giờ : « Con người sẽ bị nộp trong tay người ta, họ sẽ giết đi. »

Tuy vậy, sự chết của Đấng Christ ít khi được Ngài đặt riêng ra như một biến-cố lẻ-loi. Ngài thường ghép nó với một biến-cố khác hình như khó tách rời được, nghĩa là sự phục-sinh của Ngài. « Ngài bị giết đã ba ngày rồi, thì sống lại. » Những lời tiên-trị của Ngài không phải là

sự đoán trước u-tối về cái chết của một người tuân-đạo mà là những sự sắp đặt trước của một Cứu-Chúa Thiên-Thượng. Ngài thấy sự chết chuộc tội là cần-thiết nhưng cũng thấy rằng sự phục-sinh toàn-thắng của Ngài là chắc-chắn. Thập-tự giá là một dấu-hiệu thích-hợp chính-yếu của một phần lớn trong đức-tin Cơ-đốc, nhưng không bao giờ nó được phép cất giấu hình-dáng uy-nghi của Chúa hằng sống, vinh-hiễn và thắng-thiên.

Đức Chúa Jê-sus không xem sự chết của Ngài chỉ là một việc ngẫu-nhiên trong công-vụ của Ngài hay là một trừng-trải tương-tợ như trừng-trải của những người khác. Luôn luôn trong trí Ngài có một ý nghĩ sâu-xa và màu-nhiệm về cây thập-tự. Ngài « Phó mạng sống mình làm giá chuộc-tội nhiều người. » Như vậy, Ngài dạy-dỗ các môn-đồ càng rõ-ràng hơn. Lúc này không thể nói rằng Ngài đã tỏ-bày cho họ ý-nghĩa đầy-đủ của sự chết và sự sống lại của Ngài đến mức-độ nào. Có lẽ Ngài còn có thể cho họ biết thêm những gì hơn là chỉ những sự-kiện suông, vì chúng ta đọc : « môn-đồ không hiểu lời ấy, lại sợ không dám hỏi Ngài. » Nếu họ thấu được sự sợ-hãi và biết được sự thật lạ-lùng và ý-nghĩa sâu-sắc của lời Ngài thì có lẽ hay hơn và trong giờ phút đau-thương hiện giờ của Ngài, họ có thể tỏ ra ít kinh-ngạc hơn và có thể trung-tín hơn. Có những sự màu-nhiệm về sự chết của Chúa chúng ta ; ta nên cầu-xin Ngài giải-bày rõ-ràng hơn. Ta sẽ được sửa-soạn đầy-đủ hơn để chịu sự thử-thách và cám-dỗ, khi ta hiểu rõ-ràng hơn về ý-nghĩa của thập-tự giá đối với Đấng Christ là gì và ý-nghĩa thập-tự giá đối với chúng ta.

b. Chúa dạy về sự cao-trọng thật.

Đoạn 9 : 33-37

« ³³ Đến thành Ca-bê-na-um, đang ở trong nhà, Ngài hỏi môn-đồ rằng : Lúc đi đường, các người nói chi với nhau ? ³⁴ Môn-đồ đều làm thinh ; vì dọc đường đã cãi nhau cho biết ai là lớn hơn trong bọn mình. ³⁵ Ngài bèn ngồi, kêu mười hai sứ-đồ mà phán rằng : Nếu ai muốn làm đầu, thì phải làm rốt hết và làm tôi-tớ mọi người. ³⁶ Đoạn, Ngài bắt một đứa trẻ để ở giữa môn-đồ ; rồi ẵm nó trong tay, mà phán rằng : ³⁷

Hễ ai vì danh ta tiếp một đũa trong những đũa trẻ này, tức là tiếp ta ; còn ai tiếp ta, thì chẳng phải tiếp ta, bèn là tiếp Đấng đã sai ta vậy. »

Trên đường đến Ca-bê-na-um, Chúa Jêsus từng nói về sự nhục-nhã sắp đến của Ngài, sự hi-sinh và sự chết của Ngài vì cơ những kẻ khác ; nhưng các môn-đồ, khi tưởng rằng Chúa không nghe thấy họ, liền tranh-luận cùng nhau xem ai lớn hơn hết. Ta có thể tưởng-tượng ra một sự tương-phản đáng thương hơn, hay nói một cách khác, thí-dụ đáng lưu-ý hơn về bài học mà Chúa Jêsus đang tìm cơ-hội để giảng-dạy chẳng ? Đấng ở giữa vòng họ, cao-trọng không ai sánh kịp, là Đấng sắp hạ mình chịu chết trên cây thập-tự để những kẻ khác được sống. Sự cao-trọng thật-sự bao-gồm sự khiêm-nhường và sự hầu việc. Đó là luật cho các môn-đồ Đấng Christ mà Jêsus đã nắm được cơ-hội để tuyên-bố ra.

Các môn-đồ hồ-thẹn vì Chúa đã biết được sự tranh-luận của họ ; họ nhận-thức rằng, trước sự hiện-diện của Ngài, sự kiêu-hãnh, ganh-tị, nóng giận lừa-đảo của họ là điều quấy. Một tín-đồ ngày nay có thể bị hồ-thẹn về sự tranh-chấp của họ nếu nhận biết có Chúa hiện-diện. Tuy vậy, Ngài không quở-trách họ nghiêm-khắc lắm ; Ngài gọi họ đến cùng Ngài và phán rằng : « Nếu ai muốn làm đầu, thì phải làm rốt hết và làm tôi-tớ mọi người. » Sự cao-trọng thật ân trong tâm-hồn khiêm-nhường, sẵn lòng chọn lấy địa-vị sau rốt và hèn kém nhất ; song sự cao-trọng ấy còn bao-gồm việc gì khác : Ước-muốn « phục-sự » có nghĩa là hầu-hạ.

Đoạn, Chúa Jêsus làm cho sự dạy-dỗ trở nên linh-động bằng một thí-dụ đặc-biệt đẹp-đẽ, « đoạn, Ngài bắt một đũa trẻ để ở giữa môn-đồ ; rồi nắm nó trong tay, mà phán rằng : Hễ ai vì danh ta tiếp một đũa trong những đũa trẻ này, tức là tiếp ta. » Săn-sóc một đũa trẻ hay một người giống như đũa trẻ cần tình-thương của chúng ta, cần sự che-chở, cứu-giúp và hướng-dẫn của chúng ta, tức là làm một việc rất vĩ-đại ; và vĩ-đại thật sự khi làm việc ấy trong danh Christ và vì danh Christ tức là hầu việc Ngài. Và còn hơn thế nữa, nếu có thể, đó là hầu việc

trực-tiếp Đức Chúa Trời, vì Chúa Jêsus phán thêm, « còn ai tiếp ta... là tiếp Đấng đã sai ta vậy.» Vậy, sự cao-trọng thật không phải cốt ở việc đạt được địa-vị cao nhất trong sự chú-ý và ca-tụng của thế-gian, không phải được nhiều người hầu-hạ, bèn là sự sẵn lòng hạ mình xuống một địa-vị thấp-hèn ; không phải có giấu mình hay nghi-ngờ e-sợ, song với mục-dịch hầu việc kẻ khác vì cơ danh Đấng Christ.

c. Chúa Jêsus dạy về sự bao-dung và ép mình vào kỷ-luật.

Đoạn 9 : 38-51

« ³⁸ Giảng thưa cùng Ngài rằng : Lạy thầy, chúng tôi từng thấy có người lấy danh thầy mà trừ quỷ, thì chúng tôi đã cấm, vì họ không theo chúng ta, ³⁹ Đức Chúa Jêsus phán rằng : Đừng cấm làm chi ; vì chẳng ai cùng trong một lúc, vừa nhơn-danh ta làm phép lạ, vừa nói xấu ta được. ⁴⁰ Hễ ai không nghịch cùng ta là thuộc về ta. ⁴¹ Còn ai nhơn-danh ta mà cho các người một chén nước, vì các người thuộc về Đấng Christ, quả thật, ta nói cùng các người, người ấy sẽ không mất phần thưởng mình đâu. ⁴² Nhưng hễ ai làm cho một đứa trong những đứa nhỏ này đã tin, phải sa vào tội-lỗi, thì thà buộc cổ đá lớn vào cõ nó mà bỏ xuống biển còn hơn.

⁴³ Nếu tay người làm cho người phạm tội, hãy chặt nó đi ; thà rằng một tay mà vào sự sống, còn hơn đủ hai tay mà sa xuống địa-ngục, trong lửa chẳng hề tắt. ⁴⁵ Lại nếu chơn người làm cho người phạm tội, hãy chặt nó đi ; thà rằng què chơn mà vào sự sống, còn hơn đủ hai chơn mà bị quăng vào địa-ngục. ⁴⁷ Còn nếu mắt người làm cho người phạm tội, hãy móc nó đi ; thà rằng chỉ một mắt mà vào nước Đức Chúa Trời, còn hơn đủ hai mắt mà bị quăng vào địa-ngục, ⁴⁸ đó là nơi sâu-bọ của chúng nó chẳng hề chết và là nơi lửa chẳng hề tắt. ⁴⁹ Vì mỗi người sẽ bị muối bằng lửa.

⁵⁰ Muối là vật tốt, nhưng nếu muối mất mặn đi, thì lấy chi làm cho mặn lại được ? ⁵¹ Các người phải

có muối trong lòng mình, lại phải hòa-thuận cùng nhau.»

Chúa Jêsus đã nói về sự được phước của mọi công-việc được làm trong danh Ngài. Điều đó khiến Giăng nhớ lại việc xảy ra vừa rồi, người bèn nói cùng Ngài rằng : « Lạy thầy, chúng tôi từng thấy có người lấy danh thầy mà trừ quỷ, thì chúng tôi đã cấm, vì không theo chúng ta.» Có điều đáng khâm-phục nơi tâm-hồn của Giăng, ấy là người cảm thấy lo-lắng thật-sự về danh-nghĩa Chúa ; người không muốn ai dùng danh Ngài mà không theo nhóm của Ngài. Tuy vậy, Chúa Jêsus quở-trách Giăng rằng : « Đừng cấm làm chi ; vì chẳng ai cùng trong một lúc, vừa nhơn danh ta làm phép lạ, vừa nói xấu ta được.» Đó là lẽ tự-nhiên khi chúng ta muốn tất cả những ai mang danh là Cơ-đốc-đồ sẽ gia-nhập vào Hội-thánh, môn-phái và đoàn-thể chúng ta ; nhưng sau hết là sự cuồng-tin không nên có ở giữa vòng những kẻ tin theo Chúa. Có hai câu hỏi liên-quan đến mỗi người hầu việc Chúa : Trước tiên là phải chăng người thực-sự đuổi quỷ và phải chăng người hiện thắng hơn những hành-động của Sa-tan ; thứ hai là, phải chăng người nhơn-danh Chúa mà làm việc đó và đang tìm sự vinh-hiền của Đấng Christ ? Nếu phải vậy, thì người dù ở nhóm hay môn-phái đặc-biệt nào thì cũng «đừng cấm» người. Điều này không có ý dạy rằng không có sự trung-lập đối với Đấng Christ hay là một sự công-khai xưng danh Ngài là không cần-thiết ; nhưng điều này có ý dạy rằng tình thân-hữu hay thù-nghịch đối với Chúa không thể đi đôi với nhau được, và rằng Cơ-đốc-đồ phải có một thái-độ bao-dung đối với những người đồng tin-ngưỡng thuộc mọi môn-phái.

Chúa Jêsus còn tuyên-bố rằng tình thân-thiết với Ngài mà các môn-đồ phải qui-trọng có thể được bày-tỏ bởi những việc làm rất ít quan-trọng hơn việc đuổi quỷ. «Còn ai nhơn danh ta mà cho các ngươi một chén nước, vì các ngươi thuộc về Đấng Christ, quả thật, ta nói cùng các ngươi, người ấy sẽ không mất phần thưởng mình đâu,» vì ngay cả một hành-động không quan-trọng được thi-hành vì cơ danh Chúa cũng tỏ-rõ một thái-độ đối với Đấng Christ và chắc-chắn sẽ đem đến ơn-phước là phần thưởng vậy.

Xúc-phạm đến một người mà hành-động của người ấy tỏ ra một đức-tin chưa trọn- vẹn là một lỗi rất trầm-trọng ; thật vậy, thà là một người để mất sự sống mình còn hơn là phản-bội, căm-dố và gây nguy-hại cho linh-hồn bất-diệt của một người có đức-tin như con trẻ đối với Chúa hay tin-cậy nơi chúng ta ; vì « hễ ai làm cho một đũa trong những đũa nhỏ này đã tin, phải sa vào tội-lỗi, thì thà buộc cối đá lớn vào cổ nó mà bỏ xuống biển thì hơn. »

Chúa Jêsus cảnh-cáo các môn-đồ Ngài tránh làm thiệt-hại kẻ khác, giờ đây lại nghiêm-răn họ tránh sự tự hại mình bằng cách dung-dưỡng những điều có thể làm tổn-hại phần thuộc-linh. Dù tinh thân-hữu, năng-lực hay của-cải có quý-trọng đến đâu hay thực-sự cần-thiết đến đâu cũng phải từ-bỏ nếu đó là một dịp tiện để phạm tội và phản-bội Chúa. Sự hi-sinh có thể đau-dớn như mất một tay, một chân hay một mắt ; song sự can-đảm mờ-xê linh-hồn ấy rất cần-thiết cho một người để hưởng sự sống đời đời và vào hưởng nước Đức Chúa Trời. Sự đau-dớn hiện tại ấy nhẹ hơn sự đau-khổ đời đời về sau rất nhiều ! Mỗi môn-đồ của Chúa phải « bị muối », nghĩa là giữ mình khỏi bại-hoại bằng « lửa » của sự tự ép mình vào kỷ-luật khắt-khe. Nếu sự kiêu-căng và tự chiều-chuộng thật đã phá hủy tinh-thần môn-đệ Cơ-đốc thì không gì có thể đền-bồi được sự thiệt-hại ấy. « Muối là vật tốt, nhưng nếu muối mất mặn đi, thì lấy chi làm cho mặn lại được ? » Không gì vô giá-trị, vô-dụng và vô-vị như một tin-đồ đã không còn có lòng nhơn-tử, yêu-thương, thánh-khiết, trong-sạch và thành-thật nữa. Với bất cứ giá nào, chúng ta cũng phải duy-trì tinh-thần của những môn-đồ thật, phải « có muối » trong chính mình chúng ta ; và đặc-biệt là chúng ta phải có sự « hòa-thuận cùng nhau. »

IV. CUỘC HÀNH - TRÌNH QUA XỨ GIU - ĐÊ VÀ PÊ - RÊ - A

Đoạn 10

A. Sự đẻ vợ.

Đoạn 10 : 1-12

« ¹ Đức Chúa Jêsus từ đó mà đi, qua bờ cõi xứ Giu-đê, bên kia sông Giô-đanh. Đoàn dân đông lại nhóm-họp cùng Ngài, Ngài dạy-dỗ chúng ỹ như lệ thường. ² Các người Pha-ri-si bèn đến gần hỏi để thử Ngài rằng : Người nam có phép đẻ vợ mình chăng ? ³ Ngài trả lời rằng : Vậy chớ Môi-se dạy các người điều chi ? ⁴ Họ thưa rằng : Môi-se có cho phép viết tờ để và cho phép đẻ vợ. ⁵ Đức Chúa Jêsus phán rằng : Ấy vì có lòng các người cứng-cỏi, nên người đã truyền mạng này cho. ⁶ Nhưng từ lúc đầu sáng-thế, Đức Chúa Trời làm ra một người nam và một người nữ. ⁷ Vì có đó, người nam lia cha mẹ mình mà dính-diu với vợ ; ⁸ và hai người cùng nên một thịt mà thôi. Như thế, vợ chồng chẳng phải là hai nữa, mà chỉ là một thịt. ⁹ Vậy, người ta không nên phân-rẽ những kẻ mà Đức Chúa Trời đã phối-hiệp.

¹⁰ Khi ở trong nhà, môn-dồ lại hỏi Ngài về việc ấy ; ¹¹ Ngài phán rằng : Ai đẻ vợ mình và cưới vợ khác, thì phạm tội tà-dâm với người ; ¹² còn nếu người đờn-bà bỏ chồng mình mà lấy chồng khác, thì cũng phạm tội tà-dâm. »

Chúa Jêsus lia Ga-li-lê lần cuối-cùng. Ngài đang quay về thành Giê-ru-sa-lem và thập-tự giá. Ngài không còn đi tìm nơi ẩn-dật như Ngài đã làm khi ở miền bắc Ga-li-lê. « Đoàn dân đông nhóm-họp cùng Ngài. » Ngài trình-diện công-khai lần chót với tư-cách là Đấng Mê-si.

Cuộc hành-trình của Ngài về phương nam, qua Pê-rê-a, một khu-vực ở phía đông sông Giô-đanh. Mác chỉ chọn-lựa một vài biến-cố trong nhiều biến-cố mà những sách Tin-lành khác ghi-chép. Chức-vụ ở xứ Pê-rê-a đã được Lu-ca dành một chỗ khá lớn để ghi chép, chỉ được Mác ghi lại trong một đoạn duy-nhất. Tuy vậy, nó tạo-thành đường ranh-giới cho toàn thể câu chuyện. Chín đoạn trước của sách Mác nói đại-cương về những năm chức-vụ công-khai của Chúa ; sáu đoạn sau ghi lại những biến-cố của Tuần-lễ Thương-khó và Sự Phục-sinh của Chúa.

Mác là sách Tin-lành của những công-việc cả-thê ; điều đáng chú-ý hơn là trong cuộc hành-trình đi Giê-ru-sa-lem của Chúa, Mác chỉ lưu-ý đến một phép lạ duy-nhất, và với sự ngoại-lệ đặc-biệt này, bài ký-thuật được dành riêng cho những lời dạy-dỗ của Chúa Jê-sus. Dầu vậy, những lời dạy-dỗ này đã mang một ý-nghĩa sâu-sắc nhất.

Vấn-đề lớn-lao đầu-tiên mà Chúa xem-xét thuộc về hôn-nhân và ly-dị ; và vấn-đề ấy không do Ngài đề-nghị. « Các người Pha-ri-si bèn đến gần hỏi đề thử Ngài rằng : Người nam có phép để vợ mình chăng ? » Vậy, không phải họ đang mong-muốn được chỉ-dẫn hay tìm hiểu lẽ thật. Họ muốn bẫy Chúa, làm hại danh-nghĩa giáo-sư của Chúa hay đưa-đầy Ngài đến chỗ nói trái-nghịch với luật-pháp của họ. Các giáo-sư bị chia-rẽ cũng vì vấn-đề ly-dị. Người thì dạy rằng ly-dị chỉ hợp-pháp nếu có bằng-chứng về sự bất-trung, người khác lại đưa ra nhiều nguyên-nhân khác nhau để ly-dị ngay cả sự chê-ghét. Chúa Jê-sus tránh khỏi cạm bẫy đó, và đặt một nguyên-tắc căn-bản để giữ xã-hội loài người được vững-bền : « Ngài trả lời rằng : Vậy chớ Môi-se dạy các ngươi điều chi ? Họ thưa rằng : Môi-se cho phép viết tờ đề và cho phép để vợ .» Vì vậy, bằng cách đề-cập đến Môi-se, Chúa Jê-sus bèn xoay mục-đích của sự công-kích. Câu chuyện vì thế phải liên-quan đến sự giải-thích Luật-pháp là điều mà chính họ có sự chia-rẽ. Dầu vậy, Chúa khiến họ kinh-ngạc bằng lời giải-thích đồng-thời cũng là một lời quở-trách. « Ấy vì có lòng các ngươi cứng-cỏi, nên người đã truyền mạng này cho. » Môi-se không khuyến-khích sự ly-dị ; người giới-hạn và ấn-định rõ luật-lệ về sự đó. Người nhận thấy « lòng cứng-

cỏi » của các người, sự thô-bỉ của linh-hồn các người ; nhưng sự ly-dị không phải là một lý-tưởng ; nó sẽ trở nên không cần-thiết khi lòng các người thánh-sạch và vô-tội. Vì có hôn-nhân lúc đầu được lập nên cách thiêng-liêng nên không thể hủy-bỏ được. « Nhưng từ lúc đầu sáng-thế, Đức Chúa Trời làm ra một người nam và một người nữ. » Sự kết-hiệp thuộc về phần thể-xác cũng như linh-hồn. Giấy hôn-nhân không thể bị cắt đứt, ngoại-trừ trường-hợp có sự thất-tin với lời giao-kết trong hôn-nhân. Ly-dị chỉ là một hành-động hình-thức của luật-pháp loài người, không thể phân-rẽ đôi lứa đã được Chúa phối-hiệp. « Vậy, người ta không nên phân-rẽ những kẻ mà Đức Chúa Trời đã phối-hiệp. » Loài người ngày nay cần đến những lời dạy-dỗ nghiêm-trọng như thế của Chúa biết bao ! Không nên tiến đến hôn-nhân vì nhẹ dạ hay tự-y mình, sợi dây hôn-nhân cũng không được nói lỏng vì thiếu sự tâm-đầu ý-hiệp, thói hư tật xấu hay thiếu mất tình-yêu. Chỉ có sự chết hay tội-lỗi mới cắt đứt sợi dây hôn-nhân ấy.

Nếu tội-lỗi chưa bứt đứt được sợi dây ấy thì cả khi ly-dị rồi cũng không được phép tái-hôn. Quyền ly-dị và quyền tái-hôn là những vấn-đề khác-biệt rạch-rời. Vấn-đề sau được Chúa thảo-luận riêng với các môn-đồ « khi ở trong nhà. » Những gì Chúa đã phán khiến cho lời giải-thích của Ngài trở nên rõ-ràng. Cuộc hôn-nhân thứ hai tiếp theo sự ly-dị, trong trường-hợp sự ly-dị chỉ là một hành-động hình-thức của loài người thì không thể coi như hợp-ly hay hợp-pháp được, vì sự kết-hôn do Chúa vẫn còn tồn-tại. Không một tòa-án dân-sự nào hay một sắc-luật nào của loài người có thể hợp-pháp-hóa điều gì mà luật-pháp Đức Chúa Trời ngăn-cấm.

B. Chúa Jêsus chúc phước cho con trẻ.

Đoạn 10 : 13-16

« ¹³ Người ta đem những con trẻ đến cùng Ngài, đặng Ngài rờ chúng nó ; nhưng môn-đồ trách những kẻ đem đến. ¹⁴ Đức Chúa Jêsus thấy vậy, bèn giận mà phán cùng môn-đồ rằng : Hãy để con trẻ đến cùng ta, đừng cấm chúng nó ; vì nước Đức Chúa Trời thuộc về những kẻ giống như con trẻ ấy. ¹⁵ Quả thật, ta nói

cùng các người, ai chẳng nhận lấy nước Đức Chúa Trời như một đứa trẻ, thì chẳng được vào đó bao giờ. ¹⁶ Ngài lại bằng những đứa trẻ ấy, đặt tay trên chúng nó mà chúc phước cho.»

Về tuyệt-mỹ của hình-ảnh này được gia-tăng nhờ bối-cảnh trong đó nó được đặt vào. Chúa Jêsus vừa nói về sự thánh-khiết của hôn-nhân nhờ đó mà hạnh-phúc gia-đình được bền-vững ; và giờ đây Ngài lại giảng-day về sự thánh-sạch của con trẻ mà trong đó gia-đình tìm thấy sự trọn-vẹn, vinh-hiễn và sự săn-sóc cao-quí. « Người ta đem những con trẻ đến cùng Ngài, đặng Ngài rờ chúng nó. » Sự rờ này đã đem đến sự chữa lành và sự sống cho nhiều người và đó là cái rờ mà các bậc cha mẹ nóng lòng, khao-khát cho con-cái họ. Nó tượng-trung cho sự tương-giao thân-mật và tiếp-xúc thiêng-liêng với Đấng Christ mà các bậc cha mẹ đều một lòng khát-vọng tìm kiếm cho con-cái họ.

« Nhưng môn-đồ trách những kẻ đem đến » ; hình như họ có cảm-tưởng rằng con trẻ thật không đáng kể để xen vào công-việc của Chúa hay cần tới sự chăm-sóc của Ngài. Ngày nay có những điều cản-trở chúng ta đem con cái đến với Đấng Christ như : Thói quen, tính bất-cần, lòng dửng-dưng, sự sợ-hãi và lòng ngờ-vực hay chính cả những bạn-bè đã gây-thơ như các môn-đồ ngày xưa, ngăn-cản hay « trách » chúng ta.

Con giận và lời đáp của Đức Chúa Jêsus tỏa một ánh vinh-hiễn không hề phai-mờ quanh gương mặt của mỗi đứa trẻ cô-thế ; « Hãy để con trẻ đến cùng ta, đừng cấm chúng nó ; vì nước Đức Chúa Trời thuộc về những kẻ giống như con trẻ ấy. » Theo lẽ phải thì nước Đức Chúa Trời thuộc về chúng nó ; vậy, việc chúng thân-mật với Vua lạ-lùng sao ? Nếu sự yếu-đuối ngây-ngô của chúng nó đẹp lòng Chúa thì há không đáng cảm-kích chúng ta hay sao và chúng ta há chẳng cảm thấy rằng không việc làm nào giống như Đấng Christ và được phước bằng sự chăm-sóc cho con trẻ ? Chỉ khi nào chúng ta cảm thấy được sự hấp-dẫn của tuổi trẻ con và chỉ khi nào chúng ta tìm cách cung-cấp cho con trẻ những nhu-cầu về vật-chất tinh-thần và thuộc-

linh của chúng thì chúng ta mới là những tôi-lớ thật của Vua.

Khi Chúa Jêsus phán lời chúc phước cho trẻ con đáng ghi-nhớ ấy Ngài lại thêm lời cảnh-cáo nghiêm-nghị những kẻ nghe Ngài rằng : « Quả thật, ta nói cùng các ngươi, chẳng nhận lấy nước Đức Chúa Trời như một đứa trẻ, thì chẳng được vào đó bao giờ. » Nước thiên-đàng thuộc về con trẻ, và những kẻ giống như con trẻ và chỉ những kẻ ấy thôi. Không phải bao giờ con trẻ cũng vị-tha biết vâng lời hay dễ thương cả, song chúng hay tin-cậy. Những kẻ nào nhìn-nhận rằng mình bất-lực cần phải được giúp-đỡ về mặt đạo-đức, những kẻ giao-phó mình cho Chúa và nhờ-cậy ơn-phước nâng-đỡ của Ngài, là những kẻ được vào nước thiên-đàng.

« Ngài lại bằng những đứa trẻ ấy, đặt tay trên chúng nó mà chúc phước cho. » Mác là tác-giả duy-nhất đã ghi thêm vào cảnh trên đây nét bút có một không hai này. Đó là hình-ảnh trọn- vẹn mà chúng ta cần phải ghi trong tâm-trí. Đấng Christ là Cứu-Chúa của con trẻ ; đạo Đấng Christ là tôn-giáo cho tuổi thơ. Chỗ nào Chúa được biết đến, được tin-cậy và được bước theo, thì nơi đó tuổi thơ là thánh-sạch, thời thiếu-niên được duy-trì.

C. Nỗi hiềm-nguy của sự giàu-có

Đoạn 10 : 17 - 31

« ¹⁷ Ngài dang ra đi, có một người chạy lại, quì trước mặt Ngài, mà hỏi rằng : Thưa thầy nhơn-lành, tôi phải làm chi cho được hưởng sự sống đời đời ? ¹⁸ Đức Chúa Jêsus phán rằng : Sao ngươi gọi ta là nhơn-lành ? Chỉ có một Đấng nhơn-lành, là Đức Chúa Trời ! ¹⁹ Ngươi biết các điều-răn : Đừng phạm tội tà-dâm ; đừng giết người ; đừng trộm-cướp ; đừng làm chứng dối ; đừng làm gian ; hãy hiếu-kính cha mẹ ²⁰ Người thưa rằng : Lạy thầy, tôi đã giữ mọi điều đó từ khi còn nhỏ. ²¹ Đức Chúa Jêsus ngó người mà yêu, nên phán rằng : Ngươi còn thiếu một điều. Hãy đi, bán hết gia-tài mình, đem thí cho kẻ nghèo-khổ, chắc sẽ được của báu ở trên trời, rồi hãy đến mà theo ta. ²² Song

nét mặt người này rầu-rĩ về lời đó, đi ra rất buồn-bã ; vì có nhiều của lắm.

²³ Bấy giờ Đức Chúa Jêsus ngó xung-quanh mình, mà phán cùng môn-đồ rằng: Kẻ giàu vào nước Đức Chúa Trời khó là dường nào ! ²⁴ Môn-đồ lấy mấy lời đó làm lạ. Nhưng Đức Chúa Jêsus lại phán rằng: Hỡi các con, những kẻ cậy sự giàu-có vào nước Đức Chúa Trời khó là dường nào ! ²⁵ Con lạc-dã chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào nước Đức Chúa Trời. ²⁶ Môn-đồ lại càng lấy làm lạ, nói cùng nhau rằng: Vậy thì ai được cứu ? ²⁷ Đức Chúa Jêsus ngó môn-đồ mà rằng: Sự đó loài người không thể làm được, nhưng Đức Chúa Trời thì chẳng thế ; vì Đức Chúa Trời làm mọi sự được cả.

²⁸ Phi-e-rơ liền thưa cùng Ngài rằng : Này, chúng tôi đã bỏ hết mà đi theo thầy. ²⁹ Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Quả thật, ta nói cùng các người, chẳng một người nào vì ta và Tin-lành từ-bỏ nhà-cửa, anh em, chị em, cha mẹ, con-cái, đất-ruộng, ³⁰ mà chẳng lãnh được đương bây giờ, trong đời này, trăm lần hơn về những nhà-cửa, anh em, chị em, mẹ con, đất-ruộng, với sự bất-bớ và sự sống đời đời trong đời sau. ³¹ Nhưng có nhiều kẻ đầu sẽ nên rốt ; có kẻ rốt sẽ nên đầu.»

Khác hẳn với linh-hồn giống như con trẻ của những kẻ nhận-thức được nhu-cầu của mình và sẵn lòng tin-cậy nơi Đấng Christ và hẳn nhiên nước thiên-đàng thuộc về kẻ ấy, thì trên đây xuất-hiện một kẻ không nhận biết nhu-cầu của mình, không muốn trả giá để được làm môn-đồ, và vì vậy, không đáng hưởng sự sống đời đời. Tuy vậy, người cũng đáng được chú-ý lắm ; thật vậy, chúng ta đọc trong câu truyện này rằng : « Đức Chúa Jêsus ngó người mà yêu » người quá gần với nước Đức Chúa Trời, người có thể giúp ích cho Vua.

Mặc-dù giàu-có, trai-trẻ, có địa-vị và thế-lực nhưng linh-hồn người chưa được thỏa-mãn. Người gặp Chúa Jêsus giữa đàng, « quì trước mặt Ngài mà hỏi rằng: Thưa thầy nhơn-lành, tôi phải làm chi cho được hưởng sự sống đời

đời ? Đức Chúa Jêsus khiển-trách người mà rằng : Sao người gọi ta là nhơn-lành ? Chỉ có một Đấng nhơn-lành, là Đức Chúa Trời. » Cho rằng Chúa Jêsus chối-bỏ địa-vị vô-tội của chính Ngài hay không nhận thần-tính Ngài là một sự sai-lầm. Nhiều người biện-luận rằng Chúa Jêsus muốn nói hoặc Ngài là Đức Chúa Trời hoặc Ngài không nhơn-lành, ngoại-trừ Đức Chúa Trời. Điều này cũng khá đúng, nhưng đó không phải là điểm chính của câu chuyện. Chúa muốn chứng-giải cho người trai-trẻ biết về nhu-cầu đạo-đức của người. Ngài giải-tỏ rằng sự vô ý-thức chữ « nhơn-lành » trong khi nói chuyện với Đấng mà người xem như là một giáo-sư phạm-nhơn là một điều chứng-tỏ sự nhận-xét nông-cạn của người về sự nhơn-lành. Trước mắt của một Đức Chúa Trời thánh và được phán-xét bởi tiêu-chuẩn thiên-thượng của sự công-bình; thử hỏi người trai-trẻ ấy có thể tuyên-bố là mình nhơn-lành không ? Có người nào có thể tự cho mình là công-bình trước ánh sáng của sự thánh-khiết thiên-thượng chăng ?

Giờ đây Chúa Jêsus đề-nghị hãy thử-nghiệm về luật-pháp đã được bày-tỏ của Đức Chúa Trời; Ngài nói đến các điều-răn, ít nhất là điều nào liên - can đến mối quan-hệ giữa loài người với nhau. Người trai-trẻ tự cho mình là công-bình liền đáp rằng người đã giữ mọi điều ấy từ thuở nhỏ. Chúa Jêsus âu-yếm nhìn người đã đạt đến sự nhơn-lành như người vừa thật-thà xưng ra ; nhưng Ngài lại áp-dụng một sự dò-xét sâu-sắc và kết-quả chứng-tỏ rằng người trai-trẻ ấy chưa hề giữ đúng tinh-thần của các Điều-răn mặc dù người tin rằng mình đã giữ trọn. Chúa thấy rõ tấm lòng ích-kỷ thật-sự của người. Ngài đề-nghị một thử-nghiệm tối-cao : « Hãy đi bán hết gia-tài mình, đem thí cho kẻ nghèo-khổ, chắc sẽ được của báu ở trên trời, rồi hãy đến mà theo ta. » Trong câu duy-nhất này Chúa Jêsus chứng-minh rằng người đã phạm điều-răn thứ hai của Luật-pháp đòi-hỏi mọi người phải yêu-thương kẻ lân-cận như mình ; Ngài hứa phần thưởng đời đời đền-đáp lại sự hi-sinh, và bởi tinh thân-mật riêng của Ngài, Ngài ban cho quyền-năng và ảnh-hưởng sẽ khiến cho sự « nhơn-lành » có thể thực-hiện và trọn- vẹn hơn. Không có người nào có thể xưng mình là công-bình khi được xét-đoán bởi các Điều-răn như Chúa Jêsus đã giải-thích ;

mỗi hi-vọng duy-nhất của ta là đến với Ngài để được dẫn-dắt và cứu-giúp. Ngài sẽ lột trần sự ích-kỷ giấu kín trong lòng chúng ta, và Ngài phát-huy tinh-thần quên mình và yêu-thương là yếu-chất của sự sống đời đời, và trong nước của Ngài về sau chúng ta sẽ được bồi-thưởng cho sự thiệt-thòi.

Chúa chúng ta không đòi-hỏi tất cả tin-dồ đều phải hi-sinh của-cải dưới thế-gian của họ. Ngài đề-cập đến một trường-hợp đặc-biệt. Ngài đòi-hỏi mỗi người đều phải từ-bỏ mọi sự gì ngăn-trở họ giao-thông công-khai và chân-thành với Ngài. Trong trường-hợp của người trai-trẻ này, Chúa bày-tỏ dứt-khoát cho người biết rằng sự nhơn-lành của người còn thiên-cận và thiếu-sót. Sự ham-thích tiền-bạc là một ung-nhọt ần trong linh-hồn người; Chúa Jêsus tỏ thêm cho người thấy rằng người phải lựa-chọn giữa sự giàu-có của mình và sự sống đời đời mà chỉ duy có Ngài có thể ban cho. Không nên lấy làm lạ khi người trai trẻ « rầu-rĩ... đi ra, » vì người đã chọn cái phần nguy-hiêm; người giữ các của-cải mình và từ-bỏ Cứu-Chúa. Người nhận thấy mình cần đến sự nhơn-lành thật hơn, người mong muốn sự sống đời đời, song người không muốn trả giá cho sự ấy.

Đó là một hình-ảnh đáng ghi-nhớ cho các môn-đồ; giờ đây Chúa Jêsus dùng hình-ảnh ấy để diễn-tả một lẽ thật, khiến họ sửng-sốt : « Kẻ giàu vào nước Đức Chúa Trời khó là dường nào ! » Điều này đặc-biệt kỳ-lạ đối với dân Do-thái; họ tưởng rằng của-cải là một bằng-cớ cụ-thể về đặc-ân của Đức Chúa Trời; vậy thì, Chúa Jêsus muốn nói gì ? Ngài lập-tức giải-thích. Có nhiều của-cải không phải là một tội; và sự nghèo-nàn không hẳn là một đức-tính; song « kẻ giàu vào nước Đức Chúa Trời khó là dường nào ! » Chúa Jêsus phán thêm một thí-dụ phóng-đại có thể chấp-nhận được : « Lạc-đá chui qua lỗ kim còn dễ hơn.» Kẻ vào nước thiên-đàng phải giống như một đũa trẻ; người phải từ-bỏ mọi sự cậy mình, cậy nơi kiến-thức và công-bình riêng của mình. Người phải sẵn lòng hi-sinh mọi sự gì ngăn-cách giữa người và Đức Chúa Jêsus-Christ. Bất-luận người nào sẵn lòng thì có thể vào nước Đức Chúa Trời. « Sự đó loài người không thể làm được, nhưng Đức

Chúa Trời thì chẳng thế; vì Đức Chúa Trời làm mọi sự được cả.» Ngài sẵn-sàng ban cho mọi ơn-phước cần-thiết. Ngài sẽ ban cho sự sống đời đời.

Khi người giàu-có buồn-rầu bỏ đi với bộ áo đất tiền, Phi-e-rơ nhìn theo người với vẻ khinh-bí lộ ra mặt, đoạn quay sang Chúa Jê-sus với lòng tự-phụ tự-mãn khi nói: «Này, chúng tôi đã bỏ hết mà theo thầy.» Người cũng có hỏi một câu rằng: «Vậy chúng tôi sẽ được phần thưởng gì?» Đây không phải là một câu hỏi cao-thượng; nó diễn-tả một tâm-hồn phàm-tục, một bộ óc vụ-lợi; song Chúa Jê-sus không buông lời trách-mắng. Ngài lại ban cho một lời hứa; và trong vòng chúng ta có người thỉnh-thoảng cần phải lắng nghe lời ấy: Thỉnh-thoảng một lời thì-thầm len vào lòng chúng ta. Ta đã hi-sinh vì cơ Đấng Christ: «Điều ấy có ích-lợi chăng?» Chúa Jê-sus đáp rằng sự hi-sinh vì cơ Ngài được nhận-lãnh phần thưởng gấp trăm trong đời sống này — không phải là một phần thưởng đúng theo nghĩa của nó — nhưng là một sự thỏa-mãn linh-hồn gấp trăm lần hơn điều gì đã hi-sinh có thể mang đến, và sau đó trong tương-lai và sự sống đời đời hoàn-toàn trọn- vẹn mà người trai trẻ giàu-có đã ước-muốn, song người đã mất sự sống đời đời trong khi người có thể giữ lại được của-cải mình chỉ trong vài năm chóng qua.

Tuy-nhiên, Chúa Jê-sus lại phán thêm rằng Phi-e-rơ phải đề-phòng lòng tự-kiêu của mình. Nhiều người đã có cơ-hội gần Chúa nhất trong đời này, có thể không nhận-lãnh được phần thưởng lớn-lao nhất. Loài người sẽ được xét-đoán theo lòng trung-tín của mình. Sự cảnh-cáo trở nên nghiêm-trọng hơn đối với những kẻ bám lấy của-cải mình. Quyền-lực và sự giàu-có bây giờ đặt đề họ trên chỗ cao nhất của thời-cơ; song họ có thể là kẻ cuối-cùng tiếp-nhận Đấng Christ và sự sống Ngài ban.

D. Đức Chúa Jê-sus phán trước về sự thương-khó mình

Đoạn 10 : 32-34

«³² Đức Chúa Jê-sus và môn-đồ đương đi đường lên thành Giê-ru-sa-lem, Ngài thì đi trước; các môn-đồ

thất-kinh, và những người đi theo đều sợ-hải. Ngài lại kèm mười hai sứ-đồ đi cùng mình mà phán về những việc phải xảy đến cho mình, rằng :³³ Này, chúng ta lên thành Giê-ru-sa-lem, Con người sẽ bị nộp cho các thầy tế-lễ cả cùng các thầy thông-giáo ; họ sẽ định Ngài phải bị tử-hình, và giao Ngài cho dân ngoại.³⁴ Người ta sẽ nhạo-báng Ngài, nhổ trên Ngài, đánh đập Ngài mà giết đi ; sau ba ngày, Ngài sẽ sống lại.»

Giờ đây nhóm môn-đồ đang di-chuyển nhanh chóng về hướng Giê-ru-sa-lem, theo sau thầy họ đang luôn bận nghĩ về sự khổ-hại và sự chết đang chờ-đợi Ngài ở đấy. Có sự gì trong thái-độ, lời nói, hay cử-chỉ của Chúa khiến cho các môn-đồ sửng-sốt. Chỉ có Mác với lời văn linh-động thường-lệ đã đưa vào bức tranh nét vẽ này, « Ngài thì đi trước ; các môn-đồ thất-kinh, và những người đi theo đều sợ-hải. » Họ sợ-hải bởi những việc kinh-kh khiếp có thể xảy ra trước mắt họ ; và họ kinh-sợ vì sự can-đảm chịu đựng uy-nghi của Chúa. Ta hãy tạm ngưng tại đây để hướng nhìn về nét mặt và hình-dáng của Con Đức Chúa Trời đang bước vững-vàng đến cây thập-tự ! Điều ấy há không khuyến-khích chúng ta noi theo gương anh-dũng ấy và đánh thức dậy mọi tình yêu-thương mới-mẻ khi chúng ta thấy sự tình-nguyên chết thay chúng ta của Ngài mà không ngạc-nhiên về ý-nghĩa và sự mầu-nhiệm của cái chết ấy sao ? Các môn-đồ không thể hiểu điều đó. Họ không thể tin được, vì vậy, Ngài lặp lại lời tiên-tri ấy lần thứ ba, lần này với một chi-tiết đầy sự khùng-kh khiếp hơn các lần trước : « Họ sẽ định Ngài phải bị tử-hình, và giao Ngài cho dân ngoại. Người ta sẽ nhạo-báng Ngài, nhổ trên Ngài, đánh đập mà giết Ngài đi. » Điều này càng tăng thêm sự hào-hùng và chứng-minh rằng Chúa Jê-sus thấy trong tất cả sự kinh-kh khiếp của nó một bi-kịch mà Ngài tiến đến đó với những bước đi uy-nghi vững-vàng. Điều này cũng chứng-tỏ rằng Ngài trội hơn loài người vì nhìn thấy rõ tương-lai và hiểu được những gì phải đến và lại còn nêu lên rằng sự chết của Ngài không phải là một biến-cố trong chức-vụ Ngài, không chỉ ấn-chứng cho lời làm chứng của Ngài mà còn là mục-tiêu Ngài đang tiến đến ; Ngài đến thế-gian không phải chỉ để « hầu việc », nhưng để « phó mạng sống mình làm giá chuộc tội nhiều người. » Không ai cướp lấy được

mạng sống Ngài. Ngài tự-nhiên hiến dâng mạng sống Ngài vì có chúng ta. Tuy vậy, sự chết không phải là mục-tiêu tối-hậu của Ngài. Lời dự-ngôn của Ngài luôn luôn là « sau ba ngày, Ngài sẽ sống lại. » Sự ứng-nghiệm lời tiên-tri ấy trở nên sự biện-giải sau cùng cho tất cả những lời Ngài đã phán và là sự giải-thích cho lòng can-đảm có một không hai của Ngài. Vì sự vui-mừng được đặt trước mặt Ngài nên Ngài gánh chịu thập-tự giá.

E. Lời cầu-xin của Gia-cơ và Glăng.

Đoạn 10 : 35-45

« ³⁵ Bấy giờ, Gia-cơ và Glăng, hai con trai Xê-bê-đê, đến gần Ngài mà thưa rằng : Lạy thầy, chúng tôi muốn thầy làm thành điều chúng tôi sẽ xin. ³⁶ Ngài hỏi rằng : Các người muốn ta làm chi cho ? ³⁷ Thưa rằng : Khi thầy được vinh-hiến, xin cho chúng tôi một đũa ngồi bên hữu, một đũa bên tả. ³⁸ Nhưng Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Các người không biết điều mình xin. Các người có uống chén ta uống, và chịu được phép báp-têm ta chịu chăng ? ³⁹ Thưa rằng : Được. Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Các người sẽ uống chén ta uống, và sẽ chịu phép báp-têm ta chịu ; ⁴⁰ nhưng chỉ như ngồi bên hữu và bên tả ta thì không phải tự ta cho được : ấy là thuộc về người nào mà điều đó đã dành cho.

⁴¹ Mười sứ-đồ kia nghe sự xin đó, thì giận Gia-cơ và Glăng. ⁴² Nhưng Đức Chúa Jê-sus gọi họ mà phán rằng : Các người biết những người được tôn làm đầu cai-trị các dân ngoại, thì bắt dân phải phục mình, còn các quan lớn thì lấy quyền-thế trị dân. ⁴³ Song trong các người không như vậy ; trái lại, hễ ai muốn làm lớn trong các người, thì sẽ làm đầy-tớ ; ⁴⁴ còn ai trong các người muốn làm đầu, thì sẽ làm tôi-mọi mọi người. ⁴⁵ Vì con người đã đến không phải để người ta hầu việc mình, song để hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc cho nhiều người. »

Chúa Jê-sus vừa nói về việc Ngài vừa bị chế-giễu, bị nhò trên người, bị đánh đập và bị đóng đinh trên cây

thập-tự ; vì vậy ta thấy có một sự gì kỳ-lạ, kinh-suất, ích-kỷ, ngu-muội trong lời cầu-xin của Gia-cơ và Giăng về những địa-vị cao-cả, sang-trọng và vinh-hiễn. Tuy vậy, chúng ta không nên quá nghiêm-khắc trong sự xét-đoán ; cũng có một cái gì đẹp-đẽ trong lời cầu-xin của họ : Đó là sự tỏ-bày đức-tin. Chúa Jê-sus đã nói về sự chết song cũng nói về sự phục-sinh đặc-thắng ; Ngài đã nói với những kẻ theo Ngài về việc Ngài bị đóng đinh nhưng cũng nói về nước vinh-hiễn của Ngài ; Ngài đã cáo-tri về sự hi-sinh của họ song Ngài cũng nói chắc với họ về những phần thưởng lớn-lao. Nếu nước của Đấng Christ đối với ta cũng như đối với các môn-đồ là một thực-sự tối-cao, thì ta có thể càng nôn-nả được gần Vua cả trong đời này và đời sau.

Dĩ-nhiên lời cầu-xin của họ cũng tỏ-bày tình kiêu-ngạo, sự ganh-tị và quan-niệm sai-lầm đã bị Chúa trách-yêu, Ngài nhắc-nhở họ rằng đừng phụ vào sự vinh-hiễn của Ngài có nghĩa là chịu báp-têm về sự đau-đớn của Ngài. Khi họ tuyên-bố mình có thể chịu được những việc ấy, Ngài bèn giải-thích rằng, trong Nước Ngài, những địa-vị cao-trọng không phải được ban cho cách tùy hứng nhưng phải tìm kiếm mới có ; những địa-vị ấy không phải là vấn-đề đề-cử mà là thành-tích đạt được, không phải đạt được bởi thế-lực nhưng bởi công-trạng. « Ngồi bên hữu và bên tả ta thì không phải tự ta cho được : Ấy là thuộc về người nào mà điều đó đã dành cho. » Vậy, Chúa Jê-sus phán rằng Ngài không thể ban những phần thưởng mà không căn-cứ vào thành-tích ; rằng những chỗ cao nhất trong thiên-đàng được sửa-soạn vĩnh-cửu cho những kẻ nào xứng-đáng.

Lời cầu-xin của Gia-cơ và Giăng khiến các môn-đồ theo họ đầy lòng căm-giận ; nhưng ta chớ vội kết-luận đây là một sự « nóng giận phải lẽ » ; họ không phiền chỉ vì Gia-cơ và Giăng quá thiếu-sốt trong sự phân-biệt, vì lời cầu-xin của hai người là bất-chính, vì họ có thái-độ ích-kỷ. Hình như, « mười hai môn-đồ » cũng có sự lỗi-lầm như vậy ; họ ganh-tị, họ cũng khao-khát và điều cầu-xin cho họ chính điều mà Gia-cơ và Giăng đã cầu-xin. Chúng ta thường lấy làm tức-giận vì những lỗi-lầm của kẻ khác mà chính mình chúng ta cũng phạm tội.

Chúa không quở-trách các môn-đồ, nhưng Ngài nắm lấy cơ-hội để tuyên-bố về luật của sự cao-trọng thật. Ngài đem nó ra đối-chiếu với những tiêu-chuẩn của thế-gian mà những kẻ theo Ngài luôn luôn dễ bị tai-hại. Giữa vòng dân Ngoại-bang và các dân-tộc khác ; những kẻ được tôn-trọng làm lãnh-tụ làm lớn thì cai-trị kẻ khác và được nhiều người phục-vụ ; nhưng trong vòng tin-đồ Đấng Christ thì phải có những lý-tưởng khác hơn ; những người nào cao-trọng nhất phải hầu việc kẻ khác nhiều nhất. Khác với tiêu-chuẩn tà-giáo, Chúa Jê-sus nêu ra một nguyên-lý có thể dịch ra như sau : « Hễ ai muốn làm lớn trong các người, thì sẽ làm đầy-tớ ; còn ai trong các người muốn làm đầu, thì sẽ làm tôi-mọi mọi người. » Phục-sự là luật cao-trọng trong nước Đấng Christ, và Vua cũng không được miễn-trừ khỏi luật ấy. Trái lại, chính mình Ngài là Tấm Gương Cao-cả. « Vì Con người đã đến không phải để người ta hầu việc mình, song để hầu việc người ta, và phó mạng sống mình làm giá chuộc cho nhiều người. » Điều này theo quan-điểm của Mác là mục-đích chính trong sứ-mạng của Chúa chúng ta. Trong mười đoạn đầu vừa kết-thúc, người viết về cách nào Chúa Jê-sus đã đến « để hầu việc » ; trong sáu đoạn còn lại, người viết về cách nào Chúa đã ban sự sống Ngài « làm giá chuộc cho nhiều người. » Sự sẵn lòng hi-sinh, chết thế cho nhiều người và tình yêu-thương cứu-chuộc được những kẻ theo Ngài nhìn-nhận này, là lý-do của sự hầu việc. Chúng ta không phải là Cơ-đốc-đồ vì chúng ta phục-sự những kẻ khác, chúng ta phục-sự những kẻ khác vì chúng ta Cơ-đốc-đồ. Lòng hi-sinh và giúp-đỡ kẻ khác không phải là việc thay thế cho đức-tin nơi Đấng Christ mà là những việc tỏ-bày tự-nhiên về đức-tin và lòng yêu-thương của chúng ta. Sự hầu việc của ta càng khiêm-nhường kiên-tâm và trung-tín chừng nào thì ta sẽ được gần với Đấng cao-trọng tối-thượng chừng nấy, Đấng đã yêu-thương và ban sự sống Ngài cho chúng ta.

F. Chúa chữa Ba-ti-mê khỏi mù.

Đoạn 10 : 46-53

« 46 Kể đó, Đức Chúa Jê-sus và môn-đồ đến thành Giê-ri-cô. Ngài và môn-đồ cùng một đoàn dân đông

đang từ đó lại đi, thì có một người ăn-mày mù tên là Ba-ti-mê, con trai của Ti-mê, ngồi bên đường. ⁴⁷ Vì đã nghe nói ấy là Đức Chúa Jê-sus, người Na-xa-rét, người vùng la lên mà rằng : Hỡi Đức Chúa Jê-sus, con vua Đa-vít, xin thương tôi cùng ! ⁴⁸ Có nhiều người rầy người, biểu nín đi ; song người lại kêu lớn hơn nữa rằng : Hỡi con vua Đa-vít, xin thương tôi cùng ! ⁴⁹ Đức Chúa Jê-sus dừng lại, phán rằng : Hãy kêu người đến. Chúng kêu người mù đến, mà nói rằng : Hãy vững lòng, đứng dậy, Ngài gọi người. ⁵⁰ Người mù bỏ áo ngoài, bước tới đến cùng Đức Chúa Jê-sus. ⁵¹ Đức Chúa Jê-sus bèn cất tiếng phán rằng : Người muốn ta làm chi cho người ? Người mù thưa rằng : Lạy thầy, xin cho tôi được sáng mắt. ⁵² Đức Chúa Jê-sus phán : Đi đi, đức-tin người đã chữa lành người rồi. ⁵³ Tức thì người mù được sáng mắt, và đi theo Đức Chúa Jê-sus trên đường.»

Đức Chúa Jê-sus còn đang trên đường đi đến Giê-ru-sa-lem ; Ngài đã qua thành lớn cuối-cùng ; Ngài vừa rời bỏ thành Giê-ri-cô, và giờ đây, trước đám đông, Ngài làm một phép lạ khiến cho chúng ta thấy đặc-tính của Ngài mà Mác luôn diễn-tả như Đấng Hữu-năng, Con Đức Chúa Trời chuyên làm việc lạ. Trong suốt cuộc hành-trình cuối-cùng này, Mác không ghi lại những phép lạ mà chỉ ghi chép lời dạy-dỗ của Chúa chúng ta ; giờ đây, khi cuộc hành-trình hướng về Giê-ru-sa-lem sắp dứt, Chúa Jê-sus bằng một lời đầy quyền-năng thiên-thượng ban sự sáng lại cho một người mù. Vậy, Chúa chúng ta sẽ vào thành thánh, không chỉ như một Đấng Tiên-tri vĩ-đại, lại như một Cứu-Chúa thánh có quyền-phép chữa bệnh.

Phép lạ đặc-biệt này là một thí-dụ quen thuộc về công-việc cứu-chuộc của Đấng Christ mở mắt của sự hiểu-biết và ban sự sáng thuộc-linh cho những kẻ nào cần trông thấy cuộc đời cách rõ-ràng, với những vấn-đề khó-khăn, những nhu-cầu và bỗn-phận của nó vốn có liên-quan tới loài người và Đức Chúa Trời.

Trước hết, ta thấy hình-ảnh của một nhu-cầu đáng thương « một người ăn-mày mù », nghèo-khổ và bất-lực

vì sự mù-lòa của mình, không ai thương-xót và không ai giúp-đỡ; đoạn ta thấy, trái lại, hình-dáng uy-nghi của Chúa đang qua gần đó, nhưng lần cuối-cùng, có thể chữa lành nếu người mù đến được với Ngài.

Kể đó là hình-ảnh của sự ngã lòng : « Có nhiều người rầy người, biểu nin đi. » Biết bao kẻ khao-khát sự sáng và sự chữa bệnh thường nghe những lời làm cho ngã lòng và những đề-nghị của sự tuyệt-vọng chán-nản !

Tiếp theo là hình-ảnh của đức-tin nhiệt-thành. Người nghe Chúa Jêsus gọi người, Chúa bằng lòng cho gọi người đến và Ngài sẵn-sàng chữa lành. Người bèn quăng áo mình đi ; người không để một vật chi cản-trở bước tiến của mình, dù trong giây lát. Người cầu-xin cách dứt-khoát và tin-tưởng : « Lạy thầy, xin cho tôi được sáng mắt, »

Sau cùng là hình-ảnh của sự cứu-giúp trọn-vẹn : « Tức thì người mù được sáng mắt, và đi theo Đức Chúa Jêsus trên đường. » Bao người đã nhận thấy Chúa có năng-lực và sẵn lòng ban cho sự trông thấy thuộc-linh : mắt họ được mở ra để nhìn thấy những điều vô-hình và vĩnh-cửu, để theo Chúa với những bước đi hờn-hở khi họ tiến về thành thánh, nơi mà họ sẽ thấy Vua trong sự huy-hoàng của Ngài và họ sẽ được giống Ngài khi họ thấy Ngài với hình-thể vốn có của Ngài.

V. NHỮNG BIẾN-CỐ CỦA TUẦN-LỄ KHỔ-HẠI.

Đoạn 11 : 1 đến 15 : 47.

A. Chúa-nhật.

Sự vào thành Giê-ru-sa-lem.

Đoạn 11 : 1-11

« ¹ Khi tới gần thành Giê-ru-sa-lem, bên làng Bê-pha-giê và làng Bê-tha-ni, ngang núi Ô-li-ve, Đức Chúa Jê-sus sai hai môn-đồ đi, ² và phán rằng : Hãy đi đến làng ngay trước mặt các người ; vừa khi vào đó, thấy một con lừa con đang buộc, chưa có ai cỡi ; hãy mở nó ra, dắt về cho ta. ³ Hoặc có ai hỏi các người rằng : Vì sao làm điều đó ? Hãy đáp lại : Chúa cần dùng nó, tức thì họ sẽ cho dắt lừa về đây. ⁴ Hai người đi, thì thấy lừa con đang buộc ở ngoài trước cửa, chỗ đường quẹo, bèn mở ra. ⁵ Có mấy kẻ trong những người ở đó hỏi rằng : Các người mở lừa con đó làm chi ? ⁶ Hai người trả lời theo Đức Chúa Jê-sus đã dặn ; thì họ để cho đi.

⁷ Hai người dắt lừa con về cho Đức Chúa Jê-sus, lấy áo mình trải trên nó ; rồi Ngài cỡi lên. ⁸ Nhiều người trải áo mình trên đường ; lại có kẻ rải nhánh cây chặt trong đồng ruộng. ⁹ Người đi trước kẻ theo sau đều la lên rằng : Hò-sa-na ! Đáng khen-ngợi cho Đấng nhưn danh Chúa mà đến ! ¹⁰ Phước cho nước đến, là nước vua Đa-vít, tổ-phụ chúng ta ! Hò-sa-na ở trên nơi rất cao !

¹¹ Đức Chúa Jê-sus vào thành Giê-ru-sa-lem, đến nơi đền-thờ ; đoạn, liếc mắt xem mọi sự chung-quanh, thì trời đã tối, Ngài bèn ra, dặng đi tới làng Bê-tha-ni với mười hai sứ-đồ. »

Trong truyện-tích ở sách Mác, đây là lần thứ nhất

Chúa Jêsus tiến vào Giê-ru-sa-lem như một vị vua. Có một vài chi-tiết về quang-cảnh ấy được trú-giả các sách Tin-lành khác ghi-chép lại bị Mác bỏ qua ; nhưng dưới tay Mác bức tranh ấy không thiếu mất chút nào màu sắc vương-giả. Mãi đến giờ Chúa Jêsus vẫn cấm những kẻ theo Ngài tôn Ngài là Đấng Mê-si ; Ngài không muốn cơn khủng-hoảng đến gấp rút ; nhưng cuối-cùng giờ đã đến ; Chúa Jêsus công-khai tuyên-bố rằng Ngài là Vua dân Y-so-ra-ên như đã hứa. Ngài làm vậy bằng một hành-động vừa đẹp-đẽ vừa bi-thảm. Cùng đi với Ngài có các môn-đồ. Ngài cỡi một lừa con, được quần-chúng vây quanh và tung-hô là Con vua Đa-vít khi Ngài lướt vào thành thánh và tiến vào sân đền thờ. Bề ngoài của Ngài trông có vẻ tầm thường lắm, nhưng mọi việc đều xảy ra đúng theo quan-niệm của quần-chúng về sự xuất-hiện của Đấng Mê-si, sự đến của vị Vua tối-cao.

Sự việc xảy ra khi Chúa Jêsus đóng vai trò một vị vua và sai các môn-đồ đem đến con lừa con mà Ngài sẽ ngồi lên để làm cuộc hành-trình đắc-thắng của Ngài. Ở đây, Mác chỉ phác sơ một nét độc-đáo khi người ghi lại lời Chúa Jêsus hứa sẽ trả ngay con lừa cho chủ nó ; lệnh truyền ấy tuy có vương-quyền nhưng lịch-sự. Chúa tiên-đoán mọi chi-tiết của các việc đang chờ các sứ-giả của Ngài và họ nhận thấy đã xảy ra đúng như lời Ngài phán. Ngay cả trong những chỉ-thị đơn-giản này. Ngài cũng tỏ ra sự khôn-ngoaan siêu-phàm.

Lừa con được dắt về, Chứa bèn khởi-hành, băng qua núi Ô-li-ve, hướng về Giu-ru-sa-lem ; quần-chúng bày-tỏ sự tôn-kính của họ đối với Vua bằng cách trải áo mình trên đường và cũng « rải nhánh cây chặt trong đồng ruộng.» Mác không nói đến việc có vài kẻ tung-hô Đấng Mê-si, đã cầm những « nhánh chà-là » mà Hội-thánh đã dùng để đặt tên cho ngày Chúa-nhật lịch-sử này ; song người ghi lại rất đầy-đủ những lời chúc-tụng mà quần-chúng tung-hô. « Hô-sa-na », là một lời cầu-nguyện, có nghĩa là « hãy cứu bây giờ » ; « đáng ngợi-khen Đấng nhơn danh Chúa mà đến » là một lời làm chứng rằng Chúa Jêsus là đại-diện chân-chánh cho Đức Chúa Trời ; « nước vua Đa-vít, tồ-phụ chúng ta » nghĩa là nước đó đã hứa cho vua Đa-vít và

bởi người sẽ tái-lập ngôi vua huy-hoàng cao-cả : « Hô-sa-na ở trên nơi rất cao » là lời cầu-nguyện rằng sự cứu-rỗi được sửa-soạn trên thiên-đàng chí-cao sẽ ban xuống cho vua và nước của Ngài.

Điều hiển-nhiên là Chúa Jêsus khuyến-khích và dùng những lời tung-hô nhiệt-thành của quần-chúng để tăng thêm sự kích-động đang lên và giúp cho sự trình-diện công-khai cùng thành-phổ và quốc-dân rằng Ngài là Đấng Mê-si đã được dự-ngôn trước. Nhưng chẳng bao lâu những tiếng Hô-sa-na ấy im bật đi, nhường chỗ cho lời kêu-gào : « Đóng đinh hẳn trên thập-tự giá ! » Sự-kiện quen-thuộc này nhắc-nhở chúng ta rằng sự cảm-động có thể hỗ-trợ đức-tin, song tình-cảm không thể làm-lấn với đức-tin được.

Vậy cuối-cùng Chúa Jêsus hiện đến như Vua cách dứt-khoát và cảm-động ; nhưng Ngài bị chối-bỏ và đóng đinh trên cây thập-tự. Sự hiện đến như một vị vua ấy chỉ tăng thêm sự mù-quáng khốc-hại của một dòng-dối. Vinh-quang của Nước trời vẫn còn tri-hoãn và sẽ được trọn- vẹn khi nào Vua tái-lâm lại có tiếng tung-hô rằng : « Đáng ngợi-khen cho Đấng nhơn danh Chúa mà đến. » Ngay bây giờ, Jêsus này đến với chúng ta như Thầy và Chúa ; ta có vui lòng để Ngài tự-do tiến vào lòng chúng ta chẳng ?

B. Thứ hai.

1. Cây vả không trái.

Đoạn 11 : 12-14

« ¹² Sáng ngày, khi đã lìa làng Bê-tha-ni rồi, thì Ngài dỏi. ¹³ Vừa thấy đằng xa một cây vả có lá, Ngài đến đó xem hoặc có chi chẳng ; song, tới gần rồi chỉ thấy có lá mà thôi, vì bấy giờ không phải mùa vả. ¹⁴ Ngài bèn cất tiếng phán cũng cây vả rằng : Chẳng hề có ai ăn trái của mày nữa ! Các môn-đồ đều nghe lời ấy. »

Phép lạ cuối sách Tin-lành chép về phép lạ này quan-trọng hơn ta tưởng. Nó quan-trọng vì là phép lạ chót ; vì nó vừa là một thí-dụ vừa là một phép lạ ; và nó

đã đề-cập rõ-ràng đến dân-tộc tội-lỗi sắp chối-bỏ và giết Vua mình.

Nếu Chúa Jêsus không có ý-định dạy-đỗ một bài học nghiêm-trọng, thì hành-động của Ngài có vẻ phi-lý, nóng-nảy và bỡn-cợt. Quyền-năng thiên-thượng của Ngài chỉ dùng trong việc chúc phước và chữa bệnh, nhưng ở đây, sự khô héo của cây vả đã được dùng để dụ-ngôn về sự phán-xét một dân-tộc không chịu ăn-năn và không ích-lợi gì.

Hiền-nhiên cây vả ấy được trồng ở một địa-thế thuận-lợi tránh khỏi bão gió và hứng được sương mai và ánh nắng mặt trời ; khi Chúa Jêsus thấy tàng lá sum-suê bèn đến tìm trái, mặc dù mùa vả chưa tới ; song khi Ngài chẳng thấy chi ngoài tàng lá thì Ngài bèn phán rằng từ đây về sau cây vả ấy sẽ không bao giờ sanh trái nữa. Thật là một sự liên-kết mâu-nhiệm giữa bản-tính người và trời được bày-tỏ ở đây trong thân-vị của Chúa Jêsus ; đôi lòng trong cuộc hành-trình buổi sáng của Ngài và thất-vọng trong việc tìm thức ăn, vậy mà chỉ một lời nói của Ngài có khả-năng khiến cho cây vả mãi mãi không kết-quả, và với quyền tiên-tri thiên-thượng Ngài đã dụ-ngôn sự suy-đồi của một dân-tộc ! Hình-ảnh cành lá rườm-rà tượng-trưng cho sự kiêu-căng, giả-hình và vô-tin của dân Y-so-ra-ên. Đức Chúa Trời đã đặt tuyền-dân của Ngài trong một hoàn-cảnh thuận-lợi giữa các dân-tộc trên thế-giới, Ngài đã ban cho họ những cơ-hội thuộc-linh đặc-biệt và những lợi-thế và đạo-lý ; và khi Con Đức Chúa Trời thăm-viếng dân-sự Ngài, Ngài thấy họ lớn tiếng xưng mình là thánh-khiết, họ khoe-khoang về nhơn-lành cao-cả của họ và giữ một hình-thức thiêng-liêng ; nhưng bên trong tất cả sự giả-hình và giả-dối ấy, Ngài không tìm trái của sự công-bình nào cả. Chức-vụ của Đức Chúa Jêsus sắp kết-thúc ; Ngài sắp bị chối-bỏ bởi dân-sự đã được đặc-biệt sửa-soạn cho sự giáng-lâm của Ngài, vì Ngài khiến cây vả héo đi để dụ-ngôn về sự xét-đoán hầu đến của Đức Chúa Trời đối với dân-tộc không kết-quả và vô-tin.

Thí-dụ này đã ứng-nghiệm trong từng-trái của dân Y-so-ra-ên ; nhưng phải chăng đây không có sự dạy-đỗ nào cho những tín-đồ Đấng Christ ? Việc làm của họ có

luôn luôn đi đôi với lời nói và công-việc của họ, và họ có đều-đặn sinh-sản trái của sự công-bình tương-xứng với đặc-ân và ưu-thể thuộc-linh cao-cả của họ chẳng ? Những kẻ nào cho rằng mình có sự sống đời đời cần phải tỏ rõ quyền-năng của sự sống ấy ra.

2. Sự đẹp sạch trong đền-thờ

Đoạn 11 : 15-19

« ¹⁵ Đoạn, đến thành Giê-ru-sa-lem ; Đức Chúa Jê-sus vào đền-thờ, đuổi những kẻ buôn-bán ở đó, lại lật-đổ bàn những người đổi bạc, và ghế những kẻ bán bồ-câu. ¹⁶ Ngài cấm không cho ai được đem đồ gì đi ngang qua đền-thờ. ¹⁷ Rồi Ngài dạy-dỗ chúng mà rằng : Há chẳng có lời chép : Nhà ta sẽ gọi là nhà cầu-nguyện của muôn dân hay sao ? Nhưng các người đã làm thành cái hang trộm cướp. ¹⁸ Các thầy tế-lễ cả và các thầy thông-giáo nghe mấy lời, bèn kiếm cách diệt Ngài ; vì họ sợ Ngài, tại cả đoàn dân cảm-động sự dạy-dỗ của Ngài lắm.

¹⁹ Đến chiều, Ngài và môn-đồ ra khỏi thành.»

Sự lạm-dụng mà Chúa quở-trách trên đây đã khởi đầu từ một tiện-lợi chung, tức là, sự buôn-bán chung-quanh Đền-thờ cho các người đi lễ những lễ-vật mà họ không thể đem từ nhà xa đến. Dần dần việc buôn-bán lấn gàn hơn, cho tới khi các tay buôn đã đột-nhập phạm-vi Đền-thờ và làm mất vẻ thiêng-liêng của đền thánh bởi sự ồn-ào cuồng-loạn, tham-lam, cưỡng-đoạt và gian-xảo của chúng. Một lần trước, như chúng ta đã biết được trong sách Giăng, Chúa Jê-sus cũng đã đánh đuổi những kẻ buôn-bán này. Mỗi trường-hợp đã cho chúng ta, với hình-dáng uy-nghi của Chúa khi Ngài đơn thân đuổi đám người phạm-pháp, một thí-dụ về quyền-lực của lễ phải và công-lý chống lại sự phạm-pháp và tội-lỗi cố ý ; nhưng nhu-cầu đẹp sạch đền-thờ lần thứ hai này nhắc-nhở chúng ta rằng một sự cải-cách gây nên bởi sự sợ-hãi mà không bởi sự buồn-rầu vì tội-lỗi và sự mong-muốn nên thánh thì không mấy được bền lâu.

Trong cả hai trường-hợp Chúa thật đã kêu-gọi một

dân-tộc ăn-năn. Lời nghiêm-trách của Ngài tỏ rằng dân-sự đã quên sự hiện-diện của Chúa và tỏ ra lãnh-đạm với Ngài. Không tôn-kính đền-thờ là tượng-trưng cho sự bội-đạo của họ. Điều luôn luôn đúng là thái-độ của chúng ta đối với Nhà Đức Chúa Trời và sự thờ-phượng Ngài là một dấu-hiệu về tình-trạng thuộc-linh của chúng ta ; và điều này cũng đúng, ấy là nhu-cầu tối-hậu của mỗi người là phải có một tấm lòng chính-trực. Vậy không phải Đức Chúa Jê-sus chỉ quở-trách óc con buôn vụ-lợi trong đạo hay những cử-chỉ vô-lễ trong sự thờ-phượng bèn là tất cả sự câu-nệ hình-thức, phạm-thương và lãnh-đạm về tôn-giáo.

Hơn nữa, bởi việc làm đầy quyền-năng ấy, Chúa Jê-sus đã có một lời tuyên-bố ; Chúa tự tỏ mình là Đấng Mê-si. Ngày trước, Ngài đã vào thành trong sự đặc-thắng vinh-hiền, tỏ mình với dân-sự là Cứu-Chúa và Vua của họ ; giờ đây Ngài trở lại đền-thờ, nơi trung-tâm thủ-đô ; bằng một hành-động tượng-trưng và một lời quở-trách đầy ý-nghĩa, Ngài tuyên-bố Ngài là Chúa của Đền-thờ và làm một với Đức Chúa Trời là Đấng mà Ngài rất sốt-sắng tôn-thờ.

Một cách hoàn-toàn dứt-khoát, Chúa Jê-sus đã đưa ra một lời thách-đố tối-hậu cho các thầy tế-lễ và cầm-quyền của dân-sự ; họ là những người chịu trách-nhiệm về sự xúc-phạm Đền-thờ ; họ là những kẻ thù được nhiều lợi nhất trong sự buôn-bán phạm-thương ấy ; họ là những kẻ đã biến đền của dân Ngoại-bang « thành cái hang trộm cướp » khi Đức Chúa Trời đã chỉ-định rằng toàn-thê Đền-thờ là « nhà cầu-nguyện của muôn dân. » « Các thầy tế-lễ cả và các thầy thông-giáo » liền hiểu rằng mọi điều đó đã được ám-chỉ bởi hành-động và lời quở-trách của Chúa Jê-sus ; họ bèn nổi lên ganh-ghét ghê-gớm và tìm cách diệt Ngài. Họ chờ cơ-hội để bí-mật tấn-công Ngài ; họ thấy Ngài được lòng dân vô-cùng và « họ sợ Ngài, tại cả đoàn dân cảm-động sự dạy-dỗ của Ngài lắm. » Tuy vậy, Chúa không tự tỏ mình ra nếu không cần-thiết. Mỗi đêm trong tuần-lễ đáng ghi nhớ này, Ngài đều lui về nhà ở Bê-tha-ni mà Ngài thích để được nghỉ-ngoi và an-toàn hơn.

C. Thứ ba

1. Quyền-lực của đức-tin.

Đoạn 11 : 20 - 26

« ²⁰ Sáng hôm sau, khi đi ngang qua, thấy cây vả đã khô cho tới rễ ; ²¹ bấy giờ Phi-e-rơ nhớ lại chuyện đã qua, thưa cùng Ngài rằng : Thầy, coi kia ! Cây vả thấy đã rửa nay khô đi rồi. ²² Đức Chúa Jê-sus cất tiếng phán rằng : Hãy có đức-tin đến Đức Chúa Trời. ²³ Quả thật, ta nói cùng các người, ai sẽ biểu hòn núi này rằng : Phải cất mình lên, và quảng xuống biển, nếu người chẳng nghi-ngại trong lòng, nhưng tin chắc lời mình nói sẽ ứng-nghiệm, thì điều đó sẽ thành cho. ²⁴ Bởi vậy ta nói cùng các người : Mọi điều các người xin trong lúc cầu-nguyện, hãy tin đã được, tất điều đó sẽ ban cho các người. ²⁵ Khi các người đứng cầu-nguyện, nếu có sự gì bất-bình cùng ai, thì hãy tha-thứ, để Cha các người ở trên trời cũng tha lỗi cho các người. »

Sáng hôm sau, khi Chúa Jê-sus cùng các môn-đồ từ Bê-tha-ni trở về Giê-ru-sa-lem, họ đi ngang cây vả cảnh lá rườm-rà nhưng không trái hôm nọ đã cung-cấp cho Chúa chúng ta một thí-dụ về tình-trạng thuộc-linh của dân Do-thái. Phi-e-rơ bày-tỏ sự kinh-ngạc của mình khi thấy sự thay-đổi màu-nhiệm thực-hiện bởi lời phán của Chúa Jê-sus ; vì cây xanh tươi tràn đầy nhựa sống hôm qua nay đã héo úa đến tận gốc, đó là một hình ảnh về sự suy-vong hầu đến của dân Y-sơ-ra-ên. Chúa Jê-sus bèn dùng cơ-hội ấy để ban cho những người theo Ngài một bài học đặc-biệt tối ư quan-hệ. « Hãy có đức-tin đến Đức Chúa Trời » ; Chúa phán câu này để trực-tiếp trả lời cho sự kinh-ngạc của Phi-e-rơ. Những lời ấy cho rằng các phép lạ diệu-kỳ ấy được giải-thích bởi quyền-năng của đức-tin và họ được khuyến-khích để đi đến một sự tin-cậy như thế nơi Đức Chúa Trời. Lời phán của Chúa Jê-sus đã thực-hiện phép lạ ấy vì có Ngài hiệp một với Cha và nhờ-cậy Cha. Lời ấy cho biết rằng những kết-quả như vậy cũng sẽ có được với các môn-đồ, nếu họ thật lòng tin-cậy Đức Chúa Trời. Đức-tin có thể dời núi được ; không phải Chúa Jê-sus hay các

môn-đồ Ngài khuyến-khích chúng ta thử thực-thi hành-động ấy đúng từng ly từng tí, nhưng chúng ta phải nhận thức rằng bởi đức-tin, chúng ta có thể làm những việc mà ngoài đức-tin thì thật là bất-năng. Sự giải-bày đức-tin cách tự-nhiên là cầu-nguyện ; vì vậy Chúa Jê-sus phán thêm một cách quyết chắc cực-điểm, rằng không những cây héo hay núi dời mà thôi, nhưng « mọi điều các ngươi xin trong lúc cầu-nguyện, hãy tin đã được, tất điều đó sẽ ban cho các ngươi. » Dĩ-nhiên có những điều-không được đặt ra ở nơi khác cho quyền-năng bởi sự cầu-nguyện như thế. Ở đây thêm vào phần đức-tin, Chúa Jê-sus dạy-dỗ rằng sự cầu-nguyện phải được nâng lên từ một tâm-hồn giàu lòng tha-thứ : « Khi các ngươi đứng cầu-nguyện,... thì hãy tha-thứ, để Cha các ngươi ở trên trời cũng tha lỗi cho các ngươi. » Lời phán phủ-định ở câu hai mươi sáu không được các bản văn hay nhứt ghi lại ; song đoạn trên cũng đủ để nói về quyền-năng do cầu-nguyện bằng đức-tin và tình yêu-thương.

2. Lời hỏi về quyền-phép

Đoạn 11 : 27-33

« 27 Chúa và môn-đồ trở lại thành Giê-ru-sa-lem. Ngài đang đi dạo trong đền-thờ, thì các thầy tế-lễ cả, các thầy thông-giáo, và các trưởng-lão tới gần Ngài, 28 mà hỏi rằng : Thầy lấy quyền-phép nào làm những điều này, hoặc ai đã cho thầy quyền-phép làm những điều ấy ? 29 Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Ta cũng hỏi các ngươi một câu ; hãy trả lời cho ta, thì ta sẽ nói cho các ngươi biết ta làm những điều đó bởi quyền-phép nào. 30 Phép báp-têm của Giăng đến bởi trên trời hay là bởi người ta ? Hãy trả lời cho ta đi. 31 Vả, họ bàn với nhau như vậy : Nếu chúng ta nói : Bởi trên trời, thì người sẽ nói rằng : Vậy, sao các ngươi không tin lời Giăng ? 32 Bằng chúng ta nói trái lại : Bởi người ta ?... Họ sợ dân-chúng, vì ai nấy đều tin Giăng thật là đấng tiên-tri. 33 Nên họ thưa lại cùng Đức Chúa Jê-sus rằng : Chúng tôi không biết. Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng họ rằng : Ta cũng không nói cho các ngươi biết ta nhờ quyền-phép nào mà làm những điều này. »

Khi Chúa Jêsus vào thành, Ngài lập tức bị công-kích bởi tất cả các nhà cầm quyền và lãnh-tụ dân Do-thái. Họ thách Ngài chứng-minh rằng bởi quyền-phép nào mà Ngài làm những việc được vinh-dự như Đấng Mê-si hay việc đuổi những kẻ buôn-bán khỏi Đền-thờ trong ngày hôm qua. Câu hỏi của họ được nêu ra cách khéo-léo, quỉ-quyệt: «Thầy lấy quyền-phép nào làm những điều này, hoặc ai đã cho thầy quyền-phép làm những điều ấy?» Họ đặt Chúa vào tình-trạng tiến thoái lưỡng-nan; nếu Ngài tuyên-bố rằng quyền-phép ấy được ủy-thác cho Ngài, thì họ có thể buộc Ngài vào tội bất-tin, bội-đạo và tiếm-đoạt «quyền-phép» đã được thừa-nhận của nhà nước Do-thái; song nếu Ngài nói rằng quyền-phép thiên-thượng ấy cố-hữu, và Ngài hiệp làm một với Đức Chúa Trời thì Ngài có thể bị kết tội phạm-thượng.

Chúa Jêsus khiến những kẻ thù-ngịch Ngài cảm miệng bằng một câu hỏi lỏi kéo họ vào một tình-trạng tiến-thoái lưỡng-nan trái ngược: «Phép Báp-têm của Giăng đến bởi trên trời hay là bởi người ta? Hãy trả lời cho ta đi.» Họ không thể nói «bởi trên trời», vì họ đã chối-bỏ Giăng; họ cũng không dám nói, «bởi người ta», vì họ sợ dân-chúng mà Giăng được coi như là một nhà tiên-tri. Họ cố thoát bằng câu trả lời hèn-nhát: «Chúng tôi không biết.» Thuyết bất-khả-tri thường khiếp-nhược và không đáng được kính-trọng.

Chúa không chỉ khiến họ im mà thôi, Ngài đã đáp lại họ. Câu hỏi của Ngài không phải là một câu đố không thích-hợp do đó mà Ngài gặp sự khó-khăn và phải trì-hoãn không cần đáp lời. Ngài ám-chỉ rõ-ràng rằng quyền-phép của Giăng là từ trời và quyền-phép của chính Ngài cũng vậy; nhưng vì họ sợ không dám chối-bỏ quyền-phép thiên-thượng của Giăng nên họ cũng không thể chối-bỏ quyền-phép của Chúa Jêsus; hơn nữa, nếu họ đã chấp-nhận sứ-mạng của Giăng thì họ cũng sẽ phải sẵn-sàng tiếp-nhận Chúa rồi. Thật vậy, nếu chúng ta sợ, không dám công-nhận những kết-quả hữu-lý của sự nghi-ngờ và khước-từ của chúng ta thì không bao giờ chúng ta có thể hi-vọng khám-phá ra lẽ thật được.

Chúa Jêsus lại quở-trách những kẻ thù-nghịch Ngài. Khi họ nói rằng : « Chúng tôi không biết », thì Chúa biết, chính họ biết, và quần-chúng biết rằng họ không thật-thà ; Chúa đã lột trần sự giả-hình của họ ; Ngài đã nêu rõ-ràng rằng vấn-đề đang tranh-tụng thật ra không phải là quyền-phép, bèn là sự vâng lời. Những kẻ thù-nghịch Chúa Jêsus giả-vờ rằng họ muốn biết thêm những chứng-minh về Ngài, nhưng thật ra, họ muốn làm xấu và bậy Ngài. Những kẻ thù của Chúa chúng ta thời nay tuyên-bố rằng họ cần thêm những chứng-minh và có bằng-cớ hiển-nhiên ; song điều mà họ thật sự thiếu là tình yêu-thương đối với Chúa và sự vâng-phục theo ý-chỉ của Ngài. Những kẻ nào không ăn-năn khi Giảng giảng-day cũng không tin khi Chúa Jêsus hiển mình cứu-rỗi. Hiện nay thế-gian không cần thêm chứng-cớ về quyền-phép thiên-thượng nhưng cần phải vâng theo ý-chỉ đã được tỏ-bày của Đức Chúa Trời hơn.

Chúa Jêsus đã hoàn-toàn khiến những kẻ thù-nghịch Ngài mất hết tín-nhiệm trước mắt công-chúng. Họ là những kẻ cầm-quyền được ủy-nhiệm trong mọi vấn-đề dân-sự và tôn-giáo, vậy họ phải công-khai thú-nhận rằng họ không đủ thẩm-quyền để xét-đoán một trường-hợp rõ-ràng quen-thuộc và quan-trọng có liên-quan đến quyền-phép tôn-giáo. Thật họ đã thoái lui khỏi địa-vị của mình. Như vậy, họ không đủ tư-cách để bày-tỏ một ý-kiến về trường-hợp chính-xác của quyền-phép Chúa Jêsus. Ngài đã đánh bại họ bằng chính khí-giới của họ. Sau này, ta không lấy làm lạ mà thấy rằng, khi bị xét-xử trước những quan-án như vậy, Ngài không chịu trả lời một câu nào. Ngài đã chứng-tỏ sự vô-thâm-quyền, giả-dối và vô-tin của họ. Những kẻ hay nghi-ngờ cách thật lòng đáng được thương-mến ; song những kẻ tự-xưng là tìm-kiếm lẽ thật, mà không sẵn lòng tiếp-nhận những kết-quả của đức-tin thì đừng mong nhận được thêm tia sáng nào nữa. Muốn hiểu biết thêm về lẽ thật thiên-thượng thì phải hạ mình vâng-phục những điều gì đã được bày-tỏ với cả tâm-hồn và ý-chí.

3. Ví-dụ về người làm vườn nho.

Đoạn 12 ; 1-12

« 1 Đức Chúa Jêsus khởi phán thí-dụ cùng họ rằng : Một người kia trồng vườn nho, rào chung-quanh, ở trong đào một cái hầm ép rượu, và dựng một cái tháp ; đoạn, cho mấy người làm nghề trồng nho thuê, mà lia bôn-xứ. 2 Tới mùa, chủ vườn sai một đầy-tớ đến cùng bọn trồng nho, đặt thâu lấy phần hoa-lợi vườn nho nơi tay họ. 3 Nhưng họ bắt đầy-tớ mà đánh, rồi đuổi về tay không. 4 Người lại sai một đầy-tớ khác đến ; nhưng họ đánh đầu nó và chưởi-rủa nữa. 5 Người còn sai đũa khác đến, thì họ giết đi ; lại sai nhiều đũa khác nữa, đũa thì bị họ đánh, đũa thì bị họ giết. 6 Chủ vườn còn đũa con trai một rất yêu-dấu, bèn sai đi lần cuối-cùng, mà nói rằng : Chúng nó sẽ kính-vì con ta ! 7 Nhưng bọn trồng nho đó bàn với nhau rằng : Thằng này là con kế-tự ; hễ, ta hãy giết nó, thì phần gia-tài nó sẽ về chúng ta. 8 Họ bắt con trai ấy giết đi, ném ra ngoài vườn nho. 9 Vậy thì chủ vườn nho sẽ làm thế nào ? Người sẽ đến giết bọn trồng nho đó, rồi lấy vườn nho lại mà cho người khác. 10 Các người há chưa đọc lời Kinh-thánh này :

Hòn đá bị thợ xây nhà bỏ ra,

Đã trở nên đá góc nhà ;

11 Ấy là công-việc của Chúa.

Và là việc rất lạ trước mắt chúng ta, hay sao ?

12 Những người đó bèn tìm cách bắt Ngài, vì biết rõ rằng Ngài phán thí-dụ ấy chỉ về mình ; song sợ dân-chúng, nên bỏ Ngài mà đi. »

Các nhà cầm-quyền đã cố-gắng gài bẫy và làm xấu Chúa Jêsus bằng một câu hỏi quý-quyết liên-quan đến quyền-phép của Ngài ; nhưng bởi một câu ngược lại khéo-léo và bởi từ-chối không chịu tuyên-bố với họ điều gì, Ngài khiến họ im tiếng, Ngài bày-tỏ sự bội-phản và giả-hình của họ, và thật sự buộc họ phải từ bỏ quyền lãnh-đạo tôn-giáo mà họ rêu-rao. Ngài làm việc khác nữa : Bởi một thí-dụ đơn-giản Ngài đáp lời gạn-hỏi của họ cách đầy-đủ,

tuyên-bố Ngài có quyền-phép thiên-thượng và Ngài bạo-dạn buộc tội các nhà cầm quyền đã không tin Đức Chúa Trời và lập mưu giết Con Đức Chúa Trời ; song những lời của Ngài đã mang một hình-thức khiến cho các nhà cầm quyền bị giải-giới và hoàn-toàn không thể bắt Ngài, kích-bác Ngài hay cả đến việc cáo Ngài có tội. Ngài chỉ kể cho họ một câu chuyện cón-con ; ai có thể bắt-bẻ được một giai-thoại ? Ngài nói về một người có một vườn nho và cho những người làm vườn mà có cớ-phần. Những người này, thay vì trả cho chủ vườn món nợ mà họ thiếu, thì lại đánh đập, lăng-mạ và giết những sứ-giả của chủ và cuối-cùng giết cả con độc-sanh của chủ ; song người chủ vườn nho sẽ phải trở lại và giao vườn nho cho kẻ khác.

Đó là một thí-du đơn-giản và ý-nghĩa của nó mà theo sự nhận thấy của những kẻ thù-nghịch của Chúa chúng ta thì đã được che giấu không kỹ lắm. Một vườn nho trong thời Cựu-ước tượng-trung cho dân Y-so-ra-ên ; những người làm vườn là các nhà cầm quyền mà Đức Chúa Trời đã giao-phó cho nhiệm-vụ chăm-sóc phần thuộc-linh của dân-sự Ngài ; những sứ-giả và các vị tiên-tri, kể cả Giăng Báp-tít mà các nhà cầm quyền dân Y-so-ra-ên đã chối-bỏ, đả-thương và giết đi ; Con trai kế-tự là Chúa Jêsus, là Đấng mà các thầy tế-lễ cả, các thầy thông-giáo và các trưởng - lão hiện đang âm - mưu giết đi ; nhưng sự phán - xét chắc - chắn sẽ đến ; những kẻ giữ vườn nho bất-trung này sẽ phải bị hủy - diệt. Vậy Chúa Jêsus long-trọng buộc tội những kẻ thù-nghịch Ngài ; như vậy, Ngài đã dự-ngôn cách rõ-ràng về sự chết của Ngài bởi tay họ ; nhưng Ngài kết-thúc câu chuyện bằng một lời tiên-tri nói về sự đắc-thắng chắc-chắn của Ngài ; sự chết sẽ không có nghĩa là thất-bại ; Ngài sẽ là Đấng Toàn-thắng và làm Vua ; như trong Cựu-ước có chép, Ngài là đá mà thợ xây nhà bỏ ra, song chính đá đó đã trở nên đá góc nhà giữ chức-vị và quyền-năng cao-cả. Ấy vậy, Chúa Jêsus đã tỏ-bày tiên-tri thiên-thượng của Ngài cách diệu-kỳ và Ngài đã tuyên-bố rõ-ràng Ngài là Đấng cao hơn tất cả các đấng tiên-tri và là Con Đức Chúa Trời ; cũng vậy, Ngài đã nêu lên trách-nhiệm quan-trọng của chức-vụ lãnh-đạo tôn-giáo và cảnh-cáo loài người về sự nguy-hiêm ghé-góm khi chối-bỏ những đòi-hỏi của Ngài.

4. Vấn-đề nộp thuế.

Đoạn 12 : 13-17

«¹³ Kể đó, họ sai mấy người thuộc về phe Pha-ri-si và đảng Hê-rốt đến, để bắt lỗi Ngài trong lời nói.¹⁴ Vậy, mấy người ấy đến, thưa Ngài rằng : Lạy thầy, chúng tôi biết thầy là người thật, không lo-sợ gì ai ; vì thầy không xem bề ngoài người ta, nhưng dạy đạo Đức Chúa Trời theo mọi lẽ thật. Có nên nộp thuế cho Sê-sa hay không ? Chúng tôi phải nộp hay là không nộp ?¹⁵ Nhưng Ngài biết sự giả-hình của họ, thì phán rằng : Các người thử ta làm chi ? Hãy đem cho ta xem một đồng đơ-ni-ê.¹⁶ Họ đem cho Ngài một đồng, Ngài bèn phán rằng : Hình và hiệu này của ai ? Họ trả lời rằng : Của Sê-sa.¹⁷ Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Vật chi của Sê-sa hãy trả lại cho Sê-sa, còn vật chi của Đức Chúa Trời hãy trả lại cho Đức Chúa Trời. Họ đều lấy làm lạ về Ngài. »

Sáng sớm của ngày Chúa dạy-dỗ công-khai đáng ghi nhớ này, Chúa Jê-sus bị các trưởng-lão, các thầy tế-lễ cả và các thầy thông-giáo kích-bác ; song Ngài đã đánh bại họ, khiến họ trở nên lỗ-bịch, và buộc họ vào tội bội-đạo và giết người. Trong cơn oán-hận dữ-dội, họ có thể giết Ngài tức-khắc ; nhưng họ sợ dân-chúng vì Chúa Jê-sus được dân-chúng mến. Vì vậy, để xếp-đặt việc giết Ngài, trước hết phải làm mất uy-tín của Ngài đối với quần-chúng ; họ phải khiến Ngài bối-rối trong sự dạy-dỗ. Giờ đây, để bẫy Ngài, họ lại đưa ra một loạt ba câu hỏi xảo-trá ; nhưng Chúa Jê-sus đều tránh thoát từng cạm-bẫy một, Ngài trả lời mỗi câu hỏi cách ngay-thật và trọn- vẹn, đoạn hỏi lại một câu khiến kẻ thù-ngịch Ngài phải nghẹn họng.

Câu hỏi thứ nhất của họ liên-quan đến vấn-đề nộp thuế cho chính-quyền La-mã. Dân Do-thái bảo-thủ đĩnh-ninh rằng Đức Chúa Trời là Đấng Thống-trị dân Y-sơ-ra-ên và đóng thuế cho một nước theo tà-giáo là một điều sai-lầm ; phải tự-do lại đứng về phía đảng Hê-rốt, dựa vào quyền-thế của La-mã. Vì vậy, những kẻ thù-ngịch Chúa bèn sai đến cùng Ngài mấy người đại-diện cho cả hai phe Pha-ri-si và Hê-rốt để nếu Ngài tránh làm mất lòng nhóm

này thì sẽ chạm đến nhóm kia. Họ đến gần Chúa Jê-sus, nói chặc cách đũa-nịnh Ngài rằng Ngài sẽ chẳng do-dự gì mà không tỏ-bày những sự tin-trưởng thành-thật của Ngài vì Ngài rất bao-dan và chân-thật ; và rồi họ đưa ra câu hỏi mánh-lời của họ : « Có nên nộp thuế cho Sê-sa hay không ? », nếu Chúa Jê-sus đáp : « có », thì Ngài sẽ không còn được dân-chúng hâm-mộ nữa, vì dân-chúng rất oán-giận sự áp-bức đáng ghét của La-mã. Nếu Ngài đáp, « không » thì những kẻ thù-nghịch Ngài sẽ lập tức giải Ngài đến quan cai-trị La-mã và thập-tự giá, vì Ngài là một kẻ phản-quốc và phiến-loạn. Tình-cảnh này tưởng chừng khó xử hoàn-toàn ; vậy mà Chúa Jê-sus không những thoát khỏi cạm-bẫy ấy song câu đáp lại Ngài tuyên-bố một định-luật cho muôn thuở : « Vật chi của Sê-sa hãy trả cho Sê-sa, còn vật chi của Đức Chúa Trời hãy trả lại cho Đức Chúa Trời. »

Đề ý-nghĩa của câu nói ấy được rõ-ràng, trước hết Chúa Jê-sus bảo họ đem đến một quan tiền La-mã, đoạn hỏi họ rằng tiền ấy mang hình và hiệu của ai. Dĩ-nhiên họ đáp : « của Sê-sa ». Chúa Jê-sus nhấn mạnh rằng, nếu họ nhận tiền của Sê-sa thì phải đóng thuế cho Sê-sa. Điều ấy có nghĩa là, nếu một người nhận sự che-chở của một chính-phủ và được ban cho những đặc-ân thì có bổn-phận phải ủng-hộ chính-phủ ấy. Cơ-đốc-giáo không bao giờ dính-diu với một lý-thuyết xã-hội hay một đảng-phái chính-trị nào, nhưng Cơ-đốc-đồ phải luôn luôn giữ lòng trung-thành, trật-tự và luật-pháp.

Tuy-nhiên không phải trọn đời chỉ biết « vật chi của Sê-sa » phải « trả lại cho Sê-sa » mà cũng phải trả « vật chi của Đức Chúa Trời. » Bổn-phận cao-quí sau này bao-hàm luôn bổn-phận trước. Kẻ thù của Chúa Jê-sus đã gọi lên sự tương-phản giữa các bổn-phận, nhưng Ngài chứng-tỏ rằng có sự hòa-hợp hoàn-toàn. Tuy-nhiên, Ngài cũng tuyên-bố rằng quên Đức Chúa Trời là một sự nguy-hiểm và bổn-phận của ta đối với Ngài là yêu-thương, hầu việc, tin-cậy và thờ-phượng. Căn-bản thật của bổn-phận công-dân là sự trung-thành đối với Đức Chúa Trời, và không một lý-thuyết chính-trị hay sự trung-thành đối với đảng-phái nào có thể thay-thế cho lòng trung-thành đối với

Ngài. Chúa Jêsus trả lời và quở-trách kẻ thù của Ngài, nhưng các môn-đồ Ngài được dẫn-dắt trong tất cả những năm về sau.

5. Sự sống lại

Đoạn 12 : 18-27

«¹⁸ Các người Sa-đu-sê, là những kẻ vẫn nói rằng không có sự sống lại, đến gần mà hỏi Ngài rằng :
¹⁹ Thưa thầy, Môi-se đã ban cho chúng tôi luật này : Nếu một người kia có anh em qua đời, để vợ lại, không con, thì người kia phải lấy vợ góa đó dặng nối dòng-dõi cho anh em mình. ²⁰ Và, có bảy anh em. Người thứ nhất cưới vợ, rồi chết, không có con. ²¹ Người thứ hai lấy vợ góa ấy, sau chết, cũng không có con ; rồi đến người thứ ba cũng vậy. ²² Trong bảy người, chẳng ai để con lại. Sau hết, người đờn-bà cũng chết. ²³ Lúc sống lại, đờn-bà đó là vợ ai trong bảy anh em ? Vì hết thầy đều đã lấy người làm vợ. ²⁴ Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Há chẳng phải các người làm, vì không biết Kinh-thánh, cũng không hiểu quyền-phép Đức Chúa Trời sao ? ²⁵ Vì đến lúc người ta từ kẻ chết sống lại, thì chẳng cưới vợ, chẳng lấy chồng ; nhưng các người sống lại đó ở như thiên-sứ trên trời vậy. ²⁶ Còn về những người chết được sống lại, thì trong sách Môi-se có chép lời Đức Chúa Trời phán cùng người trong bụi gai rằng : Ta là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp, các người há chưa đọc đến sao ? ²⁷ Ngài chẳng phải là Đức Chúa Trời của kẻ chết, mà là của kẻ sống ? Thật các người làm to. »

Chúa Jêsus đánh bại phe Pha-ri-si và đảng Hê-rôt. Giờ đây, Ngài lại bị người Sa-đu-sê công-kích. Họ là một nhóm người giống như các thầy tế-lễ, và có quyền-thế nhất giữa vòng dân Do-thái. Họ gạn hỏi về sự bất-diệt của linh-hồn, vì họ không tin thiên-sứ và cũng không tin ma-quỉ ; họ đại-diện cho nhóm người theo chủ-nghĩa duy-vật thời nay. Tuy vậy, điều đáng chú-ý câu mà họ hỏi Ngài không liên-quan gì đến sự bất-tử nhưng liên-quan đến sự sống lại của thân-thể. Họ nêu ra trường-hợp của một người đờn-bà đã kế-tiếp lấy bảy anh em vì sự qua đời

của họ đã khiến nàng chịu cảnh phân-ly, và họ hỏi : « Lúc sống lại, đờn-bà đó là vợ ai trong bảy anh em ? » Họ hi-vọng rằng Đức Chúa Jê-sus sẽ chối-bỏ sự tin-tưởng chính-thống về sự sống lại hay phán một lời trái-ngược với luật-pháp của Môi-se, đã cho rằng những cuộc hôn-nhân kế-tiếp như vậy là hợp-pháp. Lời đáp của Chúa ứng-dụng cho nhiều kẻ hoài-nghi thời nay : « Các người... không biết Kinh-thánh, cũng không hiểu quyền-phép Đức Chúa Trời sao ? » Sự dốt-nát lưỡng-diện này khiến họ tưởng-tượng ra một sự mâu-thuẫn vốn không có. Trước nhất về « Quyền-phép của Đức Chúa Trời » : Ngài có thể ban một đời sống không trải qua sự chết, sự sanh-sản, hay hôn-nhân nhưng giây tương-ái còn cao-qui hơn cả tinh-thân-thuộc được phước nhất dưới thế-gian. Một đời sống như vậy với những luật-lệ cao-qui hơn thật thích-hợp với những sự-kiện và luật-lệ của đời sống chúng ta hiện nay. Kế đến, về « Kinh-thánh » ; họ hỏi rằng Đức Chúa Trời đã hứa làm những gì ? Chúa Jê-sus trả lời câu hỏi này bằng cách dẫn-chứng hệ-thống luật-pháp mà bọn Sa-đu-sê đã nói tới : « Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp », đoạn Ngài phán tiếp : « Ngài chẳng phải là Đức Chúa Trời của kẻ chết, mà là của kẻ sống ! » Ngài có ý dựng lên cái thực-sự về kiếp sống nối-tiếp của người đã qua đời ; nhưng không phải bấy nhiêu thôi mà Ngài còn minh-chứng sự sống lại sau khi chết. Câu hỏi sau là câu đang tranh-tụng. Đời sống, như Chúa chúng ta đã dùng, chỉ về đời sống bình-thường, không phải của một linh-hồn thoát xác, nhưng của một linh-hồn bất-diệt ở trong thân-thể bất-tử. Vậy, « kẻ sống » là những kẻ sống lại. Sự trông-mong đầy tin-tưởng về một cõi tương-lai như thế căn-cứ vào mối liên-lạc của ta với Đức Chúa Trời, Nếu Ngài thật là Đức Chúa Trời của chúng ta và chúng ta là dân-sự Ngài thì sự đắc-thắng của tử-thần sẽ không còn là một thực-sự thường-xuyên nữa, nhưng sẽ bị chấm-dứt bởi sự sống lại vinh-hiền từ kẻ chết. Có nhiều sự tin-tưởng bị loài người bác-bỏ, vì hình như chúng ta trái với các định-luật của khoa-học mà ai cũng biết, nhưng một ngày gần đây chúng ta sẽ được giải-thích nhờ khám-phá ra những định-luật cao hơn. Chúng ta có hờn-phận phải trả hỏi những gì đã được viết ra,

đoạn tin nơi quyền-năng làm thành của Đức Chúa Trời.

6. Câu hỏi tóm-tắt về luật-pháp

Đoạn 12 : 28-34

« ²⁸ Bấy giờ, có một thầy thông-giáo nghe Chúa và người Sa-đu-sê biện-luận với nhau, biết Đức Chúa Jê-sus đã khéo đáp, bèn đến gần hỏi Ngài rằng : Trong các điều-răn, điều nào là đầu hết ? ²⁹ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Đây là điều đầu nhất : Hỡi Y-so-ra-ên, hãy nghe, Chúa, Đức Chúa Trời chúng ta, là Chúa có một. ³⁰ Người phải hết lòng, hết linh-hồn, hết trí khôn, hết sức mà kính-mến Chúa là Đức Chúa Trời người. ³¹ Đây là điều thứ hai : Người phải yêu kẻ lân-cận như mình. Chẳng có điều-răn nào lớn hơn hai điều đó. ³² Thầy thông-giáo trả lời rằng : Thưa thầy, thầy nói phải, hiệp-lý lắm, thật Đức Chúa Trời là có một, ngoài Ngài chẳng có Chúa nào khác nữa ; ³³ thật phải kính-mến Chúa hết lòng, hết trí, hết sức, và yêu kẻ lân-cận như mình, ấy là hơn mọi của-lẽ thiếu cùng hết thấy các của-lẽ. ³⁴ Đức Chúa Jê-sus thấy người trả lời như người khôn, thì phán rằng : Người chẳng cách xa nước Đức Chúa Trời đâu. Rồi không ai dám hỏi Ngài nữa. »

Lời gạn hỏi thứ ba được nêu ra với Chúa chúng ta diễn-tả một vấn-đề quen-thuộc mà các thầy thông-giáo thích bàn-luận, đó là điều-răn nào quan-trọng hơn hết trong các điều-răn. Luật luân-lý của họ rất phức-tạp gồm có vô-số yêu-cầu và qui-tắc vụn-vặt. Lời đáp của Chúa Jê-sus thật lạ-lùng vì sâu-sắc và đơn-giản ; Ngài tuyên-bố rằng tất cả bổn-phận của con người, toàn-bộ nghĩa-vụ đạo-đức, và thuần-túy của mọi luật-lệ thiên-thượng đã được giải-bày và thể-hiện trong một chữ : Tình yêu-thương. Tình yêu-thương này phải được vận-dụng theo hai chiều hướng : Trước hết, đối với Đức Chúa Trời, và sau đó, đối với nhân-loại. Trọn mười Điều-răn và mọi yêu-cầu thiêng-liêng khác đều giải-bày nguyên-tắc tối-cao duy-nhất này : « Điều-răn thứ nhứt » là yêu-thương của Đức Chúa Trời, đó là sự làm trọn « bảng luật-pháp thứ nhứt » ; nhưng « điều-răn thứ hai » không có thể tách

khỏi điều-răn thứ nhứt được ; nó gồm tất cả các điều-răn còn lại, vì nó đòi-hỏi tình yêu-thương nhân-loại. Điều này làm cho những kẻ nghe Ngài kinh-ngạc là cả hai điều-răn này đều được trích-dẫn từ sách Cựu-ước, và điều-răn thứ nhứt quá quen-thuộc đến nỗi được dân Do-thái tụng đọc mỗi ngày hai lần. Nguyên-tắc tình yêu-thương thật là đơn-sơ giản-dị, do đó mọi vấn-đề luân-lý đều có thể giải-quyết được và mọi nhiệm-vụ đạo-đức có thể thấu hiểu được.

7. Đấng Christ, con vua Đa-vít.

Đoạn 12 : 35-37

« 35 Đức Chúa Jê-sus đương dạy-dỗ trong đền-thờ, bèn cất tiếng phán những lời này : Sao các thầy thông-giáo nói Đấng Christ là con Đa-vít ?³⁶ Chính Đa-vít đã cảm Đức Thánh-Linh mà nói rằng :

Chúa phán cùng Chúa tôi :

Hãy ngồi bên hữu ta,

Cho đến chừng nào ta để kẻ thù-nghịch
ngươi làm bệ dưới chơn ngươi.

³⁷ Vì chính Đa-vít xưng Ngài bằng Chúa, thì lẽ nào Ngài là con vua ấy ? Đoàn dân đồng vui lòng mà nghe Ngài.»

Ba câu hỏi đã được nêu lên nhằm làm rối-loạn Chúa Jê-sus và khiến Ngài mất tín-nhiệm với quần-chúng, nhưng các lời đáp của Ngài không những đánh bại kẻ thù-nghịch Ngài lại còn nêu lên những nguyên-tắc phổ-quát cho sự dẫn-dắt các môn-dồ Ngài. Câu hỏi thứ nhứt liên-quan đến những nhiệm-vụ chính-trị và công-dân, lời thứ nhì liên-hệ với những định-luật thiên-nhiên và vật-chất, và lời thứ ba nằm trong phạm-vi đạo-lý và đạo-đức. Giờ đây, Chúa Jê-sus đưa ra một câu phản-vấn về vấn-đề tối-cao trong lãnh-vực triết-lý và tôn-giáo. Câu hỏi ngược lại ấy can-hệ đến thân-vị Đấng Christ ; phải chăng Ngài được xem như là một người hay là Đức Chúa Trời, hoặc vừa là Đức Chúa Trời vừa là người ? Đấng Christ phải được đặt đề ở đâu trên bàn

cân những hữu-thể ? Hay là như Chúa Jêsus đã nêu lên vấn-đề, thế nào Đa-vít lại có thể nói rằng Đấng Mê-si hầu đến vừa là con vừa là Chúa của mình được ư ? Chỉ có một câu giải-đáp duy-nhất là Đấng Christ vừa là người vừa là Thiên-Chúa, Ngài là con của Đa-vít và cũng là Con Đức Chúa Trời. Việc hóa hình này là một giải-pháp duy-nhất cho những nỗi khó-khăn trăm-trọng nhất của chúng ta trong lãnh-vực tin-ngưỡng. Chúa Jêsus đã hoàn-toàn đánh bại những kẻ thù-nghịch Ngài và khiến họ im tiếng; đoạn Ngài kết-thúc cuộc tranh-luận dài dòng bằng lời tự-xưng long-trọng rằng Ngài là Đấng Christ mà vua Đa-vít đã dự-ngón.

8. Lời trách các thầy thông-giáo.

Đoạn 12 : 38-40

« ³⁸ Trong lúc dạy-dỗ, Ngài lại phán rằng : Hãy giữ mình về các thầy thông-giáo, là kẻ ưa mặc áo dài đi chơi, thích người ta chào mình giữa chợ, ³⁹ muốn ngôi cao nhứt trong các nhà hội cùng trong các đám tiệc, ⁴⁰ nuốt các nhà dờn-bà góa, mà làm bộ đọc lời cầu-nguyện dài. Họ sẽ bị phạt càng nặng hơn nữa. »

Khi Ngài giảng-dạy dài đằng-dẵng cuối-cùng cho công-chúng hầu-tàn thì cũng chẳng lạ gì việc Chúa xoay qua khuyên-răn dân-sự hãy coi chừng những kẻ thù-nghịch Ngài đang tìm cách bẫy Ngài và quyết-tâm giết Ngài. Các thầy thông-giáo và phe Pha-ri-si sát-nhân này đều là những lãnh-tụ tôn-giáo và giáo-sư thời bấy giờ ; thế mà Chúa Jêsus buộc phải thốt ra lời kết-án nghiêm-khắc nhưt. Những lời phán của Ngài được Ma-thi-ơ ghi lại rất đầy-đủ. Trong lời kể lại của Mác chúng ta chỉ tìm thấy một vài câu ngắn, phác-họa ba đặc-tính chính-yếu của những kẻ thù-nghịch Chúa chúng ta. Đặc-tính thứ nhứt của họ là thích khoe-khoang, thích có địa-vị và thích được nịnh-bợ ; đặc-tính thứ hai là lòng tham-lam, gian-ác và đặc-tính thứ ba là sự giả-hình đáng hổ-thẹn. Điều đáng chú-ý là những lời tố-cáo cay-đắng nhưt của Chúa thường dùng cho những kẻ có đời sống bề ngoài đáng kính và lễ-lối hành-đạo rành-rang nhất. Như thế, không có

nghĩa là thói-hur tật-xấu công-khai và tội-lỗi quả-tang thì khá hơn tánh-hạnh ích-kỷ và kiêu-căng ; nhưng điều đó nhắc-nhở chúng ta rằng ánh sáng của đời sống đạo-đức và thuộc-linh càng sáng tỏ thì nhiệm-vụ càng nhiều hơn và đặc-biệt là sự giả-hình và đối-trá thường bị lời Chúa kết-án.

9. Đòn-bà góa dâng của.

Đoạn 12 : 41-44

« 41 Đức Chúa Jê-sus ngồi đối ngang cái rương đựng tiền dâng, coi dân-chúng bỏ tiền vào thễ nào. 42 Có lắm người giàu bỏ nhiều tiền ; cũng có một mụ góa nghèo kia đến bỏ hai đồng tiền ăn một phần tư xu. 43 Ngồi bên kêu môn-dồ mà phán rằng : Quả thật, ta nói cùng các người, mụ góa nghèo này đã bỏ tiền vào rương nhiều hơn hết thấy những người đã bỏ vào. 44 Vì mọi kẻ khác lấy của dư mình bỏ vào, còn mụ này nghèo-cực lắm, đã bỏ hết của mình có, là hết của có để nuôi mình. »

Hình-ảnh đẹp-đẽ trên đây thật là một sự tương-phản với hình-ảnh bọn Pha-ri-si mà Chúa Jê-sus vừa phác-họa ! Trong con mắt của thế-gian thì sự hầu việc của bà góa nghèo-khó này thật nhỏ-nhoi và không giá-trị, và các cửa-lễ của những kẻ giả-hình thì rất lớn-lao và quý-giá ; song trước mắt Đức Chúa Trời thì những cửa-lễ ấy tương-đối là không đáng giá và bà góa đã dâng nhiều hơn hết thấy. Thật vậy, bà chỉ dâng hai đồng tiền nhỏ trị-giá không bằng nửa xu, nhưng đó là tất cả những gì bà có và bà đã dâng hết. Với hình-ảnh này trong tâm-trí, chúng ta phải cần-thận không được gọi những cửa-lễ của chúng ta là « đồng tiền », nếu đó không phải là tất cả những gì ta có ; tuy-nhiên nếu chúng ta cần được khuyến-khích để biết rằng Chúa nhìn tận đáy lòng và đánh giá cửa-lễ bằng cách căn-cứ trên lý-do, tình yêu-thương và sự hi-sinh kèm theo của-lễ ấy ; và trên hết chúng ta cần được nhắc-nhở rằng cách đánh giá hay nhất nhũng cửa-lễ không phải đánh giá những gì chúng ta dâng, rên là xem chúng ta giữ lại bao nhiêu. Ảnh-hưởng của đòn-bà này vẫn đang lôi-cuốn quần-chúng đến kho tiền của Chúa.

10. Sự hiện đến của Đấng Christ.

Đoạn 13 : 1-37

« 1 Đức Chúa Jêsus vừa ra khỏi đền-thờ, có một người môn-đồ thưa cùng Ngài rằng : Thưa thầy, hãy xem đá và các nhà này là đường nào ! 2 Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Người thấy các nhà lớn này ư ! Rồi ra sẽ không còn một hòn đá sót lại trên một hòn khác nữa : Cả thầy đều đổ xuống.

3 Ngài đương ngồi trên núi Ô-li-ve, đối ngang đền-thờ, thì Phi-e-rơ, Gia-cơ, Giăng và Anh-rê hỏi riêng Ngài rằng : 4 Xin thầy nói cho chúng tôi biết lúc nào các điều đó xảy đến, và có điềm chỉ cho người ta biết các sự đó sẽ hoàn-thành ? 5 Đức Chúa Jêsus khởi phán rằng : Hãy giữ mình kẻo có ai lừa-dối các người chăng. 6 Có nhiều kẻ sẽ lấy danh ta mà đến, xưng rằng : Chính ta là Đấng Christ ! Họ sẽ dỗ-dành nhiều người. 7 Khi các người nghe nói về giặc và nghe tiếng đồn về giặc, thì đừng bối-rối : những sự ấy phải xảy đến ; nhưng chưa là cuối-cùng. 8 Vì dân này sẽ đẩy lên nghịch cùng dân khác, nước nọ nghịch cùng nước kia ; cũng sẽ có động đất nhiều nơi, và đói-kém. Đó chỉ là đầu sự khốn-khở mà thôi. 9 Còn các người, phải giữ mình ; họ sẽ nộp các người trước tòa-án ; các người sẽ bị đánh trong các nhà hội, và vì cố ta, sẽ đứng trước mặt các quan tổng-đốc và các vua, để làm chứng trước mặt họ. 10 Nhưng trước hết Tin-lành phải được giảng ra cho khắp muôn dân đã. 11 Và, khi họ điệu các người đi nộp, chớ có ngại trước về điều mình sẽ nói, nhưng đến giờ đó, hãy nói theo lời sẽ ban cho ; vì ấy không phải các người nói, bèn là Đức Thánh-Linh vậy. 12 Bấy giờ, anh sẽ nộp em cho phải chết, cha sẽ nộp con ; con-cái sẽ đẩy lên nghịch cùng cha mẹ mình mà làm cho phải chết. 13 Các người sẽ bị mọi người ghen-ghét vì danh ta ; song ai cứ bền lòng đến cuối-cùng, người ấy sẽ được cứu.

14 Khi các người sẽ xem thấy sự tàn-nát góm-ghiếc lập ra nơi không nên lập (ai đọc phải để ý), bấy giờ những kẻ ở trong xứ Giu-đê hãy trốn lên núi ;

15 ai ở trên mái nhà chớ xuống, và chớ vào trong nhà mà chuyên bắt-luận vật gì ; 16 ai ở ngoài đồng chớ trở về lấy áo-xống mình. 17 Trong những ngày đó, khốn cho đờn-bà có thai cùng đờn-bà cho con bú ! 18 Hãy cầu-nguyện cho điều đó chớ xảy ra lúc mùa đông. 19 Vì trong những ngày ấy có tai-nạn, đến nỗi từ ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất cho đến bây giờ chưa hề có như vậy, và về sau cũng sẽ chẳng hề có nữa. 20 Nếu Chúa chẳng giáng-bớt các ngày ấy, thì không có sanh-vật nào được cứu ; song vì có những kẻ Ngài đã chọn, nên Ngài đã giáng bớt các ngày ấy. 21 Khi ấy, dầu có ai bảo các người rằng : Kia, Đấng Christ ở đây, hay là : Ngài ở đó, thì chớ tin. 22 Những christ giả, tiên-tri giả, sẽ nổi lên, làm những dấu lạ, phép lạ, nếu có thể được thì họ cũng đổ-dành chính những người được chọn. 23 Hãy giữ lấy, ta đã nói trước cho các người cả.

24 Trong những ngày ấy, sau kỳ tai-nạn, mặt trời sẽ tối-tăm, mặt trăng chẳng chiếu sáng nữa, 25 các ngôi sao sẽ tự trên trời rớt xuống, và thể-lực các tầng trời sẽ rung-động. 26 Bây giờ người ta sẽ thấy Con người lấy đại-quyền đại-vinh ngự đến trên đám mây ; 27 Ngài sẽ sai các thiên-sứ đặng nhóm những kẻ được chọn ở bốn-phương, từ đầu cùng đất cho đến đầu cùng trời.

28 Hãy nghe lời thí-dụ về cây vả. Vừa khi nhánh nó trở nên non và nứt lộc, thì biết mùa hạ gần tới. 29 Cũng một lẽ ấy, khi các người thấy các điều đó xảy đến, hãy biết Con người đã tới gần, ở nơi cửa. 30 Quả thật, ta nói cùng các người, dòng-dôi này chẳng qua trước khi mọi sự kia xảy tới. 31 Trời đất sẽ qua đi, song lời ta không bao giờ qua đâu.

32 Về ngày và giờ đó, chẳng ai biết chi hết, các thiên-sứ trên trời, hay là Con cũng chẳng biết nữa ; song chỉ Cha mà thôi. 33 Hãy giữ mình, tỉnh-thức ; vì các người chẳng biết kỳ đó đến khi nào. 44 Ấy cũng như một người kia đi đường xa, bỏ nhà, giao cho đầy-tớ mỗi đứa cai-quản một việc, và cũng biểu đứa canh

cửa thừe canh. ³⁵ Vậy, các người hãy thừe canh, vì không biết chủ nhà về lúc nào, hoặc chiều tối, nửa đêm, lúc gà gáy, hay là sớm mai, ³⁶ e cho người về thình-linh, gặp các người ngủ chãng. ³⁷ Điều mà ta nói cùng các người, ta cũng nói cho mọi người: **Hãy tỉnh-thức!** »

Khi Chúa Jêsus và các môn-đồ đang ngồi trên núi Ô-li-ve, thì Ngài dự-ngôn về thành Giê-ru-sa-lem bị tàn-phá và sự tái-làm vinh-hiền của Ngài. Ngài vừa ra khỏi Đền-thờ lần chót và khi họ đi ngang qua sân đền thì các môn-đồ xin Ngài chú-ý đến vẻ đẹp nguy-nga lộng-lẫy của tòa nhà; họ lấy làm kinh-ngạc khi Chúa đáp: « Rồi ra sẽ không còn một hòn đá sót lại trên một hòn đá khác nữa: Cả thấy đều đổ xuống. » Một lát sau, trên đường đi đến Bê-tha-ni, khi họ dừng lại nghỉ nơi triền núi phía tây, bốn vị sứ-đồ đến hỏi Chúa mà rằng: « Xin thầy nói cho chúng tôi biết lúc nào các điều đó xảy đến, và có điềm chi cho người ta biết các sự đó sẽ hoàn-thành? »

Nhơn cơ-hội này, Chúa bèn dự-ngôn chãng những về sự tàn-phá của Giê-ru-sa-lem nhưng luôn cả sự tái-làm của chính mình Ngài mà điềm báo trước sẽ là một « dấu lạ » và dấu-hiệu. Nhiều chỗ khó hiểu trong bài này sẽ không còn khi chúng ta nhớ rằng ở đây Chúa đang diễn-tả đến hai chớ không phải một biến-cổ. Ngài dự-ngôn về sự sụp-đổ của thành thánh bởi đạo quân La-mã, nhưng Ngài lại dùng những màu sắc của cảnh-tượng bi-thảm ấy để vẽ lên hình-ảnh của sự tái-làm trong vinh-hiền của Ngài. Hai sự dự-ngôn này được kết lại với nhau đến nỗi phải cân-thận lắm để xác-định những chi-tiết nào thuộc về sự dự-ngôn nào, và phải dung-hòa những ý-kiến chân-chính khác nhau khi giải-luận những đoạn có sự tương-đồng và thường mang một ngôn-ngữ tượng-trưng. Dĩ-nhiên là khi sự tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem là điềm khởi đầu câu chuyện thì cả hai biến-cổ đều được nhắc đến trong hai mươi ba câu đầu, và phần kết thì đặc-biệt đề-cập tới sự tái-làm của Chúa chúng ta.

Trong những đoạn kế-tiếp nhau, lời dự-ngôn có thể được xếp theo thứ-tự như sau :

(1) Thời-kỳ hiện-tại và sự giảng-dạy Tin-lành ; (2) Sự khổ-hại lớn-lao ; (3) Các « dấu lạ » và sự hiện đến của Đấng Christ ; (4) lời khuyên hãy thức canh.

(1) Khi Chúa Jêsus điếm qua lời dự-ngôn về trọn thời-kỳ giữa sự thọ-hình trên cây thập-tự và sự tái-làm của Ngài, thì Ngài khuyên các môn-đồ hãy đề-phòng những Christ giả có thể hiện đến (câu 5, 6) và tránh bị cám-dỗ coi bất-cứ cơn giặc-giã hoặc tai-họa nào cùng là dấu-hiệu đặc-biệt về sự tái-làm của Ngài ; và nạn giặc-giã, động đất, và đói-kém là những biến-cố sẽ tuần-tự diễn ra trong thời-kỳ hiện-tại này ; mặc dù những sự ấy càng trở nên trầm-trọng thì cũng chỉ là « đầu sự khốn-khở mà thôi », là sự dự-báo cho một thời-kỳ tốt-đẹp sắp tới, những cơn đau đẽ của một thời-kỳ mới và chỉ là điếm báo hiệu cần-thiết về một « kỳ phục-hưng », một sự « phục-hưng mọi sự », và Nước toàn-hảo của Đức Chúa Trời trên đất (câu 7, 8).

Những kẻ theo Đấng Christ cần phải chờ-đợi sự bắt-bớ và khốn-khở ; họ không những bị các nhà cầm-quyền dân-sự phản-đối, lại còn bị truy-nã, bị ganh-ghét và bị giết bởi những người thân-thuộc nhất. Tuy vậy, nhiệm-vụ cao-cả không ngừng của họ là rao-giảng Tin-lành « cho khắp muôn dân. » Đức Thánh-Linh sẽ ban cho họ sự khôn-ngoaan và sức mạnh trong sự làm chứng công-khai này. Lòng trung-tin vững-bền của họ sẽ được ban thưởng bằng sự cứu-rỗi đời đời (câu 9-13).

(2) Sự khổ-nạn lớn-lao xảy ra trước sự tái-làm của Đấng Christ là do những sự chống-đối và bắt-bớ đạo liên-miên ở thời-kỳ hiện-tại, và là cực-điểm và chung-kết của những sự ấy. Biến-cố này được mượn hình sắc của thành Giê-ru-sa-lem bị tàn-phá bởi Titus được diễn-tả rất linh-động đến nỗi nếu quá nhấn mạnh sự tương-tợ của hai biến-cố ấy thì thật tai-hại. « Sự tàn-phá góm-ghiếc » — được mô-tả ở đây như là một cá-nhân mà nhiều người cho là ám-chỉ hoàng-đế La-mã tượng-trung bởi quân-đội và hình-hiệu hoàng-gia, — là phản-ảnh của một « kẻ tội-lỗi » mà dưới quyền thống-trị của người sẽ có một thời-kỳ khổ-hại mà thế-gian chưa từng thấy, mà nếu không có sự can-thiệp đã được quyết-định của Đức Chúa Trời thì

đường như không ai có thể sống sót dưới chế-độ dã-man và khủng-khiếp ấy. Vì loài người ao-ước được giải-thoát nên họ sẽ dễ bị dối-gạt bởi nhiều christ và tiên-tri giả sắp đến. Tuy vậy, nhưng Co-đốc-đô thật sẽ được sửa-soạn để đối-phó mọi sự ấy nhờ những lời dự-ngôn mà Chúa đã phán cùng họ (câu 14-23).

(3) Các « dấu lạ » theo thứ-tự bất-di-dịch của lời tiên-tri, tiếp theo liền « tai-nạn lớn-lao » và xảy ra trước sự tái-lâm của Đấng Christ, được mô-tả như những hình-ảnh với màu-nhiệm vừa cảm-động : « Mặt trời sẽ tối-tăm, mặt trăng chẳng chiếu sáng nữa, các ngôi sao sẽ tự trên trời rớt xuống, và thế-lực các tầng trời sẽ rung-động. » Đoạn xảy ra biến-cố mà mọi thời-đại đều hướng về và thế-gian đáng thương đang mong đợi, và bởi biến-cố ấy công-việc của Hội-thánh sẽ được ban-thưởng và mọi hi-vọng của Hội-thánh sẽ được thành-tựu, đó là sự hiện đến đầy vinh-hiền của Đấng đã bị đóng đinh, đã phục-sinh và đã thăng-thiên. « Bấy giờ người ta sẽ thấy Con người lấy đại-quyền đại-vinh ngự đến trên đám mây. » Ngài sẽ nhóm-hợp và ban-thưởng những tội-tờ trung-tín đã chịu khổ-hại và bắt-bớ « từ đầu cùng đất cho đến đầu cùng trời » (câu 24-27).

(4) Khi xét đến biến-cố này, Chúa giục các môn-đồ phải có một tinh-thần cảnh-giác. Dĩ-nhiên sẽ có những « dấu lạ » ngay trước ngày tái-lâm của Ngài, cũng y như những lộc non trên cây cho biết mùa hạ đã gần ; sự tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem là biểu-tượng lớn-lao cho thời-kỳ cuối-cùng sẽ xảy đến như Ngài đã phán, đang khi dòng-dõi hiện-tại vẫn còn sống. Tuy vậy, lời của Ngài « không bao giờ qua đâu » ; tất cả những lời tiên-tri này sẽ được ứng-nghiệm. Ngày và giờ của sự tái-lâm của Ngài chẳng ai biết. Chính Ngài là Đấng đã tự hạ mình xuống làm người, cũng tinh-nguyện không biết nữa.

Vậy, sự cảnh-giác không phải cốt ở sự tính-toán vô-ích về thời-gian Chúa đến cũng không cốt ở sự phỏng-đoán ngày giờ mà Đức Chúa Trời không hề tiết-lộ và cũng không phải là chèn-mảng trong nhiệm-vụ ; song được biểu-lộ ở sự tuyệt-đối trung-tín với những công-việc

hằng ngày của chúng ta. Chúng ta ví như những đày-tớ mà Chủ đã đi đến một xứ xa và giao ai theo việc nấy. Chúng ta phải tỉnh-thức và cần-mẫn trong những địa-vị khác nhau của mình và phải quan-tâm rằng Tin-lành phải được rao-giảng cho muôn dân để không có lý-do sợ-hãi hay ân-hận gì khi chúng ta biết được rằng ngày Chúa đến đã hầu kề.

D. Thứ tư

Cuộc âm-muru, Lòng sùng-kính, Sự phản-bội

Đoạn 14 : 1-11

« 1 Hai ngày trước lễ Vượt-qua và lễ ăn bánh không men, các thầy tế-lễ cả cùng các thầy thông-giáo tìm mưu định bắt Đức Chúa Jê-sus và giết đi. 2 Vì họ nói rằng : Chẳng nên làm việc nầy trong ngày lễ, sợ sanh sự xôn-xao trong dân-chúng.

3 Đức Chúa Jê-sus ở tại làng Bê-tha-ni, trong nhà Si-môn là kẻ phung. Ngài đương ngồi bàn ăn, có một người dờn-bà vào, đem một cái bình bằng ngọc, đựng đầy dầu cam-tông thật rất quý-giá, đập bể ra mà đổ dầu thơm trên đầu Đức Chúa Jê-sus.

4 Có vài người nổi giận nói cùng nhau rằng : Sao xài phí dầu thơm ấy như vậy ? 5 Vì có thể bán dầu đó được hơn ba trăm đơ-ni-ê, mà bố-thí cho kẻ khó-khăn. Vậy, họ oán-trách người. 6 Nhưng Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Hãy để mặc người ; sao các người làm rầy người mà chi ? Người đã làm một việc tốt cho ta. 7 vì các người hằng có kẻ khó-khăn ở cùng mình, khi nào muốn làm phước cho họ cũng được, nhưng các người chẳng có ta ở luôn với đâu. 8 Người đã làm điều mình có thể làm được, đã xúc xác ta trước để chôn. 9 Quả thật, ta nói cùng các người, trong khắp cả thế-gian, hễ nơi nào Tin-Lành nầy được giảng ra, việc người đã làm cũng sẽ được nhắc lại để nhớ đến người.

10 Bấy giờ, Giu-đa Ích-ca-ri-ốt là một trong mười hai sứ-dõ, đến nơi các thầy tế-lễ cả, để nộp Đức Chúa

Jésus cho. 11 Họ vui lòng mà nghe, và hứa cho nó tiền bạc; rồi Giu-đa tìm dịp-tiện để nộp Ngài. »

Việc Ma-ri xúc dầu cho Chúa Jê-sus có lẽ xảy ra trong tuần-lễ sớm hơn câu chuyện Mác kể lại. Có lẽ việc làm ấy được đặt đề vào chỗ này với mục-dịch để cân-nhắc kỹ là nhằm đối-chiếu hành-động của tình yêu-thương chân-thành với âm-muru giết người của bọn cầm-quyền và sự phản-bội gớm-ghiếc của Giu-đa, và có lẽ vì cơ việc làm ấy và lời quở-trách tiếp theo đó mà Giu-đa cuối-cùng đã quyết-định giúp các thầy tế-lễ cả một cách bí-đi theo như câu chuyện trên đây cho ta thấy rằng họ rất cần sự giúp-đỡ ấy. Như vậy, có một sự tương-quan hợp-lý giữa ba đoạn sách ngán-ngủ này vì chúng đã hợp nhau đề tạo nên một chuyện-tiếp khéo-léo từ những biến-cổ sôi-nổi trong ngày giảng-dạy công-khai cuối-cùng của Chúa Jê-sus sang qua sự trở về và chịu chết tại thành Giê-ru-sa-lem của Ngài. Ngày ở giữa hai ngày ấy là ngày mà các nhà cầm-quyền họp lại bàn mưu chống-ngịch Chúa thì hình như là ngày Ngài đã dùng đề nghỉ-ngơi ở Bê-tha-ni.

Sự ngu-dốt phạm-nhơn của những kẻ thù Chúa xuất-hiện để làm thất-bại tài tiên-tri thiên-thượng của Chúa chúng ta; họ bàn mưu giết Ngài nhưng quyết-định dứt-khoát rằng không nên làm đều đó nhằm kỳ lễ Vượt-qua, vì họ sợ dân-chúng nổi loạn; Chúa thấy trước rằng kỳ lễ này chính là thời-kỳ mà Ngài sẽ bị đóng đinh và Ngài phán rằng việc xúc dầu cho Ngài ở Bê-tha-ni là một sự sửa-soạn thích-hợp cho việc an-táng Ngài sắp đến.

Người đờn-bà biểu-lộ lòng yêu-thương của mình bằng lễ-vật dầu thơm quý giá là Ma-ri ở Bê-tha-ni. Không nên lầm-lẫn với người đờn-bà phạm-tội đã rửa chơn Chúa Jê-sus bằng nước mắt của mình hay với Ma-ri Ma-đơ-len. Mỗi đêm trong tuần-lễ cuối-cùng đáng ghi nhớ này, Chúa đều ở tại nhà Ma-ri và Ma-thê với anh của họ là La-xa-rơ, người đã được Chúa kêu dậy từ kẻ chết. Khi một tiệc lớn được dọn để đãi Chúa tại nhà Si-môn ở Bê-tha-ni, thì Ma-ri vào và đổ dầu trên đầu, chơn Chúa một bình dầu rất quý-giá. Khi các môn-đồ phản-đối việc hoang-phí một số tiền quá lớn có thể dùng để giúp kẻ nghèo, thì Chúa Jê-sus lại bênh-

vực và ca-ngợi việc được coi như là một sự hoang-phí ấy và dạy-dỗ rằng : 1) Không một lẽ-vật nào không thể lớn quá nếu được dâng-hiến cho Ngài với lòng yêu-thương chân-thành ; « người đã làm một việc tốt cho ta » ; một hành-động có thể tốt-đẹp về phần đạo-đức mặc dù thiếu sự ích-lợi thiết-thực. 2) Sự chăm-sóc kẻ nghèo và những nhiệm-vụ thường-xuyên khác có thể nhường lối cho một cơ-hội hầu việc chỉ có thể đến một lần ; ngay cả hành-động phước-thiện cũng không phải luôn luôn biểu-lộ hoàn-toàn nhất lòng tin-ngưỡng chân-thành của Cơ-đốc-đồ : «Vi các ngươi hằng có kẻ khó-khăn ở với mình... nhưng các ngươi chẳng có ta ở luôn với đâu.» 3) Chúa Jêsus nhìn thấy những gì khác hơn nữa trong sự hầu việc Ngài của chúng ta và đánh giá cao sự hầu việc ấy hơn là chúng ta tưởng. « Người đã làm điều mình có thể làm » không có nghĩa là người đã làm việc rất nhỏ có thể làm, bèn là đã làm việc vĩ-đại mà cơ-hội đã đem đến. Nàng « đã xúc xác ta trước đê chôn. » 4) Ảnh-hưởng, nếu không muốn nói là kỷ-niệm, của một hành-động hi-sinh vì Đấng Christ không bao giờ chấm-dứt. Không một việc làm khác nào được Chúa Jêsus ca-ngợi như vậy. « Trong khắp cả thế-gian, hễ nơi nào Tin-Lành này được giảng ra, việc người đã làm cũng sẽ được nhắc lại để nhớ đến người. »

Trước bối-cảnh của bức tranh tốt-đẹp này là hình-ảnh đen-tối biết bao của Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, kẻ đã tự-ý, tự-nguyện đến cùng các thầy tế-lễ cả, bằng lòng phản Chúa và giao Ngài trong tay họ ở vào lúc và nơi không có dân-chúng. Không có khả-năng nào giảm nhẹ tội-ác này được, và thực-sự không sao chối-cải được là lý-do chính của trọng-tội ấy là sự tham-lam ; song le, sự thật đáng buồn là Giu-đa không phải là một quái-vật phi-thường ; người chỉ là một thí-dụ về những gì mà cuối-cùng một người sẽ phải làm trong khi giao-thông mỗi ngày với Chúa mà không từ-bỏ và thắng hơn được tội-lỗi vương-vấn mình.

E. Thứ năm

1. Bữa ăn cuối-cùng.

Đoạn 14 : 12-26

« 12 Ngày thứ nhứt về lễ ăn bánh không men, là

ngày giết chên con làm lễ Vượt-qua, các môn-đồ thừa cùng Đức Chúa Jê-sus rằng : Thầy muốn chúng tôi đi dọn cho thầy ăn lễ Vượt-qua tại đâu ? ¹³ Ngài sai hai môn-đồ đi, và dặn rằng : Hãy vào thành, sẽ gặp một người xách xô nước ; cứ theo sau, ¹⁴ hãy người vào nhà nào, các người sẽ nói cùng chủ nhà ấy rằng : Thầy phán : Cái phòng ta sẽ dùng ăn lễ Vượt-qua với môn-đồ ta ở đâu ? ¹⁵ Chính kẻ đó sẽ chỉ cho các người một cái phòng lớn trên lầu có đồ-dạ sẵn-sàng, hãy dọn tại đó cho chúng ta. ¹⁶ Vậy, hai môn-đồ đi ra mà vào thành, gặp mọi điều như lời Ngài đã phán, rồi dọn lễ Vượt-qua.

¹⁷ Buổi chiều, Ngài đến với mười hai sứ-đồ. ¹⁸ Đang ngồi ăn, Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Quả thật, ta nói cùng các người, trong vòng các người có một kẻ ngồi ăn cùng ta, sẽ phản ta. ¹⁹ Các môn-đồ bèn buồn-rầu lắm, cứ lần-lượt mà thưa cùng Ngài rằng : Có phải tôi chăng ? ²⁰ Ngài đáp rằng : Ấy là một trong mười hai người, là người thò tay vào mâm cùng ta. ²¹ Vì Con người đi, y như lời đã chép về Ngài ; song khốn cho kẻ phản Con người ! Thà nó chẳng sanh ra thì hơn.

²² Khi đang ăn, Đức Chúa Jê-sus lấy bánh, tạ ơn, đoạn bẻ ra trao cho các môn-đồ, mà phán rằng : Hãy lấy, nầy là thân-thể ta. ²³ Ngài lại cầm chén, tạ ơn, rồi trao cho các môn-đồ, và ai nấy đều uống. ²⁴ Ngài phán rằng : Nầy là huyết ta, huyết của sự giao-ước đổ ra cho nhiều người. ²⁵ Quả thật, ta nói cùng các người, ta không uống trái nho nầy nữa, cho đến ngày ta sẽ uống trái nho mới trong nước Đức Chúa Trời.

²⁶ Khi đã hát thơ-thánh rồi, Chúa và môn-đồ đi ra đặng lên núi Ô-li-e. »

Cơ-đốc-đồ tưởng rằng bữa ăn cuối-cùng mà Chúa dự phần với các môn-đồ và Tiệc Thánh của Chúa mà ta dự với Ngài là một. Ta có thể xét qua bữa ăn trên đây một cách rất hữu-ích bằng cách xem nó có những sự dạy-đỗ gì về sự giữ lễ Tiệc Thánh,

1) Phải sửa-soạn tâm-hồn và tâm-trí để phòng-ngừa những ý-tưởng có thể cắt đứt mối giao-thông của chúng ta với Chúa và khiến chúng ta quên đi sự hiện-diện của Đấng Christ. Vậy, khi Chúa Jêsus sai Phi-e-rơ và Giăng vào thành để sửa-soạn tiệc cho lễ Vượt-qua thì Ngài không cho họ biết sẽ đi đến nhà nào hay chủ nhà nào sẽ tiếp họ ; Ngài không muốn Giu-đa nghe và điềm-chỉ nơi ấy cho các thầy tế-lễ cả và các nhà cầm-quyền. Điều này là một thí-dụ khác về sự hiểu biết siêu-phàm của Chúa Jêsus vì Ngài đoán trước rằng các môn-đồ sẽ « gặp một người xách vò nước », và người ấy sẽ dẫn họ đến nơi đã định ; Chúa cũng biết rằng Giu-đa đang còn ở chung với các môn-đồ một lần nữa, đã mặc-cả để phản Ngài. Vậy, Chúa đã giữ kín vị-tri của phòng cao ; Ngài đề-phòng mọi sự gián-đoạn và hoãn lại việc Ngài bị bắt cho đến khi Ngài có cơ-hội để hoàn-tất bữa ăn tối, để ban cho các môn-đồ những lời an-ủi và để có thì-giờ ở một mình trong vườn với Đức Chúa Trời. Nếu Chúa nói chuyện với chúng ta tại bàn tiệc của Ngài, thì chúng ta phải sửa-soạn lòng mình để sẵn-sàng cho ngày giờ và nơi nhóm-họp đã giao-hẹn cách kín-đáo và thiêng-liêng ấy (câu 12-16).

2) Chúng ta phải đề-phòng kẻo có lòng bất-trung đối với Đấng Christ. Chúa Jêsus dự-liệu rằng không một kẻ thù-nghịch nào có thể vào quấy-rối được ; nhưng Giu-đa lại ở trong nhóm họ. Sự hiện-diện của Giu-đa và việc Chúa biết trước về tội-lỗi kín giấu của người khiến Chúa đau lòng, và sự đau buồn ấy được các môn-đồ chia-xẻ khi Ngài phán với họ rằng một người trong bọn họ sẽ phản Ngài. Lời phán trước của Ngài về sự bội-phản của Giu-đa không có nghĩa là tội ấy tất phải xảy ra ; Giu-đa biết rằng sự phản-bội của người là một hành-động mà mình tự-do lựa-chọn ; và Chúa phán cùng người một lời kết-án độc-nhất vô-nhị : « Thà nó chẳng sanh ra thì hơn. » Đoạn, hình như Giu-đa đã bỏ phòng nhóm sau khi xong bữa ăn lễ Vượt-qua và trước khi Tiệc Thánh của Chúa được bày ra. Chắc rằng nếu chúng ta dự-phần với Đấng Christ thì phải từ-bỏ những ý-nghĩ phản-bội và tội-lỗi giấu kín có thể tìm thấy ngay trong những tin-đồ thân-mật nhất của Chúa (câu 17-21).

3) Chúng ta phải chú hết tâm-trí vào sự hi-sinh chịu chết của Chúa và thề-nguyện dâng mình cách mới-mẻ cho Chúa. Chúa Jê-sus bẻ bánh đưa cho các môn-đồ là một dấu-hiệu về thân-thể Ngài mà mai đây sẽ bị rách nát bởi roi-vọt, gai-chông và đóng đinh trên cây thập-tự; Ngài rót rượu là một dấu-hiệu về huyết của Ngài phải được « đổ ra cho nhiều người. » Ngài phán một « sự giao-ước mới » đã được xác-nhận, một giao-ước của ân-diễn và tình-thương vô-đối, cao hơn cả giao-ước trên núi Si-nai. Căn-cứ theo giao-ước này, thì những kẻ dự phần cùng Đấng Christ bởi đức-tin không chỉ nhận được sự tha tội lại còn nhận được quyền-năng cho một cuộc sống thánh-khiết. Để thực-hiện việc này, Đấng Christ đã chết thay chúng ta; đối với những dấu hiệu của tình yêu-thương ấy, chúng ta phải tái-hứa trung-tín và dâng đời sống mình cho Ngài (câu 22-24).

4) Chúng ta phải lấy làm vui-mừng trước một cảnh-tượng mới về sự vinh-hiến hầu đến. Chúa Jê-sus phán rằng khi Ngài xa cách họ một thời-gian, Ngài sẽ cùng họ, một ngày kia, uống thứ rượu khác ngon hơn trong Nước trọn-vẹn của Đức Chúa Trời. Bữa Tiệc Thánh sẽ đưa tư-tưởng chúng ta hướng về sự tái-hợp với những người thân-yêu, hướng về các tầng trời đang mở ra, và hướng về thời-kỳ bình-an đại-đồng, vì khi chúng ta ăn bánh và uống chén này tức là chúng ta phô-bày sự chết của Chúa cho đến lúc Ngài đến (câu 25).

5) Chúng ta phải tiến đến những sự thử-thách và phấn-đấu với bài ca chiến-thắng trên môi. « Khi đã hát thơ-thánh rồi, Chúa và môn-đồ đi ra đặng lên núi Ô-li-ve. » Chúa Jê-sus tiến đến Ghết-sê-ma-nê, đến sự thống-khổ, và đến thập-tự giá; song Ngài ra đi như một Đấng toàn thắng, chinh-phục mọi sự sợ-hãi, đau-đớn và chết, để phục-sinh và trị-vì và khiến những kẻ tin-cậy Ngài « đắc-thắng có thừa. »

2. *Nỗi thống-khổ.*

Đoạn 14 : 27-42

« 27 Đức Chúa Jê-sus phán cùng môn-đồ rằng:

Hết thầy các người sẽ gặp dịp vấp-phạm ; vì có chép rằng : Ta sẽ đánh kẻ chân chiên, thì bầy chiên sẽ tan-lạc. ²⁸ Nhưng khi ta sống lại rồi, ta sẽ đi đến xứ Ga-li-lê trước các người. ²⁹ Phi-e-rơ thưa rằng : Dầu mọi người vấp-phạm vì có thầy, nhưng tôi chẳng hề làm vậy. ³⁰ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Quả thật, ta nói cùng người, hôm nay, cũng trong đêm nay, trước khi gà gáy hai lượt, người sẽ chối ta ba lần. ³¹ Nhưng Phi-e-rơ lại thưa cách quả-quyết hơn rằng : Dầu tôi phải chết cùng thầy, tôi cũng chẳng chối thầy đâu. Hết thầy các môn-đồ khác cũng đều nói như vậy.

³² Kế đó, đi đến một nơi kia, gọi là Ghết-sê-ma-nê, Đức Chúa Jê-sus phán cùng môn-đồ rằng : Các người hãy ngồi đây, đợi ta cầu-nguyện. ³³ Ngài bèn đem Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng đi, thì Ngài khởi-sự kính-hãi và sầu-não. ³⁴ Ngài phán cùng ba người rằng : Linh-hồn ta buồn-rầu lắm cho đến chết ; các người hãy ở đây, và tỉnh-thức. ³⁵ Rồi Ngài đi một đỗi xa hơn, sắp mình xuống đất mà cầu-nguyện rằng nếu có thể được, xin giờ này qua khỏi mình. ³⁶ Ngài rằng : A-ba, lạy Cha, mọi việc Cha làm được cả ; xin Cha cất chén này khỏi con ; nhưng không theo điều con muốn, mà theo điều Cha muốn. ³⁷ Rồi Ngài trở lại, thấy ba người ngủ ; bèn phán cùng Phi-e-rơ rằng : Si-môn, ngủ ư ! Người không thức được một giờ sao ? Hãy tỉnh-thức và cầu-nguyện, để các người khỏi sa và chước cám-dỗ ; tâm-thần thì muốn lắm, mà xác-thịt thì yếu-đuối. ³⁸ Ngài lại đi lần nữa, và cầu-nguyện ư như lời trước. ⁴⁰ Ngài trở lại, thấy môn-đồ còn ngủ, vì con mắt đã đừ quá ; và không biết trả lời cùng Ngài thế nào. ⁴¹ Ngài trở lại lần thứ ba, phán cùng môn-đồ rằng : Bây giờ các người ngủ và nghỉ-ngơi ư ! Thôi, giờ đã tới rồi ; này, Con người hầu bị nộp trong tay kẻ có tội. ⁴² Hãy chớ dậy, đi về ; kia, đũa phản ta đã đến gần. »

Tài tiên-tri thiên-thượng và lòng can-đảm anh-dũng của Chúa thật khác biệt với sự vô-tin ngu-đốt và lòng tin-cậy tự-mãn của các môn-đồ. Trên đường từ phòng cao đến vườn Ghết-sê-ma-nê, Chúa Jê-sus phán cùng các môn-đồ rằng họ sắp bỏ mặt Ngài vì sợ-hãi, hèn-nhát, rằng

Ngài sẽ bị giết và họ sẽ tan-lạc như chiên ; rằng tuy-nhiên, Ngài sẽ sống lại và đi đến Ga-li-lê trước họ. Phi-e-rơ dẫn đầu các môn-đồ bạn mình trong việc phản-đối lại đề tỏ lòng tận-trung và can-đảm, dù Chúa Jê-sus đã đáp lại rằng Phi-e-rơ sẽ chối Ngài ba lần, chính trong đêm ấy. Các môn-đồ thật quá mù-quáng về tấn thâm-kịch sắp đến mà Chúa đang dự-ngôn rất rõ-rệt !

Khi họ đến tại cảnh vườn thì cảnh-tượng rõ-ràng về sự đau-đớn sắp đến đưa Chúa vào một cơn thống-khổ vô-biên trong tâm-thần. Các môn-đồ không chịu lời cảnh-cáo về sự thử-thách sắp đến của họ, họ không cảm thấy ưu-sâu gì cả và vì vậy họ đã thất-bại trong giờ thử-thách ; Chúa Jê-sus tin chắc sẽ cay-đắng ở ngày mai, Ngài nghĩ trước về những sự đau-đớn của ngày ấy và Ngài đã đương-đầu mọi sự ấy với sự bình-tĩnh và trong đức-tin đặc-thắng.

Chắc-chắn rằng « chén » mà Chúa Jê-sus mong tránh khỏi là sự chết trên thập-tự giá hầu đến của Ngài ; nhưng cơn thống-khổ của Ngài trong Vườn tăng thêm ý-nghĩa và sự mầu-nhiệm của sự chết ấy. Một linh-hồn đa-cảm chùn bước trước sự đau-khổ là một điều tự-nhiên và khả-thứ ; nhưng nếu Chúa Jê-sus chịu sự thống-khổ vô đối ấy vì cơ khổ-hình về phần thể-xác của Ngài thì Ngài còn kém anh-dũng hơn nhiều tin-đồ Ngài. Tuy-nhiên, nếu trong giờ qua đời, Ngài phải bị xem là có tội ; nếu Ngài phải « phó sự sống mình » làm giá chuộc nhiều người, và nếu từng-trái của Ngài là duy-nhất tuyệt-đối, thì chúng ta có thể hiểu vì sao trong giờ phút chờ-đợi đen-tối ấy, linh-hồn Ngài đã buồn-rầu « cho đến chết. » « Chén » mà Chúa Jê-sus phải uống đây là cái chết của « kẻ gánh tội-lỗi. »

Trong cơn thống-khổ, Chúa mong được thấy mối tình của loài người đối với Ngài ; Ngài bảo một số các môn-đồ hãy thức canh với Ngài. Sự mệt-mỏi và cơn buồn ngủ của họ đã về rõ những giới-hạn về mối tình ấy. Ngoài mọi sự an-ủi do tình thân-thuộc, sự đau-buồn và thử-thách luôn luôn là những từng-trái về sự cô-đơn và cô-lập.

Chúa Jê-sus đã đi tìm sự giúp-đỡ cao-cả trong lời cầu-nguyện. Ngài đã vào Vườn để cầu-nguyện. Ngài vẫn cầu-nguyện khi cơn thống-khổ dẫn-vật linh-hồn Ngài dự-

đội nhất; và lời cầu-nguyện của Ngài đã được nghe; chẳng phải chén ấy được cất đi nhưng ân-diên đã được ban để Ngài uống cạn hết chén chén ấy, và sự chết đã mất hết cái nọc độc của nó; mồ-mả cũng mất hết quyền-lực của nó; Chúa Jêsus đã « trở nên cội-rễ của sự cứu-rỗi đời đời cho những kẻ vâng lời Ngài. »

Chúa cầu-nguyện trong đức-tin; nhưng bản-chất của đức-tin ấy là sự sẵn lòng vâng lời: « Không theo điều con muốn, mà theo điều Cha muốn. » Ngài đã đắc-thắng vì tuân theo ý-chỉ của Cha. Khi kẻ phản Chúa đến và khi giờ đã đến thì Chúa đã sẵn-sàng và khá mãn-nguyện.

3. Chúa Jêsus bị bắt

Đoạn 14 : 43-52

« ⁴³ Ngài đương còn phán, tức thì Giu-đa, là một trong mười hai sứ-dồ thoát đến với một toán đông cầm gươm và gậy, bởi các thầy tế-lễ cả, các thầy thông-giáo, và các trưởng-lão phái đến. ⁴⁴ Và, đưa phán Ngài đã cho chúng dấu-hiệu này: Hề tôi hôn ai, ấy là người đó; hãy bắt lấy và điệu đi cho cẩn-thận. ⁴⁵ Vậy, khi Giu-đa đến rồi, liền lại gần Ngài mà nói rằng: Lạy thầy! Rồi nó hôn Ngài. ⁴⁶ Chúng bèn tra tay bắt Đức Chúa Jêsus. ⁴⁷ Có một người trong những kẻ ở đó rút gươm ra, đánh một đũa dầy-tớ của thầy cả thượng-phẩm, chém đứt tai đi. ⁴⁸ Đức Chúa Jêsus cất tiếng phán cùng chúng rằng: Các người đem gươm và gậy đến bắt ta như ta là kẻ trộm-cướp, ⁴⁹ Ta hằng ngày ở giữa các người, giảng-dạy trong đền-thờ, mà các người không bắt ta; nhưng điều ấy xảy đến, để lời Kinh-thánh được ứng-nghiệm. ⁵⁰ Bây giờ, mọi người đều bỏ Ngài và trốn đi cả.

⁵¹ Có một người trẻ tuổi kia theo Ngài, chỉ có cái khăn bằng gai trùm mình; chúng bắt người. ⁵² Nhưng người bỏ khăn lại, ở trường chạy trốn khỏi tay chúng. »

Giu-đa đã kết-thúc tội ghớm-ghiếc của mình một cách thật là hoàn-toàn xứng-hiệp với tính-cách đê-tiền của

nó. Người dẫn một lũ võ-trang bằng gươm và gậy vào Vườn mà Thầy người quen đến đây đề cầu-nguyện, và người phản Chúa tại đó bằng cách hôn Ngài, một dấu-hiệu mà người đề ra trong ám-ảnh lơ-mờ khỏi lầm-lẫn một trong các môn-đồ với Thầy. Như thế những hành-động phản-bội Đấng Christ thường có vẻ chán-ghét nhiều hơn vì cơ-tính-cách thiêng-liêng của nơi xảy ra sự việc và những lời cam-kết yêu-thương.

Nổi bật trên bối-cảnh nhóm người võ-trang là hình-ảnh của Chúa Jê-sus đầy vẻ trang-trọng oai-nghi. Bằng đoạn văn bi-thảm này, Mác khiến chúng ta phải chú-ý đến hình-ảnh ấy. Chúa tỏ vẻ tức giận về dụng-ý họ đến đây là dùng võ-lực mà bắt Chúa ; Ngài phản-đối việc họ bí-mật giấu việc bắt Ngài ; Ngài không bao giờ phạm-tội bạo-động, những lời dạy-dỗ của Ngài đều quang-minh. Tuy vậy, Ngài phán rằng việc đối-xử bất-chính ấy ứng-nghiệm lời Kinh-thánh đã dự-ngôn rằng Ngài sẽ bị liệt chung với những kẻ bất-lương.

Sự bình-tĩnh, không khiếp sợ của Chúa cũng tương-phản với hành-vi của các môn-đồ Ngài. Một trong bọn họ bị khích-động bởi lòng can-đảm do xác-thịt mà thôi, đã rút gươm và hăng-hái tấn-công một người đầy-tớ của thầy tế-lễ thượng-phẩm ; nhưng khi thấy Chúa không tỏ vẻ kháng-cự thì hết thấy các môn-đồ đều bỏ Ngài mà trốn đi. Vậy mà mới đây họ đã thề trung-thành với Ngài. Như vậy, chúng ta không nhận-biết tinh-thần hèn-nhát của chính mình, và như vậy lòng can-đảm của chúng ta phải thất-bại trong giờ thử-thách.

Có một chuyện kỳ lạ xảy ra chỉ Mác ghi lại tại đây : Rằng có một gã trai trẻ vì quá nóng lòng muốn thoát khỏi bắt-bớ đã « ở trường chạy trốn. » Có người cho rằng gã này có thể là Giăng Mác. Chuyện thú-vị này có lẽ được ghi thêm để tỏ rằng Chúa Jê-sus đã hoàn-toàn bị bỏ rơi trong những giờ phút nguy-hiểm và đau-đớn của Ngài. Chắc-chắn Ngài đã biết những gì Ngài phải gánh chịu một mình.

F. Thứ sáu

I. Đức Chúa Jêsus trước mặt Cai-phe

Đoạn 14 : 53-65

«⁵³ Chúng điệu Đức Chúa Jêsus đến nơi thầy cả thượng-phẩm, có hết thầy thầy tế-lễ cả, trưởng-lão, và thầy thông-giáo nhóm-hợp tại đó. ⁵⁴ Phi-e-rô theo sau Ngài xa xa, cho đến nơi sân trong của thầy cả thượng-phẩm: rồi ngồi với quân lính gần đồng lửa mà sưởi. ⁵⁵ Và, các thầy tế-lễ cả, cùng cả tòa công-luận đều tìm chứng gì để nghịch cùng Đức Chúa Jêsus định giết Ngài, song không kiếm được chi hết. ⁵⁶ Vì có nhiều kẻ làm chứng dối nghịch cùng Ngài; nhưng lời họ khai chẳng hiệp nhau. ⁵⁷ Bấy giờ có mấy người đứng lên làm chứng dối nghịch cùng Ngài rằng: ⁵⁸ Chúng tôi có nghe người nói: Ta sẽ phá đền-thờ này bởi tay người ta cất lên, khôi ba ngày, ta sẽ cất một đền-thờ khác không phải bởi tay người ta cất. ⁵⁹ Song về điều này, lời chứng của họ cũng chẳng hiệp nhau nữa.

«⁶⁰ Khi ấy, thầy cả thượng-phẩm đứng dậy giữa hội-dồng, tra-hỏi Đức Chúa Jêsus mà rằng: Người chẳng đối-đáp chi hết về những điều các kẻ này cáo người sao? ⁶¹ Nhưng Đức Chúa Jêsus làm thinh, không trả lời chi hết. Thầy cả thượng-phẩm lại hỏi: Ấy chính người là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời đáng ngợi-khen phải không? ⁶² Đức Chúa Jêsus phán rằng: Ta chính phải đó; các người sẽ thấy Con người ngồi bên hữu quyền-phép Đức Chúa Trời, và ngự giữa đám mây trên trời mà đến. ⁶³ Bấy giờ thầy cả thượng-phẩm xé áo mình ra mà rằng: Chúng ta có cần kiểm chứng-cớ khác nữa làm chi? ⁶⁴ Các người có nghe lời lộng-ngôn chẳng? Các người nghĩ thế nào? Ai nấy đều đoán Ngài đáng chết.

⁶⁵ Có kẻ nhờ trên Ngài, dạy mặt Ngài lại, đấm Ngài, và nói với Ngài rằng: Hãy nói tiên-trí đi! Các linh canh lấy gậy đánh Ngài.»

Khi Chúa Jêsus bị bắt trong Vườn thì trời vẫn còn

khuya, trước tiên Ngài bị giải đến An-ne, thầy tế-lễ thượng-phẩm nhiệm-kỳ trước, đoạn đến rề người là Cai-phe, thầy tế-lễ thượng-phẩm đương-niên. Một cuộc nhóm-họp đặc-biệt được gọi là tòa công-luận hay hội-đồng quốc-gia. Trong đêm tối, các hội-viên vội-vả tiến về dinh Cai-phe. Tin Chúa Jê-sus bị bắt được loan ra nên khi Ngài được giải đến phòng hội-đồng thì « có hết thầy thầy tế-lễ cả, trưởng-lão, và thầy thông-giáo nhóm-họp tại đó. » Không một người bạn nào của Chúa có mặt cả; nhưng Mác cho chúng ta thấy rằng trong sân, ánh lửa mà các linh canh đã nhóm lên để sưởi đang chấp-chờn trên nét mặt của Phi-e-rơ. Ta cứ tạm thời cho rằng Chúa Jê-sus bị đem ra xử về cuộc đời riêng Ngài; nhưng thực thì công-hội kia đã bị phơi trần với tất cả cái chân-tượng của nó và đã bị kết án.

Hơn nữa, vận-mạng của một dân-tộc đã được quyết-định vì không ai có thể thoát khỏi tội của các đại-biêu và các nhà cầm-quyền của họ. Và lại, sự phán-xét thế-gian đang được sửa-soạn; loài người ngày nay phải dứt-khoát lập-trường của mình, hoặc theo Cai-phe, hoặc theo Đấng Christ; không thể có sự lung-chừng.

Những kẻ thù-nghịch Đức Chúa Jê-sus tự buộc họ vào tội theo thành-kiến, giả-dối và độc-ác. Họ không muốn tin nhận sự thật là công-lý có thể tạo ra được; họ cố tìm vài chứng-cớ để có thể buộc Chúa Jê-sus vào tội chết; họ chú tâm dùng sự chứng dối để hoàn-thành cuộc mưu-sát. Ngay cả những kẻ chứng dối mà họ đòi đến đều không có lời khai hiệp nhau và không hiệp lý chút nào để buộc tội Chúa Jê-sus được. Điều gằn hơn hết với lời kết án ngay thật là bản báo-cáo rằng Chúa đã phán « Ta sẽ phá đền-thờ này »; thật ra Chúa có dự-ngôn rằng dân Do-thái sẽ phá đền-thờ của thân-thể Ngài như tòa công-luận hiện giờ đang cố-gắng làm. Ngay đến lời chứng này cũng mâu-thuẫn với nhau và vô giá-trị.

Quá tuyệt-vọng, thầy tế-lễ thượng-phẩm bèn đòi Chúa Jê-sus đáp lại những lời tố-cáo, mong rằng Ngài sẽ tự buộc tội lấy mình; nhưng sự im lặng cao-thượng của Chúa đã nhấn mạnh một sự thật, mà những kẻ xét-xử Ngài đều nhận biết, ấy là không một chứng-cớ nào nêu ra

đáng được trả lời cả. Rõ-ràng là Chúa Jê-sus vô-tội.

Đoạn thầy tế-lễ thượng-phẩm trực-tiếp hỏi : « Người là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời đáng ngợi-khen phải không ? » Đức Chúa Jê-sus đáp thật rõ-ràng và minh-bạch : « Ta chính phải đó. » Đoạn Ngài thêm một câu trích-dẫn sách Đa-ni-ên nhấn mạnh lời tự-xưng ấy và tỏ-rõ một lời tiên-tri. « Các người sẽ thấy Con người ngồi bên hữu quyền-phép Đức Chúa Trời, và ngự giữa đám mây trên trời mà đến. » Mọi người đều nhận-thức rằng câu này chỉ về Đấng Mê-si ; cả tòa công-luận đều biết ý-nghĩa hệ-trọng của nó : Chúa Jê-sus hiện giờ ở dưới quyền của họ và họ là những kẻ xét-xử Ngài, nhưng rồi đây Ngài sẽ nắm quyền trị-vì thế-gian và sẽ hiện đến như Quan Án thiên-thượng của mọi người. Không có gì lạ khi Cai-phe kinh-hãi xé áo mình, hay khi tòa công-luận tuyên-bố rằng Chúa Jê-sus đáng chết. Ngài đã nói lộng-ngôn, hay ngược lại là Ngài đã nói lẽ thật. Tòa công-luận đã xử trước vụ án ; họ không bao giờ coi rằng Chúa Jê-sus có thể là Đấng Christ. Họ muốn biết rằng Ngài đã xưng như vậy ; và nếu quả vậy thì họ quyết-định trước rằng điều ấy là giả-dối và nếu là giả-dối thì Chúa Jê-sus đáng tội chết. Lý-luận ấy thật hoàn-hảo. Hoặc Chúa Jê-sus là một kẻ phạm-thượng hoặc Ngài là Đấng Christ thiên-thượng. Ngài tự-xưng rằng Ngài là Đấng Christ ; không kẻ nào có thể chối-bỏ lời tự-xưng của Ngài mà lại không nhập vào phe những kẻ thù-nghịch Ngài.

Đoạn họ « nhờ trên Ngài, đẩy mặt Ngài lại, đấm Ngài. » Thật khó tin rằng các nhà cầm-quyền, những người xưng là đại-diện cho Đức Chúa Trời lại có hành-động độc-ác như dã-thú ; nhưng con thú trong lòng con người lại hiện ra rõ hơn chúng ta giả-định. Khi loài người chối-bỏ Đấng Christ, khinh-miệt những lời giảng-dạy của Ngài, và không tuân theo Thánh-Linh của Ngài, thì chỉ còn có mấy vấn-đề ngày giờ và cơ-hội để cho lòng đố-ky, thành-kiến, ác-độc và thù-hận biến họ trở thành ác-quỉ và mang đến cho các dân-tộc chiến-tranh vô-nhơn-đạo.

2. Phi-e-rơ chối Chúa.

Đoạn 14 ; 66-72

« ⁶⁶ Phi-e-ơ đương ở dưới nơi sân, có một đầy-tớ gái của thầy cả thượng-phẩm đến, ⁶⁷ thấy Phi-e-ơ đương sườn, ngó người mà rằng : Người trước cũng ở với Jê-sus Na-xa-rét ! ⁶⁸ Nhưng người chối rằng : Ta không biết, ta không hiểu người nói chi. Đoạn, người bước ra tiền-đàng, thì gà gáy. ⁶⁹ Đầy-tớ gái đó thấy người, lại nói cùng những người ở đó rằng : Người này cũng là bọn đó, ⁷⁰ Nhưng người lại chối một lần nữa. Khi một chấp, những kẻ đứng đó nói cùng Phi-e-ơ rằng : Chắc thật, người cũng là bọn đó, vì người là người Ga-li-lê. ⁷¹ Người bèn rửa mà thề rằng : Ta chẳng hề quen biết với người mà các người nói đó ! ⁷² Tức thì gà gáy lần thứ hai ; Phi-e-ơ bèn nhớ lại lời Đức Chúa Jê-sus đã phán rằng : Trước khi gà gáy hai lượt, người sẽ chối ta ba lần. Người tưởng đến thì khóc. »

Phi-e-ơ thật lòng yêu Chúa Jê-sus ; nhưng trong giờ phút thử-thách thì lòng can-đảm bị thua và người chối Chúa. Tuy vậy, tội của người không giống như tội của Giu-đa. Tội của Giu-đa là bước đường xuống dốc cuối-cùng ; còn tội của Phi-e-ơ là một hành-động nhút-nhát trong một chức-vụ đã trở nên ích-lợi lớn cho Đấng Christ và Hội-thánh của Ngài.

Sự sa-ngã của Phi-e-ơ là do nơi lòng tự-tin của người. Khi người cam-kết rằng sẽ trung-thành với Đấng Christ dù mọi kẻ khác sẽ bỏ Ngài thì người bày-tỏ sự sùng-kính thành-thật của người, nhưng người đã biểu-lộ lòng kiêu-hãnh của mình. Kết-quả trước mắt ấy là người không thức canh và cầu-nguyện và do đó, người đã kinh-ngạc và bối-rối vì Chúa Jê-sus bị bắt và người bỏ Ngài trốn chạy như các môn-đồ khác. Người đã theo Chúa Jê-sus đến dinh thầy tế-lễ thượng-phẩm nhưng mong giấu kín việc mình là môn-đệ Chúa và muốn kẻ khác coi mình như một người trong đám đông. Mỗi tin-đồ Đấng Christ đều ở trong sự nguy-hiêm về đạo-đức nếu họ hồ-thẹn về Chúa mình và nếu họ cần thấy như Phi-e-ơ rằng lòng trung-thành mà họ xưng ra không thể giúp ích gì Thầy mình được. Vào lúc ấy, khi tình-trạng của Chúa Jê-sus hầu như vô-vọng, thì lòng dưng-cảm của Phi-e-ơ đã tiêu-tan,

khi người mệt-lả vì một đêm trường thức trắng, lạnh-lẽo và cô-đơn, thì bất-ngờ bị công-kích nên Phi-e-ro phải chịu thất-bại đáng nhớ này.

Đây là câu hỏi hoàn-toàn quen-thuộc đối với chúng ta : Có ai sẵn lòng xưng-nhận rằng mình thuộc về Đấng Christ khi bị kẻ thù của Ngài vây quanh chẳng ? Lời chối đầu-tiên của Phi-e-ro không dứt-khoát hẳn nhưng đậm màu lừa-dối. Phi-e-ro tuyên-bố rằng người không hiểu câu hỏi ấy. Rồi khi chối lần thứ nhì, Phi-e-ro tỏ-về khó chịu và tức-giận ; đã mất can-dảm thì mất luôn tự-chủ, và « người bèn rửa mà thề rằng : Ta chẳng hề quen biết với người mà các người nói đó ! »

Trở tay khinh-bĩ vị sứ-dõ là một điều dễ, nhưng có mặt số ít tin-dõ Đấng Christ, trong những giờ thử-thách ít gay-go hơn, không thật sự chối Chúa bằng lời nói và việc làm khiếp-nhược, dối-trá và thị-dục. Khi Phi-e-ro nghe gà gáy, người bèn nhớ đến lời Chúa báo trước và tình yêu-thương của Chúa nữa, « người trông đến thì khóc. » Đó là những giọt nước mắt hối-hận, dọn đường cho sự tha-thứ và bình-an. Nhiều tin-dõ bị sa-ngã đã từng-trải một phước-hạnh nhỏ được Chúa nhắc-nhờ những giờ thông-công vui-vẻ và hết lòng thờ kính Chúa. Hoàn-niệm ấy đã đem lại những giọt nước mắt ăn-năn cay-đắng, nhưng sau đó, có một buổi sáng huy-hoàng họ gặp mặt Đấng Christ phục-sanh, lại tỏ lòng yêu-thương và sốt-sắng sâu-xa hơn đối với chính-ngĩa của Ngài.

3. Đức Chúa Jêsus trước mặt Phi-lát

Đoạn 15 : 1-15

« 1 Vừa lúc ban mai, các thầy tế-lễ cả bàn-luận với các trưởng-lão, các thầy thông-giáo cùng cả tòa công-luận ; khi đã trối Đức Chúa Jêsus rồi, thì giải nộp cho Phi-lát. 2 Phi-lát hỏi Ngài rằng : Ấy chính người là Vua dân Giu-đa phải không ? Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Thật như lời. 3 Các thầy tế-lễ cả cáo Ngài nhiều điều. 4 Phi-lát lại tra-gạn Ngài, mà rằng : Người chẳng đối-đáp chi hết sao ? Hãy coi họ cáo tội người biết bao nhiêu ! 5 Nhưng Đức Chúa Jêsus chẳng trả lời chi nữa, nên nổi Phi-lát lấy làm lạ.

⁶ Và, hễ đến ngày lễ Vượt-qua, quan vốn quen thói tha cho dân một tên tù, tùy theo dân xin. ⁷ Bấy giờ có một đứa tên là Ba-ra-ba bị tù với kẻ làm loạn, vì trong khi nổi loạn, chúng nó phạm tội giết người. ⁸ Đoàn dân đã lên, bèn xin Phi-lát làm cho mình theo như lệ thường. ⁹ Phi-lát trả lời rằng : Các người muốn ta tha Vua dân Giu-đa cho chăng? ¹⁰ Vì người biết rõ các thầy tế-lễ cả đã nộp Ngài bởi lòng ghen-ghét. ¹¹ Nhưng các thầy tế-lễ cả xui dân xin người tha tên Ba-ra-ba cho mình thì hơn. ¹² Phi-lát lại cất tiếng hỏi rằng : Vậy thì các người muốn ta dùng cách nào xử người mà các người gọi là Vua dân Giu-đa ? ¹³ Chúng lại kêu lên rằng : Hãy đóng đinh nó vào thập-tự-giá ! ¹⁴ Phi-lát nói cùng chúng rằng : Song người này đã làm điều ác gì ? Chúng lại kêu lớn tiếng hơn rằng : Hãy đóng đinh nó vào thập-tự-giá ! ¹⁵ Phi-lát muốn cho đẹp lòng dân, bèn tha tên Ba-ra-ba; và sai đánh đòn Đức Chúa Jê-sus, rồi giao Ngài cho chúng đem đóng đinh trên cây thập-tự. »

Dân Do-thái đã bị bọn La-mã là những kẻ chiến-thắng họ tước đoạt quyền kết-án xử-tử. Vì vậy, khi vừa mờ sáng, một cuộc nhóm-họp đúng nghi-thức hơn của tòa công-luận đã công-nhận quyết-nghị làm trong đêm qua; các nhà cầm-quyền Do-thái giải Đức Chúa Jê-sus đến Phi-lát, vị tổng-đốc La-mã, để người có thể tuyên đọc và thi-hành bản-án tử-hình. Mác chỉ kiểm-điểm lại một phần cuộc xét-xử Chúa trước mặt Phi-lát; nhưng người đã phản-ảnh tất cả những nét chính-yếu của cảnh-tượng ấy; đã-tâm của các nhà cầm-quyền, sự nhẹ dạ của dân-chúng, tinh-thần hèn-nhát của Phi-lát, và trên hết là vẻ oai-phong cao-cả của Chúa Jê-sus. Về đặc-tính của các nhà cầm-quyền thì không cần nét vẽ mới-mẻ nào vì đã được phác-họa lại từ cảnh này đến cảnh khác suốt trọn sách Tin-lành, nhưng trong biến-cố tối trọng này, họ đã phê-trương quyền-hành của họ trên dân-chúng và như vậy đã nhấn mạnh rằng họ mắc tội lạm-dụng lòng tin cậy thiêng-liêng của dân-chúng nơi sự lãnh-đạo và ảnh-hưởng của họ.

Về phần dân-chúng thì thật khó tin họ thay-đổi tinh-cảm và sự chọn-lựa của họ thật là tai-hại. Suốt cả câu

chuyện, họ tỏ ra nhiệt-thành ủng-hộ Chúa Jê-sus ; họ liên-tiếp nhóm-họp quanh Ngài, và vừa rồi, khi Ngài vào thành họ đã vui-mừng tung-hô Ngài là Đấng Mê-si và Vua của họ. Giờ đây, tất cả đều thỉnh-linh thay-đổi. Khi họ đề-nghị thả một tội-nhơn theo như thường-lệ vào kỳ lễ, và Phi-lát đề-nghị thả Chúa Jê-sus, thì họ chọn Ba-ra-ba, là kẻ sát-nhân, và đòi Chúa Jê-sus phải bị đóng đinh. Điều này được giải-thích rằng họ bị nhà cầm-quyền thuyết-phục. Thật khó mà xác-định được những lý-lẽ gì họ đã dùng ; nhưng lịch-sử cũng không ghi chép những thí-dụ đáng thương về tâm-tính phản-bội của đám quần-chúng, về hảo-tâm mơ-hồ của họ, về nguy-cơ qui-phục nhà cầm-quyền vô lương-tâm và về khả-năng chọn một kẻ hủy-diệt sự sống thay vì chọn Cứu-Chúa. Lý-luận của bọn cầm-quyền thật đầy dối-trá vì họ yêu-cầu thả một kẻ phạm tội bội-phản La-mã, tội mà họ đã tố-cáo Chúa Jê-sus.

Dĩ-nhiên, đặc-điểm của cảnh-tượng này đều tập-trung nơi Phi-lát vì người cho ta hình-ảnh đáng thương của một kẻ thiếu can-đảm trong sự xác-tin ; người là một điển-hình bi-thảm về mối nguy-hiểm khi do-dự trong việc vâng theo tiếng gọi của lương-tâm. Khi hoàn-toàn tin chắc sự vô tội của Chúa Jê-sus, người cố gắng hòa-giải với công-ly, nhưng sau cùng sa vào một trọng tội khiến cho danh người trở nên nhơ-nhuốc qua bao nhiêu thế-kỷ Cơ-đốc giáo. Người thừa-nhận rằng chỉ vì ganh-ghét Chúa Jê-sus được dân-chúng mến-chuộng nên các nhà cầm-quyền tố-cáo Ngài phản nghịch La-mã vì tự xưng là Vua. Đáng lẽ, người phải lập tức trả tự-do cho Chúa Jê-sus ; nhưng người muốn làm hài lòng các nhà cầm-quyền và cả dân-sự. Vì vậy, người đề-nghị tha Chúa Jê-sus thay vì Ba-ra-ba ; điều này sẽ làm vui lòng các nhà cầm quyền vì Chúa Jê-sus sẽ bị nhục-nhã vì bị đặt vào địa-vị một tên tội phạm được tha, và điều này cũng sẽ thỏa-mãn dân-chúng đã xưng Chúa Jê-sus là Vua của họ. Phi-lát hoạch-định như vậy ; nhưng người thất-vọng và chán-ghét vì các nhà cầm quyền đã lừa gạt người và xúi-giục dân-chúng yêu-cầu đóng đinh Chúa Jê-sus. Giờ đây, vì hèn-nhát đến tàn-nhẫn, người lại cố-gắng vô ích để thả một tù-nhơn mà người đã công-khai tuyên-bố là vô-tội. Người bắt Chúa Jê-sus chịu khổ-hình đôn-vọt dã-man của La-mã, tưởng rằng điều này sẽ làm thỏa-

măn ác-tâm của những kẻ thù-nghịch Ngài. Nhưng tất cả đều ưỡng công ; quần-chúng càng kêu to hơn đòi đóng đinh nạn-nhân trên thập-tự giá. Sau cùng, do lòng ích-kỷ sợ-sệt rằng mình bị kết-án không trung-thành với La-mã vì che-chở cho một người bị cáo phản-bội, Phi-lát bèn tuyên án tử-hình. Thật ra, người đang tuyên-bố sự thất-bại, sự hồ-thẹn và án tử-hình của chính mình. Người đang nói lên một lời cảnh-cáo nghiêm-khắc cho tất cả những kẻ nào do-dự và chần-chờ khi con đường nhiệm-vụ đã vạch rõ-ràng.

4. Sự đóng đinh Đức Chúa Jê-sus trên thập-tự giá

Đoạn 15 : 16-41

« 16 Linh điệu Đức Chúa Jê-sus vào sân trong, tức là trong chỗ trường-án ; và nhóm cả cơ-binh lại đó. 17 Họ choàng cho Ngài một cái áo điều, và đội trên đầu Ngài một cái mũ bằng gai họ đã đương, 18 rồi chào Ngài rằng : Kính lạy Vua dân Giu-đa ! 19 Lại lấy cây sậy đánh đầu Ngài, nhổ trên Ngài, và quì xuống trước mặt Ngài mà lạy. 20 khi họ đã nhạo-cười Ngài như vậy rồi, thì cởi áo điều ra, mặc áo của Ngài lại cho Ngài, và đem ra để đóng đinh trên cây thập-tự.

21 Có một tên Si-môn kia, người thành Sy-ren, là cha A-léc-xan-đơ và Ru-phu, ở ngoài ruộng về, đi ngang qua đó ; họ bắt phải vác cây thập-tự. 22 Họ đem Đức Chúa Jê-sus đến nơi kia, gọi là Gò-gò-tha, nghĩa là chỗ Sọ. 23 Họ cho Ngài uống rượu hòa với một-được, song Ngài không uống. 24 Khi đóng đinh Ngài trên cây thập-tự rồi, họ chia áo-xống Ngài cho nhau, bắt thăm để biết ai được gì. 25 Lúc đóng đinh Ngài, là giờ thứ ba. 26 Án Ngài có ghi vào cái bảng rằng : Vua dân Giu-đa. 27 Cũng có hai đứa ăn cướp bị đóng đinh với Ngài, một đứa tại cây thập-tự bên hữu Ngài, một đứa tại cây thập-tự bên tả.

28 Những kẻ đi ngang qua đó chế-báng Ngài, lắc đầu mà nói rằng : Ê ! người là kẻ phá đền-thờ, và cất lại trong ba ngày, 27 hãy cứu lấy mình, xuống khỏi cây thập-tự đi ! 30 Các thầy tế-lễ cả và các thầy thông-giáo cũng nói với nhau như vậy, mà nhạo-cười Ngài rằng :

Hắn đã cứu kẻ khác; mà cứu mình không được ! ³² Hỡi Đấng Christ, Vua dân Y-sơ-ra-ên, bây giờ hãy xuống khỏi cây thập-tự, để cho chúng ta thấy và tin ! Hai đứa bị đóng đinh cùng Ngài cũng nhểc-móc Ngài nữa.

³³ Đến giờ thứ sáu, khắp đất đều tối-tăm mù-mịt cho tới giờ thứ chín. ³⁴ Đến giờ thứ chín, Đức Chúa Jêsus kêu lớn tiếng rằng : Ê-lô-i, Ê-lô-i, lam-ma-sa-bách-ta-ni ? Nghĩa là : Đức Chúa Trời tôi ơi, Đức Chúa Trời tôi ơi, sao Ngài lia-bỏ tôi ? ³⁵ Có mấy người đứng đó nghe vậy, thì nói rằng : Cối kia, hắn kêu Ê-li. ³⁶ Có một người trong bọn họ chạy lấy bông-đá thấm đầy giấm, để trên đầu cây sậy, đưa cho Ngài uống, mà nói rằng : Hãy để, chúng ta coi thử Ê-li có đến đem hắn xuống chăng ! ³⁷ Nhưng Đức Chúa Jêsus kêu một tiếng lớn, rồi trút linh-hồn.

³⁸ Màn trong đền-thờ xé ra làm đôi từ trên chỉ dưới. ³⁹ Thấy đội đứng đối ngang Ngài, thấy Ngài trút linh-hồn như vậy, thì nói rằng : Người này quả thật là Con Đức Chúa Trời. ⁴⁰ Lại có những đờn-bà đứng xa xa mà xem. Trong số ấy có Ma-ri Ma-đơ-len, Ma-ri là mẹ Gia-cơ nhỏ, và Giô-sê, cùng Sa-lô-mê, ⁴¹ là ba người đã theo hầu việc Ngài khi Ngài ở xứ Ga-li-lê; cũng có nhiều đờn-bà khác nữa, là những người đã theo Ngài lên thành Giê-ru-sa-lem. »

Phi-lát treo lên thập-tự giá, phía trên đầu Đức Chúa Jêsus một bảng đề : « Vua dân Giu-đa » ; song Mác đã cho chúng ta một câu đề đặt lên trên toàn cái cảnh đóng đinh Chúa Jêsus trên cây thập-tự : « Con người...đã đến... để hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc cho nhiều người. » Câu trước được viết ra để chế-giễu Chúa Jêsus; còn câu sau ít nhất cũng giải-thích được phần nào sự chết mẫu-nhiệm của Ngài.

Sự nhạo-báng vô-tâm được khởi-xương bởi những tên lính mà Phi-lát đã giao cho công-việc đáng hổ-thẹn là thi-hành bản án tử-hình. Họ biết rằng Chúa bị kết-tội vì Ngài xưng mình là vua nên họ khoác lên mình Ngài áo choàng màu điều và đội lên đầu Ngài một mào gai vờn thái-độ tôn-kính đầy chế-giễu và chào Ngài là « Vua dân

Giù-đa » ; đoạn họ đánh-đập Ngài, nhò trên Ngài, và qui xuống lạy Ngài. Đó không những chỉ là sự tàn-ác của bản-tính thô-bỉ của họ mà cũng là sự khinh-miệt cay-nghiệt của dân La-mã đối với dân Do-thái và đối với những niềm hi-vọng của họ về một Đấng Mê-si. Đoạn, khi họ giải Ngài ra để xử-tử thì họ lại si-nhục Ngài bằng cách đóng đinh Ngài giữa hai kẻ trộm cướp, kẻ Ngài vào hàng tội-phạm và bất-lương. Rồi khi Ngài bị treo lên, trong cơn thống-khổ khôn-tả, thì quần-chúng đi ngang qua đó chửi-rủa Ngài và bảo Ngài hãy tự ý cứu mình và xuống khỏi thập-tự giá ; các thầy tế-lễ cả và các thầy thông-giáo nhạo-cười Ngài rằng : « Hẳn đã cứu kẻ khác ; mà cứu mình không được ! » Ngay đến những kẻ trộm cướp sắp chết « cũng nhiecmóc Ngài nữa. » Những lời thóa-mạ này thật chứa đựng một lý-lẽ vô ý-thức vô-cùng !

Phi-lát đã viết tấm bảng kia và binh-lính người đã chế-nhạo Ngài là vua ; thực ra, quyền cai-trị của Ngài vượt xa quyền-lực kiêu-hãnh của La-mã vô-cùng. « Những kẻ đi ngang qua đó » nhạo-báng Ngài về lời dự-ngôn dẫn-chứng sai-lầm về sự tàn-phá của một đền-thờ mà Ngài sẽ cất lại ; nhưng trong ba ngày, đền-thờ thân-thể bị xúc-phạm của Ngài đã hiện ra trong vinh-quang phục-sanh. Lời thóa-mạ của các thầy tế-lễ cả, « hẳn đã cứu kẻ khác mà cứu mình không được ! » Đã nói lên rằng sự hi-sinh của Ngài là một nhu-cầu thiêng-liêng : Ngài phải chết để những kẻ khác được sống.

Đó là ý-nghĩa của sự chết Ngài ; Đấng Hầu việc toàn-năng đang phó mạng sống mình làm « giá chuộc nhiều người. » Những kẻ đứng bên cạnh đã giải-thích sai lời của Ngài : « Đức Chúa Trời tôi ơi, Đức Chúa Trời tôi ơi, sao Ngài lìa-bỏ tôi ? » Tiếng ấy chỉ có thể hiểu được như là tiếng kêu của Đấng vô-tội đang gánh tội-lỗi của thế-gian. Đó là một sự dạy-dỗ về bức « màn trong đền-thờ » bị « xé ra làm đôi » bởi bàn tay thiên-thượng, « từ trên chỉ dưới » ; đó là hình-ảnh về sự chuộc tội, về sự đến gần Đức Chúa-Trời mà Con Ngài « bởi đường mới và sống mà Ngài đã mở ngang qua cái màn, nghĩa là ngang qua xác Ngài. » Điều này cũng giải-thích cử-chỉ của Thống-khôn nhân thiên-thượng đã khiến thầy đội quá cảm-động. Đây

không phải là sự chết của một tiên-tri phạm-nhơn hay người tuấn-đạo. Các tầng trời tối-tăm, đất-đai rung-động, tiếng kêu lớn toàn-thắng và sự trút linh-hồn có tinh-cách một vị Chúa, tất cả đều nói lên cái chết tinh-nguyên, tất cả đều hợp lại để khiến những chứng-nhân ân-cần cùng hiệp một thốt ra câu : « Người này quả thật là Con Đức Chúa Trời. »

Khi quần-chúng tiến về nơi hành-hình, thì họ thấy một người lạ ở Sy-ren bị ép buộc mang cây thập-tự đã làm Cứu-Chúa đờng như đã ngắt-xiêu ; nhưng việc làm hèn-hạ ấy đối với Si-môn là nguyên-do khiến tên tuổi người bất-diệt. Chỉ kể nào tự kết-hợp với thập-tự giá của Đấng Christ, hay vác thập-tự giá mình mà theo Ngài mới có thể dự phần vào sự sống lại và niềm vui-thỏa đời đời của Ngài.

Khi đàn-chúng quay lưng khỏi thập-tự giá thì có thấy đàng xa có vài người đàn-bà đang đứng khóc ; những đàn-bà này ở nán lại để xem thân-thể quý-giá của Chúa được chôn ở đâu ; và họ sẽ là những nhân-chứng đầu-tiên về sự phục-sinh của Ngài. Lòng tin-mộ của họ đã phác-họa một tình yêu-thương khiến sự hầu việc Đấng Christ là một điều vui-thỏa.

5. Sự chôn Chúa

Đoạn 15 : 42-47

« 42 Bấy giờ là ngày sắm-sửa, nghĩa là hôm trước ngày Sa-bát ; khi đã chiều tối, 43 có một người tên là Giô-sép, ở thành A-ri-ma-thê là nghị-viên tòa công-luận có danh-vọng, cũng trông-đợi nước Đức Chúa Trời. Người bạo gan đến Phi-lát mà xin xác Đức Chúa Jesus. 44 Phi-lát lấy làm lạ về Ngài chết mau như vậy, bèn đòi thầy đội đến mà hỏi thử Ngài chết đã lâu chưa. 45 Vừa nghe tin thầy đội trình, thì giao xác cho Giô-sép. 46 Người đã mua vải liệm, cắt xác Đức Chúa Jesus xuống khỏi cây thập-tự, dùng vải liệm vấn lấy Ngài, rồi để xác trong huyết đã đục trong hòn đá lớn, đoạn, lăn một hòn đá chặn cửa huyết lại. 47 Vả, Ma-ri Ma-đơ-len cùng Ma-ri mẹ Giô-sê, đều thấy chỗ táng Ngài. »

Sự chết của Chúa Jêsus chẳng những chấm dứt sự đau-đớn và thống-khổ cho Ngài mà thôi, lại còn là sự sỉ-nhục và thóa-mạ nữa. Những bàn tay yêu-thương đem thân-thề Ngài xuống khỏi thập-tự giá, liệm bằng dầu thơm quý-giá, và đặt trong một ngôi mộ đất tiền. Đó chính là Giô-sép ở A-ri-ma-thê đã tỏ lòng yêu-thương và tôn-kính này. Người có địa-vị và giàu-có, là một nghị-viện trong tòa công-luận tối-cao và là người Do-thái đã từng trông-đợi Đấng Mê-si đến. Trong giờ khủng-hoảng trầm-trọng ấy, người đã không bằng lòng cuộc âm-mưu giết Chúa Jêsus của các bạo trong tòa công-luận. Giờ đây, người liều chịu sự khinh-miệt của dân-chúng và sự oán-hận điên-cường của các nhà cầm quyền ; người bằng lòng trở nên ô-úế theo lẽ-tục bằng cách tiếp-xúc với người chết và vì vậy, mất mọi phần trong ngày đại lễ, khi người bạo gan đến Phi-lát mà xin thi-thề của Chúa và kính-cần đặt vào ngôi mộ đục trong vàng đá của chính mình. Đó là một hành-động do lòng can-đảm và tin-mộ, nhưng Giô-sép đã làm một môn-đồ kín-nhệm và người phải lấy làm ân-hận sâu-xa và đã không bày-tỏ tình yêu của mình khi Chúa còn sống. Tuy vậy, Mác không đề-cập gì đến việc làm môn-đồ kín-đạo này. Điều ấy thích-hợp với mục-đích chính của Mác là tỏ rằng Đấng Hầu việc toàn-năng, Con Đức Chúa Trời đã chết anh-dũng như một vị vua và được chôn cách trọng-thề, trang-nghiêm trong một ngôi-mộ của một kẻ cầm quyền.

VI. SỰ CHÚA SỐNG LẠI

Đoạn 16 : 1-8

« 1 Ngày Sa-bát qua rồi, Ma-ri Ma-dơ-len, Ma-ri mẹ Gia-cơ, cùng Sa-lô-mê mua thuốc thơm dạng đi xức xác Đức Chúa Jê-sus. 2 Ngày thứ nhứt trong tuần-lễ, sáng sớm, mặt trời mới mọc, ba người đến nơi mộ, 3 nói cùng nhau rằng : Ai sẽ lăn hòn đá lấp cửa mộ ra cho chúng ta ? 4 Khi ngó xem, thấy hòn đá đã lăn ra rồi ; vả, hòn đá lớn lắm. 5 Đoạn, họ vào nơi mộ, thấy một người trẻ tuổi ngồi bên hữu, mặc áo dài trắng, thì thất-kinh. 6 Song người nói cùng họ rằng : Đừng sợ chi, các người tìm Đức Chúa Jê-sus Na-xa-rét, là Đấng đã chịu đóng đinh ; Ngài sống lại rồi, chẳng còn ở đây ; hãy xem nơi đã táng xác Ngài. 7 Nhưng hãy đi nói cho các môn-đồ Ngài và cho Phi-e-rơ rằng Ngài đi đến xứ Ga-li-lê trước các người ; các người sẽ thấy Ngài tại đó, như Ngài đã phán cùng các người vậy. 8 Các bà ấy ra khỏi mộ, trốn đi, vì run-sợ sửng-sốt ; chẳng dám nói cùng ai hết, bởi kinh-khiếp lắm. »

Sự phục-sanh của Chúa chúng ta là sự-kiện căn-bản của đức-tin chúng ta. Bằng không thì đạo Cơ-đốc ví như một con suối không nguồn, một hậu-quả không có nguyên-nhân. Trong khi chẳng một ai thấy Cứu-Chúa sống lại thì không một biến-cố lịch-sử nào được chứng-thực. Trong những bằng-chứng mà ai cũng biết, có ngôi mộ trống, có sự hiện đến của Chúa Jê-sus cho những kẻ theo Ngài và lịch-sử của Hội-thánh Ngài.

Biến-cố tối-trọng này có những cảnh-ngộ khác nhau được mỗi soạn-giả sách Tin-lành ghi lại với nhiều chi-tiết dị-biệt. Mác diễn-tả cách linh-động hình-ảnh của những người đàn-bà viếng mộ Chúa và thấy thi-thể Ngài đã mất. Việc viếng mộ của họ do lòng yêu-thương nhưng cũng

do sự không tin ; Thầy đã hứa sẽ sống lại vào ngày thứ ba, song giờ đây, tảng sáng Chúa-nhật họ tiến đến mộ Chúa, mong xúc dầu cho thi-thể Ngài. Họ vừa lo-lắng vừa buồn-rầu vì không biết cách nào dời tảng đá để bước vào mộ. Đó là sự từng-trải thường có trong đời ; họ thấy rằng sự khó-khăn kinh-khủng biến đi trước khi họ gặp phải : Họ « thấy hòn đá đã lăn ra rồi. » Khi vào thì mộ trống trơn ; tuy-nhiên không phải trống hẳn vì một thiên-sứ có mặt ở đó để phán lời giải-thích đầy ngạc-nhiên : « Đừng sợ chi... Ngài sống lại rồi ; chẳng còn ở đây. » Không có lời giải-thích nào khác về ngôi mộ trống. Sự ức-đoán rằng thi-thể đã bị đánh cắp, hay Chúa Jêsus đã không chết thật, hay các môn-đồ tưởng-tượng rằng Ngài đã sống lại hoặc họ bịa-đặt ra sự phục-sanh giả-dối — không có sự ức-đoán nào trên đây được thừa-nhận trừ-phi thuyết hoài-nghi tai-hại hoặc lòng nhẹ dạ trẻ con.

Tuy vậy, sự hiểu-biết lôi-kéo theo trách-nhiệm. Những ai biết về Đấng Christ phục-sanh phải là những chứng-nhân cho Ngài. « Hãy đi nói cho các môn-đồ Ngài và cho Phi-e-rơ. » Họ đều cần biết sứ-mạng ấy và đó là một dấu-hiệu về đặc-ân lựa-chọn Phi-e-rơ là người có tấm lòng nặng-nề nhất. Đoạn, một lời hứa được ban thêm : « Ngài đi qua xứ Ga-li-lê trước các người ; các người sẽ thấy Ngài tại đó. » Sau cùng là một lời quở-trách : « Như Ngài đã phán cùng các người vậy. » Đấng Christ sống lại và Ngài sẽ tái-làm một ngày kia ; chúng ta có hoàn-toàn tin và nhớ lời Ngài chẳng ?

Tất cả cảnh-tượng ấy là một mầu-nhiệm kỳ lạ : Huyệt mở toang, mộ trống-rỗng, vị sứ-giả từ trời và lời bảo-đảm về Chúa đã phục-sanh. Không có gì lạ khi mấy người đàn-bà đều chạy ra khỏi mộ trong sự im lặng sửng-sốt, vì họ « thất-kinh » lắm. Phải chăng sách Tin - lành Mác theo nguyên-bản đã kết-thúc bằng những lời này ? Rất có thể, nhưng chắc-chắn không một ai nên xếp truyện-tích này lại nếu trong đời sống của chính mình chưa có sự tin-tưởng mạnh-mẽ và an-ủi nơi sự phục-sanh, hay chưa thực-sự biết rằng mình đã gặp Đấng Christ hằng sống.

VII. SỰ HIỆN RA VÀ THẮNG-THIÊN CỦA Đấng CHRIST PHỤC-SANH

Đoạn 16 : 9-20

« ⁹ Và, Đức Chúa Jêsus đã sống lại buổi sớm mai ngày thứ nhất trong tuần-lễ, thì trước hết hiện ra cho Ma-ri Ma-đơ-len, là người mà Ngài đã trừ cho khỏi bảy quỷ dữ. ¹⁰ Người đi đem tin cho những kẻ theo Ngài khi trước, và nay đang tang-chế khóc-lóc. ¹¹ Nhưng các người ấy vừa nghe nói Ngài sống, và người từng thấy Ngài, thì không tin.

¹² Kế đó, Đức Chúa Jêsus lấy hình khác hiện ra cho hai người trong bọn môn-đồ đang đi đường về nhà quê. ¹³ Hai người này đi báo tin cho các môn-đồ khác, nhưng ai này cũng không tin.

¹⁴ Sau nữa, Ngài hiện ra cho mười một sứ-đồ đang khi ngồi ăn, mà quở-trách về sự không tin và lòng cứng-cỏi, vì chẳng tin những kẻ từng thấy Ngài đã sống lại. ¹⁵ Ngài phán cùng các sứ-đồ rằng : Hãy đi khắp thế-gian, giảng Tin-lành cho mọi người. ¹⁶ Ai tin và chịu phép báp-têm, sẽ được rỗi ; nhưng ai chẳng tin, sẽ bị đoán-phạt. ¹⁷ Vậy những kẻ tin sẽ được các dấu lạ này : Lấy danh ta mà trừ quỷ ; dùng tiếng mới mà nói ; ¹⁸ bắt rắn trong tay ; nếu uống giống chí độc, cũng chẳng hại gì ; hễ đặt tay trên kẻ đau, thì kẻ đau sẽ lành.

¹⁹ Đức Chúa Jêsus phán như vậy rồi, thì được đem lên trời, ngồi bên hữu Đức Chúa Trời. ²⁰ Về phần các môn-đồ, thì đi ra giảng đạo khắp mọi nơi, Chúa cùng làm với môn-đồ, và lấy các phép lạ cấp theo lời giảng mà làm cho vững đạo.»

Những câu kết của sách Tin-lành này thường được coi như phần phụ-thuộc được ghi thêm bởi một bàn tay khác sau đó. Dù được Mác viết hay không phải Mác thì những lời chứng này đương-nhiên đều thật và tạo một sự kết-luận thích-hợp cho truyện-tích hứng-thú ấy. Đây là những lời chứng ghi lại những lần hiện ra có thật của Đấng Christ, lời truyền dạy cuối-cùng của Ngài, sự thăng-thiên của Ngài và công-việc sau này của các sứ-đồ.

Mác chỉ lựa có ba trong số trên mười lần hiện ra của Đấng Christ sau khi Ngài phục-sanh ; những lần hiện ra ấy được kể lại để chứng-thực biến-cổ đã xảy ra và bày-tỏ rằng các môn-đồ đã tiếp-nhận sự thật chậm-chạp biết bao.

Trước hết, Chúa Jêsus hiện ra cho Ma-ri Ma-đơ-len. Lời khẩu-truyền rằng bà này là một người có tâm-tinh xấu-xa thì thật là vô căn-cứ và tàn-nhẫn. Thật ra, người đã đau-khổ nhiều và Chúa Jêsus đã cứu-giúp người ; lòng biết ơn của người đã làm cho lòng ái-mộ Chúa thêm sâu-xa. Người là kẻ đầu-tiên, cùng với các bạn mình đến nơi mộ trống, và tình yêu sâu đậm của người đối với Chúa đã được đền bù trọn-vẹn. Người đã chạy đi báo cho Phi-e-rơ và Giăng rằng mộ-phần trống-tron, và giờ đây, khi trở về, người gặp Chúa phục-sanh trước tất cả các môn-đồ Ngài. Tình yêu-thương tăng-cường đức-tin và đức-tin dẫn đến sự trông thấy Đấng Christ ; bao giờ cũng đúng như vậy. Tuy-nhiên, khi người báo tin cho các môn-đồ thì họ từ-chối không tin ngay cả một chứng-cớ quá hiển-nhiên như vậy : Khi họ « nghe nói Ngài sống, và người từng thấy Ngài, thì không tin. » (câu 9-11).

Lần hiện ra thứ hai mà Mác đề-cập đến là lần hiện ra với hai môn-đồ trên đường đi đến Em-ma-út ; từng-trái của họ được Lu-ca kể lại từng chi-tiết. Họ đã đồng-hành và nói chuyện với Chúa phục-sanh. Chắc-chắn họ có đủ tư-cách để làm chứng ; « nhưng ai nấy cũng không tin » (câu 12,13).

Sau đó, Chúa Jêsus hiện ra với mười một môn-đồ và quở-trách sự vô-tin của họ, « vì chẳng tin những kẻ từng thấy Ngài đã sống lại. » Lòng họ nghi-ngờ một cách ngoan-

cổ của họ có thể làm cho đức-tin chúng ta mạnh-mẽ thêm. Sự thật về sự phục-sanh mà họ làm chứng và sẵn-sàng từ-bỏ mạng sống mình là một sự thật mà họ chỉ thừa-nhận khi được thuyết-phục bởi lời làm chứng không bác-bỏ được. Bây giờ không thể nào có lý-do hợp-lẽ được nữa cho những kẻ vô-tin thời nay. Khi các môn-đồ chịu thuyết-phục về sự phục-sanh của Ngài, thì Chúa Jêsus bèn truyền cho họ Đại Sứ-mạng này : «Hãy đi khắp thế-gian giảng Tin-lành cho mọi người.» Làm trọn mệnh-lệnh ấy là nhiệm-vụ tối-cao của Hội-thánh ngày nay. Những dấu lạ siêu-nhiên, mà vào thời-đại các môn-đồ là những chứng-cớ về một sự khải-thị mới, giờ đây không cần phải tỏ ra hay cần đến ; nhưng sứ-mạng này của Tin-lành ngày nay cũng cần có những sự xác-nhận long-trọng như vậy ; những ai tin và chịu báp-têm thì được cứu, còn những ai không tin phải bị đoán phạt (câu 14-18).

Sự thăng-thiên của Đấng Christ nối-tiếp tự-nhiên theo sau sự phục-sanh của Ngài, nhưng đó là một biến-cố đặc-biệt và đầy ý-nghĩa. Sau đó Chúa Jêsus mặc lấy hình-thể vinh-hiền thiên-thượng của Ngài, rồi lui vào thế-giới vô-hình, rồi được ban trọn quyền-năng bao-quát trên trời và dưới đất khi Ngài «ngồi bên hữu Đức Chúa Trời» Chẳng có chi lạ khi sứ-đồ «đi giảng đạo khắp mọi nơi», vì Chúa thánh cùng «làm» việc «với môn-đồ, và lấy các phép lạ cặp theo lời giảng mà làm cho vững đạo.» Ngày nay, ở mọi nước, các môn-đồ của Chúa được kêu-gọi cho sự làm chứng trung-tín và hi-sinh hầu việc cho Ngài ; họ ra đi với lòng tin-tưởng nơi quyền-phép vô-hạn và tin-cậy nơi sự đắc-thắng cuối-cùng của Đấng mà Mác đã mô-tả là Đấng Hầu việc toàn-năng, Con Chí-thánh của Đức Chúa Trời chuyên làm phép lạ.